

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

ĐẶNG HOÀNG ANH

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ ĐÊM
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội, Năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

ĐẶNG HOÀNG ANH

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ ĐÊM
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 9310110

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn KH 1: PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Loan
Người hướng dẫn KH 2: TS. Phạm Thị Minh Uyên

Hà Nội, Năm 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án tiến sĩ “*Quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội*” là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các thông tin, dữ liệu, số liệu, các luận cứ sử dụng trong luận án có trích dẫn nguồn gốc rõ ràng. Các kết quả nghiên cứu trong luận án do tôi tiến hành nghiên cứu một cách trung thực, khách quan và chưa từng được công bố trong bất kỳ nghiên cứu nào khác.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những gì cam đoan ở trên.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Nghiên cứu sinh

Đặng Hoàng Anh

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới Ban Giám hiệu, Viện Đào tạo Sau đại học, Bộ môn Quản trị học, Viện Quản trị kinh doanh, Bộ môn Quản lý kinh tế, Khoa Kinh tế Trường Đại học Thương mại đã tạo điều kiện, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới tập thể giáo viên hướng dẫn khoa học bao gồm cô giáo PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Loan và cô giáo TS. Phạm Thị Minh Uyên đã rất tận tình, tâm huyết và trách nhiệm hướng dẫn tôi hoàn thành luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế đã nhận xét, tư vấn hữu ích cho đề tài nghiên cứu đề tôi.

Sau cùng, tôi xin gửi lời biết ơn đến gia đình, đồng nghiệp, bạn bè đã động viên, chia sẻ, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Nghiên cứu sinh

Đặng Hoàng Anh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC HÌNH, HỘP	vii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	viii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	5
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	19
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	20
5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	21
6. Những đóng góp mới của đề tài luận án	28
7. Kết cấu của đề tài luận án	29
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ ĐÊM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ	30
1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của kinh tế đêm.....	30
<i>1.1.1 Khái niệm kinh tế đêm.....</i>	<i>30</i>
<i>1.1.2 Đặc điểm của kinh tế đêm</i>	<i>34</i>
<i>1.1.3 Vai trò của kinh tế đêm</i>	<i>36</i>
1.2. Khái niệm, nội dung và mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế đêm.....	42
<i>1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về kinh tế đêm</i>	<i>42</i>
<i>1.2.2 Mục tiêu của quản lý nhà nước về kinh tế đêm.....</i>	<i>47</i>
<i>1.2.3 Nội dung quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố.....</i>	<i>48</i>
1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố	54
<i>1.3.1. Yếu tố chủ quan</i>	<i>54</i>
<i>1.3.2 Yếu tố khách quan</i>	<i>56</i>
<i>1.3.3. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố.....</i>	<i>60</i>
1.4 Kinh nghiệm thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế đêm của một số địa phương và bài học rút ra cho thành phố Hà Nội	67
<i>1.4.1 Kinh nghiệm của một số địa phương trên thế giới.....</i>	<i>67</i>

1.4.2 Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước.....	75
1.4.3. Bài học kinh nghiệm quản lý nhà nước về kinh tế đêm cho thành phố Hà Nội.....	78
Tiểu kết chương 1.....	80
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ ĐÊM...81	
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....81	
2.1 Khái quát đặc điểm tự nhiên, xã hội và thực trạng một số mô hình hoạt động kinh tế đêm của thành phố Hà Nội.....	81
2.1.1 Khái quát đặc điểm tự nhiên, xã hội của thành phố Hà Nội	81
2.1.2 Thực trạng một số mô hình hoạt động kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội	92
2.2 Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội	99
2.2.1 Thực trạng xây dựng các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế đêm.....	99
2.2.2 Thực trạng tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội	104
2.2.3 Thực trạng kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.....	123
2.3 Kết quả khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	131
2.3.1 Kiểm định thang đo	131
2.3.2 Phân tích nhân tố khám phá (EFA)	131
2.3.3 Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính	134
2.4 Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội	137
2.4.1 Những thành công đạt được	137
2.4.2 Những hạn chế tồn tại	139
2.4.3 Nguyên nhân của những hạn chế tồn tại.....	140
Tiểu kết chương 2.....	142
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ ĐÊM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	143
3.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030.....	143
3.1.1 Bối cảnh quốc tế.....	143
3.1.2 Bối cảnh trong nước.....	144

3.2 Quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội	146
3.3 Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030	147
3.3.1 Hoàn thiện công tác xây dựng các văn bản quản lý kinh tế đêm.....	147
3.3.2 Hoàn thiện tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế đêm	151
3.3.3 Tăng cường kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm	155
3.3.4 Một số giải pháp khác	157
3.4 Một số kiến nghị.....	158
3.4.1 Về hoàn thiện thể chế và cơ chế thí điểm đặc thù	158
3.4.2 Về đổi mới quy hoạch và hạ tầng.....	158
3.4.3 Về chính sách tài khóa và tín dụng ưu đãi	158
3.4.4 Về quản lý lao động và ngành nghề đặc thù	158
3.4.5 Về xúc tiến du lịch và phát triển sản phẩm đêm	159
Tiểu kết chương 3	159
KẾT LUẬN	160
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA NGHIÊN CỨU SINH	
PHỤ LỤC 1	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Thang đo khảo sát các yếu tố ảnh hưởng tới QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội	61
Bảng 2.1: Các văn bản quản lý của TP Hà Nội liên quan đến QLNN về KTĐ.....	99
Bảng 2.2: Kết quả khảo sát nội dung “Xây dựng các văn bản quản lý nhà nước về KTĐ”	102
Bảng 2.3: Các Sở chuyên ngành tham gia quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn TP Hà Nội.....	105
Bảng 2.4: Mức ưu đãi tiền thuê đất theo lĩnh vực xã hội hóa tại Hà Nội	107
Bảng 2.5: Đầu tư hạ tầng phát triển kinh tế đêm giai đoạn 2021-2025	111
Bảng 2.6: Tổng mức đầu tư các tuyến đường sắt của thành phố Hà Nội	112
Bảng 2.7: Điểm du lịch, khu du lịch được công nhận cấp thành phố	116
Bảng 2.8: 15 sản phẩm du lịch đêm tại Hà Nội	117
Bảng 2.9: Tổng thu từ khách du lịch tại thành phố Hà Nội	120
Bảng 2.10: Kết quả khảo sát nội dung quản lý: “Tổ chức QLNN về KTĐ”	121
Bảng 2.11: Công tác kiểm tra ATTP trên địa bàn TP Hà Nội 2022-2024.....	124
Bảng 2.12: Tổng hợp kết quả công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tại Hà Nội (2022-2024)	127
Bảng 2.13: Kết quả khảo sát nội dung quản lý “Kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm”	129
Bảng 2.14: Kết quả tổng hợp các thang đo	131
Bảng 2.15: Kết quả kiểm định KMO và Bartlett’s của biến phụ thuộc	132
Bảng 2.16: Phương sai trích và hệ số Eigenvalue của biến phụ thuộc	132
Bảng 2.17: Hệ số KMO và Bartlett’s của biến độc lập.....	132
Bảng 2.18: Tổng hợp kết quả EFA	133
Bảng 2.19: Kết quả kiểm định giả thuyết.....	135
Bảng 2.20: Mức độ giải thích biến phụ thuộc bởi các biến độc lập trong mô hình.....	135
Bảng 2.21: Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình	136

DANH MỤC HÌNH, HỘP

Hình 1: Khung nghiên cứu luận án	22
Hình 2: Quy trình thu thập dữ liệu sơ cấp.....	25
Hình 1.1: Mô hình nghiên cứu	66
Hình 2.1: Bản đồ phố đi bộ, điểm trông giữ xe, điểm phát wifi quanh hồ Hoàn Kiếm.....	91
 Hộp 2.1: Cơ sở hạ tầng công cộng tại các điểm kinh doanh ban đêm	90
Hộp 2.2: Không gian biểu diễn các sản phẩm văn hoá vào ban đêm	97
Hộp 2.3: Xúc tiến, quảng bá sản phẩm du lịch đêm tại Hà Nội.....	120
Hộp 2.4: Vấn đề an ninh, trật tự đô thị liên quan đến KTĐ.....	125

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Giải nghĩa
1	CQĐP	Chính quyền địa phương
2	CSHT	Cơ sở hạ tầng
3	CSVCKT	Cơ sở vật chất kỹ thuật
4	DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
5	EFT	Economy Transformation Program
6	KTCN	Kinh tế ban ngày
7	KTD	Kinh tế đêm
8	KTTN	Kinh tế tư nhân
9	KTXH	Kinh tế xã hội
10	MICE	Meeting + Incentive + Conference+ Event
11	NSNN	Ngân sách nhà nước
12	PTDL	Phát triển du lịch
13	PTKTD	Phát triển kinh tế đêm
14	QLATTP	Quản lý an toàn thực phẩm
15	QLNN	Quản lý Nhà nước
16	RBS	Tuyên bố dịch vụ đồ uống có trách nhiệm
17	SPDL	Sản phẩm du lịch
18	TCTD	Tổ chức tín dụng
19	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
20	TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
21	TTCK	Thị trường chứng khoán
22	UBND	Ủy ban nhân dân
23	VH,TT&DL	Văn hoá, thể thao và du lịch

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Kinh tế đêm, một lĩnh vực kinh tế năng động và đang phát triển mạnh mẽ trên toàn cầu, bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng diễn ra trong khoảng thời gian ngoài giờ hành chính thông thường. Các hoạt động này rất đa dạng, từ ẩm thực, mua sắm, giải trí đến văn hóa, nghệ thuật và du lịch, tạo nên một không gian kinh tế sôi động và mang lại nhiều giá trị cho xã hội. Kinh tế đêm có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, thu hút du lịch, kích thích tiêu dùng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Khái niệm kinh tế đêm đã xuất hiện vào những năm 1970 ở Anh và bắt đầu phát triển từ những năm 1990 (Bianchini, 1995; Wolifson & Drozdowski, 20172). Theo Andreina Seijas (Andreina Seijas, 2018), KTĐ là các hoạt động khi các hoạt động ban ngày dừng lại, và do đó thời gian của KTĐ diễn ra từ 18 giờ tối hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau. Bản chất của kinh tế đêm và xu hướng hành vi tiêu dùng ban đêm rất đa dạng giữa các quốc gia và thậm chí giữa các địa điểm khác nhau trong một quốc gia. Phát triển “Kinh tế đêm” đã dần trở thành xu hướng tất yếu của các nền kinh tế trên thế giới hiện nay và được xem là một động lực tăng trưởng kinh tế mới cho các quốc gia ở châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan. Tại Anh, khu vực kinh tế đêm đóng góp khoảng 6% GDP với quy mô tương đương 66 tỷ bảng, tạo ra hơn 1,3 triệu việc làm. Trong đó, riêng thành phố London chiếm khoảng 40% về quy mô, tương đương 26,4 tỷ bảng và tạo ra việc làm trực tiếp cho 723.000 lao động và có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn so với mức tăng trưởng chung. Dự báo khu vực kinh tế đêm có thể giúp London thu tương đương 30 tỷ bảng và hỗ trợ trực tiếp cho 100 nghìn việc làm trong nhiều ngành công nghiệp đêm khác nhau vào năm 2030 (London Assembly, 2018). Tại Úc, năm 2017, theo số liệu tính toán của Công ty Tư vấn Deloitte Access Economics, quy mô thị trường kinh tế đêm chiếm khoảng 4% GDP của quốc gia này (tương đương 53 tỉ USD), tạo ra 1,087 triệu lao động (chiếm 9% toàn nền kinh tế) và 106 nghìn doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này (chiếm 5% của toàn nền kinh tế). Theo Hãng Tư vấn A.T.Kearney, với mục tiêu và tiềm năng phát triển du lịch đạt 40 triệu du khách vào năm 2020 và 60 triệu năm 2030, đóng góp của kinh tế đêm của Nhật Bản ước tính lên đến 400 tỷ JPY (tương đương gần 4 tỷ USD) trong Thế vận hội mùa hè Tokyo năm 2020; chi tiêu của du khách cũng sẽ gấp 2 lần so với hiện tại đạt khoảng 8.000 tỷ JPY (tương đương 74 tỷ USD). Tại Trung Quốc, dù mới nhận thức và phát triển KTĐ song song với quy mô dân số và tốc độ tăng trưởng du lịch mạnh mẽ của nước này, việc phát triển kinh

tế đêm được đánh giá sẽ sớm mang về nguồn lợi kinh tế khổng lồ. Theo đánh giá của Học viện Du lịch Trung Quốc (CTA), tiêu dùng ban đêm năm 2018 đã tăng 47% so với năm 2017 (trong khi tiêu dùng ban ngày chỉ tăng 2%). Trước kinh nghiệm thực tiễn phát triển kinh tế đêm của nhiều nước châu Âu và đặc biệt các chính sách mới trong việc thúc đẩy kinh tế đêm với những biện pháp mạnh mẽ kỳ vọng mang lại nhiều hiệu quả cho nền kinh tế, Trung Quốc đang quyết tâm biến KTĐ trở thành “mỏ vàng” thực sự và hiện nay dần là động lực và điểm sáng mới trong tăng trưởng kinh tế, giúp kích thích tiêu dùng, nhu cầu nội địa và tạo việc làm cho người dân của đất nước này. Những chính sách thúc đẩy KTĐ của Trung Quốc đã thu hút sự chú ý của thế giới (Lili, Zhou Haixiang, 2021)

Việt Nam hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển KTĐ: Tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú; văn hóa nghệ thuật và ẩm thực đặc sắc; dân số trẻ đông, sống tập trung tại các thành phố có mức độ hội nhập và toàn cầu hóa cao, thời tiết ban đêm tương đối dễ chịu tạo nên nhiều tiềm năng để Việt Nam phát triển KTĐ. Đặc biệt, Việt Nam có nền chính trị ổn định, rất thuận lợi cho phát triển KTĐ. Trong Bảng xếp hạng các quốc gia an toàn và nguy hiểm nhất thế giới năm 2019 của Tạp chí Global Finance, Việt Nam được xếp thứ 83/128 quốc gia với chỉ số an toàn đạt 11,15 điểm, xếp trên cả Thái Lan. Với nền chính trị ổn định, hiếm khi xảy ra bạo động, tranh chấp lãnh thổ, chỉ số an ninh con người đang ngày càng được cải thiện, Việt Nam có nhiều cơ hội thu hút khách du lịch cả trong nước và quốc tế. KTĐ ít nhiều cũng đã hình thành ở nhiều năm nay và phát triển dưới các loại hình như: Các khu bố đi bộ, khu mua sắm, khu ẩm thực, cửa hàng tiện lợi, chợ đêm, quán bar và một số hoạt động nghệ thuật, giải trí đường phố. Tuy nhiên, hoạt động KTĐ mới chỉ khai thác ở quy mô nhỏ, hoạt động mang tính tự phát riêng lẻ, manh mún tại một số đô thị và trung tâm du lịch lớn như thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hội An... nên chưa trở thành một mô hình kinh tế có đóng góp quan trọng và tăng trưởng kinh tế đất nước thời gian qua.

Xác định KTĐ đóng góp vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế chung, ngày 27 tháng 7 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1129/QĐ - TTg phê duyệt Đề án phát triển KTĐ ở Việt Nam với mục tiêu là khai thác tiềm năng phát triển KTĐ nhằm tận dụng tối đa cơ hội phát triển kinh tế mới, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân; đồng thời hạn chế những rủi ro, tác động tiêu cực đối với công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Có thể thấy, đối với một địa phương tỉnh/thành phố, để KTĐ phát triển hiệu quả và bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích các bên tham gia, thực hiện được các mục tiêu kép về phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn và giữ gìn được những nét độc đáo của văn hoá địa

phương,...cần thiết phải có sự quan tâm quản lý và kiểm soát của nhà nước. Điều này cho thấy vai trò của QLNN về KTĐ của địa phương là cần thiết nhằm định hướng, tổ chức và phối hợp điều tiết các hoạt động trong phát triển KTĐ, giám sát quá trình phát triển KTĐ nhằm đảm bảo hoạt động kinh tế này phát triển phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH của quốc gia, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương và thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương đó.

Thủ đô Hà Nội với hơn 1000 năm văn hiến với nhiều di sản văn hóa, lịch sử, là một điểm đến hấp dẫn cho khách trong nước và quốc tế. Hà Nội có bề dày lịch sử nghìn năm văn hiến với hơn 5000 di tích lịch sử đã được xếp hạng, trong đó có một số di tích được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Có một nền văn hóa nghệ thuật, di sản văn hoá phi vật thể và hơn 1350 làng nghề và làng có nghề mang đậm bản sắc văn hóa của vùng đồng bằng sông Hồng. Hà Nội có nhiều món ẩm thực nổi tiếng (phở nóng, phở cuốn, bún ốc, bún chả, bún thang, xôi khúc, nem rán...), có một không gian đô thị xanh, có nhiều hồ nước, có những khu phố cổ mang đậm bản sắc văn hóa Á - Âu, được thiên nhiên ưu đãi của một vùng khí hậu nhiệt đới. Hà Nội luôn là địa điểm đầu tư an toàn, môi trường chính trị ổn định. UNESCO đã trao tặng Thủ đô Hà Nội danh hiệu “Thành phố vì Hòa bình”. Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/6/2016 của Thành ủy Hà Nội về phát triển du lịch Thủ đô giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2016 của UBND Thành phố về phát triển du lịch thành phố Hà Nội năm 2016, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 24/8/2016 về tổ chức thí điểm không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận, trong đó thời gian hoạt động từ 19 giờ ngày thứ Sáu đến 24 giờ ngày Chủ nhật hàng tuần; thực hiện thí điểm từ ngày 01/9/2016 đến hết năm 2016. Thực hiện chủ trương của Thành ủy, UBND thành phố Hà Nội, từ tháng 9/2016 đến nay, UBND quận Hoàn Kiếm đã triển khai tổ chức thí điểm mở rộng giới hạn thời gian kinh doanh đến 2 giờ sáng từ 19 giờ ngày thứ Sáu đến 24 giờ ngày Chủ nhật đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ trên địa bàn quận Hoàn Kiếm... Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 5/1/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2021. Đề án Phát triển KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội là một nhiệm vụ nghiên cứu được đưa ra tuyển chọn.

Như vậy, phát triển KTĐ là tất yếu, phù hợp với xu hướng quốc tế, đồng thời mang lại cơ hội và động lực mới cho nền kinh tế, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, tăng công suất hữu dụng cho các cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải. Hà Nội có tiềm năng rất lớn cho phát triển KTĐ, nhưng tiềm năng này chưa được khai thác hiệu quả. Bên cạnh đó, phát triển KTĐ đang phải đối diện với những

hạn chế, rủi ro tiềm ẩn: Tiêu tốn một khoản chi phí xã hội không mong muốn như chi phí chăm sóc sức khỏe, chi phí bảo vệ môi trường, chi phí lắp đặt hệ thống chiếu sáng, hệ thống camera giám sát. Một trong những cản trở của KTĐ là tiếng ồn. Bởi một số dịch vụ vui chơi giải trí ban đêm có âm thanh hoạt động công suất cao suốt đêm đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến du khách và sinh hoạt, nghỉ ngơi về đêm người dân địa phương tại các khu vực xung quanh, dẫn đến ảnh hưởng tới sức khỏe, tinh thần và trong nhiều trường hợp đã ảnh hưởng đến năng suất lao động. Bên cạnh đó là sự xuất hiện chênh lệch điều kiện kinh tế - xã hội, lai căng văn hóa, chiếm dụng trái phép không gian công cộng, rủi ro về cháy nổ, quá tải về dịch vụ công, ô nhiễm môi trường; tình trạng phát sinh chát chém, ép giá, đe dọa, giữ gìn vệ sinh môi trường, duy trì an toàn giao thông, an ninh - trật tự xã hội.

Để giải quyết vấn đề này, QLNN về KTĐ của thành phố có vai trò vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay công tác quản lý nhà nước về KTĐ cũng còn nhiều hạn chế dẫn đến tiềm năng phát triển của lĩnh vực này chưa được phát huy một cách triệt để. Một trong những hạn chế lớn nhất là thiếu cơ chế điều phối hiệu quả giữa các cơ quan quản lý. Hiện nay, có nhiều đơn vị tham gia vào quản lý KTĐ như Sở Du lịch, Sở Công Thương, Sở Văn hóa và Thể thao, Công an Thành phố và UBND các cấp, tuy nhiên, sự phối hợp giữa các đơn vị này còn lỏng lẻo, thiếu đồng bộ. Điều này dẫn đến tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động và tạo ra sự không nhất quán trong quản lý. Bên cạnh đó, chưa có các chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển KTĐ một cách bài bản. Các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này chưa nhận được sự hỗ trợ tương xứng về thuế, phí, mặt bằng, tín dụng và đào tạo nguồn nhân lực. Điều này làm giảm động lực đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động, hạn chế sự đa dạng và nâng cao chất lượng của các sản phẩm, dịch vụ KTĐ. Đồng thời, các vấn đề phát sinh từ hoạt động KTĐ như an ninh trật tự, ô nhiễm tiếng ồn, vệ sinh môi trường... chưa được giải quyết một cách hiệu quả. Các biện pháp kiểm soát và xử lý vi phạm còn thiếu tính răn đe, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng và thiếu các giải pháp phòng ngừa chủ động. Chính vì vậy, trong thời gian tới, để KTĐ của thành phố Hà Nội phát triển hiệu quả, góp phần phát triển KT-XH của thành phố, cần có các biện pháp để tăng cường QLNN đối với KTĐ của thành phố, trong đó, vai trò của chính quyền địa phương thành phố là rất quan trọng.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, NCS đã lựa chọn nghiên cứu đề tài luận án ***“Quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội”*** làm đề tài luận án tiến sĩ kinh tế nhằm phát triển KTĐ, góp phần phát triển KT-XH thành phố Hà Nội và của đất nước.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1 Các công trình nghiên cứu liên quan đến kinh tế đêm

Khái niệm KTĐ, ban đầu được liên kết với những người tham gia vào các hoạt động uống rượu và giải trí ban đêm và thường bị giới hạn đối với “nền kinh tế hỗn loạn”. Qua thời gian, thuật ngữ này được hình thành để chỉ ra các hoạt động kinh tế về đêm mà đại diện thường thấy nhất là các hoạt động của các quán bar, câu lạc bộ,... được xem như là các phương tiện để tái tạo các khu vực nội thành (Talbot, 2007). Mặc khác, thuật ngữ KTĐ còn được xem như là “các lễ hội, các sáng kiến văn hoá nhằm đưa mọi người trở lại thành phố, phát triển hoạt động văn phòng và dân cư, kết hợp hoặc đồng nhất vào hoạt động của các cơ sở trung tâm văn hoá,...nhằm quảng bá thành phố như một môi trường sống văn hoá sôi động, ý tưởng về cuộc sống về đêm của thành phố, một lĩnh vực vui chơi, xã hội hoá, gặp gỡ ban đêm (Lovatt và O'Connor, 1995). Roberts và Turner (2005), trong nghiên cứu về phố Old Crompton ở Soho, London đã chỉ ra rằng khi giải trí về đêm phần lớn là các hoạt động của người đi bộ, phương tiện giao thông, các loại tiếng ồn, các ứng xử về văn hoá khác nhau và các cơ sở hoạt động liên tục 24h trong ngày. Các cơ sở giải trí về đêm như quán bar, câu lạc bộ, quán cà phê vỉa hè....đóng vai trò kết nối du khách vào các hoạt động về đêm. Trong nghiên cứu này, việc mở rộng nền KTĐ đã trở thành một vấn đề tranh cãi trong các khu phố có dân cư sinh sống về các ảnh hưởng tiêu cực của KTĐ.

Hiện vẫn chưa có khái niệm thống nhất về KTĐ. Việc xác định giới hạn lĩnh vực và thời gian hoạt động KTĐ còn có sự khác nhau giữa các quốc gia. KTĐ, theo nghĩa rộng, gồm tất cả các hoạt động xã hội, văn hóa và sản xuất diễn ra trong khung thời gian ban đêm. Tại Úc, KTĐ bao gồm các hoạt động kinh doanh nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho con người vào ban đêm. Theo nghĩa hẹp, KTĐ là tập hợp các hoạt động của nền kinh tế - văn hóa diễn ra vào ban đêm, chủ yếu là các hoạt động trải nghiệm mang tính giải trí (không bao gồm ngành công nghiệp mại dâm). Tại Mỹ, KTĐ gồm 05 lĩnh vực chính gồm: Nghệ thuật, quán bar, dịch vụ ẩm thực, thể thao và giải trí. Phần lớn các quốc gia châu Âu đều quan niệm KTĐ theo nghĩa hẹp và xác định khung giờ hoạt động KTĐ từ 6 giờ chiều hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau.

Trong nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Sơn (2022) đã định nghĩa KTĐ là các hoạt động kinh doanh đặc thù, nhằm thúc đẩy tiêu dùng và phát triển du lịch thông qua tập trung phát triển các lĩnh vực dịch vụ văn hoá, vui chơi giải trí, ăn uống, mua sắm và du lịch diễn ra sau 18 giờ cho đến 6 giờ sáng hôm sau. Cùng quan điểm, Andreina (2018) cũng cho rằng KTĐ là các hoạt động khi các hoạt động ban ngày dừng lại, và do đó thời gian của KTĐ bắt đầu từ 18h chiều hôm trước đến 6h sáng hôm sau.

Vũ Văn Hà, Lê Thị Thu Hương (2023) cho rằng KTĐ không phải là bộ phận tách rời của nền kinh tế. Phát triển KTĐ nhằm thúc đẩy tiêu dùng trong nước và phát triển du lịch. KTĐ tập trung phát triển các hoạt động dịch vụ diễn ra từ 6 giờ tối hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau, như dịch vụ văn hóa, vui chơi, thể thao, giải trí, dịch vụ ăn uống, mua sắm, du lịch, lễ hội, sự kiện gia đình. Thông thường, KTĐ được chia thành “kinh tế buổi tối” (từ 06 giờ tối hôm trước đến 0 giờ sáng hôm sau) và “KTĐ muộn” (từ 0 giờ sáng đến 06 giờ sáng).

Nghiên cứu của Rowe, D., & Bavinton, N. (2011) đã trình bày khái niệm về KTĐ xuất hiện ở Anh vào những năm 1990 trong bối cảnh hình thành các chiến lược chống lại sự phi công nghiệp hoá và suy giảm kinh tế nội đô. Tác giả cũng đề cập đến sự đa dạng tập quán văn hóa của cuộc sống về đêm ở thành thị. Mặc dù KTĐ phát triển theo hướng tích cực, đa dạng về giải trí, việc làm cho địa phương nhưng phần lớn các dịch vụ giải trí ban đêm tập trung vào hoạt động tiêu thụ rượu, bia.

Nghiên cứu thực địa cho thấy phát triển KTĐ đem lại rất nhiều lợi ích, nghiên cứu của Bùi Thị Liên (2020) phân tích lợi ích mà phát triển KTĐ có thể mang lại cho Việt Nam. Điều này có thể bao gồm tạo việc làm thêm, tăng thu ngân sách, thu hút du lịch và khách du lịch quốc tế, tăng cường sự phát triển của các ngành công nghiệp dịch vụ và cải thiện hạ tầng đô thị. Bài viết đề cập đến những thách thức và rủi ro tiềm ẩn khi phát triển KTĐ ở Việt Nam: Liên quan đến an ninh, an toàn, ồn ào, ô nhiễm môi trường, tác động đến cuộc sống cộng đồng, vấn đề xung đột giữa các lợi ích khác nhau và sự quản lý không hiệu quả. Tác giả cũng đề xuất và khuyến nghị các giải pháp và khuyến nghị nhằm tận dụng tiềm năng của KTĐ và đồng thời giảm thiểu các rủi ro và tác động tiêu cực.

Bùi Nhật Quỳnh, Thân Trọng Thủy (2017) phân tích các điều kiện phát triển sản phẩm du lịch đêm ở Hà Nội bao gồm khí hậu, hệ thống các cửa hàng mở cửa về đêm, trào lưu tiêu dùng các sản phẩm du lịch đêm, hành vi tiêu dùng du lịch của bộ phận giới trẻ, nhu cầu của khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế. Tác giả cũng chỉ ra lợi thế của những sản phẩm du lịch đêm ở Hà Nội hiện nay bao gồm: Các sản phẩm lưu niệm, hàng nông sản được bày bán tại chợ đêm, các chương trình nghệ thuật biểu diễn buổi đêm thu hút nhiều du khách tham gia, hoạt động vui chơi giải trí tại các quán bar, pub, cafe cũng là một lựa chọn cho du khách, ẩm thực vẫn luôn là một trong những nét đặc trưng của Hà Nội. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 100 khách quốc tế, 40 khách nội địa nhằm đánh giá về nhu cầu của khách du lịch đối với các sản phẩm du lịch đêm thông qua khảo sát bằng bảng hỏi. Kết quả điều tra cho thấy khách du lịch có xu hướng ưa thích tham gia các hoạt động du lịch vào buổi đêm tại Hà Nội

(với hơn 90% số khách lựa chọn). Trong đó, khu vực quanh phố cổ Hà Nội được nhiều du khách ưa thích nhất, bởi nơi đây tập trung nhiều nhà hàng, khách sạn và các chương trình biểu diễn nghệ thuật như Rạp Múa rối nước, các quán bar ở quanh Tạ Hiện, khu chợ đêm Hàng Ngang - Hàng Đào - Đồng Xuân, các cửa hàng tiện lợi Circle K, các quán ăn nhanh KFC và Popeyes, các quán ăn vỉa hè và quán Café ở Hàm Cá Mập.

Vũ Văn Hà, Lê Thị Thu Hương (2023) cho thấy KTĐ đem đến nhiều lợi ích kinh tế từ góp phần tái cấu trúc ngành công nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm, nguồn thu nhập mới cho địa phương và cho quốc gia; tái thiết, phát triển khu vực đô thị và các khu vực không được sử dụng trong khoảng thời gian nhất định trong ngày; khuyến khích tiêu dùng nội địa và tạo nguồn thu thuế cho địa phương; nuôi dưỡng ngành du lịch, thu hút khách du lịch. Bên cạnh đó, phát triển KTĐ trong lĩnh vực du lịch góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh du lịch, kéo dài ngày lưu trú, tăng mức chi tiêu trung bình và sự hài lòng của du khách. Bên cạnh đó, các hoạt động giải trí vào ban đêm giúp người dân cảm thấy hạnh phúc, vui vẻ hơn và thành phố sống động hơn. Phát triển KTĐ không chỉ giúp người dân tăng thu nhập, mà dịch vụ vui chơi giải trí cũng “cắt cánh”⁵. Do đó, KTĐ càng được đầu tư đa dạng và phong phú, thì càng có khả năng giữ chân được du khách.

Chợ đêm là một trong những mô hình kinh doanh bán lẻ của các tiểu thương nhằm tạo không gian, điều kiện mua sắm hàng hoá tiêu dùng, thời trang, tạo điểm nhấn thu hút khách và người dân địa phương tham gia, thư giãn vào buổi tối. Nguyễn Phú Thịnh, Huỳnh Trường huy (2014) đã đánh giá về mô hình chợ đêm trên địa bàn quận Ninh Kiều, TP Cần thơ thông qua khảo sát 147 đáp viên và có được kết luận về sự cần thiết của mô hình hoạt động chợ đêm và chỉ ra những vấn đề còn tồn tại đó là kiểm tra tình hình giá cả, hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc, vấn đề an ninh trật tự tại khu vực chợ đêm có chiều hướng phức tạp, sản phẩm kinh doanh còn đơn điệu, chưa thật sự hấp dẫn, thiếu vắng những sản phẩm đặc trưng của địa phương.

Trần Quốc Thái (2006) giới thiệu những hoạt động vui chơi – giải trí vào ban đêm dành cho khách du lịch quốc tế. Tác giả giới thiệu về các địa điểm giải trí phổ biến mà du khách quốc tế có thể tham gia vào ban đêm như các quán bar, nhà hàng, sòng bạc, phòng hát karaoke, hoặc các khu vui chơi giải trí khác như công viên giải trí, rạp chiếu phim, hay trung tâm thể thao. Tác giả cũng đề cập đến các hoạt động văn hóa đặc trưng mà du khách quốc tế có thể tham gia vào buổi tối như múa dân gian, ca nhạc truyền thống, múa rối nước, hoặc tham gia vào các lễ hội địa phương. Bài viết giới thiệu về các khu vực mua sắm và thị trường đêm mà du khách quốc tế

có thể khám phá vào buổi tối như các khu phố, chợ nổi tiếng, các trung tâm mua sắm cao cấp, hay thị trường đêm nơi du khách có thể tìm mua đặc sản địa phương và hàng thủ công.

Thanh Trần (2020) đã đề xuất để phát triển KTĐ, bao gồm các chương trình khuyến khích, ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính và đầu tư vào hạ tầng cần thiết cho hoạt động KTĐ. Bài viết nêu các ví dụ và kinh nghiệm từ các thành phố hoặc khu vực ở Việt Nam đã thành công trong phát triển KTĐ và chỉ ra những tiềm năng phát triển của KTĐ để từ đó nhân rộng mô hình này sang các tỉnh, thành phố khác. Tác giả cũng đề xuất các biện pháp và khuyến nghị cụ thể để Việt Nam phát triển KTĐ. Cụ thể liên quan đến cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường quảng bá và tiếp thị du lịch ban đêm, đầu tư vào hạ tầng và công nghệ, và cải thiện an ninh và an toàn cho hoạt động KTĐ.

Ernst & Young (2014) đưa ra các số liệu nghiên cứu ngành công nghiệp về đêm tại Anh đóng góp khoảng 6% GDP với quy mô xấp xỉ 66 tỷ bảng, tạo ra hơn 1,25 triệu việc làm. Trong đó, riêng thành phố London chiếm khoảng 40% quy mô ngành công nghiệp về đêm của nước Anh, tương đương 26,4 tỷ bảng và tạo ra việc làm trực tiếp cho 723.000 lao động. Trong đó, những lĩnh vực thu hút nhiều lao động nhất 91.125 lao động trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn; 101.282 lao động trong lĩnh vực y tế, dịch vụ công; lao động trong lĩnh vực vận chuyển, kho là cao nhất 107.136 lao động. Bên cạnh đó, KTĐ của London đã đóng góp 40,1 tỷ bảng, chiếm 12% GDP của nước Anh. Trong đó ngành Logistics và phân phối đóng góp 7,8 tỷ bảng, cao nhất trong 08 ngành được xét bao gồm: Dịch vụ tài chính chuyên nghiệp; quản lý cơ sở vật chất; logistics và phân phối; Lưu trú và ăn uống; Thông tin liên lạc; Bán lẻ; Dịch vụ y tế và dịch vụ công; Vui chơi giải trí.

Bên cạnh những tiềm năng thuận lợi, phát triển KTĐ cũng phải đối mặt với nhiều thách thức đặt ra. Lê Mạnh Hùng (2021) cho rằng hiện nay, KTĐ của Việt Nam còn nghèo nàn và đơn điệu, chưa phát triển được thương hiệu nổi bật hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước. Hoạt động KTĐ mới chỉ được khai thác ở quy mô nhỏ, mang tính riêng lẻ, manh mún tại một số khu vực, chưa tạo được dấu ấn. Đây là một trong những lý do khiến doanh thu du lịch và mức chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam thấp so với các thị trường khác. Chẳng hạn, trên địa bàn quận Hoàn Kiếm (Hà Nội), năm 2016, doanh thu của các hộ kinh doanh mở cửa đến 2 giờ sáng tăng hơn 50%, nhưng đến năm 2018 chỉ tăng khoảng 30%, khiến số hộ đăng ký hoạt động ban đêm ngày càng giảm xuống. Du khách, đặc biệt là khách quốc tế cảm thấy thiếu hấp dẫn vì đến Việt Nam không có nhiều lựa chọn để vui chơi, thư giãn về đêm (Tô Hà, 2021). Hơn nữa, sự phát triển của KTĐ vô tình có thể trở thành môi trường thuận lợi

làm gia tăng các loại tội phạm và kéo theo những tệ nạn xã hội phổ biến, như: mại dâm, ma túy, cờ bạc... gây khó khăn cho các nhà quản lý xã hội. Chẳng hạn, lượng tiêu thụ đồ uống chứa cồn có xu hướng gia tăng khi phát triển KTĐ. Các vụ vi phạm về an toàn giao thông và gây rối trật tự công cộng cũng có nguy cơ diễn ra như một hệ lụy của việc lạm dụng rượu bia và sử dụng các đồ uống có cồn. Những hiện tượng này tiềm ẩn nhiều nguy cơ, gây phức tạp về tình hình an ninh trật tự và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng. Không chỉ vậy, hoạt động KTĐ còn tạo ra vấn nạn ô nhiễm tiếng ồn, ánh sáng, rác thải; rủi ro phòng cháy chữa cháy, tình trạng chiếm dụng trái phép không gian công cộng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó còn là áp lực về cung cấp hệ thống hạ tầng thiết yếu, như: xử lý chất thải, cung cấp điện, nước... giám sát các vấn đề vệ sinh, an toàn thực phẩm, kiểm soát chất lượng hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, giá cả hàng hóa...

Đỗ Hiền Hòa (2015) đã đánh giá thực trạng các điều kiện về cơ sở hạ tầng, an ninh xã hội để phát triển hoạt động du lịch về đêm ở thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, đưa ra những thuận lợi và hạn chế trong việc phát triển du lịch đêm ở địa phương này. Từ đó, đề xuất những giải pháp: quảng bá hình ảnh du lịch đêm, đảm bảo an ninh trật tự địa phương, quản lý các hoạt động về đêm và kiến nghị cho các sở ban ngành trong thời gian đến phát triển hiệu quả KTĐ, góp phần vào phát triển kinh tế chung của địa phương. Qua đó, luận án kế thừa được một số cơ sở lý thuyết về KTĐ, về phát triển hoạt động du lịch của KTĐ và một số bài học kinh nghiệm rút ra cho TP Hà Nội về quảng bá hình ảnh du lịch đêm, đảm bảo an ninh trật tự.

Roberts and Turner's (2005) chỉ ra rằng khu giải trí về đêm phần lớn là các hoạt động của người đi bộ, phương tiện giao thông, các loại tiếng ồn, các ứng xử về văn hóa khác nhau và giờ mở cửa của các cơ sở liên tục 24 giờ trong ngày. Các cơ sở giải trí về đêm như quán bar, câu lạc bộ, quán café vỉa hè... đóng vai trò kết nối du khách vào các hoạt động về đêm. Việc mở rộng nền KTĐ đã trở thành một vấn đề tranh cãi trong các khu phố có dân cư được thành lập. Nghiên cứu đề xuất các trung tâm hoạt động đêm khuya phải có những quy định về kinh doanh, an ninh, thời gian hoạt động và quản lý cẩn thận chặt chẽ để khu dân cư sống thoải mái.

Piotr Zmyslony and Robert Pawlusinski (2019) mô tả tiến triển của mối quan hệ giữa du lịch và thời gian ban đêm nền kinh tế (NTE) từ năm 1946 đến năm 2015. Bài báo đề xuất logic vòng phản hồi để giải thích mối quan hệ giữa NTE và phát triển du lịch. Nó ghi nhận sự biến động của các vòng lặp tích cực và tiêu cực trong quá khứ và sự thống trị của các vòng phản hồi tích cực trong tương lai, dẫn đến entropy của ngành du lịch và ở mức độ thấp hơn của NTE. Theo nghiên cứu, các yếu tố công nghệ, kinh tế và môi trường kích hoạt các phản hồi tích cực, trong khi các

yếu tố về chính trị, xã hội và thị trường phản hồi tiêu cực. Chọn lọc đánh giá tài liệu và tóm tắt từ tác động của các ngành công nghiệp khác đối với vòng lặp phản hồi là những hạn chế của nghiên cứu quan điểm này.

Tim Schwanen, Irina van Aalst, Jelle Brands, Tjerk Timan (2012) đã nghiên cứu về sự bất bình đẳng của du khách sống ở khu vực công cộng và các khu phố đêm của trung tâm thành phố Groningen, Utrecht và Rotterdam của Hà Lan. Trong đó, sự bất bình đẳng về giới tính được quan tâm nhiều hơn trong các hoạt động về đêm ở các khu vực này. Ở các thành phố xem xét, sự bất bình đẳng về sắc tộc ở những khung giờ về đêm có sự xung đột mạnh hơn các khung giờ khác. Các giải pháp đầy mạnh tuyên truyền về điều hòa giữa các sắc tộc và giới tính được xác định, bao gồm thay đổi cả giờ mở cửa và quản lý chặt chẽ những nơi hay tụ tập vui chơi, giải trí nhằm giảm thiểu sự bất bình đẳng trong các hoạt động về đêm.

Kinh nghiệm phát triển KTĐ tại một số thành phố trên thế giới và ở Việt Nam. Hoạt động KTĐ đã được tổ chức với nhiều loại hình, quy mô hoạt động khác nhau tại một số quốc gia trên thế giới và một số tỉnh thành tại Việt Nam. Nguyễn Thị Thu Trang (2020) phân tích và so sánh và chỉ ra thành công và thất bại trong việc thúc đẩy hoạt động kinh tế vào ban đêm, từ các thành phố sầm uất như New York, Sydney, London, cho đến các quốc gia như Nhật Bản, Trung Quốc, ... Bài viết phân tích những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam trong việc phát triển KTĐ đồng thời đưa ra những đề xuất cụ thể và khả thi để phát triển KTĐ tại Việt Nam. Điều này có thể bao gồm các biện pháp chính sách và quy định hỗ trợ, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đầu tư vào hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng, tăng cường an ninh và an toàn, và thúc đẩy tiếp thị và quảng bá du lịch ban đêm. Tô Hà (2021) tập trung chỉ ra tiềm năng phát triển cũng như các lợi ích và rủi ro từ mô hình KTĐ tại một số thành phố lớn của Việt Nam: TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, đồng thời đề xuất một số giải pháp phát triển mô hình KTĐ dưới góc độ các chính sách quản lý của Chính phủ.

Trịnh Thị Thanh Thủy, Đỗ Kim Chi, Đặng Thanh Phương (2019) đã chỉ ra ví dụ về các quốc gia nổi tiếng với KTĐ phát triển, ví dụ như Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ hoặc Singapore. Bài viết đánh giá những lợi ích của phát triển KTĐ, như tạo ra việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy du lịch và tăng cường sự hấp dẫn của một đô thị. Tác giả cũng đề cập đến các thách thức và vấn đề cần quan tâm như an ninh, ô nhiễm âm thanh, tăng cường quản lý giao thông và đảm bảo an toàn cho cư dân.

Vũ Đức Thanh (2006) giới thiệu các hoạt động nhộn nhịp tại khu phố Tây - thành phố Hồ Chí Minh – trong thời gian từ nửa đêm về sáng, chỉ ra những tiềm năng phát triển kinh tế của thành phố trên cơ sở phát triển các loại hình dịch vụ du lịch, ăn

uống, vui chơi giải trí,... tác giả đề cập đến những thách thức và cơ hội mà khu vực "Phố Tây" đối diện, bao gồm quản lý an toàn, quản lý môi trường, và quản lý phát triển bền vững của nó.

Phương Nguyễn (2006) giới thiệu hoạt động du lịch đêm phố cổ Hội An qua góc nhìn của một khách du lịch, về trải nghiệm độc đáo và hấp dẫn của việc khám phá phố cổ Hội An vào ban đêm. Bài viết giới thiệu về các điểm đến nổi tiếng trong phố cổ Hội An, như cầu Nhật Bản, Chùa Cầu, Quảng trường sông Hoài, và các ngôi nhà cổ. Ngoài ra, bài viết đề cập đến các hoạt động du lịch khác tại Hội An, như ghé thăm các làng nghề truyền thống gần đó (như làng gốm Thanh Hà), tham gia lớp học nấu ăn, hoặc tham quan các di tích lịch sử và văn hóa quan trọng.

Phát triển KTĐ là tất yếu, phù hợp với xu hướng quốc tế, đồng thời mang lại cơ hội và động lực mới cho nền kinh tế, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, tăng công suất hữu dụng cho các cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải. Tuy nhiên, phát triển KTĐ đang phải đối diện với những hạn chế, rủi ro. Vũ Văn Hà, Lê Thị Thu Hương (2023) chỉ ra một trong những cản trở của KTĐ là tiếng ồn. Bởi một số dịch vụ vui chơi giải trí ban đêm có âm thanh hoạt động công suất cao suốt đêm đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến du khách và sinh hoạt, nghỉ ngơi về đêm người dân địa phương tại các khu vực xung quanh, dẫn đến ảnh hưởng tới sức khỏe, tinh thần và trong nhiều trường hợp đã ảnh hưởng đến năng suất lao động. Các doanh nghiệp ở trung tâm thành phố có thể cũng phải chịu các chi phí liên quan đến sửa chữa các thiệt hại nhỏ do hành vi phá hoại của những người tham gia hoạt động ban đêm. Bên cạnh đó là sự xuất hiện chênh lệch điều kiện kinh tế - xã hội, lai căng văn hóa, chiếm dụng trái phép không gian công cộng, rủi ro về cháy nổ, quá tải về dịch vụ công, ô nhiễm môi trường; tình trạng phát sinh chát chém, ép giá, đe dọa, giữ gìn vệ sinh môi trường, duy trì an toàn giao thông, an ninh - trật tự xã hội. Những rủi ro tiềm ẩn khác có thể xuất hiện khi phát triển KTĐ như: Xuất hiện vi phạm về an toàn giao thông và gây rối trật tự công cộng. KTĐ có thể vô tình trở thành môi trường thuận lợi, làm gia tăng các loại tội phạm và kéo theo những tệ nạn xã hội phổ biến như mại dâm, buôn bán ma túy, trộm cắp, cướp bóc. Lợi dụng điều kiện ban đêm, các tụ điểm ăn chơi tiến hành tổ chức môi giới mại dâm, massage thiếu lành mạnh và nhiều hình thức giải trí có tính đồi trụy, lệch lạc khác. Những hiện tượng này tiềm ẩn nhiều nguy cơ, gây phức tạp về tình hình an ninh trật tự và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng.

Xinhua (2019) cho thấy Trung Quốc đưa ra các biện pháp thúc đẩy KTĐ trong bối cảnh kinh tế nước này tăng trưởng thấp do ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc chiến thương mại với Mỹ. Có 10 con phố với các hàng ăn ban đêm, 16 chợ đêm và các cửa

hàng tiện lợi mở 24/7 tại Bắc Kinh sẽ là những nơi đầu tiên nhận được trợ cấp để thúc đẩy hoạt động kinh doanh ban đêm. Theo đó, các khu phố ban đêm sẽ nhận được khoảng hơn 700.000 USD dành cho việc phát triển kinh doanh, các hộ kinh doanh riêng lẻ sẽ có thể được hỗ trợ tới hơn 70.000 USD. Ngoài ra, các dịch vụ giao thông công cộng như tàu điện cũng đã được tăng tuyến, tăng thời gian phục vụ trong đêm. Tại Bắc Kinh, từ tháng 5 đến 10 hàng năm, các phương tiện giao thông công cộng sẽ kéo dài thời gian hoạt động khoảng 1 tiếng rưỡi các ngày thứ 6 và thứ 7, đặc biệt là các tuyến đi qua những con đường kinh doanh sầm uất vào ban đêm. Hiện nay, các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Thiên Tân, Trùng Khánh đều đã ban hành các chính sách đẩy mạnh phát triển KTĐ, nhất là việc bảo đảm an ninh, giao thông, hạ tầng thoát hiểm, dịch vụ công cộng... Nhiều thành phố đã kéo dài thời gian mở cửa của các điểm du lịch nổi tiếng, tăng thêm các tuyến tàu điện và giao thông công cộng về đêm, giảm giá điện phục vụ chiếu sáng ban đêm... nhằm tạo điều kiện cho người dân tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí trải nghiệm ban đêm.

Các nghiên cứu ngoài nước phần lớn đề cập đến các hoạt động ban đêm chủ yếu là các hoạt động văn hóa, lễ hội, bar, café, nhà hàng... đây là những hoạt động thuần về đêm hầu hết ở các địa phương. Các nghiên cứu đưa ra cách tiếp cận về các hoạt động KTĐ và một số giải pháp của từng địa phương, bên cạnh đó các nghiên cứu cũng đã cho thấy đóng góp và tầm quan trọng của KTĐ đối với các thành phố, các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các thành phố phát triển về dịch vụ du lịch. Từ đây có thể rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc phát triển KTĐ tại các địa phương ở Việt Nam nói chung và tại thành phố Hà Nội nói riêng.

2.2 Các công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Khái niệm và nội dung của quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý nhà nước về KTĐ được một số tác giả đề cập trong các công trình nghiên cứu như:

Khái niệm quản lý nhà nước về kinh tế được Đỗ Hoàng Toàn và Mai Văn Bưu (2005) trình bày là sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của Nhà nước lên trên nền kinh tế quốc dân nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước, các cơ hội có thể có, để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế đất nước đã đặt ra trong điều kiện hội nhập và mở rộng giao lưu quốc tế. Quản lý kinh tế là nội dung cốt lõi của quản lý xã hội nói chung và nó phải gắn chặt với các hoạt động quản lý khác của xã hội. Cùng quan điểm đó, trong giáo trình Quản lý nhà nước về thương mại, Thân Danh Phúc (2015) cũng đưa ra khái niệm quản lý nhà nước về kinh tế đó là quá trình tác động có tổ chức và bằng quyền lực của Nhà nước tới nền kinh tế nhằm

sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, tận dụng tốt nhất các cơ hội có thể có để đạt mục tiêu đã xác định về phát triển kinh tế của đất nước trong từng giai đoạn. Quá trình tác động của các cơ quan quản lý nhà nước tới các chủ thể tiến hành các hoạt động kinh tế là mang tính liên tục trong điều kiện môi trường luôn thay đổi. Quản lý nhà nước về kinh tế chính là sự tác động của hệ thống quản lý (hay chủ thể quản lý là Nhà nước) lên hệ thống bị quản lý (hay khách thể quản lý là nền kinh tế) nhằm hướng sự vận hành của nền kinh tế theo các mục tiêu đã đặt ra.

Nguyễn Duy Hùng và Hồ Trọng Ngũ (1998) đã phân tích và đưa ra quan niệm: Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự là hoạt động hành chính, điều hành và chấp hành được thực hiện bằng sự tác động đồng bộ có mục đích của Nhà nước thông qua hoạt động của một hệ thống các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội được chức năng hóa trong lĩnh vực này, vào tất cả các yếu tố cấu thành nên an ninh, trật tự nhằm tạo nên sự ổn định, an toàn cho đất nước trên tất cả các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn (2003) đã trình bày các vấn đề lý luận quản lý đô thị ở Việt Nam trong đó đưa ra khái niệm quản lý đô thị là quá trình tác động bằng cơ chế, chính sách của các chủ thể quản lý đô thị (các cấp chính quyền, các tổ chức xã hội, các sở, ban ngành chức năng) vào các hoạt động đô thị nhằm thay đổi hoặc duy trì hoạt động đó. Trên góc độ Nhà nước, quản lý Nhà nước đối với đô thị là sự can thiệp bằng quyền lực của mình (bằng pháp luật, thông qua pháp luật) vào các quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở đô thị nhằm phát triển đô thị theo hướng nhất định. Đồng thời tác giả cũng chỉ ra 4 chức năng quản lý đô thị theo quá trình quản lý bao gồm: Chức năng kế hoạch, chức năng tổ chức; chức năng chỉ đạo phối hợp; chức năng kiểm soát; Theo lĩnh vực quản lý bao gồm các chức năng: Quản lý kinh tế đô thị; Quản lý xây dựng đô thị; Quản lý đất đai và nhà ở đô thị; Quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị; Quản lý kết cấu hạ tầng xã hội đô thị; Quản lý dân số, lao động và việc làm đô thị; Quản lý môi trường đô thị. Tổng quan bộ máy chính quyền QLNN về đô thị và công tác phân cấp, phân quyền, phối hợp giữa các bộ phận trong bộ máy quản lý nhà nước về đô thị.

Acuto Michele, Seijas Andreina (2021) đã đưa ra một phân tích thú vị về việc quản lý nền KTĐ ở các thành phố. Dựa trên một loạt các nghiên cứu điển hình về hoạt động về đêm ở các thành phố trên khắp thế giới, tác giả cuốn sách xem xét lao động, dịch vụ môi trường, chăm sóc sức khỏe, vai trò của các cơ quan quản lý, và ảnh hưởng của cả khu vực công và tư nhân. Cuốn sách cũng cung cấp những hiểu biết vô giá về tương lai của quản lý ban đêm trong đại dịch COVID-19 và hơn thế nữa, cuốn

sách này giúp chúng ta hiểu sâu hơn về những lợi ích, thách thức và tác động của một khía cạnh bị lãng quên của nền kinh tế.

Đặng Xuân Hoan (2019) đã hệ thống được những vấn đề lý luận chung về quản lý nhà nước; tác động của kinh tế thị trường đến quản lý nhà nước; nội dung và những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong một số ngành, lĩnh vực như: kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thông tin, truyền thông, đối ngoại.

Ninh Thị Minh Tâm (2020) đã phân tích một cách chi tiết và hệ thống mối quan hệ giữa chính phủ và các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Tác giả xem xét cách mà nhà nước quản lý và điều tiết các hoạt động của doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là trong bối cảnh của sự phát triển và đổi mới kinh tế ở Việt Nam. Tài liệu bao gồm việc phân tích chi tiết về các chính sách và quy định của nhà nước đối với doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam. Điều này bao gồm các quy định liên quan đến thuế, cấp phép, quản lý môi trường kinh doanh, và nhiều khía cạnh khác.

Phạm Hồng Thái (2021) cung cấp cho người đọc những tri thức lý luận về quản lý nhà nước, trên cơ sở đó vận dụng vào nghiên cứu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, quản lý nhà nước ở địa phương, thực tiễn quản lý của các cơ quan nhà nước và các hiện tượng quản lý nhà nước. Giáo trình bao gồm các nội dung: khái quát về quản lý và quản lý nhà nước; các nguyên tắc và chức năng của quản lý nhà nước; điều kiện khách quan và yếu tố chủ quan, chủ thể, khách thể của quản lý nhà nước; cơ cấu tổ chức của quản lý nhà nước; chu trình, hình thức, phương pháp quản lý nhà nước; quyết định quản lý nhà nước; đảm bảo quản lý nhà nước; hiệu quả quản lý nhà nước và hoàn thiện quản lý nhà nước.

Nguyễn Duy Hùng và Hồ Trọng Ngũ (1998) đã phân tích và đưa ra quan niệm: Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự là hoạt động hành chính, điều hành và chấp hành được thực hiện bằng sự tác động đồng bộ có mục đích của Nhà nước thông qua hoạt động của một hệ thống các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội được chức năng hóa trong lĩnh vực này, vào tất cả các yếu tố cấu thành nền an ninh, trật tự nhằm tạo nên sự ổn định, an toàn cho đất nước trên tất cả các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Công cụ quản lý nhà nước về KTĐ được tác giả Lương Xuân Quỳ (2006) khái quát là bao gồm tất cả các phương tiện mà Nhà nước sử dụng để tác động lên đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý. Cụ thể, công cụ pháp luật, công cụ kế hoạch hóa và công cụ chính sách kinh tế. Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế cũng được đề cập trong tài liệu là tổng thể những tác động có chủ đích của Nhà nước lên nền kinh tế quốc dân và các bộ phận hợp thành của nó để thực hiện các

mục tiêu nhất định. Phương pháp quản lý có ý nghĩa quan trọng đối với sự thành bại trong các hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế. Cụ thể, các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế chủ yếu là: Phương pháp kinh tế, phương pháp hành chính và phương pháp giáo dục.

Thực trạng quản lý nhà nước về KTĐ được phản ánh trong nghiên cứu của Phạm Kim Giao (2005) nghiên cứu công tác QLNN đối với các đô thị trực thuộc Trung ương. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng QLNN trên các lĩnh vực quản lý quy hoạch đô thị, quản lý nhà ở và đất đai ở đô thị, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị Hà Nội và các thành phố trực thuộc Trung ương, đề tài đã làm rõ những kết quả đã đạt được, những hạn chế, yếu kém và làm sáng tỏ các yếu tố tác động đến thiết lập trật tự, kỷ cương trong QLNN đối với các đô thị. Kết quả của đề tài là tài liệu tham khảo giúp cho nghiên cứu sinh hiểu sâu hơn về hệ thống kiểm soát đô thị.

Về các giải pháp quản lý nhà nước về KTĐ, Bùi Thị Hải Yến (2009) làm rõ các dẫn luận quy hoạch du lịch: Lịch sử phát triển của khoa học quy hoạch du lịch, khái niệm quy hoạch du lịch, nguyên tắc quy hoạch du lịch, tiềm năng và các điều kiện quy hoạch du lịch. Thực trạng kinh doanh du lịch và các cơ sở khoa học của việc xây dựng bản đồ trong quy hoạch du lịch. Dự báo nhu cầu phát triển du lịch và các định hướng chiến lược phát triển du lịch. Tổ chức thực hiện và đánh giá tác động từ các dự án quy 6 hoạch phát triển du lịch đến tài nguyên và môi trường. Kinh nghiệm của thế giới về quy hoạch ở vùng biển, vùng núi và các vùng nông thôn và ven đô. Tác giả còn đưa ra những khuyến nghị về quy hoạch du lịch vùng nông thôn và ven đô ở Việt Nam, khẳng định phát triển du lịch gắn với việc bảo vệ, tôn tạo tài nguyên môi trường đảm bảo sự phát triển bền vững; cần có kế hoạch và cơ chế quản lý phù hợp để khai thác có hiệu quả các lợi thế về vị trí, tiềm năng, đẩy mạnh phát triển du lịch góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội song vẫn bảo tồn được giá trị về tự nhiên, văn hóa, xã hội.

Một số nghiên cứu khác có liên quan, cụ thể như: Bàn về vai trò của CQĐP cấp tỉnh trong PTDL có các tác giả như: Nguyễn Minh Đức (2006); Nguyễn Mạnh Cường (2015); Nguyễn Hoàng Tú (2016) tác giả Bùi Xuân Nhân (2016) hay bài viết trên Tạp chí Quản lý Nhà nước của Trần Thị Diệu Oanh (2016). Các công trình nghiên cứu đã hệ thống hoá các vấn đề lý luận về PTDL bền vững; vai trò của CQĐP cấp tỉnh trong PTDL bền vững. Bên cạnh đó, bài viết cũng đã đưa ra phân tích, đánh giá thực trạng vai trò của CQĐP cấp tỉnh trong PTDL bền vững của một số địa phương và đề xuất các nhóm giải pháp tăng cường vai trò của CQĐP trong PTDL bền vững.

Andreina Seijas (2018) khuyến khích các nhà quy hoạch, chuyên gia cấp phép, cơ quan quản lý môi trường, phòng thương mại... có những ý tưởng phát triển thành

phố, thị trấn vào ban đêm. Chia sẻ những kinh nghiệm học hỏi một số nước và thành phố trên thế giới về những thuận lợi và khó khăn về phát triển KTĐ. Từ đó, định hướng những chính sách, thu hút các nhà đầu tư phát triển hạ tầng và các loại hình dịch vụ mới ở các thành phố, thị trấn để phát triển sôi động và an toàn hơn trong thời gian ban đêm cũng như ban ngày.

Volterra Partners (2014) đã đề cập tới các giải pháp mở ra nhiều cơ hội cho nền KTĐ của London. Chuyến tàu điện ngầm đêm Night Tube giải quyết gần 2.000 công việc lâu dài và 17.000 việc làm gián tiếp. Cải thiện được thời gian làm việc cho những người ở xa mà làm việc tại trung tâm, thời gian hoạt động lâu hơn cho các quán bar, câu lạc bộ, nhà hàng... giảm tắc nghẽn các trạm xe công cộng. Từ đó, giúp cho nền kinh tế London thành một nơi hấp dẫn hơn để làm việc, tham quan... và thu hút nhiều khách du lịch đến thăm và tiêu tiền nhiều hơn.

Giancarlo Fedeli (2017) nghiên cứu nền kinh tế thời gian ban đêm của thành phố Glasgow ở Scotland đã đóng góp 2,19 tỷ bảng Anh (13,5% GDP của trung tâm thành phố) và hơn 16.200 việc làm, tương đương toàn thời gian (10,8% việc làm của thành phố). Đây cũng chính là đặc trưng của nền kinh tế thành phố Glasgow. Năm 2016, chiến lược đô thị mới của Hội đồng Thành phố Glasgow, định vị thành phố Glasgow là thành phố trung tâm sáng tạo và tiên bộ nhất ở châu Âu. Chiến lược đó đã xác định tầm quan trọng của các hoạt động KTĐ sôi động đối với danh tiếng văn hóa và sự hấp dẫn của du khách. Nghiên cứu này cung cấp một nền tảng để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp phát triển nền KTĐ với Glasgow làm nghiên cứu điển hình.

2.3 Các công trình nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Dựa trên khung lý thuyết và các thang đo thiết lập, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội được đặt trong một hệ sinh thái đa chiều, nơi các nhân tố chủ quan và khách quan đan xen chặt chẽ. Trước hết, sự định hướng chiến lược từ phía chủ thể quản lý đóng vai trò hạt nhân, trong đó các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương và các quan điểm chủ trương từ Trung ương là nền tảng cốt lõi để xác lập lộ trình triển khai khả thi, như đã được khẳng định trong các nghiên cứu của Baral (2005), Kouser và cộng sự (2011), hay Mayor of London (2020). Song hành với tầm nhìn chính sách, trình độ và năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ quản lý trực tiếp được Trịnh Thị Hằng (2020) xem là "điểm chạm" quyết định hiệu quả vận hành, giúp giải quyết các xung đột phát sinh trong không gian đêm.

Đặc biệt, KTĐ Hà Nội mang tính đặc thù sâu sắc bởi sự chi phối của các điều kiện tự nhiên và giá trị di tích lịch sử, tạo ra áp lực kép giữa khai thác kinh tế và bảo tồn di sản, đòi hỏi các quy định QLNN phải có sự tinh chỉnh linh hoạt về giới hạn công suất và bảo tồn cốt lõi. Sự tương tác này càng trở nên phức tạp dưới tác động của các biến số kinh tế như mức sống dân cư và nhu cầu dịch vụ đa dạng, buộc các cơ quan quản lý phải mở rộng phạm vi điều tiết và cải cách thủ tục hành chính để khuyến khích đầu tư (Tư Quang Phương và Phạm Văn Hùng, 2013; Phan Thị Hằng Nga và Nguyễn Thị Cảnh, 2023). Để hiện thực hóa các mục tiêu này, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khung khổ pháp lý vững chắc đóng vai trò là công cụ thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo an ninh trật tự và vệ sinh môi trường theo hướng minh bạch và công bằng.

Ở góc độ bối cảnh hiện đại, việc ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là quản lý qua không gian số và thanh toán điện tử, đã trở thành yếu tố then chốt giúp nâng cao hiệu suất giám sát ngoài không gian vật lý, phù hợp với xu thế được Andreina Seijas (2018) và Phạm Thị Tường Vân (2021) đề cập. Tuy nhiên, hiệu quả cuối cùng của công tác QLNN vẫn phụ thuộc đáng kể vào sự dung hợp văn hóa - xã hội và thái độ của cộng đồng cư dân. Sự đồng thuận của người dân địa phương cùng ý thức trách nhiệm xã hội của các cơ sở kinh doanh không chỉ giúp giảm thiểu gánh nặng kiểm tra, xử phạt mà còn tạo ra một môi trường cộng sinh bền vững, cho phép QLNN tập trung nguồn lực vào các vấn đề quản trị phức tạp hơn, từ đó tạo tiền đề cho sự phát triển rực rỡ và bản sắc của kinh tế đêm Thủ đô.

2.4 Các công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội

Một số công trình nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội có thể kể đến như:

Ngô Anh Tuấn (2007) đã xây dựng được cơ sở lý luận và chỉ ra xu hướng của quản lý Nhà nước đối với sự phát triển của thương mại Hà Nội cũng như tất yếu của việc đổi mới công tác này. Luận án phân tích thực trạng phát triển và quá trình đổi mới quản lý thương mại của Thành phố Hà Nội giai đoạn 1986-2006 một cách có hệ thống, rút ra những bài học kinh nghiệm, khẳng định thành công và hạn chế về quản lý trong giai đoạn này. Cùng với đó, tác giả đã chỉ rõ đặc thù trong phát triển thương mại, tầm quan trọng và những nhân tố ảnh hưởng, các giải pháp đối với công tác quản lý Nhà nước nhằm phát triển thương mại của Hà Nội trong giai đoạn hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới.

Dương Thanh Liêm (2019) đã trình bày cơ sở lý luận của quản lý nhà nước về an ninh trật tự đô thị; phân tích thực trạng quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đô thị

Hà Nội: Thực trạng pháp luật về quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đô thị Hà Nội; Thực trạng tổ chức thực hiện pháp luật; Thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật; Thực trạng kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đô thị Hà Nội; Quan điểm và giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đô thị Hà Nội.

Đối với thành phố Hà Nội trên cơ sở nhu cầu, kế hoạch phát triển KTĐ, cần phối hợp với các cơ quan trung ương quản lý ngành để xây dựng các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia hoạt động KTĐ. Nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Sơn (2022) cho thấy cần rà soát, hoàn thiện chính sách và tạo hành lang pháp lý thống nhất về phát triển KTĐ, trong đó tập trung vào các quy định về: loại hình kinh doanh; khu vực kinh doanh, khu vực hạn chế; giờ giới nghiêm; thời gian hoạt động; giấy phép hoạt động; cơ sở hạ tầng công cộng tạo thuận lợi cho phát triển KTĐ; chính sách về an ninh trật tự; chính sách khuyến khích, hỗ trợ thương nhân, người tiêu dùng, khách du lịch tham gia hoạt động KTĐ; và phân cấp mạnh cho địa phương trong việc quản lý và phát triển KTĐ.

Nguyễn Mạnh Hoàng (2008) đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về nội dung quản lý Nhà nước về thương mại hàng hóa trên địa bàn tỉnh, thành phố và vai trò, đặc điểm của thương mại Hà Nội cũng như tổng kết một số kinh nghiệm xây dựng và thực hiện nội dung quản lý Nhà nước về thương mại hàng hoá ở trong và ngoài nước, tác giả đã đánh giá việc thực hiện nội dung quản lý Nhà nước về thương mại trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2001-2007 thông qua việc phân tích thực trạng phát triển thương mại hàng hoá và quá trình thực hiện nội dung quản lý Nhà nước về thương mại hàng hoá trên địa bàn Thủ đô giai đoạn này. Trên cơ sở đó, cùng với việc xác định rõ yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện nội dung quản lý Nhà nước về thương mại hàng hoá trên địa bàn Hà Nội cũng như phương hướng phát triển thương mại của Thành phố đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, quan điểm và định hướng hoàn thiện nội dung quản lý Nhà nước về thương mại hàng hoá trên địa bàn Hà Nội đến năm 2020, tác giả đã đề xuất hệ thống các giải pháp và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện nội dung quản lý Nhà nước về thương mại hàng hoá trên địa bàn Hà Nội đến năm 2020.

2.5 Những khoảng trống nghiên cứu

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu trên cho thấy còn một số khoảng trống cần có thêm các nghiên cứu như sau:

Một là, các công trình nghiên cứu liên quan đến QLNN về KTĐ đã khai phá và nghiên cứu từng nội dung vấn đề như khái niệm, vai trò, nội dung, các nhân tố ảnh hưởng một cách riêng lẻ, trong phạm vi quốc gia. Việc cần có một nghiên cứu mang tính

hệ thống và làm rõ hơn nữa về nội dung và các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến QLNN về KTĐ gắn với bối cảnh đặc thù của một tỉnh/thành phố.

Hai là, chưa có công trình trực tiếp nghiên cứu về QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cần có nghiên cứu tổng hợp, đánh giá một cách toàn diện, dựa trên các căn cứ khoa học về QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội qua từng nội dung quản lý và qua đánh giá các yếu tố ảnh hưởng từ đó đánh giá được thành công, chỉ ra được những hạn chế tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế tồn tại đó.

Ba là, cần có công trình khoa học đề xuất giải pháp mang tính hệ thống và cập nhật nhằm hoàn thiện QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Yêu cầu này trở nên đặc biệt cấp thiết trong bối cảnh nền kinh tế Thủ đô đang trong giai đoạn phục hồi và tái cấu trúc sau đại dịch COVID-19, đồng thời hướng đến các mục tiêu phát triển đến năm 2030, một bối cảnh đòi hỏi sự thích ứng và đổi mới trong tư duy cũng như cơ chế quản lý của kỷ nguyên mới.

Xuất phát từ những khoảng trống về lý luận và thực tiễn của các công trình nghiên cứu liên quan đến phát triển KTĐ và quản lý nhà nước về KTĐ; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KTĐ, nghiên cứu sinh nhận thấy quản lý nhà nước về KTĐ là một nội dung cần được chú trọng nghiên cứu, đặc biệt là trong phạm vi thành phố Hà Nội, nơi hội tụ nhiều yếu tố phù hợp để phát triển KTĐ, song công tác quản lý, phát triển KTĐ còn chưa được hệ thống hoá và đưa vào tổ chức thực thi một cách đồng bộ. Với những giá trị mà KTĐ mang lại cả về kinh tế cũng như xã hội cho thành phố Hà Nội thì việc nghiên cứu các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở xây dựng khung lý luận, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội, luận án đề xuất giải pháp hoàn thiện QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu trên, nhiệm vụ đặt ra cho đề tài luận án gồm:

Một là, xây dựng được khung lý luận cơ bản về QLNN về KTĐ: khái niệm, vai trò, nội dung, các yếu tố ảnh hưởng tới QLNN về KTĐ; nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm cho thành phố Hà Nội.

Hai là, phân tích thực trạng quản lý QLNN về KTĐ, từ đó đánh giá những thành công, hạn chế tồn tại và nguyên nhân của hạn chế trong QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội,

Ba là, đề xuất giải pháp, kiến nghị hoàn thiện quản lý nhà nước về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.3 Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được các mục đích nghiên cứu trên, đề tài luận án tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

(1) QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố là gì? QLNN về KTĐ bao gồm những nội dung nào? Có những yếu tố nào ảnh hưởng đến QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố?

(2) Thực trạng QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian qua đang diễn ra như thế nào? Có những thành công và hạn chế nào, nguyên nhân của hạn chế đó là gì?

(3) Những giải pháp nào cần được thực hiện nhằm hoàn thiện QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quản lý nhà nước về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố nói chung và trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Luận án nghiên cứu QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Về thời gian: Các dữ liệu thực trạng được tập trung thu thập trong giai đoạn từ năm 2020 đến 2024 và đề ra giải pháp hoàn thiện QLNN về KTĐ cho đến năm 2030.

- Về nội dung:

(1) Luận án nghiên cứu QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố từ lý luận đến phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố, cụ thể tại thành phố Hà Nội.

(2) Quản lý nhà nước bao gồm QLNN ở cấp trung ương và QLNN ở cấp địa phương. Trong đó QLNN ở cấp địa phương bao gồm QLNN đối với các khu vực và QLNN tại các tỉnh, thành phố. Luận án nghiên cứu tại thành phố Hà Nội vì vậy QLNN trong luận án tập trung nghiên cứu ở cấp địa phương (tỉnh/thành phố).

(3) Nghiên cứu QLNN bao gồm: Mục tiêu, nguyên tắc, công cụ, phương pháp, nội dung quản lý. Trong luận án này, NCS tập trung nghiên cứu chủ yếu vào nội dung QLNN. Trong đó, QLNN tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây: Xây dựng các văn bản QLNN về KTĐ; Tổ chức QLNN về KTĐ; Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1 Cách tiếp cận

Với mục đích nghiên cứu đã được đề cập, luận án sử dụng đồng thời các quan điểm tiếp cận nghiên cứu về QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau: (1) tiếp cận hệ thống, (2) tiếp cận liên ngành, (3) tiếp cận nhân quả, (4) tiếp cận thể chế, (5) tiếp cận từ thị trường.

- Tiếp cận hệ thống: Các sự vật hiện tượng đều nằm trong những mối quan hệ không thể tách rời, do đó cần đặt vấn đề trong mối quan hệ với những yếu tố khác khi nghiên cứu về nó. Cụ thể trong luận án này, về giới hạn địa lý, mặc dù nghiên cứu tiến hành trên địa bàn Hà Nội nhưng khi phân tích các yếu tố liên quan ta vẫn đặt chúng trong bối cảnh chung của cả nước và đối chiếu với một số khu vực địa giới hành chính khác; Bên cạnh đó, dưới góc độ tiếp cận hệ thống, quản lý nhà nước về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp chính quyền và các ban ngành liên quan. Các quyết định quản lý cần dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về tính tương tác giữa các yếu tố trong hệ thống, lường trước các tác động đa chiều, và hướng tới mục tiêu phát triển KTĐ một cách bền vững, hiệu quả, và hài hòa với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội khác của thành phố. Cách tiếp cận này cho phép luận án phân tích một cách toàn diện các khía cạnh của quản lý nhà nước đối với KTĐ, từ việc xây dựng các văn bản quản lý nhà nước về KTĐ, tổ chức thực hiện QLNN về KTĐ, đến kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm, trong mối tương quan với các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa và pháp luật liên quan.

- Tiếp cận liên ngành: là sự kết hợp tri thức và phương pháp từ nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau để nghiên cứu toàn diện vấn đề. Luận án tích hợp khoa học quản lý nhà nước (về cơ chế, chính sách), kinh tế học đô thị (về động lực tăng trưởng, tác động kinh tế), xã hội học (về hành vi, tương tác xã hội), luật học (về khung pháp lý), quy hoạch đô thị (về không gian và thời gian), và văn hóa học (về yếu tố văn hóa). Cách tiếp cận này cho phép phân tích đa chiều các khía cạnh phức tạp của KTĐ, làm rõ mối tương quan giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa và pháp luật. Mục tiêu là đưa ra những đánh giá sâu sắc và đề xuất các giải pháp QLNN về KTĐ toàn diện,

hiệu quả, và bền vững, phù hợp với đặc thù của thành phố Hà Nội. Sự kết hợp đa ngành này đảm bảo luận án có cái nhìn bao quát và tính ứng dụng cao.

- Tiếp cận nhân quả: Từ lý thuyết và thực tiễn, xây dựng các giả thuyết nghiên cứu, đánh giá các yếu tố tác động đến QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

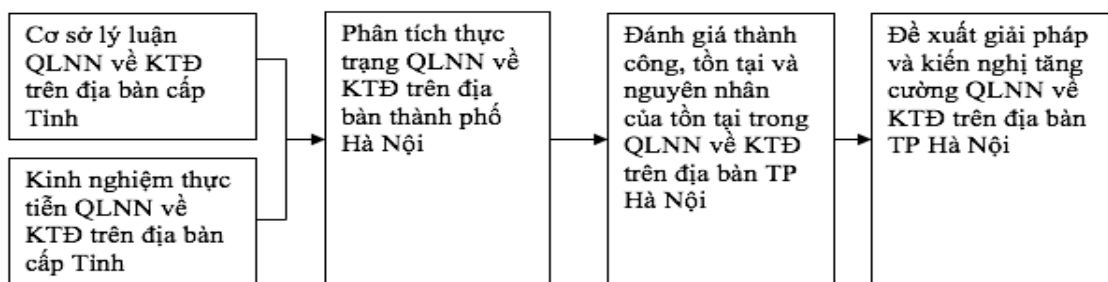
- Tiếp cận thể chế: Nhằm xem xét đánh giá thực trạng QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội thông qua việc ban hành văn bản quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm tra, xử lý vi phạm, tố cáo.

- Tiếp cận thị trường: Thông qua khảo sát nhu cầu của các bên, từ thị trường (người tiêu dùng, doanh nghiệp và các hộ kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước) để đánh giá thực trạng QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội từ đó tạo ra căn cứ đề xuất hệ thống giải pháp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

5.2.1 Khung nghiên cứu luận án

Xuất phát điểm của lý thuyết nghiên cứu là QLNN trên địa bàn tỉnh/thành phố về KTĐ, luận án xây dựng khung nghiên cứu như sau:



Hình 1: Khung nghiên cứu luận án

Nguồn: Nghiên cứu sinh đề xuất

Thứ nhất, xác định một cách khoa học và có hệ thống những nội dung lý luận về công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế đêm. Nền tảng lý luận sẽ được xây dựng dựa trên các lý thuyết về quản lý công, kinh tế đô thị, chính sách công và kinh nghiệm thực tiễn từ các đô thị trên thế giới. Đồng thời, nghiên cứu cần bám sát các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước và thành phố Hà Nội, đặc biệt là Quyết định số 1129/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế đêm ở Việt Nam. Trong đó, nghiên cứu sẽ tập trung làm rõ: khái niệm, vai trò, mục tiêu, các nguyên tắc, nội dung, và các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thứ hai, tập trung phân tích, đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện mục tiêu của công tác quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn gần đây. Qua đó, nghiên cứu sẽ chỉ ra một cách có hệ thống những điểm

mạnh, những hạn chế tồn tại và nguyên nhân của chúng trong công tác quản lý. Đây là cơ sở thực tiễn để đề xuất các giải pháp, kiến nghị có tính khoa học và khả thi nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước, góp phần phát triển kinh tế đêm tại Thủ đô một cách hiệu quả và bền vững.

5.2.2. Phương pháp luận

Luận án tiếp cận vấn đề nghiên cứu dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Phương pháp luận duy vật biện chứng được sử dụng để xem xét QLNN về KTĐ trong sự vận động, phát triển không ngừng và trong mối quan hệ biện chứng giữa QLNN cấp trung ương và địa phương, cũng như giữa quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ.

Phương pháp luận duy vật lịch sử được vận dụng để nghiên cứu các quy luật vận động và phát triển của QLNN về KTĐ theo thời gian. Cụ thể, luận án phân tích hệ thống dữ liệu theo tiến trình lịch sử, bao gồm dữ liệu về hoạt động KTĐ và các văn bản QLNN liên quan (ở cả cấp trung ương và địa phương) trong giai đoạn 2020 – 2024.

5.2.3. Phương pháp cụ thể

5.2.3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

a. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

Để nghiên cứu QLNN về KTĐ trên địa bàn TP Hà Nội, luận án đã xác định các loại dữ liệu thứ cấp cần thu thập bao gồm:

- Các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành; các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các luận án tiến sĩ, các bài báo khoa học đăng trên các kỷ yếu Hội thảo chuyên ngành,... có liên quan đến đề tài luận án.

- Các thông tin về hoạt động kinh doanh của TP Hà Nội;

- Các số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh của TP Hà Nội: tổng mức lưu chuyển hàng hoá, tổng lượng khách, tổng thu từ các hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, tổng số lao động trong lĩnh vực KTĐ, đóng góp của KTĐ vào GRDP của thành phố,...;

- Các văn bản quản lý liên quan đến các hoạt động KTĐ; các chính sách khuyến khích đầu tư và các dữ liệu về số lượng, chất lượng các dự án đầu tư PTKTĐ; các dữ liệu về chất lượng nhân lực và đào tạo nhân lực của thành phố, quảng bá, hợp tác PTKTĐ,...

Để có được các dữ liệu thứ cấp này, nghiên cứu sinh đã tiến hành thu thập qua các nguồn như sau:

- Truy cập và thu thập qua các kênh thông tin chính thức của các sở, ban, ngành liên quan đến QLNN về KTĐ của TP Hà Nội như: Cổng thông tin điện tử TP Hà Nội, các website của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài Chính), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VH,TT&DL) TP Hà Nội, Trung tâm Xúc tiến và Đầu tư Thương mại Du lịch TP Hà Nội, Hiệp hội Du lịch TP Hà Nội, cùng một số sở, ban, ngành có liên quan khác của tỉnh như Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính), Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông,...

- Thu thập thông qua các cán bộ làm việc trực tiếp tại các sở, ban, ngành liên quan đến QLNN về KTĐ của TP Hà Nội.

- Thu thập từ những bài báo, công trình NCKH có liên quan đến QLNN về KTĐ của TP Hà Nội mà nghiên cứu sinh đã tham khảo được.

b. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

Việc thu thập dữ liệu sơ cấp phục vụ cho nghiên cứu đề tài luận án được thực hiện như sau:

Luận án kết hợp phương pháp chuyên gia và phương pháp điều tra xã hội học để thu thập dữ liệu sơ cấp cần thiết phục vụ việc nghiên cứu đề tài luận án. Trong đó:

Phương pháp chuyên gia

Luận án sử dụng phương pháp chuyên gia nhằm mục đích xác định các nội dung và nhận diện các yếu tố ảnh hưởng tới QLNN về KTĐ của một địa phương cấp tỉnh để nghiên cứu thực trạng QLNN về KTĐ trên địa bàn phố Hà Nội.

Các chuyên gia thuộc nhóm đối tượng lấy ý kiến là các chuyên gia làm công tác quản lý, nghiên cứu về quản lý nhà nước về kinh tế, các cán bộ làm việc trong UBND thành phố Hà Nội, Sở kế hoạch đầu tư (nay là Sở Tài chính), Sở công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Du lịch, trường đại học, viện nghiên cứu chính sách và chiến lược, các trường đại học có đào tạo về quản lý nhà nước về kinh tế (Phụ lục 1).

Phiếu phỏng vấn xin ý kiến chuyên gia về QLNN về KTĐ của một địa phương cấp tỉnh được trình bày tại Phụ lục 2. Thời gian tiến hành phỏng vấn chuyên gia từ ngày 15/10/2024 đến ngày 15/11/2024 bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp hoặc trực tuyến qua email.

Phương pháp điều tra xã hội học

Luận án sử dụng phương pháp điều tra xã hội học để khảo sát ý kiến các doanh nghiệp và hộ kinh doanh có thời gian hoạt động kinh doanh vào ban đêm về thực

trạng QLNN về KTĐ trên địa bàn phố Hà Nội, quan điểm và sự sẵn sàng tham gia PTKTĐ của thành phố, nhu cầu về các mô hình kinh doanh, vui chơi, giải trí về đêm và thực trạng chất lượng công tác quản lý, đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, chống hàng giả, hàng nhái,..

Việc thu thập dữ liệu sơ cấp phục vụ việc nghiên cứu đề tài luận án được thực hiện theo quy trình mô tả trong hình 1.2 sau đây:



Hình 2: Quy trình thu thập dữ liệu sơ cấp

Bước 1: Xác định loại dữ liệu sơ cấp cần thu thập

Để phục vụ việc phân tích, đánh giá thực trạng QLNN về KTĐ trên địa bàn phố Hà Nội, dữ liệu sơ cấp được thu thập chủ yếu qua khảo sát đại diện một số doanh nghiệp và hộ kinh doanh cung cấp các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ trong thời gian ban đêm tại Hà Nội về một số tiêu chí đánh giá QLNN về KTĐ của thành phố.

Bước 2: Thiết kế mẫu phiếu khảo sát và xin ý kiến chuyên gia

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan, căn cứ vào phạm vi trách nhiệm của các cơ quan QLNN được phân cấp tổ chức QLNN về KTĐ, NCS đã tổng hợp các nội dung QLNN về KTĐ của một địa phương cấp tỉnh. Trên cơ sở đó, vận dụng lý thuyết về các tiêu chí đánh giá QLNN của Ngân hàng Phát triển Châu Á, kế thừa các công trình nghiên cứu của các tác giả Đào Anh Tuấn (2013), Nguyễn Anh Tú (2015), Nguyễn Hồng Phú (2018), NCS đã đề xuất xây dựng bộ tiêu chí đánh giá 3 nội dung QLNN về KTĐ. Để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố, NCS đề xuất xây dựng bộ tiêu chí đánh giá gồm 10 yếu tố.

- *Thiết kế công cụ thu thập dữ liệu:* Mô hình có 11 thang đo và 43 biến quan sát [$QLNN = f(DP, TDNL, QDCT, DKTN, DKKT, CSHT, LP, VHXH, KHCN, YTTN)$]. Tất cả các biến trong mô hình được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ: 1-Rất không đồng ý, 2-Không đồng ý, 3-Trung lập, 4-Đồng ý và 5-Rất đồng ý. NCS đã phát ra 360 phiếu, thu về và làm sạch còn lại 345 phiếu hợp lệ. Dữ liệu sơ cấp của luận án được thu thập thông qua bảng câu hỏi khảo sát cấu trúc gồm 43 biến quan sát, được xây dựng dựa trên 11 thang đo trong mô hình nghiên cứu: DP, TDNL,

QDCT, DKTN, DKKT, CSHT, LP, VHXX, KHCN, YTTN và biến phụ thuộc QLNN về kinh tế đêm. Bảng hỏi được xây dựng qua các bước: Tổng hợp cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước; Tham vấn ý kiến của một số chuyên gia về kinh tế đêm để điều chỉnh từ ngữ, độ dài và sự rõ ràng của biến quan sát, khảo sát thử nghiệm để kiểm tra độ tin cậy ban đầu và chỉnh sửa câu hỏi.

- *Đối tượng khảo sát*: Đối tượng khảo sát gồm 90 hộ kinh doanh được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, tập trung vào các "điểm nóng" kinh tế đêm tại Hoàn Kiếm, Tây Hồ và Ba Đình. Việc ưu tiên nhóm chủ cơ sở và cán bộ quản lý thuộc các lĩnh vực lưu trú, ẩm thực, giải trí đảm bảo tính đại diện cao, bởi đây là những đối tượng trực tiếp vận hành và chịu tác động sâu sắc từ cơ chế, chính sách QLNN. Với kinh nghiệm thực tiễn và am hiểu quy định địa phương, phản hồi từ 90 đơn vị này cung cấp dữ liệu khách quan về tính khả thi, hiệu quả cũng như các rào cản pháp lý, phục vụ đắc lực cho việc đề xuất giải pháp quản lý kinh tế đêm đặc thù tại Thủ đô. Khảo sát được triển khai theo hai hình thức khảo sát trực tiếp (phát phiếu giấy tại các không gian hoạt động đêm) và khảo sát trực tuyến thông qua Google Forms gửi đến doanh nghiệp kinh doanh KTĐ.

- *Kích thước mẫu*: Luận án phát hành 360 phiếu khảo sát, thu về 345 phiếu hợp lệ sau khi loại bỏ các phiếu sai lệch hoặc thiếu dữ liệu, phù hợp với yêu cầu phân tích mô hình nhiều biến. Theo Green (1991), với dữ liệu điều tra dạng chéo, kích thước mẫu tối thiểu tính theo công thức:

$$n \geq 50 + k \times P$$

Với $P = 10$ biến độc lập $\Rightarrow$ Kích thước mẫu tối thiểu là 150. Do đó, số mẫu 345 là đủ lớn, đáp ứng phân tích nâng cao (EFA, CFA, SEM) theo nghiên cứu của Hair et al. (2010). Dữ liệu thu thập được xử lý bằng SPSS. Luận án tập trung nghiên cứu tác động của 10 biến độc lập lên biến phụ thuộc (QLNN về Kinh tế đêm) dựa vào: (i) Kiểm định thang đo; (ii) Phân tích nhân tố khám phá (EFA); (iii) Phân tích hồi quy. Cụ thể:

+ Kiểm định độ tin cậy thang đo – Cronbach's Alpha: Tác giả thực hiện trên phần mềm SPSS nhằm đánh giá mức độ nhất quán nội tại của các biến quan sát trong từng thang đo và loại bỏ các biến có tương quan biến tổng thấp hoặc làm giảm độ tin cậy thang đo.

+ Phân tích nhân tố khám phá EFA: Tác giả thực hiện trên SPSS nhằm kiểm định tính hội tụ và phân biệt của các thang đo. Xác định cấu trúc nhân tố phù hợp trước khi đưa vào phân tích hồi quy.

+ Phân tích hồi quy và kiểm định giả thuyết: Tác giả sử dụng hệ thống kiểm định (test) để kiểm định các giả thuyết của hồi quy tuyến tính theo phương pháp bình

phương nhỏ nhất (OLS) bao gồm: *Kiểm định phần dư của mô hình, kiểm định tương quan của hệ số hồi quy, mức độ giải thích của mô hình, mức độ phù hợp của mô hình, kiểm định hiện tượng tự tương quan, hiện tượng cộng tuyến.*

Bước 3: Khảo sát thử và điều chỉnh phiếu

Khảo sát thử và điều chỉnh phiếu là bước có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo phiếu khảo sát không mắc những lỗi thiết kế phiếu như câu hỏi đa nghĩa, câu hỏi không rõ nghĩa, câu hỏi khó hiểu hoặc dễ bị hiểu sai,... Để thực hiện khảo sát thử, nghiên cứu sinh nhờ 10 chủ hộ kinh doanh thực hiện khảo sát và cho ý kiến về sự hợp lý, logic, rõ ràng và hình thức của phiếu khảo sát. Kết quả khảo sát thử cho thấy các vấn đề được đề cập trong phiếu khảo sát là phù hợp, tuy nhiên cần điều chỉnh thêm về mặt hình thức cho hợp lý hơn. Từ ý kiến đóng góp của các đối tượng tham gia khảo sát thử, NCS đã tiếp thu và điều chỉnh phiếu khảo sát. Mẫu phiếu khảo sát thực trạng QLNN về KTĐ trên địa bàn phố Hà Nội được trình bày tại Phụ lục 3.

Bước 4: Khảo sát chính thức

Bên cạnh đối tượng tham gia khảo sát chính là đại diện doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ vận chuyển, vận tải, lữ hành, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở kinh doanh dịch vụ giải trí, mua sắm. Với nhóm đối tượng này, NCS tiến hành điều tra khảo sát về một số nội dung và các yếu tố ảnh hưởng tới QLNN về KTĐ của thành phố Hà Nội dưới góc độ là đối tượng quản lý nhìn nhận về khả năng phát triển các loại hình kinh doanh đêm tại Hà Nội trong thời gian tới. Nghiên cứu sinh đã tiến hành gửi phiếu khảo sát cho 90 doanh nghiệp và hộ kinh doanh tại Hà Nội. Mẫu phiếu khảo sát được trình bày tại Phụ lục 3. Số phiếu phát ra là 360 phiếu, số phiếu thu về là 345 phiếu, số phiếu có giá trị thống kê là 345 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.

Bước 5: Tập hợp và xử lý dữ liệu

Sau khi kiểm tra giá trị trong thống kê của phiếu khảo sát thu về, NCS tiến hành mã hóa, nhập liệu và sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để hỗ trợ phân tích, xử lý dữ liệu.

Với các chỉ tiêu đánh giá qua thang điểm từ 1 đến 5, giá trị khoảng cách = (Giá trị lớn nhất - Giá trị nhỏ nhất) / $n = (5-1)/5 = 0.8$ nên ý nghĩa các giá trị trung bình (GTTB) được xác định như sau:

$1,00 \leq GTTB \leq 1,80$: Rất kém;

$1,81 \leq GTTB \leq 2,60$: Kém;

$2,61 \leq GTTB \leq 3,40$: Trung bình;

$3,41 \leq GTTB \leq 4,20$: Tốt;

$4,21 \leq GTTB \leq 5,00$: Rất tốt.

Kết quả khảo sát các cuộc khảo sát được trình bày trong các nội dung ở chương 2 của luận án.

5.2.3.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Để sử dụng những dữ liệu đã thu thập phục vụ cho mục đích nghiên cứu đề tài luận án, nghiên cứu sinh đã phối hợp các phương pháp sau:

a. Phương pháp phân tích, tổng hợp

Phương pháp phân tích là phương pháp bóc tách và xem xét kỹ lưỡng những mặt, những bộ phận, những vấn đề của các dữ liệu đã thu thập được để nhận thức, phát hiện và khai thác các khía cạnh khác nhau của dữ liệu; từ đó chọn lọc những thông tin cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu. Trên cơ sở dữ liệu thứ cấp và sơ cấp đã thu thập được, NCS tiến hành phân tích theo từng nội dung của QLNN về KTĐ của một địa phương cấp tỉnh để đưa ra nhận định cụ thể cho từng mặt của QLNN về KTĐ của TP Hà Nội.

Phương pháp tổng hợp là phương pháp tập hợp, phân loại và sắp xếp những thông tin đa dạng thu thập được từ các nguồn, các tài liệu khác nhau thành một hệ thống hoàn chỉnh, nhờ đó có được hiểu biết toàn diện về đối tượng nghiên cứu. Trong luận án, nghiên cứu sinh đã sử dụng phương pháp tổng hợp để nghiên cứu các vấn đề lý luận có liên quan, hình thành khung lý thuyết cho đề tài luận án, đồng thời tổng hợp các dữ liệu cần thiết có liên quan nhằm đưa ra nhận định tổng thể về thực trạng QLNN về KTĐ của TP Hà Nội.

b. Phương pháp thống kê mô tả

Phương pháp thống kê mô tả là phương pháp tập hợp các thông tin cần thiết để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được từ nghiên cứu thực nghiệm qua các cách thức khác nhau. Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp này để tập hợp các thông tin cần thiết mô tả thực trạng và QLNN về KTĐ trên địa bàn TP Hà Nội.

c. Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh là phương pháp đối chiếu các chỉ tiêu đã được lượng hóa, có nội dung và tính chất tương tự để xác định xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu đó. Phương pháp này được nghiên cứu sinh vận dụng để nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến QLNN về KTĐ trên địa bàn TP Hà Nội qua các mốc thời gian từ năm 2020 đến năm 2024.

6. Những đóng góp mới của đề tài luận án

Về mặt lý luận

Thứ nhất, từ tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan, luận án xác định nội dung quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố bao gồm: Xây

dựng các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế đêm; Tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế đêm; Kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

Thứ hai, kế thừa các nghiên cứu trong và ngoài nước có chọn lọc và điều chỉnh của nghiên cứu sinh, luận án xây dựng được mô hình với 10 giả thuyết nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố như: Chủ trương phát triển kinh tế đêm của chính quyền địa phương; Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế đêm; Quan điểm, chủ trương của Nhà nước về phát triển kinh tế đêm; Điều kiện tự nhiên và tài nguyên...

Về mặt thực tiễn

Thứ nhất, từ kinh nghiệm quản lý nhà nước về kinh tế đêm của một số địa phương ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam, luận án đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng.

Thứ hai, phân tích thực trạng quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2020-2024; Kiểm định sự tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về kinh tế đêm ở Hà Nội, từ đó đánh giá những thành công, chỉ ra được những hạn chế tồn tại và nguyên nhân thực trạng, làm cơ sở đề xuất giải pháp.

Thứ ba, đề xuất một số giải pháp chủ yếu hoàn thiện quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội đến 2030 như: Hoàn thiện công tác xây dựng các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế đêm; Hoàn thiện tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế đêm; Tăng cường kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm. Đồng thời, luận án kiến nghị với Nhà nước, Bộ ban ngành liên quan nhằm tạo môi trường pháp lý và điều kiện thuận lợi để hoàn thiện quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

7. Kết cấu của đề tài luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục bài báo công bố kết quả nghiên cứu đề tài luận án của tác giả, danh mục tài liệu tham khảo, các phụ lục, nội dung Luận án được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ ĐÊM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ

1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của kinh tế đêm

1.1.1 Khái niệm kinh tế đêm

Kinh tế đêm (KTĐ), thuật ngữ tiếng Anh là Night-time economy (thường được viết tắt theo tiếng Anh là NTE) là thuật ngữ xuất hiện xuất hiện từ những thập niên 70 của thế kỷ 20 ở nước Anh và được đẩy mạnh bởi ý tưởng “thành phố 24 giờ” vào thập niên 1990 (Heath, T, (1997). Thực tế trên thế giới sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ KTĐ và đôi khi có thể thay thế cho nhau khi sử dụng trong các bối cảnh khác nhau như khái niệm nền kinh tế 24 giờ (24 hours economy), kinh tế đêm muộn (late night economy) hoặc kinh tế ban đêm (night time economy). Một số nghiên cứu trên thế giới đề xuất phân loại các thuật ngữ khác nhau cho các khoảng thời gian khác nhau về ban đêm để từ đó xác định những chính sách khác nhau bao gồm nền kinh tế buổi tối (kết thúc trước nửa đêm, thường là khoảng thời gian sau 18 giờ đến 24 giờ) và nền kinh tế đêm muộn (thường là khoảng thời gian từ 0 giờ đến 6 giờ sáng). Tuy nhiên, thuật ngữ được chấp nhận và được phổ biến hơn trong giai đoạn hiện nay là “kinh tế ban đêm” hay cách gọi khác là “kinh tế đêm” vì thực chất nhiều hoạt động bắt đầu từ buổi tối và không hoàn toàn cố định kết thúc trước 24 giờ vì xu hướng và nhu cầu của khách hàng.

KTĐ sau đó được sự chú ý của nhiều quốc gia, nhằm thúc đẩy quản lý nhà nước về KTĐ và các loại hình dịch vụ, giải trí về đêm, nhất là ở những thành phố, đô thị lớn. Theo một số nghiên cứu, trong những năm đầu của thập niên 1970, khi mà các thành phố ở các quốc gia phát triển (phương Tây) có những biến đổi đáng kể về kinh tế xã hội. Theo nhiều nhà nghiên cứu thì những thay đổi này liên quan đến hai “luồng” dịch chuyển chính. Một là, sự chuyển dịch trong phát triển kinh tế từ công nghiệp sang “hậu công nghiệp”, từ đó dẫn đến nhiều khu vực thuộc đô thị trước đây là nhà máy, công xưởng trở thành nơi bỏ hoang và chưa được cải tạo. Hai là, sự chuyển dịch trong định hướng phát triển và quản lý đô thị, từ chỗ chỉ tập trung vào chức năng cung cấp dịch vụ công, đã chuyển sang mục tiêu tạo thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế (David Harvey, 1989). Những quá trình chuyển dịch này có mối liên hệ mật thiết với sự phát triển của KTĐ, trong đó chủ yếu tập trung vào lĩnh vực giải trí (Lovatt and Justin O’Connor, 1995). Sự tập trung ngày càng tăng vào bản sắc giải trí đã tạo ra một số lượng đa dạng những lựa chọn giải trí vào ban đêm, từ đó tạo ra

các cơ hội kinh tế cho cá nhân, doanh nghiệp và tạo ra việc làm mới (Chris Rojek, 1993). Hiện nay, sự hiện hữu của KTĐ được xem là điều kiện tiên quyết cho bất kỳ thành phố nào với hy vọng đạt được khả năng tăng trưởng, tuy nhiên mức độ thích ứng lại rất khác nhau phụ thuộc vào năng lực, thể chế và chiến lược để ứng phó với những thách thức nảy sinh (Ian Taylor, 1999). Chính vì thế, hệ thống quản lý KTĐ cần bao gồm mạng lưới liên kết hoạt động giữa khu vực nhà nước và tư nhân trong đó yếu tố phối hợp đồng bộ sẽ có vai trò quan trọng để đạt được hiệu quả (Paul Morris and Paul Heelas, 1992).

Thực tế quá trình phát triển KTĐ trên thế giới cho thấy phần lớn tập trung vào các lĩnh vực “kinh doanh giải trí” và được đặc trưng bởi nguồn lực nhằm phát triển các cơ sở được cấp phép (Peter Bailey, 1986). Một số nghiên cứu đã cho thấy hầu hết các khoản đầu tư vào KTĐ tập trung vào khu vực trung tâm thành phố, với mục tiêu chính là tái tạo và bảo tồn trung tâm thành phố dành cho công chúng (Dick Hobbs, Stuart, Phil Hadfield, Simon Winlow, Steve Hall, 2000).

Ở Châu Âu, khái niệm về KTĐ có kế hoạch (more-planned night-time economy) được hình thành từ cuối những năm 1970 và ý tưởng về những thành phố 24h không còn là mới, rất nhiều thành phố, đặc biệt là Châu Âu đã mang đặc điểm của thành phố 24h. Theo Bianchini (1995) chương trình sự kiện văn hóa buổi tối của Roma như là một trong những sáng kiến đầu tiên về thành phố 24h. Vào năm 1977, bộ phận phụ trách chính sách văn hóa của thành phố Roma đã soạn thảo một chương trình văn hóa mùa hè tập trung tổ chức ở tượng đài công cộng, những con phố mang tính lịch sử và những quảng trường ở trung tâm thành phố. Các khu vực này đều được đảm bảo an toàn hơn, thu hút nhiều người đến xem và dễ dàng tiếp cận nhờ có sự phối hợp đồng bộ các chính sách về giao thông, chiếu sáng, chăm sóc trẻ em, cải thiện môi trường và an ninh. Các chính sách văn hóa là một điểm chung góp phần tạo nên sức sống về đêm ở nhiều thành phố Châu Âu.

Tại Anh, ý tưởng về thành phố 24h (Tim Heath, 1997) xuất phát từ một trong những vấn đề mà các thành phố phải đối mặt vào cuối thế kỷ 20 là cách thức người dân sử dụng trung tâm thành phố và thời gian mà họ dành cho việc tham gia các hoạt động của thành phố tổ chức, cung cấp. Năm 1993, thành phố Manchester (Anh) đã tham gia đấu thầu để dành quyền đăng cai Thế vận hội mùa hè 2000, đã triển khai ý tưởng nhiều giờ hơn nữa trong ngày (more hours in the day) kéo dài thời gian mở cửa được phép đối với các quán rượu và quán bar (đến 24h) và cho các câu lạc bộ (đến 4 giờ sáng) (Taner Oce & Steven Tiesdell, 1997). Ý tưởng này đã được tiếp cận

và triển khai nhanh chóng ở nhiều thành phố khác tại Anh, vốn đã chịu nhiều ảnh hưởng từ những thành phố ở Châu Âu đã là những thành phố 24h (Bianchini, 1995). Thậm chí theo mục đích của ngành nghề, lĩnh vực tham gia vào KTĐ thì nền KTĐ còn được quan niệm là hoạt động kinh tế xảy ra trong khoảng thời gian từ 6 giờ tối đến 6 giờ sáng và liên quan đến việc bán rượu để tiêu thụ tại chỗ (ví dụ: quán bar, quán rượu và nhà hàng). Vương quốc Anh được xem là một quốc gia đi đầu trong phát triển KTĐ một cách có tổ chức. Quốc gia này đã thành lập Hiệp hội ngành công nghiệp ban đêm (Night Time Industries Association, viết tắt là NTIA) để theo dõi sự phát triển, kết nối và phản ánh nhu cầu xã hội, đồng thời nghiên cứu đề xuất đến các cơ quan chức năng ban hành các chính sách thúc đẩy KTĐ. KTĐ của Vương quốc Anh trở thành một trụ cột phát triển, tạo giá trị khoảng 70 tỷ bảng, chiếm khoảng 4% tổng sản lượng kinh tế của quốc gia này. Báo cáo năm 2018 của NTIA cho biết, sự đa dạng loại hình dịch vụ giải trí là điểm nhấn thu hút trung bình 31 triệu lượt du khách đến London mỗi năm, chiếm tới 40% tổng doanh thu của KTĐ của quốc gia này (London Assembly, 2018).

Tại Trung Quốc, các hoạt động KTĐ bắt đầu hình thành từ những năm 1990 nhưng thời điểm ấy chưa được chú trọng. Những năm gần đây, Trung Quốc đã đặc biệt chú ý khơi dậy tiềm năng và hỗ trợ phát triển KTĐ, trong đó KTĐ được xác định không chỉ là các hoạt động ăn uống hay mua sắm mà còn bao gồm cả du lịch, giải trí và các dịch vụ văn hóa với trọng tâm là thúc đẩy kinh tế dịch vụ và tiêu dùng vào ban đêm. Theo thống kê do Bộ Thương mại Trung Quốc công bố năm 2019, có khoảng 60% lượng tiêu dùng được thực hiện vào ban đêm ở Trung Quốc. Do vậy, KTĐ được xác định đóng vai trò then chốt mở rộng tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thống kê cho thấy nền K.TBĐ của Trung Quốc đã vượt ngưỡng 30 nghìn tỉ nhân dân tệ (tương đương 4,64 nghìn tỉ USD) vào năm 2020 và ước tính đạt 36 nghìn tỉ nhân dân tệ trong năm 2021^{10.11} Ngay cả đối với mua sắm trực tuyến thì thời gian ban đêm lượng giao dịch cũng chiếm đến 36% sản lượng tiêu thụ cả ngày, chủ yếu tập trung vào khoảng thời gian từ 21 đến 22 giờ đêm (Zao Tong, 2022)

Tại Úc, quốc gia này đã dẫn đầu trong việc triển khai nghiên cứu nhất quán về giá trị và cấu trúc của NTE kể từ năm 2009 thông qua mạng lưới của Hội đồng Thị trường Thủ đô (CCCLM). Nền kinh tế ban đêm hiện là động lực chính của quá trình tăng trưởng cũng như đã đóng góp đáng kể cho nền kinh tế nước Úc. Theo số liệu thống kê của CCCLM, ngành công nghiệp này đã tạo ra hơn 1,1 triệu việc làm với doanh thu gần 134 tỷ USD vào năm 2018 (tương đương khoảng 4% GDP Úc)., KTĐ

là nền kinh tế hoạt động từ buổi chiều tối (từ 17h đến 21h) đến đêm muộn (2h sáng đến 6h sáng), tại một số thành phố ở nước này, hầu hết các hoạt động ban đêm ở trung tâm thị trấn là từ 18h tối đến 24h đêm (thành phố Ryde...).

So với nhiều quốc gia, Việt Nam chưa có KTĐ phát triển nếu đề cập đến dưới giác độ chính sách đồng bộ, cấu trúc rõ ràng và có đóng góp đáng kể đối với nền kinh tế nói chung. Khi được hỏi có biết đến khái niệm KTĐ, còn khoảng 1/3 số người được hỏi cho rằng không biết và gần 80% cho rằng KTĐ chưa thực sự hình thành ở Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động KTĐ ở Việt Nam cũng đã đạt được một số kết quả khả quan, nhất là tại các thành phố lớn và các địa phương có ngành du lịch phát triển, từ đó cần có một chính sách đồng bộ để phát triển KTĐ.

Chính vì vậy, ngày 27 tháng 7 năm 2020, đề án phát triển KTĐ tại Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (sau đây gọi tắt là Đề án 1129) với hai mục tiêu chính là thúc đẩy tiêu dùng nội địa và quản lý nhà nước về KTĐ. Theo Đề án 1129, Chính phủ cho phép kéo dài thời gian tổ chức dịch vụ ban đêm đến 6h sáng ngày hôm sau tại một số địa điểm du lịch hấp dẫn, có điều kiện quản lý tốt rủi ro hoạt động về đêm tại những địa phương có thể mạnh như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hội An, Huế, Cần Thơ, Đà Lạt, Phú Quốc. Ngoài ra, giai đoạn 2021-2025 cần xây dựng một số khu liên hợp vui chơi giải trí về đêm riêng biệt tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Đề án 1129 được đánh giá là bước đột phá thể hiện quan điểm mới về phát triển KTĐ ở Việt Nam, mặc dù mới chỉ dừng lại ở mức độ thí điểm, chưa có đầy đủ cơ chế pháp lý để thực hiện.

Như vậy, việc xác định phạm vi cũng như giới hạn các lĩnh vực hoạt động KTĐ hiện nay có sự khác nhau giữa các quốc gia. Có quốc gia quan niệm KTĐ theo nghĩa rộng, đó là tất cả các hoạt động xã hội, văn hóa và sản xuất diễn ra trong khung thời gian ban đêm (Andy Lovatt & Connor, 1995). Có quốc gia quan niệm theo nghĩa hẹp hơn, đó là tập hợp các hoạt động của nền kinh tế văn hóa diễn ra ban đêm, chủ yếu là các hoạt động và trải nghiệm mang tính giải trí, bao gồm: các quán bar, sàn nhảy, cơ sở karaoke, nhà hàng, các địa điểm nhạc - sống (trực tiếp) và các hình thức giải trí về đêm khác (như: chợ đêm, các khu thương mại ban đêm, rạp chiếu phim... và không bao gồm ngành công nghiệp mại dâm). Hoạt động KTĐ chú trọng đến giải trí và lối sống, duy trì và phát triển văn hóa bản địa. Thậm chí, để hiểu đúng bản chất KTĐ, nhiều nước còn gọi tên đầy đủ là - nền kinh tế giải trí ban đêm (night-time entertainment economy).

Từ những quan điểm trên, theo cách tiếp cận của luận án, *khái niệm kinh tế đêm là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế, bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng đa dạng, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực văn hoá, giải trí, ẩm thực, mua sắm và dịch vụ hỗ trợ, diễn ra chủ yếu trong khung thời gian ngoài giờ hành chính thông thường (từ khoảng 18h tối hôm trước đến 6h sáng hôm sau) tại các không gian đô thị và du lịch được tổ chức và quản lý*. Bản chất của kinh tế đêm là sự khai thác và tối ưu hoá các nguồn lực (không gian, thời gian, nhân lực) vào ban đêm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm cơ hội việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống, trải nghiệm đô thị và vị thế cạnh tranh của một địa phương trong xu thế phát triển các thành phố 24 giờ.

1.1.2 Đặc điểm của kinh tế đêm

Kinh tế đêm ngày càng trở thành một thành tố quan trọng của nền kinh tế đô thị hiện đại. Các hoạt động KTĐ sở hữu những đặc điểm riêng biệt định hình bản chất và phương thức vận hành của nó, đồng thời đặt ra những yêu cầu đặc thù trong công tác quản lý. Những đặc điểm nổi bật này bao gồm:

Thứ nhất, về mục tiêu kinh tế, KTĐ là hoạt động kinh tế nhằm mục tiêu kinh doanh có lợi nhuận. Mặc dù được gọi dưới nhiều tên (Nữ hoàng đêm, Nền kinh tế 24h, Kinh tế đêm,...) nhưng đặc điểm chung đều có liên quan đến các hoạt động kinh tế diễn ra trong khoảng thời gian từ 6 giờ chiều hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. Thời gian diễn ra hoạt động KTĐ thường chia thành 2 khung giờ: “Kinh tế buổi tối” bao gồm những hoạt động dịch vụ diễn ra trong khoảng thời gian từ 17h đến 24h; “Kinh tế đêm muộn” bắt đầu tiếp theo lúc 0h sáng và kết thúc lúc 6h sáng ngay khi buổi sáng bắt đầu (Phạm Thị Tường Vân, 2020).

Hoạt động KTĐ là hoạt động hợp pháp được Nhà nước thừa nhận, thống kê và bảo hộ chính thức. Hoạt động KTĐ có mô hình tổ chức quản lý riêng, có chiến lược, kế hoạch triển khai thực hiện riêng và có cơ chế, chính sách quản lý riêng nhằm đảm bảo an toàn, an ninh cho hoạt động về đêm.

Dịch vụ du lịch đóng vai trò quan trọng trong nền KTĐ. Các loại dịch vụ mà người tiêu dùng tìm kiếm ở các hoạt động về đêm thường là các dịch vụ về ẩm thực, lễ hội, giải trí, các địa điểm du lịch văn hóa chỉ mở cửa về đêm,... Các dịch vụ này có các đặc điểm khác nhau do đó cách để quản lý và phát triển các hoạt động kinh doanh, cung ứng các dịch vụ này cũng có sự khác biệt đòi hỏi sự linh hoạt trong quản lý, cấp phép, kiểm tra hoạt động kinh doanh.

Hoạt động KTĐ bao gồm các hoạt động đã diễn ra trong thời điểm ban ngày nhưng được chú trọng hơn vào ban đêm. Các hoạt động chính như: Giải trí ban đêm (gồm: các hoạt động nghệ thuật, nhà hát, âm nhạc, các chương trình giải trí, lễ hội, sự kiện), du lịch ban đêm (hoạt động tham quan ở các địa điểm tập trung khách du lịch), dịch vụ ẩm thực ban đêm (gồm: nhà hàng, quán bar,..) và các hoạt động mua sắm (các chợ đêm, khu mua sắm, thương mại,...). Do vậy, phát triển KTĐ thường diễn ra ở các khu vực tập trung đông người như khu đô thị và khu du lịch.

Thứ hai, thành phần tham gia vào hoạt động KTĐ thường đa dạng bao gồm các đối tượng cung cấp dịch vụ và đối tượng thụ hưởng dịch vụ như sau:

(1) Người cung ứng thường là các chủ thể kinh tế với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận hoặc phục vụ lợi ích công. Nhóm này bao gồm: các doanh nghiệp và hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực cốt lõi như ẩm thực, giải trí (nhà hàng, quán bar, câu lạc bộ đêm); và các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ và công ích như cung cấp dịch vụ vận chuyển, dịch vụ văn hóa (thư viện, bảo tàng, trường đại học), và dịch vụ công cộng thiết yếu. Sự đa dạng này tạo nên chuỗi giá trị và cơ cấu ngành nghề đặc trưng của KTĐ.

(2) Người tiêu dùng thường là người lao động, người dân địa phương sau khi đã hoàn thành công việc trong ngày của họ hoặc học sinh, sinh viên sau khi hoàn thành công việc học hành ở trường. Bên cạnh đó còn có khách du lịch muốn khám phá văn hóa đêm của địa phương. Khách hàng không phân biệt tuổi, giới tính, trình độ, văn hóa,... hoặc khách du lịch thay đổi giờ sinh học không ngủ được do thay đổi múi giờ.

Yêu cầu về lao động trong các hoạt động KTĐ đa dạng. Xuất phát từ việc các loại dịch vụ được trao đổi trong các hoạt động kinh tế về đêm rất đa dạng, do đó nhu cầu về lao động phục vụ cũng đa dạng, từ lao động trình độ thấp như nhân viên bảo vệ, nhân viên vệ sinh,... đến lao động đã qua đào tạo như nhân viên pha chế đồ uống tại các quầy bar, hoặc các DJ tại câu lạc bộ đêm,...

Trong nền KTĐ có tồn tại tất yếu một phần của nền kinh tế chưa được quan sát. Với bản chất hoạt động kinh tế về đêm dẫn đến phát sinh nhiều nhu cầu tham gia các hoạt động ban đêm cho cả cung và cầu. Theo đó, bên cạnh các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh có giấy phép đăng ký hoạt động kinh doanh vào thời gian ban đêm thì tồn tại cả các cá nhân kinh doanh tự do, chưa được đăng ký chính thức, hay nói cách khác là ngoài tầm quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước và không được tính toán, thống kê trong hệ thống tài khoản quốc gia. Các bộ phận cấu thành của khu vực kinh

tế chưa được quan sát hoạt động trong KTĐ có thể là các hoạt động kinh tế bất hợp pháp (kinh doanh ma túy, mại dâm,...); các hoạt động chưa được quan sát và hoạt động kinh tế bị bỏ sót trong quá trình thu thập dữ liệu thống kê.

Thứ ba, không gian của các hoạt động KTĐ thường tập trung ở những đô thị lớn hoặc những khu vực du lịch phát triển so với những khu vực khác. Điều này dễ giải thích vì các khu đô thị lớn thường có hạ tầng tốt hơn, giao thông và an ninh đảm bảo hơn, cũng như có mật độ dân cư cao và nhiều người trẻ tuổi, từ đó có nhu cầu và thuận lợi hơn trong việc tham gia các hoạt động vào ban đêm. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy, những địa phương có KTĐ phát triển đều có các cụm bán lẻ và giải trí thu hút người dân và khách du lịch tham gia trên quy mô rộng, phù hợp với chiến lược quảng bá để thu hút đầu tư và du lịch. Tuy nhiên, với nhu cầu ngày càng đa dạng, các khu vực KTĐ cũng được dần hình thành ở ngoài khu vực nội thành. Các khu vực này thu hút các đối tượng khách hàng không phải lúc nào cũng diễn ra cùng lúc, chẳng hạn như những người lao động vào đầu giờ tối, những người trẻ hơn vào ban đêm và các gia đình vào cuối tuần.

KTĐ ở mỗi địa phương hay đô thị còn thể hiện sự kết nối giữa các khu vực diễn ra các hoạt động giải trí, mua sắm và các hoạt động khác về đêm. Kinh nghiệm nhiều quốc gia cho thấy, nếu sự kết nối giữa các khu vực được thực hiện tốt thì quy mô phát triển không gian được thuận lợi. Ngay cả đối với London, một thành phố có KTĐ rất phát triển thì hiện vẫn đang nỗ lực để mở rộng và kết nối các khu vực khác nhau của thành phố trong phát triển KTĐ.

Như vậy, có thể thấy nền kinh tế này phải đảm bảo các yêu cầu: (1) Ưu tiên hướng tới tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm và đồng thời gắn kết cộng đồng, giao lưu xã hội cho người dân, giữa người dân tại địa phương và người nước ngoài, đặc biệt là khách du lịch. (2) Khuyến khích phát triển nhiều ngành nghề/hoạt động mới, đặc biệt là ngành công nghiệp sáng tạo, du lịch, bán lẻ, ẩm thực, đồ uống... (3) Khuyến khích sự tham gia hiệu quả của doanh nghiệp vào tham vấn và thực thi chính sách phát triển KTĐ. (4) Tạo động lực thúc đẩy phát triển dịch vụ công cộng và tối ưu hóa việc sử dụng các dịch vụ công, đặc biệt là giảm hiện tượng sử dụng quá tải cơ sở hạ tầng vào ban ngày. (5) Nhận diện và xử lý hiệu quả các rủi ro, hệ lụy tiêu cực từ hoạt động KTĐ.

1.1.3 Vai trò của kinh tế đêm

KTĐ ngày càng được quan tâm vì nó góp phần tận dụng tối đa thời gian, đa dạng hoá các hoạt động kinh tế. Hơn nữa, nó phục vụ cuộc sống của người dân tốt

hơn, thu hút khách du lịch và tạo ra nhiều cơ hội để tăng trưởng kinh tế. Các dịch vụ KTĐ đa dạng đòi hỏi một lượng lớn lao động ở nhiều vị trí công việc khác nhau, từ đó tạo ra nhiều việc làm. Ngoài ra, sự phát triển của KTĐ có thể thu hút thêm nhiều nhà đầu tư vào các cơ sở vui chơi giải trí và mua sắm, tăng nguồn lực kinh tế cho kinh tế địa phương. Vai trò cụ thể của KTĐ thể hiện ở những khía cạnh sau:

Thứ nhất, KTĐ góp phần tăng trưởng kinh tế đối với mỗi địa phương và cả quốc gia.

KTĐ đã được nhiều quốc gia quan tâm và coi là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế, nhất là lĩnh vực thương mại và dịch vụ. Vai trò đối với kinh tế thể hiện rõ khi KTĐ phát triển mạnh mẽ và sôi động có thể mang lại nhiều lợi ích về tăng nguồn thu cho mỗi địa phương nói riêng và quốc gia nói chung, đó nhờ vào việc thu hút người dân, khách du lịch sử dụng, thưởng thức đa dạng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà KTĐ cung cấp. Đây cũng được xem là động lực chính để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ liên quan như thực phẩm, đồ uống, bán lẻ, vận tải, giải trí, nghệ thuật...

Tại Anh, KTĐ đóng góp 66 tỷ bảng Anh và thu hút một lượng lớn khách du lịch hằng năm (Local Government Association, 2019). Ở Australia, KTĐ cũng tạo ra nhiều việc làm và trung bình mỗi năm là 102 tỷ USD vào năm 2013 và ước tính tăng 13% sau mỗi năm. Sydney là một trong những thành phố về đêm nổi tiếng nhất thế giới. Để có được thành công đó, Sydney đã thành lập Ủy ban phát triển KTĐ, áp dụng các biện pháp như mở các dịch vụ về đêm bao gồm nghệ thuật, văn hóa, bán lẻ và giải trí để thiết lập mạng lưới văn hóa Sydney. Chính quyền Sydney hợp tác với các doanh nghiệp để mở rộng cơ sở hạ tầng giao thông công cộng và hệ thống tàu điện ngầm, quy hoạch và thiết kế lại thành phố cho phù hợp với sự phát triển KTĐ. KTĐ cũng phát triển ở các nước Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Những nỗ lực phát triển kinh tế vào ban đêm đã giúp Nhật Bản ngày càng thu hút nhiều khách du lịch và tăng chi tiêu, đóng góp 400 tỷ Yên mỗi năm cho Nhật Bản. Tại Trung Quốc, KTĐ đang được thúc đẩy mạnh mẽ với nhiều chính sách. Trong khi Bắc Kinh xây dựng khu vực phát triển KTĐ, kéo dài tuổi thọ kinh doanh, cải thiện dịch vụ giao thông công cộng, quảng bá nhà hàng ăn đêm, thì nhiều địa phương khác cũng có kế hoạch xây dựng khu vực hoạt động qua đêm với nhiều sự hỗ trợ của chính quyền địa phương (Trần Vũ Hải, 2022).

Thứ hai, KTĐ góp phần tiết kiệm nguồn lực cho doanh nghiệp và cho xã hội. Phát triển KTĐ cũng là cơ hội phát triển liền mạch hơn nữa giữa hoạt động kinh tế

ban ngày và ban đêm thông qua các hoạt động được tổ chức xuyên suốt hoặc giao thoa giữa ban ngày và ban đêm. Điều đó cũng giúp các cơ sở kinh doanh tiết kiệm chi phí (nhất là chi phí bất biến như tiền thuê mặt bằng) và gia tăng lợi nhuận do tăng trưởng doanh thu (tất nhiên những chi phí khả biến cũng sẽ tăng theo). Sự lưu thông sản phẩm văn hóa và những trải nghiệm vào ban đêm đối với các ngành công nghiệp sáng tạo như thời trang, nghệ thuật, âm nhạc và những trải nghiệm từ lối sống xã hội thông qua các câu lạc bộ đêm, phòng trưng bày, buổi biểu diễn âm nhạc và các buổi trình diễn thời trang, các dịch vụ du lịch, giải trí và ẩm thực không những góp phần kích thích nền kinh tế nói chung mà còn giúp đời sống của người dân trở nên phong phú, việc sử dụng thời gian để trải nghiệm cuộc sống được hiệu quả và đa dạng hơn.

Với tốc độ tăng dân số cơ học tại các khu vực đô thị lớn, để tạo ra thêm nguồn lương thực, nhà ở phục vụ cho việc tăng dân số, cần phải nâng cao hiệu suất sử dụng, khai thác trên cùng một diện tích. Nhưng trong bối cảnh chung các đô thị đều có không gian giới hạn, do đó hiệu suất chỉ có thể tăng thêm nhờ kéo dài thời gian. Khai thác, sử dụng nhiều hơn đối với thời gian về buổi tối và ban đêm sẽ tạo thêm việc làm, hỗ trợ gắn kết cộng đồng và hỗ trợ hòa nhập xã hội.

Thứ ba, KTĐ góp phần tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống trong bối cảnh đô thị hóa mạnh mẽ.

Kinh nghiệm từ Luân Đôn là thành phố có KTĐ rất phát triển cho thấy khoảng một phần ba lực lượng lao động của thành phố này thường làm việc vào ban đêm. Tuy nhiên cũng nảy sinh một thực tế là, mặc dù nhiều người làm việc ban đêm không có được những điều kiện làm việc giống như những người làm việc vào ban ngày, kể cả trong cùng một công việc. Trên thực tế, 53% những người làm việc trong lĩnh vực văn hóa và giải trí về ban đêm ở London được trả lương thấp hơn mức lương đủ sống ở chính thành phố này. Bất chấp điều đó, KTĐ đang phát triển trên toàn cầu, chỉ riêng ở Anh đã có hơn 500.000 công việc thường xuyên vào ban đêm được đăng ký tính bình quân từ năm 2002 đến năm 2012 (Andreina Seijas, 2018)

Liên Hợp Quốc ước tính rằng đô thị hóa ở Châu Á từ năm 2005 đến năm 2010 tăng ở mức khoảng 2,5% mỗi năm. Với đà này, đến năm 2025, hơn một nửa dân số của Châu Á sẽ sống ở các vùng đô thị, và đến năm 2030, dự kiến khoảng 54,5% dân số Châu Á sẽ được đô thị hóa. Hai quốc gia phát triển nhất về thể chất và kinh tế ở Châu Á cũng chính là hai quốc gia đô thị hóa nhất: Nhật Bản và Hàn Quốc. Trong năm 2005, khoảng 66% dân số của Nhật Bản sống tại các thành phố, trong khi đó ở Hàn Quốc, tỉ lệ này là khoảng 81%. Những nước kém phát triển nhất của Châu Á lại có

tỷ lệ đô thị hóa rất thấp. Trong năm 2005, chỉ có 15,8% dân số của Nepal sống ở các thành phố, trong khi đó ở Campuchia là 19,7% và chỉ có 20,6% dân số của CHDCND Lào là sống ở thị trấn, thành phố (Thomas A. Kerr, 2005)

KTĐ cũng góp phần làm giảm áp lực đô thị, tạo thêm việc làm cho người dân địa phương có thể tùy theo trình độ và khả năng làm việc tại các khu du lịch như quản lý, lễ tân, nhân viên phục vụ phòng, hướng dẫn viên du lịch, lái xe ô tô, lái tàu và một số nghề khác. Họ có thể làm việc theo thời vụ hoặc theo ngày, xen kẽ với công việc chính của họ. Vì vậy họ sẽ có thể làm nhiều công việc cùng lúc và có thêm thu nhập. Bên cạnh đó, các khu vực lân cận đô thị có thể có thêm việc làm khi cung cấp nguồn nhân lực, sản phẩm, hàng hóa phục vụ cho KTĐ.

Thứ tư, KTĐ góp phần phát triển các ngành nghề kinh tế khác, đặc biệt là lĩnh vực du lịch.

Theo một nghiên cứu, khoảng 20% số chuyến thăm mỗi ngày đến Vương quốc Anh trong năm 2014 là tập trung vào hoạt động ban đêm như ăn đêm và đi chơi. Tại Berlin, có đến 35% số lượng lưu trú là du khách tìm kiếm các hoạt động giải trí vào ban đêm, trong khi tại Manchester có khoảng 150.000 người đến thăm vào mỗi cuối tuần vì muốn tham gia cuộc sống về đêm của thành phố này (Andreina Seijas, 2018). Lợi thế của hoạt động KTĐ là thu hút khách du lịch và tạo điểm nhấn, màu sắc cho từng địa phương, vùng miền. Một lý do rất “kinh tế” là đối với du khách, những người chi tiền để đi khám phá những địa danh mới, thì việc dành nhiều thời gian hơn, nhất là ban đêm là cách để “hưởng thụ” được nhiều nhất. Do đó, nếu các hoạt động KTĐ càng được đầu tư đa dạng và phong phú thì càng có khả năng giữ chân du khách và kích thích nhu cầu chi tiêu. Xu hướng của khách du lịch đang có chiều hướng giảm về tần suất đi du lịch nhưng lại gia tăng thời gian tham gia trong một chuyến đi. Vì thế các công ty du lịch, ngoài việc phát triển các sản phẩm du lịch cho du khách trải nghiệm ban ngày thì luôn có nhu cầu phát triển thêm các sản phẩm về đêm. Theo ý kiến của các chuyên gia về du lịch thì nhu cầu chi tiêu của du khách vào ban đêm mới đáng kể, chiếm khoảng 70% mức chi tiêu trong một chuyến đi, bởi lẽ ban ngày khách du lịch chủ yếu đi tham quan các địa danh theo chương trình, chỉ buổi tối mới có thời gian để khám phá văn hóa, ẩm thực và các hoạt động khác (Tuệ Mỹ, 2022).

Những bằng chứng trên cho thấy, KTĐ có vai trò ngày càng lớn trong việc quản lý nhà nước về KTĐ. Mỗi quan hệ này thể hiện ở chỗ, KTĐ giúp gia tăng khả năng thu hút khách du lịch, tăng chi tiêu của du khách và kéo dài thời gian lưu trú, góp phần thúc đẩy du lịch phát triển và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KTĐ.

Ngược lại, sự phát triển của ngành du lịch, hay nói một cách cụ thể hơn là sự gia tăng của khách du lịch cùng với các dịch vụ phục vụ khách du lịch tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển của KTĐ. Rõ ràng, KTĐ là một phần của kinh tế du lịch và ngược lại, tức là hai bộ phận kinh tế này có sự giao thoa và gắn bó chặt chẽ.

Thứ năm, KTĐ góp phần gia tăng phát triển các ngành công nghiệp sáng tạo, phát triển các yếu tố văn hóa mang bản sắc địa phương và quốc gia.

Theo định nghĩa của UNESCO, công nghiệp sáng tạo bao gồm những sản phẩm mang tính sáng tạo thuộc lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật. Hiện nay, có khoảng 11 ngành được coi thuộc về công nghiệp sáng tạo, bao gồm quảng cáo, giải trí kỹ thuật số, kiến trúc, mỹ thuật đồ cổ và thủ công mỹ nghệ, thiết kế mỹ thuật, phim ảnh và video, in ấn xuất bản, nghệ thuật biểu diễn, âm nhạc, phát thanh truyền hình và phần mềm vi tính.

Những ý tưởng ban đầu về lĩnh vực công nghiệp sáng tạo từ/trong các hoạt động văn hóa đã xuất hiện từ giữa những năm 1980. Quá trình đi từ một ý tưởng đến tiêu dùng (và các bộ phận hợp thành liên quan đều thu được lợi ích của mình) một sản phẩm văn hóa bao gồm toàn bộ các khâu: Hình thành ý tưởng, sản xuất, phân phối và tiêu thụ. Việc thương mại hóa các sản phẩm “mang tính ý tưởng” liên quan đến văn hóa và nghệ thuật là tiền đề cho sự hình thành của công nghiệp sáng tạo. Trong quá trình toàn cầu hóa, sáng tạo trở thành phương tiện mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế. Công nghiệp sáng tạo là một bộ phận của kinh tế tri thức nhưng có thể đo lường được và tính được doanh thu. Nó là sự kết nối giữa tri thức, văn hóa với thương mại và tạo ra lợi nhuận.

Ở châu Âu, ngành công nghiệp sáng tạo có sự đóng góp lớn cho nền kinh tế, tạo ra khoảng 3% GDP và tạo công việc cho khoảng 6 triệu người. Ở Anh, xuất khẩu dịch vụ bởi các ngành công nghiệp sáng tạo chiếm 10,6% tổng số kim ngạch xuất khẩu dịch vụ năm 2011. Ở Hồng Kông, 85% thu nhập quốc dân có được từ nguồn thu dịch vụ giải trí, truyền hình, quảng cáo. Với tiềm năng to lớn, Việt Nam có thể trở thành một nền kinh tế sáng tạo năng động của khu vực Đông Nam Á trong tương lai. Do đó, nhận thức rõ hơn về công nghiệp sáng tạo, công nghiệp văn hóa và coi văn hóa như là một tài sản, là sự bổ sung giá trị trong cả nền kinh tế là điều cần thiết.

Công nghiệp sáng tạo thường gắn liền với công nghiệp văn hóa. Công nghiệp văn hóa là một ngành công nghiệp mới nổi bao gồm các hoạt động sản xuất sản phẩm, dịch vụ văn hóa gắn với yếu tố sáng tạo phục vụ cho thị trường và xã hội. Theo quan điểm của Liên đoàn quốc tế các Hiệp hội tác giả và sáng tác (CISAC) thì trong giai

đoạn hiện nay, công nghiệp văn hóa là điểm giao thoa giữa nghệ thuật, kinh doanh và khoa học công nghệ; cầu nối giữa bản sắc văn hóa quốc gia và hội nhập quốc tế; gắn với ý tưởng sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số.

Như vậy, có thể thấy KTĐ và công nghiệp sáng tạo và công nghiệp văn hóa đều có một mối quan hệ mật thiết, liên quan đến mức độ hoạt động tiêu dùng và số lượng lao động sáng tạo làm việc vào ban đêm. KTĐ phát triển cũng góp phần đảm bảo cho sự phát triển các ngành công nghiệp sáng tạo, công nghiệp văn hóa như phim ảnh, âm nhạc, xuất bản và thiết kế, đều là những ngành hoạt động suốt ngày đêm và là chìa khóa thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới của địa phương (Elizabeth Currid, 2008).

Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp tích cực, có thể nhận diện một số tác động tiêu cực từ KTĐ như sau:

Một là, KTĐ làm gia tăng chi phí đối với các chủ thể kinh doanh và của chính quyền địa phương, từ đó gia tăng chi phí đối với xã hội. Chính quyền địa phương cũng cần phải đầu tư, bỏ chi phí vận hành nhiều bộ phận quản lý nhà nước, hệ thống giao thông, đèn chiếu sáng, lắp đặt và quản lý camera công cộng v.v.. Để tiến hành các hoạt động KTĐ, các chủ thể kinh doanh phải bỏ các chi phí mà ban ngày có thể tiết kiệm hơn, ví dụ như chi phí về điện dùng để chiếu sáng. Chi phí về nhân công cũng có khuynh hướng tăng lên, một mặt là do quy định về việc chi trả giờ làm đêm của pháp luật lao động; mặt khác do số lượng người lao động sẵn sàng làm việc về ban đêm thường ít hơn so với ban ngày nên mức lương có khuynh hướng tăng hơn so với làm việc vào ban ngày đối với một công việc tương tự. Tuy những chi phí này có thể được bù đắp thông qua doanh thu từ các hoạt động KTĐ, từ đó các địa phương cũng thu được thêm tiền thuế. Tuy nhiên, trong trường hợp KTĐ mới phát triển, chưa thật sự có sức thu hút, thì những chi phí phụ trội hơn so với hoạt động vào ban ngày được xem là “rào cản” đối với các mô hình kinh doanh nói chung và kinh doanh nhỏ nói riêng, do đó cần có những chính sách hỗ trợ phù hợp từ phía chính quyền địa phương nhằm phát triển KTĐ một cách hiệu quả.

Hai là, KTĐ tiềm ẩn những nguy cơ về an ninh trật tự. Đây cũng là mối quan tâm chung của nhiều quốc gia trong việc phát triển KTĐ. Nghiên cứu sinh lấy ý kiến khảo sát thì thấy người dân rất quan tâm đến việc bảo đảm về tình trạng an ninh trật tự (91% số người được hỏi, (Trần Vũ Hải, 2022)). Nguyên nhân của những nguy cơ về an ninh trật tự xuất phát từ những đặc thù của KTĐ về thời gian và tính chất hoạt động. Nhiều khu vực về đêm có thể không đảm bảo an toàn, nhất là đối với phụ nữ và trẻ em. Có thể xảy ra những hiện tượng vi phạm pháp luật như gây mất trật tự công

cộng, đánh nhau, trộm cắp, cướp giật v.v.. Do đó, tăng cường công tác an ninh trật tự từ phía chính quyền địa phương là một trong những giải pháp căn cơ cần được quan tâm. Đồng thời, kinh nghiệm của nhiều quốc gia và địa phương trên thế giới cho thấy, cần sử dụng nhiều biện pháp hỗ trợ và tuyên truyền để nâng cao nhận thức và kỹ năng của người dân và doanh nghiệp hoạt động KTĐ về việc đảm bảo an ninh trật tự và an toàn cho những người dân và khách du lịch.

Ba là, KTĐ có thể làm nảy sinh mâu thuẫn giữa các bộ phận dân cư trong cộng đồng địa phương. Trong trường hợp các khu vực KTĐ xen lẫn trong các khu dân cư, thực tế cho thấy sẽ nảy sinh mâu thuẫn giữa các bộ phận dân cư khác nhau của khu vực. Do thời gian ban đêm là thời gian nghỉ ngơi của đa số người dân, nên các hoạt động KTĐ có thể tạo ra tiếng ồn, cũng như mức độ nhộn nhịp của số lượng người tham gia sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu nghỉ ngơi của nhiều người dân sinh sống trong khu vực. Mâu thuẫn cũng có thể xuất phát từ việc một bộ phận người dân được hưởng lợi khi KTĐ phát triển (cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc cho thuê mặt bằng) trong khi đó một bộ phận người dân lại phải chịu đựng những ảnh hưởng tiêu cực (ví dụ như việc cấm đường để tạo thành khu vực đi bộ, gia tăng tình trạng mất an ninh trật tự hoặc tiếng ồn v.v..). Kinh nghiệm của một số địa phương cho thấy, sự đồng thuận của cộng đồng có ý nghĩa quan trọng trong phát triển KTĐ tại bất kỳ địa phương nào.

Bốn là, KTĐ có thể khuyến khích sử dụng các chất kích thích không có lợi cho sức khỏe như rượu, thuốc lá và đồ uống có đường. Có nhiều nghiên cứu cho thấy, rượu luôn là mối quan tâm trong việc quản lý đối với KTĐ của nhiều quốc gia và địa phương (Robert Shaw, 2014). Việc tiêu thụ nhiều rượu trong các hoạt động ẩm thực hoặc giải trí có thể làm gia tăng tình trạng say xỉn, làm thay đổi hành vi con người, gây mất trật tự công cộng hoặc mất an toàn khi tham gia giao thông. Thuốc lá và đồ uống có đường không có lợi cho sức khỏe, gây nên nhiều loại bệnh nguy hiểm cho người sử dụng. Bên cạnh đó, có những lo ngại cho rằng, KTĐ có thể là nguyên nhân giảm sút năng suất và hiệu quả lao động vào ban ngày vì các hoạt động của cá nhân tham gia các hoạt động KTĐ sẽ làm cơ thể họ mệt mỏi vào hôm sau.

1.2. Khái niệm, nội dung và mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế đêm

1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về kinh tế đêm

a. Khái niệm quản lý và quản lý nhà nước về kinh tế

Quản lý là một hiện tượng khách quan trong mọi hình thái kinh tế - xã hội. Nó xuất hiện là tất yếu do lao động mang tính tập thể và các hoạt động mang tính cộng đồng, xã hội quyết định. Các Mác đã chỉ rõ: “Bất kỳ lao động xã hội trực tiếp hay lao

động chung nào đó mà được tiến hành trên quy mô tương đối lớn, ở mức độ nhiều hay ít đều cần có sự quản lý nhằm phối hợp những hoạt động cá nhân và thực hiện những chức năng chung”. Ông đã hình dung quản lý giống như công việc của người nhạc trưởng trong một dàn hợp xướng. “Một nhạc công tự điều khiển mình, nhưng một dàn nhạc cần phải có nhạc trưởng”(Các Mác – Ph.Ăng ghen, toàn tập, 1995).

Có nhiều cách trình bày, diễn đạt khác nhau về khái niệm quản lý, nhưng phổ biến có 2 cách tiếp cận sau:

Tiếp cận thứ nhất: Quản lý là một quá trình, trong đó chủ thể quản lý tổ chức, điều hành, tác động có định hướng, có chủ đích một cách khoa học và nghệ thuật vào đối tượng quản lý nhằm đạt kết quả tốt nhất theo mục tiêu đã đề ra thông qua việc sử dụng các phương pháp và công cụ quản lý thích hợp.

Tiếp cận thứ hai: Quản lý được hiểu là một hệ thống, bao gồm các thành tố: đầu vào, đầu ra, quá trình biến đổi đầu vào thành đầu ra, môi trường và mục tiêu của quản lý. Các yếu tố trên luôn tác động qua lại lẫn nhau. Một mặt, chúng đặt ra các yêu cầu, những vấn đề quản lý phải giải quyết. Mặt khác, chúng ảnh hưởng tới hiệu lực và hiệu quả của quản lý.

Hai cách tiếp cận trên được nghiên cứu và vận dụng không chỉ trong lĩnh vực quản lý kinh tế, mà cả trong các lĩnh vực khác như văn hóa và xã hội, an ninh và quốc phòng, không chỉ giới hạn nghiên cứu trên tầm vĩ mô, mà cả phạm vi các đơn vị vi mô là tổ chức, doanh nghiệp.

Như vậy, có thể hiểu *quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và các mục tiêu đã xác định trong từng giai đoạn phát triển của đất nước.*

Quản lý nhà nước theo nghĩa rộng được thực hiện thông qua hoạt động của cả 3 cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Theo nghĩa hẹp, quản lý nhà nước được giới hạn ở hoạt động quản lý có tính chất nhà nước được thực hiện bởi cơ quan hành pháp (Chính phủ) nhằm đạt tới các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đặt ra.

Quản lý nhà nước về kinh tế: “*Đó là quá trình tác động có tổ chức và bằng quyền lực của Nhà nước tới nền kinh tế nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, tận dụng tốt nhất các cơ hội có thể có để đạt mục tiêu đã xác định về phát triển kinh tế của đất nước trong từng giai đoạn*”(Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bưu, 2008).

Để tác động đến các hoạt động trong nền kinh tế, nhà nước bằng quyền lực của mình theo quy định của hiến pháp phải kiến tạo bộ máy tổ chức, phân công và phân cấp, phân quyền và phân nhiệm cho các cơ quan quản lý cũng như quy định sự phối hợp, đồng thời xây dựng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức và công cụ quản lý phù hợp với thể chế kinh tế, chính trị - xã hội đã xác lập.

Quá trình tác động của các cơ quan quản lý nhà nước tới các chủ thể tiến hành các hoạt động kinh tế là mang tính liên tục trong điều kiện môi trường luôn thay đổi. Do tính 2 mặt của kinh tế thị trường có cả ưu điểm và khuyết tật, hội nhập có cả cơ hội và thách thức nên không phải các chủ thể kinh tế lúc nào cũng tự điều chỉnh các hoạt động theo đúng mục tiêu và định hướng của Nhà nước. Vì vậy, cơ quan quản lý nhà nước cần phải nhận thức đúng đắn các quy luật và xu hướng vận động của các quan hệ, các quá trình kinh tế để xác lập cơ chế quản lý, phương thức tác động cho thích hợp, xử lý tốt các mâu thuẫn mới mang lại hiệu quả, đạt được mục tiêu.

Quản lý nhà nước về kinh tế chính là sự tác động của hệ thống quản lý (hay chủ thể quản lý là Nhà nước) lên hệ thống bị quản lý (hay khách thể quản lý là nền kinh tế) nhằm hướng sự vận hành của nền kinh tế theo các mục tiêu đặt ra (Lương Xuân Quỳ, 2006). Trong thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế còn được cụ thể hoá theo các lĩnh vực, các mặt cụ thể của quản lý. Đó là một hệ thống tổng thể bao gồm các yếu tố: mục tiêu, nội dung, phương pháp, nguyên tắc tổ chức, cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ quản lý cũng như môi trường của hoạt động kinh tế,... Theo cách tiếp cận này, quản lý nhà nước về kinh tế là sự tác động của Nhà nước vào cả quá trình hoặc vào từng thành tố của quá trình làm cho quá trình đó vận động tới mục tiêu. Mỗi thành tố là một lĩnh vực quản lý chức năng (như tài chính, thương mại, kế hoạch, đầu tư, tổ chức, nhân sự...), có ảnh hưởng tới toàn bộ hệ thống và kết quả của hoạt động hoặc quá trình kinh tế nói chung.

Dù có tiếp cận nghiên cứu khác nhau, nhưng bản chất của quản lý nhà nước về kinh tế đó là tác động của Nhà nước vào kinh tế thông qua việc sử dụng quyền lực nhà nước nhằm đạt mục tiêu. Quyền lực nhà nước thể hiện ở thẩm quyền và trách nhiệm của hệ thống quản lý (cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế) khi sử dụng các công cụ, nguyên tắc, phương pháp, hình thức quản lý để tác động đến hệ thống bị quản lý (các đối tượng quản lý - tổ chức, cá nhân và các hoạt động kinh tế của họ) nhằm làm cho nền kinh tế vận hành theo định hướng, mục tiêu đã đặt ra (Thân Danh Phúc, 2015). Suy cho cùng là nhà nước quản lý những con người hoạt động kinh tế và thông qua con người để thực hiện các nhiệm vụ và đạt được các mục tiêu đã xác

định trong từng giai đoạn. Vấn đề tác động tới ai, tới cái gì, như thế nào, bằng cách nào, mức độ, tính chất ra sao và hướng tới mục tiêu mang lại những lợi ích gì... là những câu hỏi chủ yếu liên quan tới biểu hiện cụ thể nội dung quản lý nhà nước về kinh tế trong từng giai đoạn phát triển của đất nước.

b. Khái niệm quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Nếu QLNN nói chung được hiểu là hoạt động quản lý của Nhà nước về tất cả các phương diện: kinh tế, văn hóa, xã hội, luật pháp, môi trường tự nhiên... thì QLNN về kinh tế chỉ bao gồm các hoạt động quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực kinh tế.

Đồng thời nếu coi QLNN về KTĐ là một bộ phận của QLNN về kinh tế thì xuất phát từ khái niệm, yếu tố cấu thành KTĐ và khái niệm QLNN, có thể hiểu: *QLNN về KTĐ là quá trình tác động có tổ chức và bằng quyền lực nhà nước của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước (từ trung ương đến địa phương) tới các chủ thể kinh tế, các đối tượng hoạt động và các điều kiện diễn ra hoạt động kinh tế về đêm nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tận dụng tốt nhất các cơ hội nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.*

Trong đó: (1) Đối với KTĐ nói chung (không giới hạn là cấp nào) thì chủ thể quản lý bao gồm Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp và cơ quan thuộc UBND các cấp từ trung ương đến địa phương; (2) Đối tượng quản lý bao gồm tất cả doanh nghiệp và người tiêu dùng khác (không phân biệt quy mô, thành phần kinh tế, địa bàn kinh doanh...), tất cả hàng hóa là tư liệu tiêu dùng; (3) Điều kiện diễn ra hoạt động KTĐ bao gồm toàn bộ điều kiện diễn ra hoạt động KTĐ của các chủ thể trên.

Trên cơ sở phân cấp, phân quyền QLNN thì QLNN về KTĐ được chia thành QLNN về KTĐ cấp Trung ương và QLNN về KTĐ cấp địa phương. Trong đó:

QLNN về KTĐ ở cấp Trung ương là sự tác động có định hướng và tổ chức của hệ thống các cơ quan nhà nước ở trung ương, mà chủ thể là Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành chuyên môn, lên toàn bộ các điều kiện, chủ thể và hoạt động của kinh tế đêm trên phạm vi cả nước. Sự tác động này được thực hiện chủ yếu thông qua các công cụ mang tính vĩ mô như: hoạch định chiến lược quốc gia; xây dựng và ban hành khung khổ pháp luật thống nhất; điều phối các nguồn lực cấp quốc gia; thúc đẩy hợp tác quốc tế; và tiến hành thanh tra, giám sát việc thực thi chính sách của chính quyền địa phương. Mục tiêu của quản lý nhà nước ở cấp Trung ương là nhằm kiến tạo một môi trường pháp lý đồng bộ, thuận lợi và bình đẳng; định hướng, khai thác và phát huy tiềm năng của kinh tế đêm như một động lực tăng trưởng chung

cho cả nước, đồng thời đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và các mục tiêu phát triển bền vững.

Quản lý nhà nước của địa phương về KTĐ bao gồm (1) Cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, (2) Cấp phường/xã/thị trấn (trong luận án này, các cấp trên lần lượt gọi chung là cấp tỉnh/thành phố, cấp phường, cấp xã;). Luận án này tập trung nghiên cứu QLNN về KTĐ tỉnh/thành phố. Khi đó khái niệm QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố có thể được hiểu như sau:

Quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố là sự tác động có tổ chức, trực tiếp và bằng quyền lực nhà nước của hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh/thành phố tới toàn bộ chủ thể, đối tượng và điều kiện diễn ra hoạt động kinh tế đêm trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh/thành phố nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh/thành phố trong từng giai đoạn xác định.

Sự tác động này được thực hiện nhằm cụ thể hóa các chiến lược, chính sách vĩ mô của Trung ương và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế đặc thù của địa phương để tổ chức, điều tiết, giám sát các hoạt động KTĐ một cách hiệu quả, đảm bảo mục tiêu kép là tăng trưởng kinh tế địa phương và duy trì trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường, phù hợp với định hướng phát triển chung của quốc gia.

Có thể thấy, QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố về cơ bản mang những đặc điểm chung của QLNN. Căn cứ vào các đặc điểm QLNN nói chung của các tác giả Phan Huy Đường (Chủ biên) và Phan Anh (Quản lý nhà nước về kinh tế, 2017), luận án đã khái quát các đặc điểm của QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

Một là, QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố mang tính tất yếu khách quan. Sự phát triển của các hoạt động KTĐ diễn ra trên địa bàn tỉnh đến một lúc nào đó sẽ nảy sinh các vấn đề về lợi ích và mâu thuẫn giữa các thành phần tham gia vào KTĐ. Chính vì vậy cần có QLNN để điều tiết, dung hòa các lợi ích và mâu thuẫn, và hơn ai hết CQĐP tỉnh/thành phố với vai trò quản lý trực tiếp, sẽ là người thực hiện các chức năng QLNN về KTĐ ở tỉnh.

Hai là, QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố mang tính hành chính, thực hiện thông qua các công cụ chủ yếu như chiến lược, kế hoạch, pháp luật, các công cụ và chính sách kinh tế.

Ba là, QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố mang tính thích ứng linh hoạt và sáng tạo để phù hợp với những điều kiện cụ thể tại địa phương ứng với từng thời kỳ nhất định. QLNN về KTĐ trên địa bàn cấp tỉnh vận hành theo định hướng

chung nhưng không rập khuôn, cứng nhắc nhằm đem lại hiệu quả quản lý cao nhất. Đặc biệt trong bối cảnh quốc tế hóa, toàn cầu hóa ngày nay, QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố không chỉ phù hợp với điều kiện trong nước mà còn phải phù hợp với thông lệ, luật pháp quốc tế.

1.2.2 Mục tiêu của quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Mục tiêu của Quản lý Nhà nước QLNN về Kinh tế Đêm KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố không chỉ dừng lại ở việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn phải đảm bảo tính bền vững, an toàn và hòa nhập xã hội của các hoạt động diễn ra trong khung giờ ban đêm. Đây là một mục tiêu phức hợp, yêu cầu sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và quản lý rủi ro xã hội.

Trên cơ sở các nghiên cứu và định hướng quản lý, mục tiêu QLNN về KTĐ tỉnh/thành phố được xác định như sau:

Thứ nhất, mục tiêu cốt lõi là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đa dạng hóa nguồn thu, thông qua việc khai thác tối đa thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có của địa phương. QLNN phải chủ động nghiên cứu, xây dựng mô hình phát triển KTĐ phù hợp với lợi thế và điều kiện thực tiễn, đồng thời thu hút các nguồn lực đầu tư cho sản phẩm KTĐ. Việc này bao gồm cả việc phát triển các sản phẩm du lịch đêm mang đậm bản sắc văn hóa, tạo điểm nhấn thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế, từ đó tăng cường năng lực khai thác nguồn tài nguyên, tri thức, tài chính và ứng dụng công nghệ.

Thứ hai, QLNN nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đồng thời tăng cường năng lực quản lý, khai thác nguồn tài nguyên, tri thức, tài chính và ứng dụng công nghệ, hợp tác khu vực công và tư. Mục tiêu này cũng nhấn mạnh việc đảm bảo an toàn xã hội bằng cách nghiên cứu quy hoạch những khu vực, địa điểm có khả năng phát triển KTĐ với khung thời gian hoạt động cụ thể nhằm có cơ sở triển khai trong tương lai.

Thứ ba, QLNN phải đạt được mục tiêu đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường. Đây là yếu tố then chốt để KTĐ phát triển bền vững, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng sống của cộng đồng địa phương. UBND tỉnh/thành phố có trách nhiệm phân bổ nguồn lực phù hợp cho quản lý, kiểm tra, giám sát công tác an ninh, trật tự xã hội, y tế, môi trường tại khu vực phát triển KTĐ. Mục tiêu này đòi hỏi QLNN phải có giải pháp giảm thiểu tác động do chất thải và tiếng ồn, đồng thời đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tóm lại, mục tiêu tổng quát của QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố là quản lý và phát triển các hoạt động KTĐ có khả năng đóng góp đáng kể vào GDP

của địa phương, dựa trên khung pháp lý rõ ràng, dễ thực thi và bảo đảm một môi trường kinh doanh về đêm an toàn, văn minh và bền vững cho cả doanh nghiệp, du khách và cộng đồng dân cư.

1.2.3 Nội dung quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố

Quản lý nhà nước về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố là một quá trình phức tạp, bao gồm nhiều hoạt động khác nhau. Trên cơ sở chỉ đạo của QLNN cấp Trung ương thì QLNN về KTĐ tỉnh/thành phố bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1.2.3.1. Xây dựng và ban hành các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Hệ thống văn bản quản lý về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố ban hành (Nghị quyết) và do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ban hành (Quyết định), cùng với các văn bản chỉ đạo, điều hành khác về các lĩnh vực hoạt động vào ban đêm do các cơ quan quản lý nhà nước tỉnh/thành phố ban hành.

Các cơ quan QLNN cấp tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, trực tiếp tổ chức hoặc phối hợp thực hiện các VBQL về KTĐ. Các văn bản hướng dẫn thực hiện phải đầy đủ, đồng bộ, công khai, minh bạch, rõ ràng để các bên liên quan dễ dàng nắm bắt và triển khai thực hiện. Văn bản triển khai phải đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và quy định của cơ quan QLNN cấp trung ương, vừa phải thông thoáng trên cơ sở phù hợp với đặc điểm từng địa phương để khuyến khích phát triển; đồng thời cũng phải đảm bảo tính ổn định và bình đẳng, tính nghiêm minh trong quá trình thực thi.

KTĐ của một quốc gia, trong đó bao gồm cả KTĐ của địa phương, trước hết phải phù hợp với đường lối phát triển KT-XH của quốc gia đó và được cụ thể hóa bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách PTKTĐ của quốc gia. Chính vì vậy, trong quá trình PTKTĐ, các địa phương cũng phải tổ chức thực hiện và tuân thủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, PTKTĐ cấp trung ương.

Ngoài ra còn có các văn bản chỉ đạo về quy hoạch đô thị cho thấy việc tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở để tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống trong đô thị, được thể hiện thông qua đồ án quy hoạch đô thị. Nội dung trong các văn bản này chỉ rõ nhiệm vụ quy hoạch là các yêu cầu về nội dung nghiên cứu và tổ chức thực hiện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để lập đồ án quy hoạch đô thị. Đồ án quy hoạch đô thị là tài liệu thể hiện nội dung của quy hoạch đô thị, bao gồm các bản vẽ, mô hình, thuyết minh và quy định quản lý theo quy hoạch đô thị. Quy hoạch chung là việc tổ chức không gian, hệ thống các công trình hạ tầng

kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở cho một đô thị phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đô thị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững. Quy hoạch phân khu là việc phân chia và xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị của các khu đất, mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội trong một khu vực đô thị nhằm cụ thể hoá nội dung quy hoạch chung. Quy hoạch chi tiết là việc phân chia và xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, yêu cầu quản lý kiến trúc, cảnh quan của từng lô đất; bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội nhằm cụ thể hoá nội dung của quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung.

Với các văn bản quản lý KTĐ mà cơ quan QLNN cấp trung ương đề ra, các địa phương phải tổ chức thực hiện theo những cách thức phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định và hoàn thành các mục tiêu đặt ra.

1.2.3.2 Tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế đêm

a. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Quản lý nhà nước về KTĐ có tính chất liên ngành, do đó trong QLNN về KTĐ phải tạo được những cân đối chung, điều tiết được thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho mọi hoạt động KTĐ phát triển thuận lợi. Để thực hiện tốt điều này, bộ máy QLNN về KTĐ phải được tổ chức thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả từ trung ương đến địa phương với đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, năng lực; đồng thời các cơ quan, tổ chức trong bộ máy đó phải luôn được phối hợp chặt chẽ với nhau, đảm bảo sự thống nhất trong tổ chức và hoạt động.

Bộ máy quản lý nhà nước về KTĐ bao gồm các bộ phận trong một cơ cấu chính thể, có chức năng, nhiệm vụ thực hiện quyền lực nhà nước thực hiện việc quản lý một cách có hiệu quả đối với KTĐ.

Đối với QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Ngoài ra UBND Thành phố phối kết hợp với các cơ quan sở ban ngành khác căn cứ chức năng quản lý nhà nước của mình để rà soát, xác định các vấn đề liên quan đến kinh tế đêm, xây dựng đề án, quy chế phối hợp quản lý hoạt động kinh tế đêm và đề xuất chính sách sửa đổi, bổ sung phù hợp.

Từ kinh nghiệm tổ chức bộ máy quản lý hoạt động KTĐ tại một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy, hiện nay, các quốc gia không có một mô hình chung, đồng nhất để tổ chức bộ máy quản lý/điều hành hoạt động KTĐ. Mỗi quốc gia, tùy từng

điều kiện, hoàn cảnh sẽ tổ chức mô hình cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm, tình hình phát triển KTĐ. Thậm chí, ngay trong một quốc gia, mỗi thành phố hay các vùng khác nhau sẽ có những mô hình quản lý được tổ chức theo những cách khác nhau.

Về mô hình tổ chức và nhiệm vụ của bộ máy quản lý: nhiều quốc gia trên thế giới thiết lập một cơ cấu tổ chức bộ máy riêng biệt chuyên quản hoạt động KTĐ trực thuộc bộ máy chính quyền địa phương. Bộ máy này thường bao gồm lãnh đạo thành phố, nhân viên chuyên trách các lĩnh vực (quy hoạch, văn hóa, truyền thông, du lịch, cảnh sát, y tế, nhà ở, vận tải, kinh doanh...). Một vài nơi còn khuyến khích việc các tổ chức cộng đồng dân cư, cộng đồng doanh nghiệp hay các tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng tham gia bộ máy quản lý, đóng góp những ý tưởng và cũng là một cách để điều hòa hay dung hợp lợi ích giữa các chủ thể có liên quan đến hoạt động KTĐ. Trong khi đó tại Mỹ (San Francisco, Seattle và New York), chính quyền địa phương có xu hướng tiếp cận việc quản lý KTĐ thông qua các cơ quan chuyên trách về điện ảnh, âm nhạc, truyền thông và giải trí. Còn tại Trung Quốc, một số địa phương thành lập Ban chỉ đạo phát triển KTĐ của Thành phố (Thomas A. Kerr, 2005).

Về người đứng đầu bộ máy quản lý: có nhiều tên gọi khác nhau dành cho vị trí nhân sự đứng đầu bộ máy quản lý, ví dụ: thị trưởng thành phố Luân Đôn (Anh) đã bổ nhiệm chức vụ “Night Czar” (tạm dịch là Thị trưởng đêm) kể từ năm 2016 để phối hợp với các cơ quan, ban ngành, cộng đồng và doanh nghiệp có liên quan và hoàn toàn tách biệt với chức vụ quản lý chính quyền địa phương đối với các hoạt động kinh tế ban ngày. London’s Night Czar được đánh giá là một vị trí quyền lực nhất của chính quyền thành phố, chỉ đứng sau Thị trưởng. Chức danh này xử lý các vấn đề hằng ngày, quảng bá âm nhạc và cuộc sống về đêm. Ngoài ra, Thị trưởng thành phố cũng thành lập Ủy ban đêm bao gồm đại diện các bên liên quan đến hoạt động đêm (tương tự như các quốc gia khác) để giải quyết các vấn đề chính sách có tính dài hạn. Tại các địa phương của Trung Quốc, chính quyền bổ nhiệm chức danh Khu trưởng Đêm (với nghĩa đen là Người thấp đèn), thực hiện chế độ thủ trưởng quản lý đối với hoạt động KTĐ (Tim Heath, 1997).

Có thể thấy rằng nhu cầu hình thành tổ chức điều hành KTĐ với các chức danh quản lý chuyên biệt là một nhu cầu có thực và bức thiết ở các quốc gia. Nhu cầu này xuất phát từ sự phức tạp của KTĐ với cả những cơ hội và thách thức mà nó mang lại. Quản lý KTĐ đòi hỏi sự tham gia và phối kết hợp đặc biệt nhuần nhuyễn giữa các lực lượng chức năng của chính quyền với tổ chức doanh nghiệp và người dân sinh sống tại địa phương. Mô hình quản lý riêng biệt đối với KTĐ hướng đến điều phối nhịp

nhàng các hoạt động kinh tế, tham mưu chính sách và vai trò “cầu nối” – “giữa những người muốn làm việc, người muốn tiệc tùng hoặc người muốn ngủ”. Do đó, mô hình quản lý KTĐ có sự khác biệt nhất định với mô hình quản lý nhà nước vào ban ngày do đặc trưng của KTĐ.

Từ kinh nghiệm ở địa phương của một số các quốc gia cho thấy, chính quyền địa phương (đặc biệt là các chính quyền tại các đô thị, các thành phố lớn) đóng một vai trò thiết yếu và đặc biệt quan trọng trong quản lý KTĐ. Kể cả khi thành lập một cơ quan chuyên trách là văn phòng/ủy ban hoặc cá nhân quản lý thì vai trò chính quyền địa phương vẫn nổi bật bởi sự dẫn dắt, định hướng, ban hành quy phạm để thúc đẩy sự phát triển KTĐ phù hợp với đặc điểm, tình hình và điều kiện riêng biệt của địa phương; đồng thời, có nhiệm vụ lựa chọn ra nhân sự tham gia điều phối hoạt động KTĐ.

Như vậy QLNN về KTĐ của tỉnh/thành phố thì CQĐP cấp tỉnh là trung tâm điều phối sự phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan khác trong KTĐ; gắn kết giữa các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn với thị trường liên vùng, khu vực và trên thế giới, nhất là với các trung tâm kinh tế lớn. Một mặt, CQĐP cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ tham gia hợp tác quốc tế và du lịch theo quy định của pháp luật, góp phần đẩy mạnh liên kết và hội nhập dịch vụ du lịch với các nước trong khu vực và quốc tế. Mặt khác, CQĐP cần chủ động làm đầu mối thông qua việc tổ chức và thiết lập các điểm thông tin, lựa chọn và công bố các địa chỉ giao dịch của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có uy tín đang hoạt động tại các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và trên thế giới nhằm giúp các doanh nghiệp có những thông tin cần thiết để có thể lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết.

b. Đầu tư phát triển kinh tế đêm

Đầu tư phát triển KTĐ là một nội dung quan trọng trong quản lý phát triển KTĐ của một địa phương cấp tỉnh vì nó đóng vai trò tạo ra các yếu tố thuộc về nguồn cung cho phát triển KTĐ, bao gồm đầu tư phát triển hệ thống CSHT và dịch vụ du lịch; đầu tư phát triển CSVCKT gắn với hệ thống dịch vụ du lịch, dịch vụ hỗ trợ và hạ tầng giao thông; đầu tư phát triển một số điểm tham quan cảnh quan, sinh thái.

Để địa phương phát triển KTĐ có hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa UBND tỉnh, thành phố và các Sở, ban ngành của tỉnh/thành phố trong hoạt động quản lý thu hút đầu tư phát triển KTĐ.

Thu hút đầu tư cho phát triển KTĐ của địa phương cấp tỉnh, thành phố bao gồm xác định được chính sách thu hút đầu tư phát triển KTĐ đảm bảo tính hấp dẫn, được công bố công khai, minh bạch; thủ tục thẩm định dự án đầu tư phát triển KTĐ

của địa phương phải chặt chẽ, hợp pháp và theo hướng đơn giản hóa; các dự án đầu tư phải đem lại hiệu quả cho phát triển KTĐ của tỉnh, thành phố.

c. Công nhận khu, điểm và cấp phép kinh doanh cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế đêm

Quá trình xem xét và ra quyết định công nhận hoặc cấp phép kinh doanh cho các chủ thể tham gia hoạt động KTĐ được chính quyền địa phương, mà trực tiếp là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố, thực hiện dựa trên một loạt các căn cứ pháp lý và thực tiễn. Các căn cứ này bao gồm sự phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành; tính thống nhất và đồng bộ với các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, lĩnh vực (đặc biệt là quy hoạch phát triển du lịch, văn hóa và các đề án, kế hoạch phát triển KTĐ nếu có) đã được phê duyệt.

Bên cạnh đó, năng lực đáp ứng các điều kiện kinh doanh cụ thể của từng chủ thể (về cơ sở vật chất - kỹ thuật, nguồn nhân lực, phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cam kết về tiếng ồn và giờ hoạt động) và tiềm năng đóng góp kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như khả năng quản lý các tác động tiêu cực tiềm ẩn của khu, điểm tổ chức hoạt động KTĐ là những yếu tố được thẩm định kỹ lưỡng.

Về thẩm quyền công nhận và thu hồi quyết định công nhận đối với điểm hoạt động KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố là thuộc về UBND tỉnh/thành phố. Đối với khu du lịch cấp quốc gia thì UBND tỉnh/thành phố chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ để nộp lên cơ quan sở ban ngành và cơ quan trung ương có thẩm quyền để thẩm định và ra quyết định công nhận.

d. Tổ chức tuyên truyền và xúc tiến quảng bá kinh tế đêm

Trong tổng thể các nội dung quản lý nhà nước về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố, công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương và chính sách phát triển giữ một vai trò thiết yếu, nhằm kiến tạo sự đồng thuận xã hội và tạo lập môi trường thuận lợi cho việc triển khai. Chính quyền tỉnh/thành phố, thông qua các cơ quan chuyên môn và các cơ quan báo chí địa phương, có trách nhiệm chủ động, đa dạng hóa các hình thức phổ biến một cách rộng rãi, minh bạch và dễ tiếp cận các quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách đã được phê duyệt liên quan đến KTĐ đến mọi tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và du khách. Quá trình này không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin một chiều mà còn phải hướng đến mục tiêu sâu xa hơn là nâng cao nhận thức toàn diện của xã hội về vai trò, ý nghĩa và tiềm năng đóng góp của KTĐ đối với

sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, công tác tuyên truyền cần phải làm rõ trách nhiệm của các chủ thể tham gia, từ việc tuân thủ các quy định pháp luật, đảm bảo văn minh thương mại, an ninh trật tự, đến việc chung tay xây dựng môi trường KTĐ lành mạnh, bền vững.

Tiếp nối và cộng hưởng với hoạt động thông tin, tuyên truyền, việc tổ chức các chương trình xúc tiến và quảng bá KTĐ là một nhiệm vụ quan trọng khác của chính quyền tỉnh/thành phố, nhằm kích thích nhu cầu thị trường và xây dựng hình ảnh, thương hiệu đặc trưng cho KTĐ địa phương. Với vai trò chủ trì hoặc điều phối, chính quyền tỉnh/thành phố, thường thông qua sở ban ngành liên quan xây dựng và triển khai các chiến dịch quảng bá bài bản, có mục tiêu rõ ràng, hướng đến các thị trường khách hàng tiềm năng trong và ngoài nước. Các hoạt động cụ thể bao gồm việc tổ chức định kỳ hoặc theo chủ đề các sự kiện văn hóa, lễ hội đặc sắc, các chương trình biểu diễn nghệ thuật đường phố, tuần lễ ẩm thực đêm, hay các chương trình khuyến mãi, kích cầu du lịch và thương mại gắn liền với không gian và thời gian hoạt động của KTĐ. Sự thành công của các hoạt động này không chỉ góp phần thu hút du khách, tăng cường chi tiêu, mà còn tạo ra hiệu ứng lan tỏa, khẳng định vị thế và sức hấp dẫn của KTĐ tỉnh trên bản đồ du lịch và kinh tế.

1.2.3.3. Tổ chức kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong các hoạt động KTĐ của địa phương là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của địa phương đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật. Đây là một nội dung quan trọng của công tác QLNN nhằm phát huy việc chấp hành các quy định của pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hoạt động KTĐ.

Cơ quan QLNN về KTĐ ở địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với các CQĐP các cấp tổ chức thực hiện kiểm tra, các hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng đêm trong phạm vi địa phương mình quản lý. Chính quyền và các bộ phận chức năng địa phương chủ động tiến hành kiểm tra, hoạt động KTĐ trên địa bàn.

Quản lý nhà nước về KTĐ có thể làm nảy sinh nhiều vấn đề như vi phạm quy hoạch, phá vỡ cảnh quan, ô nhiễm môi trường, thậm chí là các vấn đề liên quan đến an ninh quốc phòng, các vấn đề phá vỡ nền tảng văn hóa địa phương, sự chậm trễ và sai phạm trong quá trình đầu tư phát triển gây thiệt hại về KT-XH,... Do vậy, công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo có vai trò quan trọng.

Tổ chức thường kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện các VBPL về KTĐ. Giám sát hoạt động của mọi chủ thể tham gia hoạt động KTĐ cũng như chế độ quản lý của các chủ thể đó; phát hiện những lệch lạc, nguy cơ chệch hướng hoặc vi phạm pháp luật và những quy định của Nhà nước. Kiểm tra tính hợp pháp về sự tồn tại của các điểm kinh doanh, khu du lịch và các điều kiện đảm bảo đón tiếp và phục vụ du khách hàng nhằm chấn chỉnh hoạt động KTĐ phát triển đúng hướng, đảm bảo lợi ích của các chủ thể và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Kiểm tra các điểm kinh doanh KTĐ đảm bảo tốt các điều kiện về CSVCKT, về nhân lực, về các điều kiện an ninh, an toàn để phục vụ nhu cầu của du khách hàng, nhà đầu tư.

Kiểm tra là sự xem xét, đánh giá và xử lý vi phạm trong việc thực hiện pháp luật của tổ chức, cá nhân trong hoạt động PTKTĐ. Mục đích hoạt động kiểm tra nhằm phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động QLNN; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với chủ thể tham gia PTKTĐ phải có những quy định rõ về bộ phận nhận đơn khiếu nại, tố cáo, thời gian tiếp dân, thời gian trả lời đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật.

1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố

1.3.1. Yếu tố chủ quan

1.3.1.1 Mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương

Mục tiêu, chiến lược phát triển KTĐ của địa phương có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hình thành và triển khai các chính sách QLNN về KTĐ đối với lĩnh vực này. Chính quyền địa phương, thông qua việc xây dựng chiến lược phát triển KTĐ, không chỉ xác định rõ những mục tiêu, phương hướng phát triển mà còn định hình các cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp và hoạt động kinh tế vào ban đêm. Các chiến lược này bao gồm việc xây dựng các khu vực KTĐ, khuyến khích các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch, giải trí, và tiêu dùng, nhằm tận dụng tối đa tiềm năng

kinh tế từ những hoạt động diễn ra vào ban đêm. Điều này tạo ra sự phát triển đa dạng cho nền kinh tế, đồng thời nâng cao đời sống văn hóa và tinh thần của người dân. Ngược lại, nếu đưa ra những đường hướng không phù hợp với quy luật và thực tế phát triển sẽ trở thành nguyên nhân kìm KTĐ phát triển.

Khi KTĐ phát triển một cách bền vững, quy mô của nó ngày càng lớn hơn, phạm vi mở rộng hơn và chất lượng cao hơn cũng như nhiều quan hệ phát sinh và phức tạp hơn, một chủ trương phát triển KTĐ của chính quyền địa phương đúng đắn sẽ giải quyết những thách thức như bảo vệ an ninh trật tự, quản lý vệ sinh môi trường, và duy trì chất lượng cuộc sống của cư dân. Các quyết định QLNN của CQĐP cấp tỉnh sẽ có hiệu lực, hiệu quả nếu phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển KTĐ của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

1.3.1.2 Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế đêm của địa phương

Trình độ, năng lực của cán bộ quản lý trực tiếp tác động tới hiệu quả hoạt động QLNN về KTĐ. Sự am hiểu của cán bộ quản lý về ngành nghề lĩnh vực mình quản lý sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng nắm bắt tình hình của họ với lĩnh vực đó, do đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới việc cán bộ quản lý đó có phân tích và đưa ra được những kết luận đúng đắn hay không, có dự thảo ra được những chính sách quản lý đúng đắn hay không. Thêm vào đó, phẩm chất đạo đức của cán bộ quản lý sẽ quyết định việc họ có thực hiện quản lý đúng theo lương tâm, trách nhiệm hay không.

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố quyết định hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Một nền hành chính chuyên nghiệp chỉ có thể hình thành trên cơ sở xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tương ứng mang tính chuyên nghiệp. Nguồn nhân lực của bộ máy hành chính nhà nước bao gồm cán bộ thông qua bầu cử, công chức được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế và viên chức được tuyển dụng thông qua hợp đồng làm việc.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển hiện nay, QLNN của CQĐP cấp tỉnh, thành phố đối với PTKTĐ của tỉnh đòi hỏi ngày càng được nâng cao để đáp ứng nhu cầu phát triển. Năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả và hiệu lực của QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh. Nếu năng lực quản lý giỏi, trình độ chuyên môn cao và có phẩm chất đạo đức thì việc xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển và việc tổ chức, điều hành các hoạt động KTĐ của địa phương sẽ sát thực tế, khả thi, nhanh chóng và

hiệu quả,... Ngược lại, sẽ làm cho việc QLNN về KTĐ trì trệ, kém hiệu quả, làm cho hoạt động KTĐ địa phương chậm phát triển

1.3.2 Yếu tố khách quan

1.3.2.1. Quan điểm, chủ trương của Nhà nước về phát triển kinh tế đêm

Quản lý nhà nước đối với KTĐ trên địa bàn tỉnh là một nội dung của QLNN về kinh tế nên phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc của QLNN về kinh tế. Như đã trình bày trong nội dung các nguyên tắc QLNN về kinh tế, QLNN về KTĐ của tỉnh phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất lãnh đạo chính trị, kinh tế và nguyên tắc phát triển kinh tế đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chính vì lẽ đó, quan điểm, chủ trương, định hướng phát triển KTĐ của Chính phủ có ảnh hưởng rất lớn đến QLNN về KTĐ ở địa phương tỉnh/thành phố. Trên cơ sở các yếu tố quan điểm, chủ trương, đường lối PTKTĐ của Đảng và Nhà nước, cơ quan QLNN về KTĐ sẽ thực hiện các biện pháp nhằm phát triển KTĐ của tỉnh để đảm bảo phát triển KTĐ hiệu quả và đúng hướng.

Định hướng phát triển KTĐ có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi quốc gia, mỗi địa phương bởi đây chính là chìa khóa mang lại sự thành công cho ngành công nghiệp được ví như “con gà đẻ trứng vàng”. Định hướng phát triển KTĐ của mỗi quốc gia/địa phương được biểu hiện cụ thể qua các chính sách, chiến lược xác định phương hướng, mục tiêu quản lý nhà nước về KTĐ về tổng thể dài hạn như: chiến lược đầu tư, xúc tiến, quảng bá du lịch, chiến lược về sản phẩm, nâng cao chất lượng các dịch vụ, giữ gìn tôn tạo và phát triển tài nguyên môi trường đi kèm với đó là những giải pháp cơ bản nhất để nhằm thực hiện chiến lược. Như vậy, có thể nói việc xây dựng được chiến lược phát triển, đưa ra được những bước đi đúng hướng sẽ tạo cho KTĐ có những bước đột phá mới trong tiến trình hoạt động, ngược lại, nếu đưa ra những đường hướng không phù hợp với quy luật và thực tế phát triển sẽ trở thành nguyên nhân kìm hãm sự phát triển.

1.3.2.2. Điều kiện tự nhiên

Điều kiện tự nhiên là toàn bộ các điều kiện thuộc về môi trường tự nhiên như địa hình, khí hậu, nguồn động, thực vật, vị trí địa lý,... Điều kiện tự nhiên là những yếu tố sẵn có, tồn tại khách quan nhưng có ảnh hưởng trực tiếp đến QLNN của CQĐP cấp tỉnh, thành phố đối với KTĐ của một địa phương. Đây là cơ sở để vạch ra chiến lược, chính sách, kế hoạch PTKTĐ của địa phương, chính sách phát triển sản phẩm du lịch, khai thác và bảo vệ tài nguyên cũng như thực thi các quyết định QLNN về KTĐ của địa phương cấp tỉnh.

Là một thành phần của điều kiện tự nhiên, tài nguyên là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên và các giá trị văn hóa làm cơ sở để hình thành sản phẩm KTĐ. Xét về cơ cấu, tài nguyên có thể chia làm 2 nhóm: tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên văn hóa. Các tài nguyên thiên nhiên bao gồm địa hình, khí hậu, suối nước khoáng, biển, sông, hồ, thực vật, động vật, rừng núi,... Tài nguyên văn hóa bao gồm các tượng đài kiến trúc, công trình văn hóa (viện bảo tàng, triển lãm, trưng bày nghệ thuật, nhà hát, thư viện,...), các di tích văn hóa, lịch sử, các loại hình văn hóa phi vật thể (lễ hội, âm nhạc cổ truyền, nghệ thuật,...). Tài nguyên là cơ sở để lập kế hoạch PTKTĐ và các biện pháp, chính sách để phát triển sản phẩm du lịch, khai thác và bảo vệ tài nguyên.

Khả năng tiếp nhận của tài nguyên là cơ sở xác định công suất các công trình phục vụ du lịch. Do đó, tài nguyên là nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới quy mô, thứ hạng, loại hình kinh doanh du lịch và tạo nên tính mùa vụ trong hoạt động KTĐ của địa phương. Xét về phương diện QLNN thì quy mô, số lượng tài nguyên cũng được xem là một yếu tố ảnh hưởng gián tiếp đến QLNN của CQĐP cấp tỉnh đối với KTĐ tại địa phương.

1.3.2.3. Điều kiện kinh tế

Điều kiện KT-XH, sự phát triển của nền sản xuất xã hội và các ngành kinh tế có tầm quan trọng hàng đầu trong việc làm xuất hiện nhu cầu tiêu dùng, giải trí, du lịch và biến nhu cầu của con người thành hiện thực. Không thể nói tới thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng hoặc PTKTĐ nếu như lực lượng sản xuất xã hội còn ở trong tình trạng thấp kém. Thực tế cho thấy ở các nước có nền kinh tế chậm phát triển, nhu cầu nghỉ ngơi, du lịch còn rất hạn chế.

Ngược lại, nhu cầu nghỉ ngơi du lịch ở các nước kinh tế phát triển rất đa dạng. Do vậy, sự phát triển của KTĐ bị chi phối bởi nền sản xuất xã hội. Để giải quyết nhu cầu ăn, ở, đi lại nghỉ ngơi, giải trí, du lịch của con người, những điều thiết yếu nhất như mạng lưới giao thông, phương tiện giao thông, khách sạn, nhà hàng,... cần phải có một nền KT-XH phát triển. Khi kinh tế phát triển ổn định với môi trường chính sách thuận lợi sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp và du khách tham gia vào các hoạt động KTĐ, điều đó cũng thuận lợi cho QLNN của CQĐP cấp tỉnh, thành phố đối với KTĐ. Một địa phương cấp tỉnh, thành phố có tình hình KT-XH phát triển sẽ tác động tích cực tới hiệu quả QLNN tại địa phương đối với KTĐ.

1.3.2.4. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế đêm

Những bảo đảm về mặt tài chính và điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động quản lý nhà nước phụ thuộc một phần vào nhu cầu quản lý, nhưng chủ yếu là

trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn. Việc đầu tư về tài chính, trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm cho sự vận hành của bộ máy và hoạt động của chế độ công vụ, công chức vừa là điều kiện, vừa là một trong những tiêu chí chủ yếu đánh giá hiệu quả của nền hành chính (xét về hiệu quả chỉ tiêu công). Mặc dù mức chi tiêu cụ thể cho bộ máy hành chính luôn là vấn đề gây tranh cãi và khó thống nhất quan điểm, nhưng thước đo chủ yếu vẫn là hiệu quả hoạt động của nền hành chính, mức chi tiêu phải phù hợp với trình độ phát triển, nhu cầu quản lý và coi đó là nguồn đầu tư cho phát triển. Các yếu tố nêu trên được xem là những “yếu tố bên trong” gắn liền với cơ cấu tổ chức và quá trình vận hành của hệ thống tổ chức bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở.

Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ PTKTĐ của một địa phương bao gồm hệ thống đường sá giao thông nội bộ và hệ thống đường giao thông kết nối với các địa phương khác, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch, hệ thống cơ sở vui chơi giải trí, hệ thống điện lưới, nước sạch, mạng internet,... Đây là các yếu tố có vai trò quan trọng trong việc PTKTĐ của một địa phương. Hay nói một cách khác, muốn du lịch của một địa phương phát triển thì cần phải quan tâm đầu tư các yếu tố về cơ sở hạ tầng, CSVCKT một cách phù hợp.

Mức độ đáp ứng PTKTĐ của hệ thống cơ sở hạ tầng, CSVCKT của địa phương ở hiện tại sẽ ảnh hưởng đến các quyết định quản lý của các cơ quan QLNN về KTĐ của địa phương về cả nội dung, mức độ thực hiện cũng như mức độ phân bổ ngân sách hoặc kêu gọi đầu tư.

1.3.2.5 Luật pháp

Một trong những nguyên tắc QLNN về kinh tế là nguyên tắc tuân thủ pháp luật. Như vậy, QLNN về KTĐ cũng phải đảm bảo tuân thủ các yếu tố luật pháp, hay nói cách khác, yếu tố luật pháp sẽ có tác động điều chỉnh các nội dung QLNN về KTĐ.

Luật pháp là hệ thống bao gồm những quy tắc xử sự chung được đặt ra bởi nhà nước và mang tính chất bắt buộc thực hiện. Trong lĩnh vực du lịch, pháp luật cao nhất chính là Luật Du lịch. Các cơ quan QLNN từ cấp trung ương đến địa phương phải căn cứ vào Luật Du lịch để đưa ra các văn bản hướng dẫn luật, tổ chức thực hiện,...

Bên cạnh đó, QLNN về KTĐ các cấp cần có các cơ chế chính sách và chế tài pháp lý thích hợp. Hiệu lực QLNN của CQĐP cấp tỉnh, thành phố đối với PTKTĐ trên địa bàn tỉnh cũng chịu ảnh hưởng của các chế tài pháp lý này.

1.3.2.6. Văn hoá, xã hội

Quản lý nhà nước luôn mang tính kế thừa và chịu sự tác động của các yếu tố xã hội như lịch sử, truyền thống, tập quán, thói quen tiêu dùng của dân cư,... Ví dụ,

tâm lý làng xã, dòng họ trên thực tế thường có sự chi phối, ảnh hưởng nhất định đối với công tác cán bộ, thậm chí trong những trường hợp cụ thể còn triệt tiêu vai trò kiểm soát của cơ quan chức năng, hoặc cơ chế tập trung quan liêu vẫn còn để lại nhiều dấu ấn trong nếp nghĩ, phong cách, lề lối làm việc của không ít cán bộ, công chức, viên chức... Sự tác động của các yếu tố này luôn bao hàm cả hai khả năng tích cực và tiêu cực. Vấn đề đặt ra là phải biết kế thừa, vận dụng, phát huy các yếu tố tích cực, nhất là các giá trị văn hóa, truyền thống đã được kết tinh qua nhiều thời kỳ và hạn chế những yếu tố tiêu cực, lạc hậu làm cản trở quá trình hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.

1.3.2.7. Khoa học – công nghệ

Trong thời kỳ Cách mạng 4.0, các phương thức hoạt động kinh tế các quốc gia trên thế giới đều có sự thay đổi mạnh mẽ và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Các hoạt động trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp bắt đầu dựa trên ứng dụng công nghệ số. Để thích ứng với nền kinh tế chuyển đổi sang kinh tế số, các cơ quan QLNN cũng phải đổi mới mô hình và cách thức áp dụng công nghệ số trong quản lý.

Đối với PTKTĐ, ứng dụng khoa học – công nghệ đã được đưa vào rất nhiều mảng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch như các ứng dụng trên điện thoại thông minh cho phép khách du lịch đặt chỗ, check-in, check-out, mở cửa buồng khách sạn; công nghệ nhận diện khuôn mặt, điều khiển bằng giọng nói trong dịch vụ khách sạn; công nghệ thực tế ảo và thực tế ảo mở rộng trong hoạt động KTĐ; quản lý khách du lịch thông qua mã QR,... Ứng dụng các thành tựu của khoa học – công nghệ hiện đại sẽ giúp các thông tin quản lý được lưu trữ tốt hơn, tìm kiếm dễ dàng hơn và cũng hỗ trợ rất tốt cho các nhà quản lý trong việc cân nhắc đưa ra quyết định quản lý.

1.3.2.8. Ý thức trách nhiệm của cơ sở kinh doanh và cộng đồng dân cư

a. Cơ sở kinh doanh

Trong kinh doanh, các cơ sở kinh doanh khai thác, sử dụng tài nguyên và các nguồn lực khác để tạo nên hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhu cầu của du khách và thu về lợi nhuận. Hoạt động của cơ sở kinh doanh du lịch trực tiếp góp phần tạo nên doanh thu, giá trị tăng thêm của các hoạt động KTĐ, đồng thời cũng tác động trực tiếp đến tài nguyên, đến môi trường tự nhiên, xã hội cũng như đến cộng đồng dân cư nơi có hoạt động KTĐ diễn ra. Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm sẽ có ý thức sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên và các nguồn lực du lịch khác để góp phần thúc đẩy tăng trưởng

kinh tế bền vững, chia sẻ lợi ích với cộng đồng, đóng góp cho giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo ở địa phương, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Ngược lại, nếu cơ sở kinh doanh thiếu ý thức trách nhiệm thì các nguồn lực trong đó có tài nguyên có thể bị khai thác, sử dụng lãng phí hoặc quá mức cho mục tiêu lợi nhuận, lợi ích cộng đồng bị bỏ qua, công tác xử lý chất thải, bảo vệ môi trường bị xem nhẹ để tiết giảm chi phí, từ đó gây ảnh hưởng lớn đến PTKTĐ bền vững. Theo đó, QLNN đối với KTĐ của một địa phương cũng cần có những điều chỉnh thích hợp để đạt mục tiêu quản lý.

b. Cộng đồng dân cư địa phương

Cộng đồng địa phương là bộ phận dân cư tham gia vào hoạt động KTĐ ở điểm đến với nhiều vai trò cụ thể như: tham gia nguồn lao động tại cơ sở kinh doanh; trực tiếp kinh doanh một số dịch vụ, hàng hóa phục vụ KTĐ hoặc góp phần tạo nên sản phẩm KTĐ bằng bản sắc văn hóa và truyền thống sinh hoạt của mình. Cộng đồng địa phương cũng là những người trực tiếp, thường xuyên tiếp xúc với tài nguyên. Do đó, ý thức trách nhiệm của cộng đồng địa phương có tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến PTKTĐ, chiều hướng và mức độ tác động tùy thuộc mức độ trách nhiệm của cộng đồng khi tham gia các hoạt động KTĐ. Căn cứ vào yếu tố ý thức, trách nhiệm của cộng đồng dân cư mà QLNN của CQĐP cấp tỉnh, thành phố cần có những biện pháp để yếu tố này tác động một cách tích cực đến PTKTĐ của địa phương mình.

1.3.3. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố

Quan tổng quan nghiên cứu và tổng hợp ý kiến phỏng vấn chuyên gia của đề từ đó tác giả hình thành 10 giả thuyết như sau:

- H1: Mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương
- H2: Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ QLNN
- H3: Quan điểm, chủ trương của Chính phủ
- H4: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên
- H5: Điều kiện kinh tế
- H6: Điều kiện cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật
- H7: Luật pháp
- H8: Văn hoá, xã hội
- H9: Khoa học, công nghệ

H10: Ý thức, trách nhiệm của cơ sở kinh doanh

Mô hình có 11 thang đo và 40 biến quan sát [$QLNN = f(DP, TDNL, QDCT, DKTN, DKKT, CSHT, LP, VHXH, KHCN, YTTN)$] được trình bày trong bảng

Bảng 1.1: Thang đo khảo sát các yếu tố ảnh hưởng tới QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Giả thuyết	Tiêu chí	Mã hóa	Phát biểu dùng để khảo sát đối tượng cán bộ quản lý	Nguồn
H1	Mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương	DP 1	Các chủ trương phát triển KTĐ của Thành phố Hà Nội rõ ràng và dễ hiểu	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020), Nguyễn Quốc Toàn (2018), Lê Vinh Danh (2004)
		DP 2	Chủ trương phát triển KTĐ của thành phố phù hợp với nhu cầu và đặc thù của Hà Nội	
		DP 3	Các chủ trương phát triển KTĐ được công khai, minh bạch và có sự tham gia của các bên liên quan.	
		DP 4	Các chủ trương phát triển KTĐ có tính khả thi và bền vững.	
H2	Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế đêm của Thành phố Hà Nội	TDNL 1	Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp với các nhiệm vụ quản lý KTĐ.	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020) và tham vấn ý kiến chuyên gia
		TDNL 2	Cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về KTĐ và các vấn đề liên quan.	
		TDNL 3	Cán bộ quản lý có khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý KTĐ.	
		TDNL 4	Đội ngũ cán bộ quản lý có tinh thần trách nhiệm và cam kết cao trong quản lý KTĐ.	
H3	Quan điểm, chủ trương của Nhà nước	QDCT 1	Các chủ trương phát triển KTĐ từ Đảng và Nhà nước phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương	Mayor of London (2020); Từ Quang Phương và Phạm

	về phát triển kinh tế đêm	QDCT 2	Các văn bản chỉ đạo từ Đảng và Nhà nước về phát triển KTĐ được ban hành một cách rõ ràng và dễ hiểu.	Văn Hùng (2013); Nguyễn Đức Bảo và Trần Đức Hiệp (2021)
		QDCT 3	Chính quyền địa phương cảm thấy yên tâm và có thể xây dựng kế hoạch dài hạn dựa trên các chủ trương, đường lối từ Trung ương.	
		QDCT 4	Các mục tiêu và giải pháp được đề ra từ Trung ương có tính khả thi cao khi triển khai tại địa phương.	
H4	Điều kiện tự nhiên	DKTN 1	Vị trí địa lý của thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung, ưu tiên nguồn lực để phát triển và kiểm soát các khu vực KTĐ	NCS đề xuất dựa trên tổng quan tài liệu và tham vấn ý kiến chuyên gia
		DKTN 2	Việc KTĐ chủ yếu tập trung khai thác các công trình văn hoá, di tích lịch sử của TP (Văn Miếu, Hoả Lò,...) tạo áp lực lên QLNN trong việc giới hạn công suất và bảo tồn giá trị cốt lõi	
		DKTN 3	Cảnh quan sông, hồ là lợi thế để phát triển KTĐ nhưng đồng thời yêu cầu cơ quan QLNN phải ban hành các quy định đặc thù về an toàn mặt nước và kiểm soát ô nhiễm về đêm.	
		DKTN 4	Các di tích lịch sử, công trình văn hóa của địa phương có tiềm năng lớn để tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật về đêm, nhưng khiến QLNN phải đối mặt với thách thức lớn trong việc giảm thiểu xung đột tiếng ồn và quản lý giao thông về đêm.	

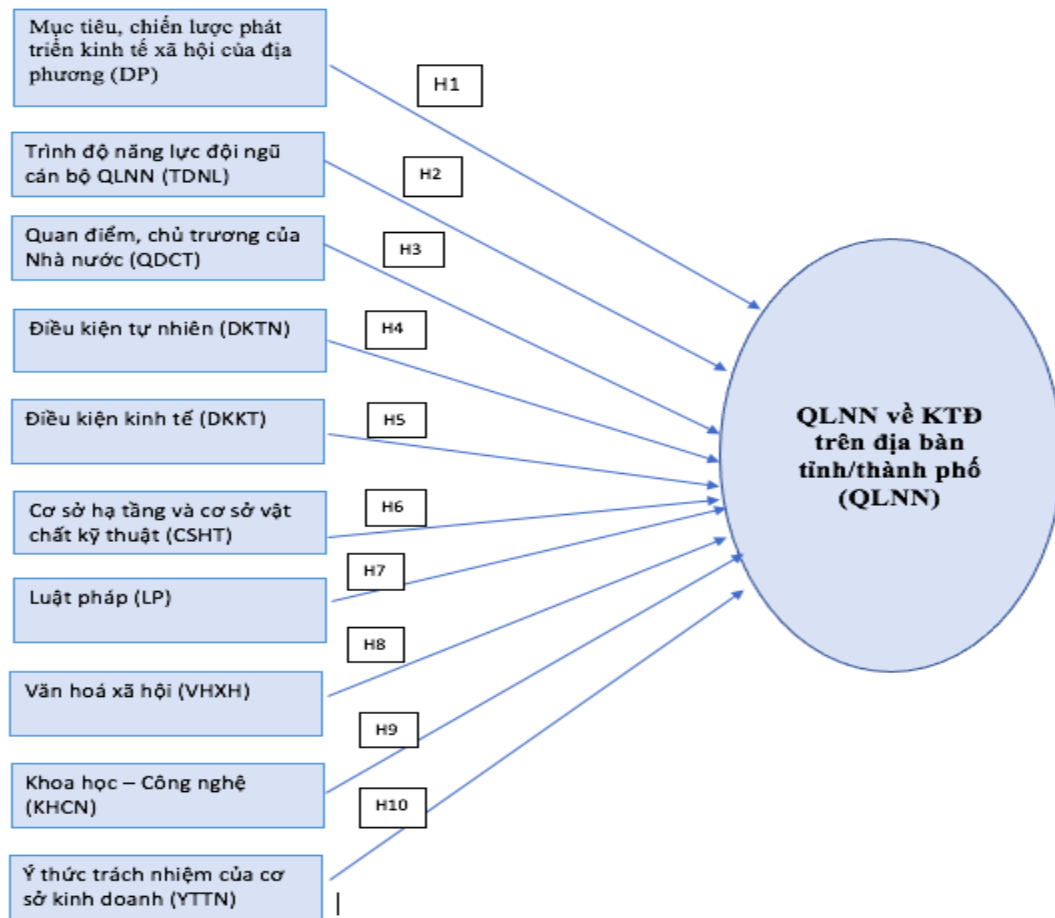
H5	Điều kiện kinh tế	DKKT 1	Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của TP Hà Nội ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phân bổ ngân sách công cho phát triển hạ tầng và QLNN về KTĐ	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020) và tham vấn ý kiến chuyên gia
		DKKT 2	Mức sống cao của người dân Hà Nội tạo ra nhu cầu đa dạng và phức tạp về dịch vụ KTĐ buộc cơ quan QLNN phải mở rộng phạm vi và loại hình quản lý (không chỉ tập trung vào du lịch)	
		DKKT 3	Các chính sách hỗ trợ về thuế và cải cách thủ tục hành chính là công cụ QLNN có tác động mạnh mẽ trong việc khuyến khích doanh nghiệp tham gia và đầu tư vào KTĐ	
H6	Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế đêm của thành phố Hà Nội	CSHT 1	Cơ sở hạ tầng giao thông của Hà Nội đáp ứng tốt cho các hoạt động KTĐ.	Phạm Thị Tường Vân (2021); Phan Thị Hằng Nga, Nguyễn Thị Cảnh (2023)
		CSHT 2	Thành phố có đủ các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho các dịch vụ KTĐ (chiếu sáng, an ninh, cơ sở vật chất công cộng).	
		CSHT 3	Các khu vực KTĐ được đầu tư về cơ sở hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ (giao thông, vệ sinh, an ninh).	
		CSHT 4	Hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông của thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu phát triển KTĐ.	
H7	Luật pháp	LP 1	Các văn bản pháp lý về KTĐ của Hà Nội rõ ràng và dễ áp dụng.	Phan Thị Hằng Nga, Nguyễn Thị Cảnh (2023)
		LP 2	Luật pháp hiện hành tạo ra khung pháp lý vững chắc cho việc quản lý KTĐ.	

		LP 3	Các quy định pháp lý liên quan đến KTĐ được thực thi một cách công bằng và hiệu quả.	
		LP 4	Luật pháp hiện hành đã thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp vào các hoạt động KTĐ.	
H8	Văn hoá - Xã hội	VHXXH 1	Các yếu tố văn hóa – xã hội của Hà Nội có ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển KTĐ.	GLA Economics (2018); Phan Thị Hằng Nga, Nguyễn Thị Cảnh (2023)
		VHXXH 2	Người dân thành phố Hà Nội có sự chấp nhận và được khuyến khích tham gia các hoạt động KTĐ.	
		VHXXH 3	Các hoạt động KTĐ của thành phố được xây dựng và tổ chức phù hợp với các giá trị văn hóa truyền thống.	
		VHXXH 4	Môi trường văn hóa tại các khu vực phát triển KTĐ được duy trì tốt và không ảnh hưởng đến an ninh trật tự.	
H9	Khoa học – Công nghệ	KHCN 1	Các cơ quan quản lý nhà nước đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào các quy trình quản lý KTĐ (ví dụ: cấp phép trực tuyến, công thông tin KTĐ) giúp nâng cao hiệu suất và tính minh bạch trong quản lý KTĐ	Phạm Thị Tường Vân (2021); Andreina Seijas (2018)
		KHCN 2	Công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc giúp cơ quan QLNN có thể giám sát và quản lý các hoạt động KTĐ diễn ra ngoài không gian vật lý (thanh toán điện tử, an ninh mạng)	

		KHCN 3	Các công nghệ mới (ví dụ: thực tế ảo, thực tế tăng cường, trí tuệ nhân tạo) đã được các doanh nghiệp KTĐ trên địa bàn ứng dụng để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ độc đáo, thu hút khách hàng, điều này đòi hỏi QLNN phải liên tục cập nhật khung pháp lý và tiêu chuẩn kỹ thuật để quản lý các mô hình kinh doanh mới.	
		KHCN 4	Chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý và hạ tầng để thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và kinh doanh KTĐ.	
H10	Ý thức trách nhiệm của cơ sở kinh doanh và cộng đồng dân cư	YTTN 1	Các cơ sở kinh doanh có ý thức cao về trách nhiệm xã hội và môi trường khi tham gia vào hoạt động KTĐ làm giảm được gánh nặng kiểm tra và xử phạt các vi phạm.	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020) và tham vấn ý kiến chuyên gia
		YTTN 2	Cộng đồng cư dân Hà Nội có thái độ tích cực đối với các hoạt động KTĐ là yếu tố then chốt giúp QLNN về KTĐ giảm thiểu xung đột, khiếu nại về tiếng ồn, trật tự.	
		YTTN 3	Cộng đồng cư dân có sự hiểu biết và hỗ trợ trong việc phát triển KTĐ của thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho QLNN triển khai các chính sách và quy hoạch KTĐ một cách hiệu quả hơn	
		YTTN 4	Các cơ sở kinh doanh đóng góp vào việc duy trì an ninh trật tự tại các khu vực phát triển KTĐ giúp QLNN tập trung nguồn lực cho các vấn đề quản lý phức tạp hơn.	

(Nguồn: Tổng hợp của NCS)

Từ 10 giả thuyết nói trên, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 1.1 : Mô hình nghiên cứu

Nguồn: Tác giả tổng hợp và xây dựng

Luận án tập trung nghiên cứu tác động của 10 biến độc lập lên biến phụ thuộc (QLNN về KTD) dựa vào: (i) Kiểm định thang đo; (ii) Phân tích nhân tố khám phá (EFA); (iii) Phân tích hồi quy. Cụ thể:

+ Kiểm định độ tin cậy thang đo – Cronbach's Alpha: Tác giả thực hiện trên phần mềm SPSS nhằm đánh giá mức độ nhất quán nội tại của các biến quan sát trong từng thang đo và loại bỏ các biến có tương quan biến tổng thấp hoặc làm giảm độ tin cậy thang đo.

+ Phân tích nhân tố khám phá EFA: Tác giả thực hiện trên SPSS nhằm kiểm định tính hội tụ và phân biệt của các thang đo. Xác định cấu trúc nhân tố phù hợp trước khi đưa vào phân tích hồi quy.

+ Phân tích hồi quy và kiểm định giả thuyết: Tác giả sử dụng hệ thống kiểm định (test) để kiểm định các giả thuyết của hồi quy tuyến tính theo phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) bao gồm: *Kiểm định phân dư của mô hình, kiểm định tương quan của hệ số hồi quy, mức độ giải thích của mô hình, mức độ phù hợp của mô hình, kiểm định hiện tượng tự tương quan, hiện tượng cộng tuyến.*

1.4 Kinh nghiệm thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế đêm của một số địa phương và bài học rút ra cho thành phố Hà Nội

Luận án lựa chọn phân tích kinh nghiệm quản lý nhà nước về KTĐ của một số địa phương trên thế giới (thành phố Bắc Kinh, Bangkok, Kuala Lumpur) và một số địa phương trong nước (Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng) Việc lựa chọn các thành phố này dựa trên sự tương đồng về quy mô đô thị, đặc điểm văn hóa, tốc độ phát triển du lịch và những nỗ lực xây dựng KTĐ của các chính quyền địa phương. Trên cơ sở đó, nhận diện được các mô hình quản lý hiệu quả, các chính sách hỗ trợ và những thách thức đã gặp phải, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm có giá trị cho Hà Nội trong việc hoàn thiện QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố.

1.4.1 Kinh nghiệm của một số địa phương trên thế giới

1.4.1.1. Thành phố Bắc Kinh, Trung Quốc

Ở cấp địa phương, chính sách phát triển KTĐ được ban hành để đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội và đặc thù văn hóa của địa phương. Điều quan trọng nhất đối với chính quyền địa phương là đảm bảo quy hoạch tốt và khuyến khích phát triển đổi mới. Các địa phương phải phát huy thế mạnh của địa phương và tạo môi trường thuận lợi cho người tiêu dùng.

Ví dụ như Bắc Kinh đã công bố 13 biện pháp phát triển KTĐ và thúc đẩy tiêu dùng. Trong đó, đáng chú ý là, lần đầu tiên Bắc Kinh có chức danh quản lý KTĐ tên là “người thấp đèn” (nguyên văn: 掌灯人) ở cả 3 cấp thành phố, quận và khu phố, do lãnh đạo cơ quan chủ quản các cấp chính quyền và các hiệp hội doanh nghiệp đảm nhiệm. Tại Bắc Kinh, 10 con phố bán hàng ăn đêm, 16 chợ đêm và các cửa hàng tiện lợi 24/7 sẽ là những nơi đầu tiên nhận được trợ cấp thúc đẩy kinh doanh ban đêm. Mục tiêu của thành phố này là đến năm 2022, hơn 50% các cửa hàng tiện lợi sẽ kinh doanh 24/7 (tức là kinh doanh 24 giờ mỗi ngày và 7 ngày mỗi tuần). Riêng trong năm 2022, một số khu vực xa trung tâm Bắc Kinh sẽ xây dựng 9 nhà sách phục vụ cả ngày đêm, trong vòng 3 năm tới, 50 khu dân cư sẽ có tủ sách mượn tự động 24/24. Những con phố hoạt động 12 tiếng về đêm sẽ nhận được trợ cấp hơn 700 nghìn USD dành

cho việc phát triển kinh doanh, các hộ kinh doanh cá thể có thể nhận được hơn 70 nghìn USD. Vào tháng 5/2019, Thượng Hải đã xây dựng một số khu vực giải trí từ 19h đến 6h sáng. Theo đó, thành phố này đã đề cử những người có kinh nghiệm quản lý các doanh nghiệp hoạt động về đêm như một cách để hỗ trợ điều phối KTĐ của Thượng Hải (Báo điện tử Nhà đầu tư, 2020).

Kể từ năm 2018, Bắc Kinh liên tục đưa ra nhiều chính sách, kế hoạch nhằm thúc đẩy phát triển “kinh tế đêm”. Chính quyền thành phố Bắc Kinh đưa ra báo cáo đề xuất chính sách thúc đẩy phát triển “kinh tế đêm” khuyến khích các cửa hàng, trung tâm thương mại kéo dài thời gian kinh doanh. Phó chủ tịch Liên đoàn công thương, Ủy ban Toàn quốc Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân thành phố Bắc Kinh Lý Chí Khởi đề xuất “Thấp sáng nền KTĐ của Bắc Kinh, thúc đẩy tiêu dùng địa phương của Bắc Kinh”. Ông cho rằng phát triển KTĐ giúp mở rộng các hoạt động kinh tế, tăng tỷ lệ sử dụng các công trình, tăng việc làm, thúc đẩy mở rộng ngành dịch vụ và mở rộng không gian tiêu dùng của khách du lịch.

Tháng 7 năm 2019, Cục thương mại thành phố Bắc Kinh chính thức thực hiện “Chính sách của thành phố Bắc Kinh liên quan đến việc làm cho “kinh tế đêm” phát triển mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng tiêu dùng” với 13 biện pháp cụ thể.

Mục tiêu của chính sách này là đến cuối năm 2021 sẽ hình thành khu sinh hoạt, khu thương mại, địa điểm mang tính biểu tượng của “thủ đô ban đêm” với bố cục hợp lý, quản lý theo tiêu chuẩn, mang đầy đủ nét đặc sắc với chức năng hoàn thiện.

Địa điểm mang tính biểu tượng “thủ đô ban đêm”: xác định Đại Sách Lan, Tam Lý Truân, Quốc Mậu, Ngũ Khoả Tùng là 4 địa danh của Bắc Kinh - “thủ đô ban đêm”; 4 địa danh lần lượt xoay quanh các chủ đề phong cách cổ đô, phong cách năng động, xu thế cao cấp, hội nhập xuyên biên giới nhằm thu hút người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Khu thương mại của “thủ đô ban đêm”: xây dựng khu thương mại ban đêm trong phạm vi diện tích 10-20 km thuộc khu vực các trung tâm thương mại mua sắm Lam Sắc, Thế Mậu Thiên Giai, phố Qũy, Hợp Sinh Vị ..., hình thành nên bầu không khí tiêu dùng “kinh tế về đêm” kết hợp phát triển giữa thương mại và du lịch.

Khu sinh hoạt của “thủ đô đêm”: xây dựng khu sinh hoạt đêm tại các khu phố đông dân như Ngũ Đạo Khẩu, Thường Dinh, Thượng Địa, ... nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng về đêm của người dân.

Trong báo cáo chính sách có đề ra 13 biện pháp cụ thể để chính sách được thực hiện có hiệu quả:

1. Thiết lập cơ chế phối hợp điều phối kinh tế vào ban đêm: bầu ra “người thấp đèn” cho nền “kinh tế đêm” theo ba cấp khu phố (hương, trấn), quận, thành phố do lãnh đạo cơ quan chủ quản các cấp chính quyền và các hiệp hội doanh nghiệp nắm giữ, phụ trách quản lý, điều phối sự phát triển “kinh tế đêm”. Thành lập các phòng thương mại và các tổ chức xã hội khác tại các “thủ đô ban đêm” thúc đẩy, quản lý hoạt động kinh tế tại các khu vực này.

2. Tối ưu hóa dịch vụ giao thông công cộng ban đêm: tăng cường xe, tăng số lượng chỗ đỗ xe có giới hạn thời gian.

3. Thắp sáng thị trường tiêu dùng vào ban đêm: hỗ trợ các khu vực “thủ đô ban đêm”, cải thiện cơ sở vật chất, thiết bị chiếu sáng, nhà vệ sinh, wifi công cộng và các thiết bị hỗ trợ 5G

4. Lên kế hoạch “thắp sáng thủ đô ban đêm” để thúc đẩy các hoạt động tiêu dùng: tổ chức triển khai các hoạt động về đêm như Lễ hội ẩm thực đêm khuya, lễ hội ánh sáng, các show diễn văn nghệ ...

5. Tạo nên “văn hóa IP” (văn hóa sở hữu trí tuệ) tiêu dùng đêm: tổ chức các hoạt động văn hóa và giải trí như xem phim, nghe nhạc, đọc sách, ... Khuyến khích các bảo tàng và phòng trưng bày nghệ thuật kéo dài giờ mở cửa; tổ chức các hoạt động văn hóa, các lễ hội truyền thống. Đối với các buổi diễn có dưới 3000 chỗ ngồi sẽ nhận được khoản trợ cấp giá vé.

6. Phát triển địa điểm du lịch đêm: kéo dài thời gian mở cửa các thắng cảnh cấp 4A từ 1 đến 2 giờ. Hỗ trợ ra mắt các cửa hàng giải trí ban đêm lành mạnh. Tổ chức các hoạt động du lịch đêm tại Cung điện mùa hè, Công viên rừng Olympic, Công viên Triều Dương và những nơi khác.

7. Nếp sống tiêu dùng mới – các hoạt động thể dục về đêm: hỗ trợ các đơn vị kinh doanh về thể dục vận động mở cửa đến 22 giờ, tổ chức các sự kiện thể thao lớn trong nước và quốc tế như giải bóng rổ FIBA 2019, giải bóng rổ nam Trung Quốc ... Xây dựng các cơ sở và địa điểm vận động thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu người dân

8. Ra mắt 10 tuyến phố ẩm thực về đêm: trợ cấp kinh phí từ 100.000 đến 5 triệu Nhân dân tệ cho các cửa hàng và khu phố ẩm thực hoạt động về đêm

9. Xây dựng 16 khu chợ đêm: tổ chức các hoạt động chợ đêm về chủ đề văn hóa, du lịch, ẩm thực vào dịp hè, cuối tuần hoặc các ngày lễ.

10. Khuyến khích hoạt động kinh doanh kéo dài vào ban đêm: hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng các cửa hàng tiện lợi 24 giờ; khuyến khích các trung tâm mua sắm kéo dài thời gian làm việc, thực hiện các chương trình khuyến mãi vào các ngày lễ .

11. Lên kế hoạch “Hướng dẫn tiêu dùng Bắc Kinh - “thủ đô ban đêm””: Phối hợp thông tin kinh doanh, du lịch, văn hóa, thể dục thể thao, giải trí, các sự kiện quy mô lớn và phương tiện giao thông thuộc khu sinh hoạt, khu thương mại và địa điểm mang tính biểu tượng của “thủ đô ban đêm”: và biên soạn “Hướng dẫn tiêu dùng đêm Bắc Kinh – “thủ đô ban đêm””

12. Tăng cường đề phòng và kiểm soát rủi ro kinh tế vào ban đêm: xây dựng các phương án đề phòng đảm bảo an toàn xã hội “kinh tế đêm”; mỗi quận sẽ thiết lập cơ chế đánh giá rủi ro các hoạt động kinh tế về đêm, lập kế hoạch.

13. Tăng hỗ trợ kinh phí: Hỗ trợ cải thiện các cơ sở thương mại trong khu thương mại và thúc đẩy các hoạt động tiêu dùng.

Có thể thấy rằng, KTĐ chỉ có thể phát triển gắn liền với sự phát triển của mỗi địa phương. Mỗi địa phương có một đặc điểm vị trí địa lý, dân cư, điều kiện phát triển kinh tế, xã hội và chính trị là khác nhau. Do đó, để phát triển KTĐ, mỗi địa phương của Trung Quốc đã có những chính sách đặc thù, được phân cấp, phân quyền để có quyền chủ động sáng tạo trong khai thác các thế mạnh của địa phương. Để khai thác KTĐ đòi hỏi phải có sự đầu tư phát triển đồng bộ về cơ sở hạ tầng giao thông, hệ thống khách sạn, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ ăn uống có đủ năng lực phục vụ khách du lịch. Điều này đòi hỏi chính quyền trung ương phải có chính sách đầu tư trọng điểm cho các thành phố lớn, các trung tâm thương mại kinh tế của cả nước. Nếu không có chính sách phát triển trọng điểm thì các địa phương sẽ có thể không có đủ nguồn ngân sách để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông.

Việc ban hành các biện pháp chính sách phát triển KTĐ là điểm khởi đầu quan trọng để tăng nguồn cung tiêu thụ chất lượng cao, hỗ trợ tiếp tục xây dựng các thành phố trở thành trung tâm tiêu dùng quốc tế, đồng thời đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dân vì cuộc sống tốt hơn. Thông qua việc thực hiện toàn diện các biện pháp chính sách, chính phủ và doanh nghiệp Trung Quốc sẽ tạo thành một sức mạnh chung để tạo một KTĐ đa diện, đặc trưng và toàn diện và mang màu sắc Trung Quốc.

1.4.1.2 Thành phố Bangkok, Thái Lan

Từ lâu, Thái Lan đã nổi lên như một quốc gia du lịch của châu Á. Năm 2017, Thái Lan thu về 52,5 tỷ USD từ du khách quốc tế, con số này ở Singapore là 18,4 tỷ USD, Indonesia là 12,6 tỷ USD, trong khi Việt Nam chỉ có 8,3 tỷ USD. Năm 2016, Bangkok vượt qua cả London và New York để đứng đầu danh sách “thành phố đáng tham quan nhất” của Euromonitor International với gần 35 triệu lượt khách và 71,4 tỷ USD doanh thu. Thủ đô của đất nước chùa Vàng cũng 2 năm liên tiếp đứng thứ 2

trong bảng xếp hạng “Điểm đến toàn cầu”. Năm 2017, theo số liệu của Tổ chức Du lịch Thế giới (World Tourism Organization, viết tắt là UNWTO), Thái Lan là điểm đến mà khách du lịch quốc tế chi tiêu nhiều thứ 4 thế giới, sau Hoa Kỳ, Pháp và Tây Ban Nha, với tổng mức chi tiêu đạt khoảng 57 tỷ USD. Lý giải điều này, một trong những nguyên nhân quan trọng là Thái Lan có KTĐ rất phát triển. Hai địa phương phát triển mạnh về du lịch cũng như KTĐ của Thái Lan là Bangkok và Pathaya. Người phương Tây ví Bangkok là thành phố không bao giờ ngơi nghỉ vì các hoạt động vui chơi giải trí diễn ra suốt ngày đêm ở đây. Bangkok cũng được xếp hạng đứng thứ 10 trong danh sách các thành phố có cuộc sống về đêm tốt nhất thế giới. Có thể nói, các hoạt động về đêm và cuộc sống về đêm là những đặc trưng của du lịch Bangkok.

Để làm được điều đó, Chính phủ Thái Lan đã có những chiến lược để Bangkok biến thành một “thành phố không ngủ” với hàng loạt các hoạt động về đêm như ẩm thực, vui chơi, giải trí, mua sắm. Các tuyến phố thương mại, ẩm thực ở Bangkok sáng đèn xuyên đêm. Bên cạnh các loại hình kinh doanh về đêm truyền thống tại Bangkok như các câu lạc bộ đêm, các chợ ẩm thực về đêm, trong những năm gần đây, thành phố Bangkok còn nỗ lực phát triển những chương trình mới về đêm với sự kết hợp giữa hoạt động bán lẻ với văn hoá, tính sáng tạo.

Để thực hiện tái tạo đô thị, đặc biệt có thêm các không gian đô thị ban đêm, từ năm 2005, Chính phủ Thái Lan đã thành lập Trung tâm thiết kế và sáng tạo Thái Lan tại Bangkok. Một trong những sản phẩm sáng tạo cũng rất độc đáo của Bangkok đó là Công viên sáng tạo Chang Chui, với các khu vực được thiết kế đa chức năng, đáp ứng nhu cầu biểu diễn, trưng bày triển lãm, học tập, nghiên cứu... có kết hợp với các khu vực bán lẻ, ẩm thực, tạo thuận lợi cho khách thăm quan, trải nghiệm. Điểm hay của Công viên sáng tạo Chang Chui là ở chỗ phân tách 2 khu vực rõ ràng: “vùng xanh” mở cửa từ giữa sáng đến tối và không cho phép lưu hành đồ uống có cồn; “vùng tối” mở cửa từ chiều muộn đến tận đêm dành cho biểu diễn âm nhạc, quán bar, bia, các gian hàng thiết kết, thời trang.

Bên cạnh các trung tâm mua sắm mở cửa 24/24, Bangkok còn xây dựng và mở cửa các không gian sống dành cho cộng đồng địa phương, ví dụ, Thư viện Cuộc sống đô thị mở cửa 24/24 dành cho sinh viên, người lao động, người lao động tự do, hoạt động khởi nghiệp và khách du lịch.

Việc đa dạng các loại hình giải trí về đêm để đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách, Thái Lan cũng có chiến lược để lựa chọn phát triển loại hình giải trí thể mạnh

của mình là hộp đêm và quán bar. Lĩnh vực hộp đêm và quán bar ở Thái Lan chính thức đóng góp khoảng 5,5 tỷ đô la Mỹ cho nền kinh tế - tương đương khoảng trên 1% GDP vào nền kinh tế quốc gia này.

Bangkok cũng chú trọng đầu tư vào cơ sở hạ tầng giao thông để tạo sự kết nối các trung tâm mua sắm với các bến tàu điện trên cao, các con đường ngầm... thuận tiện cho du khách. Nhằm đảm bảo tính đồng bộ, các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động KTĐ như dược phẩm, bưu điện cũng được mở cửa 24h. Chẳng hạn, con đường Ratchada được mở cửa từ năm 2015 tại Bangkok, được coi là trung tâm mua sắm quy mô lớn mở cửa 24/24, kèm theo đó là các dịch vụ ăn uống, dược phẩm, bưu điện cũng mở cửa 24/24.

Loại hình kinh doanh ban đêm cũng rất nổi tiếng ở Thái Lan đó là chợ. Có thể kể đến một số chợ đêm nổi tiếng như: Rot Fai Market, Rong Kluea Market, Chiang Rai Night Bazaar, Phuket Walking Street Market, Krabi Town Walking Street Market, Indy Market, Bophut Fisherman's Village Walking Street, Khlong Toei Market... với hàng hóa đa dạng, giá cả phải chăng, ẩm thực phong phú kết hợp với các chương trình nghệ thuật, biểu diễn đặc sắc ngoài trời.

Sự phát triển mạnh mẽ của KTĐ ở Thái Lan một phần được lý giải bởi chính sách quản lý nhà nước về KTĐ ở quốc gia này. Xét trên phạm vi Đông Nam Á, Thái Lan là một trong các quốc gia có mức đầu tư cho du lịch thuộc hạng cao nhất. Mức đầu tư cho du lịch tại Thái Lan năm 2017 là 7,7 tỷ đô la Mỹ, trong khi mức đầu tư trung bình tại các quốc gia Đông Nam Á là 4,9 tỷ đô la Mỹ (Việt Nam là 5,1 tỷ đô la Mỹ). Bên cạnh đó, Thái Lan chủ trương quản lý nhà nước về KTĐ cộng đồng để huy động được sự tham gia của không chỉ của Chính phủ và của doanh nghiệp mà còn của cộng đồng địa phương. Trên cơ sở được hưởng lợi từ hình thức du lịch này, các cơ quan địa phương đã phân bổ ngân sách hàng năm cho xúc tiến du lịch, như nâng cấp cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, tiếp thị và quảng cáo. Chính phủ Thái Lan cũng có chính sách thuế nhằm thu hút du khách tiêu dùng cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp lữ hành, bán hàng địa phương. Du khách đến Thái Lan theo visa du lịch sẽ được hoàn lại thuế giá trị gia tăng (thuế suất 7%) đối với những hàng hóa đã được mua tại các cửa hàng có treo biển hiệu “Hoàn thuế giá trị gia tăng cho khách du lịch”. Các địa điểm bán hàng thủ công địa phương của Thái Lan cũng được chính phủ miễn thuế giá trị gia tăng. Các công ty lữ hành có thu nhập thấp hơn 600.000 baht cũng được miễn thuế giá trị gia tăng. Với các công ty lữ hành có thu nhập lớn hơn 600.000 baht nhưng

ít hơn 1.200.000 bath thì được lựa chọn chỉ nộp 1,5% thuế doanh thu hoặc nộp thuế giá trị gia tăng thông thường (Nguyễn Xuân Thiên, Hà Minh Tuấn, 2016).

Một trong những chiến lược quản lý nhà nước về KTĐ của Thái Lan đó là chú trọng công tác quảng bá truyền thông với những khẩu hiệu độc đáo và sáng tạo qua từng năm, trong đó khẩu hiệu “Amazing Thailand” được sử dụng từ năm 1998 đến nay vẫn phát huy tác dụng. Công tác xúc tiến quảng bá quản lý nhà nước về KTĐ được thực hiện bởi Cơ quan du lịch Thái Lan thuộc Bộ Thể thao và Du lịch, hiện có 27 văn phòng đại diện ở nước ngoài tại Châu Âu (6 văn phòng), Châu Á (18 văn phòng), Châu Mỹ (2 văn phòng) và Châu Đại Dương (1 văn phòng). Việc mở nhiều văn phòng đại diện tại nước ngoài là một công cụ hữu hiệu giúp xúc tiến du lịch Thái Lan tại các nước sở tại.

1.4.1.3 Thành phố Kuala Lumpur, Malaysia

Chính phủ Malaysia cũng quy hoạch riêng đối với thủ đô Kuala Lumpur với mục tiêu khu vực này sẽ được thiết kế để thu hút khách du lịch với cơ sở vật chất 24 giờ, an toàn công cộng, giao thông và cơ sở hạ tầng nhưng nó sẽ vẫn tách biệt với các khu dân cư và tôn giáo. Để tạo thuận lợi cho việc cấp phép đối với các khu vui chơi giải trí, việc thành lập một khu vui chơi giải trí sẽ do Phòng cấp phép thuộc Tòa thị chính Kuala Lumpur (Dewan Bandaraya Kuala Lumpur, DBKL) thực hiện. Một trong những lĩnh vực giải trí được khuyến khích đầu tư tại Kuala Lumpur đó là hộp đêm (night club) với lộ trình năm 2021 có 6 hộp đêm mới, mỗi hộp đêm có khả năng phục vụ ít nhất 900 khách vào mỗi đêm cuối tuần. Tác động dự kiến của việc được dự kiến là 0,7 tỷ RM trong GNI và khoảng 5.614 việc làm vào năm 2020. DBKL cũng sẽ tích cực sẽ làm việc cùng với các cơ quan liên quan để thu hút các nhà đầu tư tư nhân đầu tư kinh doanh hộp đêm vào khu giải trí đã được công bố và sẽ được Phòng cấp phép của DBKL tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp giấy phép khi đầu tư.

Bên cạnh việc quy hoạch và khuyến khích đầu tư vào những khu vui chơi giải trí tập trung, Malaysia cũng có chính sách nhằm hỗ trợ theo hướng hiện đại hóa đối với những khu vực bán lẻ truyền thống, đặc biệt là cửa hàng tạp hóa nhỏ, hàng rong và các chợ đêm theo hướng mở rộng số lượng các cửa hàng lớn, hiện đại; hỗ trợ các nhà kinh doanh nhỏ thông qua các sáng kiến cải tiến về kỹ năng, công nghệ thông tin, quy trình hoạt động và dịch vụ khách hàng.

Để thu hút các dự án đầu tư, trong đó có dự án đầu tư vào các khu giải trí ban đêm, Chính phủ Malaysia có chính sách hỗ trợ về tài chính khá linh hoạt. Theo đó, Chính phủ trao quyền cho Cơ quan Phát triển công nghiệp Malaysia (Malaysian

Industrial Development Authority - MIDA) và các cơ quan khác nếu thích hợp, đàm phán về các ưu đãi tài chính được yêu cầu với các nhà đầu tư trong từng trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, Bộ Tài chính sẽ thiết lập một cách tiếp cận và khuôn khổ chung để tạo cơ sở cho việc tiến hành các cuộc đàm phán này.

Với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp đã được đề ra trong Chương trình chuyển đổi kinh tế, đến nay Kuala Lumpur được biết đến là một thành phố phát triển bậc nhất nhì Đông Nam Á với rất nhiều điểm giải trí về đêm, đặc biệt là tập trung số lượng lớn các quán bar, hộp đêm sôi động. Có thể kể đến một số điểm ban đêm đến thu hút người dân và du khách tại Kuala Lumpur như các quán bar trên đường Jalan Ampang, Jalan Sultan Ismail; phố ẩm thực Jalan Alor; đặc biệt là khu vực Bukit Bintang với vô số cửa hàng, trung tâm thương mại lớn nhỏ cùng rất nhiều quán ăn, cafe, câu lạc bộ đêm mở thâu đêm suốt sáng.

Bên cạnh các khu vui chơi giải trí đêm được quy hoạch tập trung theo hướng cung cấp các dịch vụ giải trí chất lượng cao cho người dân và du khách, Malaysia cũng duy trì các khu vực kinh doanh ban đêm hướng đến các đối tượng khác hàng bình dân như chợ đêm Pasar Malam hay khu vực kinh doanh hè phố ở bang Bangsar – thủ phủ cuộc sống về đêm của người nhập cư Malaysia.

Bên cạnh việc quy hoạch các khu vui chơi, giải trí ban đêm, duy trì và thực thi các biện pháp quản lý hiệu quả, Chính phủ Malaysia cũng có chính sách nhằm thúc đẩy du lịch phát triển, xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông thuận tiện... nhằm tạo sự đồng bộ, hỗ trợ và thúc đẩy KTĐ phát triển. Với hệ thống xe buýt dày đặc cùng sự hỗ trợ đắc lực của tàu điện, Kuala Lumpur được xem là thành phố có hệ thống giao thông công cộng hiện đại.

Hiện nay, Malaysia cũng không có cơ quan quản lý nhà nước hay chức vụ quản lý nhà nước riêng đối với các hoạt động KTĐ. Ngay cả hiệp hội riêng cho các doanh nghiệp kinh doanh ban đêm cũng không được thành lập mà thay vào đó là các hiệp hội ngành nghề cụ thể như: Hiệp hội chủ nhà hàng và quán ăn nhỏ (Restaurant and Bistro Owners Association); Hiệp hội Công viên giải trí và điểm tham quan địa đình (MATFA), Hiệp hội Trung tâm Mua sắm, Hiệp hội Các nhà bán lẻ (MRA), Hiệp hội Chuỗi bán lẻ (MRCA), Tổ chức Các nhà bán lẻ Bumiputra (BRO), Hiệp hội thực phẩm và đồ uống (MFBEA), Hiệp hội các nhà khai thác nhà hàng, quán bar và giải trí (RBEOA). Các hiệp hội ngành nghề này đóng vai trò nhất định trong việc liên kết, hỗ trợ, đưa ra kiến nghị với Chính phủ nhằm hỗ trợ đối với các doanh nghiệp kinh doanh ban đêm theo từng ngành nghề cụ thể. Chẳng hạn, Hiệp hội các nhà khai thác

nhà hàng, quán bar và giải trí đã đưa ra những kiến nghị với Chính phủ Malaysia liên quan đến việc tháo gỡ khó khăn cho các nhà hàng, quán bar trong việc tuyển dụng lao động khi mở cửa trở lại vì dịch Covid trong bối cảnh các doanh nghiệp này thiếu hụt trầm trọng nguồn lao động.

Trước cả Thái Lan, Malaysia đã thành lập lực lượng cảnh sát riêng để thực thi nhiệm vụ trong lĩnh vực du lịch. Theo đó, Cảnh sát du lịch Malaysia là một đơn vị đặc biệt của Cảnh sát hoàng gia Malaysia, được thành lập từ năm 1985, nhằm hỗ trợ du khách thông tin về luật pháp, phong tục, văn hóa và điểm đến tại địa phương. Cảnh sát du lịch có nhiệm vụ tuần tra thường xuyên để bảo vệ du khách, ngăn chặn tội phạm trong cộng đồng. Là điểm đến nổi tiếng của Đông Nam Á, thành công của ngành du lịch Malaysia một phần nhờ vào hoạt động hiệu quả của cảnh sát du lịch. Cảnh sát du lịch tại Malaysia được quyền xử phạt nghiêm khắc, kể cả trục xuất ngay các tội phạm liên quan đến hoạt động du lịch như hướng dẫn viên “chui”.

1.4.2 Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước

1.4.2.1. Kinh nghiệm của TP. Hồ Chí Minh

Được đánh giá là nhộn nhịp nhất với nhiều hoạt động về đêm như: phố ẩm thực, phố đi bộ, chợ đêm, hệ thống cửa hàng tiện lợi 24h00, tập trung chủ yếu ở phố đi bộ Bùi Viện, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Xích Long, phố người Hoa, Phú Mỹ Hưng,.. chuyên về kinh doanh ẩm thực về đêm. Ngoài ra, còn có đường hoa Nguyễn Huệ, phố đi bộ Kỳ đài Quang Trung Quận 10, khu chợ đêm và phố đi bộ Quận 11 kết hợp với các hoạt động về đêm của công viên văn hóa Đầm Sen, Quảng trường nhạc nước Hòa Bình. Từ khi được tổ chức thí điểm phố đi bộ, hoạt động kinh tế tại phố Bùi Viện đã có bước phát triển nhanh, mạnh với hơn 350 cơ sở kinh doanh với các hoạt động chủ yếu như nhà hàng, khách sạn, quán bar, cơ sở kinh doanh dịch vụ lữ hành, lưu trú... Vào các buổi tối cuối tuần, phố đi bộ Bùi Viện có hơn 2.000 lượt du khách trong và ngoài nước. Mỗi năm, các cơ sở kinh doanh ở Bùi Viện đóng thuế hàng tỷ đồng, riêng trong năm 2019, thuế công thương nghiệp thu được tại đây là khoảng 6 tỷ đồng. Hiệu ứng lan tỏa của phố đi bộ Bùi Viện đã hình thành các khu phố kinh doanh về đêm tập trung vào ẩm thực, café, trình diễn nghệ thuật và đang có kế hoạch phát triển phố chuyên kinh doanh ẩm thực đêm một cách bài bản như phố Nguyễn Thượng Hiền, khu Phan Xích Long, phố người Hoa, khu đô thị Phú Mỹ Hưng... đã tạo không khí và hình ảnh vui tươi, nhộn nhịp, năng động của thành phố này.

Nhìn chung, các sản phẩm du lịch đêm ở nhiều tuyến phố chưa được quy hoạch, sắp xếp bài bản và các hoạt động vui chơi giải trí có tổ chức chuyên nghiệp như: chợ đêm Bến Thành, phố đi bộ Nguyễn Huệ, Bùi Viện,... còn ít.

Trong năm 2019, mức đóng góp trực tiếp của ngành du lịch Thành phố vào GRDP đạt 6,2 tỷ USD, qua Báo cáo khảo sát sản phẩm du lịch về đêm của Sở Du lịch, khách du lịch nội địa của Thành phố đóng góp 15% vào GDP ngành du lịch Thành phố; trong khi đó khách du lịch quốc tế đóng góp 5% vào GDP du lịch Thành phố. Có khoảng hơn 16.000 cơ sở hoạt động kinh doanh dịch vụ đêm, với số lượng nhân sự trung bình từ 5-40 người/cơ sở, tương đương khoảng 370.000 việc làm được tạo ra để phục vụ hoạt động dịch vụ về đêm.

Về cơ chế chính sách, thành phố Hồ Chí Minh có đề xuất Trung ương ban hành các chính sách liên quan để hỗ trợ phát triển SPDL đêm, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho xây dựng SPDL đêm trên địa bàn thành phố, cụ thể:

Quận 1: tổ chức các tuyến phố đi bộ toàn thời gian hoặc bán thời gian tại khu vực trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh; Quận 3: xây dựng Đề án phát triển các tuyến phố đi bộ kết hợp ẩm thực tại Hồ Con Rùa, phố ẩm thực Nguyễn Thượng Hiền; Quận 5: xây dựng Đề án phát triển tuyến phố ẩm thực Phùng Hưng; Quận 6: xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển Chợ đêm Bình Tây; Quận 11: xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển khu ẩm thực Hà Tôn Quyền, chuyên phục vụ ẩm thực sủi cảo nổi tiếng; Quận Phú Nhuận: xây dựng và triển khai Đề án Phố ẩm thực Phan Xích Long; Quận Tân Bình: xây dựng kế hoạch tổ chức Chợ đêm tại khuôn viên ngoài trời Trung tâm Văn hóa, Thể dục thể thao quận.

1.4.2.2. Kinh nghiệm của thành phố Đà Nẵng

Đà Nẵng đã thí điểm phát triển du lịch đêm đối với ba nhóm dịch vụ chính, gồm ẩm thực, vui chơi giải trí và dịch vụ mua sắm nhằm hình thành những không gian, mô hình giải trí mới cho một “thành phố không ngủ”. Tại thành phố Đà Nẵng, SPDL đêm đang dần hình thành trong thời gian gần đây với nhiều tiềm năng lợi thế đang sẵn có ban đầu về hoạt động/Dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí: (1) có các khu vui chơi giải trí quy mô lớn như Sunworld Đà Nẵng Wonders (Công viên châu Á), Khu du lịch suối khoáng nóng Núi Thần Tài tổ chức hoạt động đón khách đến vui chơi giải trí, thưởng thức ẩm thực vào ban đêm. 02 sân golf Bà Nà Hills Golf Club, BRG Đà Nẵng Golf Resort tổ chức hoạt động đánh golf cho khách vào ban đêm (đến khoảng 22h00); Khu vui chơi giải trí có thưởng dành cho người nước ngoài: tại Crowne Plaza, Furama resort, One Opera (hoạt động 24/24h); Các show diễn: Charming Đà Nẵng, Áo dài show, Hồn Việt, Trầm tích Sông Hàn, các hoạt động sự kiện lễ hội 02 bên bờ Sông Hàn... (hoạt động đến khoảng 22h00); Phố đêm, phố đi bộ tại quận Ngũ Hành Sơn hoạt động đến khoảng 24h00; Hoạt động bar/vũ trường,

tụ điểm ca nhạc hoạt động đến 02h00 sáng; (2) Dịch vụ ăn uống: Các cơ sở dịch vụ ăn uống hình thành dọc các tuyến đường trung tâm hoạt động đến khoảng 23-24h00; các phố chuyên doanh ẩm thực hoạt động đến khoảng 24h00; (3) Dịch vụ mua sắm: Các trung tâm thương mại lớn hoạt động đến khoảng 23h00; Hệ thống các cửa hàng tiện lợi; Chợ đêm, tuyến phố chuyên doanh mua sắm hoạt động đến khoảng 22h00; (4) Dịch vụ tham quan du lịch về đêm: Tour du lịch đường thủy nội địa thưởng ngoạn sông Hàn ban đêm với các dịch vụ ngắm cảnh, thưởng thức âm nhạc, ẩm thực... (hoạt động đến 22h00); Tour xích lô thưởng ngoạn trung tâm thành phố, đi bộ ngắm cảnh 02 bên bờ sông Hàn, dọc bờ biển Đà Nẵng (hoạt động đến 22h00); Các điểm nhấn kiến trúc để tham quan check-in buổi tối: Cầu Rồng, Cầu Nguyễn Văn Trỗi, Sun Wheel (Vòng quay mặt trời), Cầu Tình yêu.

Trong giai đoạn 2016-2019, tốc độ tăng trưởng bình quân tổng thu du lịch Đà Nẵng đạt 24,6%, trong đó, năm 2016 là 23,72%, đến năm 2019 là 31,4% (đóng góp trực tiếp là 13,7%, đóng góp lan tỏa vào các ngành, lĩnh vực khác là 17,7%). Du lịch cũng tạo ra nhiều việc làm với 50.963 lao động trong năm 2019, tăng gấp 2,2 lần so với năm 2016, trong đó có sự đóng góp không nhỏ từ các hoạt động du lịch đêm. Dự kiến trong thời gian đến sẽ tiếp tục đưa vào hoạt động các dịch vụ vui chơi, giải trí tại bãi biển Mỹ An; Sunworld Bà Nà Hills như tổ chức tuyến cáp treo số 06, Lễ hội ẩm thực và bia, show diễn The Golden Heart, combo tham quan trải nghiệm về đêm Bà Nà By Night; Sunworld Đà Nẵng Wonders như tổ chức Lễ hội ẩm thực Sắc màu Châu Á, sự kiện âm nhạc 30/4 - 1/5, show diễn xiếc - tạp kỹ (định kỳ cuối tuần), Chợ đêm Helio; Bảo tàng Điêu khắc Chăm đang đề xuất tổ chức biểu diễn nghệ thuật để phục vụ khách vào ban đêm; Hội chợ du lịch quốc tế VITM Đà Nẵng 2021, các hoạt động văn hóa - lễ hội 02 bờ sông Hàn và các chương trình tham quan du lịch về đêm: Bus tour, tour đi bộ (walking tour), tour xích lô, City Tour về đêm, tour ẩm thực, tour ngoạn Sông Hàn về đêm.

Về cơ tổ chức thí điểm chương trình Đà Nẵng về đêm - Danang By Night (theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 26/02/2021) để từng bước phát triển sản phẩm du lịch đêm trên địa bàn thành phố.

Về cơ chế chính sách, Ngày 28/9/2020, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 3613/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án phát triển KTĐ tại thành phố Đà Nẵng, theo đó hoạt động KTĐ và kinh tế ban ngày không có sự khác biệt, không có hoạt động KTĐ thuần túy và phạm vi chủ yếu tập trung vào dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, ẩm thực, mua sắm diễn ra từ 18h00 tối hôm trước đến 6h00 sáng

hôm sau, nhằm phục vụ nhu cầu vật chất và tinh thần của người dân và khách du lịch. Trong Đề án có đánh giá cụ thể tình hình khai thác một số loại hình dịch vụ phục vụ khách du lịch về đêm hiện có trên địa bàn thành phố theo 04 nhóm chính gồm: Hoạt động/Dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí; Dịch vụ ăn uống; Dịch vụ mua sắm; Dịch vụ tham quan du lịch về đêm. UBND thành phố Đà Nẵng cũng ban hành và triển khai kế hoạch tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí về đêm tại bãi biển Mỹ An (theo Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 20/01/2021) và Kế hoạch Chính quyền và doanh nghiệp của Quảng Ninh đã phối hợp rất tốt trong xây dựng, tổ chức, cung cấp nhiều hoạt động dịch vụ phục vụ vào ban đêm cho du khách. Các khu, điểm du lịch phục vụ ban đêm được chú trọng đầu tư, mang lại tín hiệu tích cực cho du lịch của tỉnh, thu hút lượng lớn khách du lịch quốc tế đến thăm quan, lưu trú, nghỉ dưỡng, phát huy được giá trị của đô thị cổ Hội An là Di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận.

Các hoạt động du lịch về đêm góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển du lịch, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần tạo diện mạo mới cho các đô thị; kinh doanh du lịch đạt được kết quả, tạo thuận lợi để phát triển một số ngành nghề thủ công truyền thống như: may mặc dệt thổ cẩm; làm lồng đèn, tranh tre...

1.4.3. Bài học kinh nghiệm quản lý nhà nước về kinh tế đêm cho thành phố Hà Nội

Qua nghiên cứu sự phát triển và hoạt động quản lý KTĐ của các quốc gia và địa phương nêu trên, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau đây:

(1) Về xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Bài học cốt lõi đầu tiên là sự cần thiết phải thiết lập một khung pháp lý có tính chiến lược và định hướng rõ ràng. Kinh nghiệm từ Bắc Kinh cho thấy Hà Nội phải xây dựng một Đề án/Kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế đêm cấp Thành phố với tầm nhìn dài hạn (như đến 2025, 2030) cùng các mục tiêu, chỉ tiêu định lượng cụ thể (ví dụ: số lượng cửa hàng 24/7, doanh thu du lịch đêm). Đồng thời, dựa trên mô hình của Malaysia, các văn bản về quy hoạch không gian cho kinh tế đêm cần được xác định minh bạch, khoanh vùng các khu vực trọng điểm, khu vực thí điểm và các khu vực hạn chế, đảm bảo sự tách biệt hợp lý với khu dân cư và tôn giáo.

Thứ hai là việc thiết kế các chính sách hỗ trợ và ưu đãi mang tính thúc đẩy. Hà Nội nên xem xét các chính sách hỗ trợ tài chính trực tiếp, miễn giảm thuế và phí dịch vụ trong giai đoạn đầu, tương tự cách Bắc Kinh đã áp dụng, nhằm khuyến khích doanh nghiệp tham gia và đầu tư, đặc biệt là vào các khu vực mới. Bên cạnh đó, các chính sách tài chính kích cầu du lịch như hoàn thuế VAT cho du khách hoặc miễn

giảm thuế cho doanh nghiệp lữ hành, theo kinh nghiệm của Thái Lan và Malaysia, cần được nghiên cứu để hỗ trợ các sản phẩm đặc trưng của Thủ đô.

Cuối cùng, văn bản quản lý cần đảm bảo tính linh hoạt và đặc thù địa phương. Mặc dù cần một khung pháp lý chung của Thành phố, Hà Nội nên học hỏi kinh nghiệm phân cấp, phân quyền như Trung Quốc, cho phép chính quyền cấp phường/xã có quyền chủ động xây dựng các quy định chi tiết, phù hợp với đặc điểm và tiềm năng phát triển riêng của từng khu vực.

(2) Về tổ chức quản lý kinh tế đêm

Về tổ chức quản lý, bài học quan trọng nhất là phải xây dựng một bộ máy điều phối chuyên trách và liên ngành. Mô hình "người thấp đèn" ở ba cấp và các phòng thương mại tại "thủ đô ban đêm" của Bắc Kinh là hình mẫu. Hà Nội cần thành lập một Ban Chỉ đạo hoặc Tổ công tác chuyên trách về kinh tế đêm cấp Thành phố, bao gồm đại diện các Sở, ban, ngành liên quan và hiệp hội doanh nghiệp, với cơ chế phân công trách nhiệm rõ ràng xuống các cấp phường/xã để đảm bảo sự điều phối thông suốt, hiệu quả.

Về quản lý hoạt động KTĐ, cần đơn giản hóa quy trình công nhận và cấp phép. Hà Nội nên tập trung hóa quy trình cấp phép (như Kuala Lumpur) và xây dựng hệ thống "điểm đến kinh tế đêm được công nhận" để tạo thương hiệu, dễ dàng quản lý và thu hút đầu tư. Đồng thời, Hà Nội cần học hỏi Bắc Kinh để phân loại và công nhận các khu vực/tuyến phố kinh tế đêm theo các chủ đề rõ ràng (ẩm thực, văn hóa, giải trí) nhằm dễ quản lý và thu hút khách hàng mục tiêu. Cần nghiên cứu mô hình phân khu chức năng rõ ràng như mô hình "vùng xanh" (không cồn) và "vùng tối" (có cồn) ở Thái Lan để quản lý an ninh và đáp ứng đa dạng nhu cầu.

Về đầu tư phát triển, Hà Nội cần ưu tiên đầu tư đồng bộ vào hạ tầng giao thông (kết nối với phương tiện công cộng), chiếu sáng, vệ sinh công cộng và công nghệ (Wi-Fi, 5G) tại các khu vực trọng điểm, theo kinh nghiệm của Bangkok, Thái Lan và Kuala Lumpur, Malaysia. Bên cạnh đó, bài học từ Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh và Bắc Kinh nhấn mạnh sự cần thiết phải đa dạng hóa sản phẩm du lịch đêm độc đáo, kết hợp giữa văn hóa, nghệ thuật (ca trù, biểu diễn đường phố), ẩm thực, mua sắm và giải trí. Việc khuyến khích phát triển các không gian văn hóa, giáo dục hoạt động vào ban đêm (nhà sách 24/24) và các chuỗi cửa hàng tiện lợi 24h là rất quan trọng.

(3) Về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm

Công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm là yếu tố then chốt kiểm soát rủi ro và đảm bảo an ninh trật tự. Hà Nội cần học hỏi Bắc Kinh

trong việc xây dựng phương án đề phòng an toàn xã hội và thiết lập cơ chế đánh giá rủi ro định kỳ ở cấp quận về an ninh, cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm và tiếng ồn. Về an ninh, cần tăng cường lực lượng công an, bảo vệ tại các khu vực kinh tế đêm, thậm chí xem xét thành lập đội phản ứng nhanh chuyên trách hoặc lực lượng cảnh sát du lịch như Malaysia, đặc biệt vào giờ cao điểm. Việc ứng dụng công nghệ (camera giám sát), tương tự Bangkok, là bắt buộc để theo dõi, phát hiện và xử lý vi phạm kịp thời. Mặc dù các ví dụ không nêu rõ, kinh nghiệm quản lý chung cho thấy Hà Nội phải thiết lập kênh tiếp nhận và giải quyết khiếu nại từ người dân và du khách một cách nhanh chóng và minh bạch (ví dụ: đường dây nóng, ứng dụng di động) để duy trì uy tín và chất lượng dịch vụ.

Như vậy, QLNN về KTĐ tại Hà Nội cần một cách tiếp cận toàn diện, chiến lược và linh hoạt, ưu tiên xây dựng khung pháp lý rõ ràng, phát triển bộ máy chuyên trách, đầu tư đồng bộ vào hạ tầng và sản phẩm, đồng thời duy trì kiểm soát chặt chẽ về an ninh trật tự và môi trường để khai thác hiệu quả tiềm năng to lớn của kinh tế đêm Thủ đô.

Tiểu kết chương 1

Nội dung chương đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và tổng quan kinh nghiệm thực tiễn về quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh/thành phố. Luận án đã làm rõ các khái niệm về kinh tế đêm và quản lý nhà nước về kinh tế đêm, từ đó xác định các mục tiêu, nguyên tắc và ba nội dung cơ bản của quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Đồng thời, luận án cũng đã nhận diện và phân tích các nhóm yếu tố khách quan và chủ quan có tác động đến QLNN về KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố, bao gồm các yếu tố thuộc về năng lực của chính quyền địa phương và các yếu tố bên ngoài.

Bên cạnh nền tảng lý thuyết, việc nghiên cứu sâu kinh nghiệm của một số quốc gia, thành phố trên thế giới và tại Việt Nam đã cung cấp những góc nhìn đa chiều. Qua đó, luận án đã khẳng định không có một mô hình quản lý chung cho mọi bối cảnh, đồng thời rút ra các bài học kinh nghiệm về sự cần thiết của một tầm nhìn chiến lược, cơ chế phối hợp linh hoạt và sự tham gia của cộng đồng.

Những kết quả nghiên cứu của chương 1 là tiền đề lý luận và thực tiễn vững chắc, làm cơ sở khoa học để luận án đi sâu vào phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ ĐÊM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1 Khái quát đặc điểm tự nhiên, xã hội và thực trạng một số mô hình hoạt động kinh tế đêm của thành phố Hà Nội

2.1.1 Khái quát đặc điểm tự nhiên, xã hội của thành phố Hà Nội

2.1.1.1 Về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thành phố Hà Nội

Hà Nội có vị trí địa lý từ 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông, tiếp giáp với các tỉnh Thái Nguyên - Vĩnh Phúc ở phía Bắc; Hà Nam - Hòa Bình ở phía Nam; Bắc Giang- Bắc Ninh- Hưng Yên ở phía Đông và Hòa Bình- Phú Thọ ở phía Tây. Hà Nội nằm về phía tây bắc của trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, có đất đai màu mỡ, trù phú và là trung tâm chính trị, tôn giáo từ những buổi đầu của lịch sử Việt Nam. Từ ngàn năm, Thăng Long (Hà Nội ngày nay) đã là kinh đô của Việt Nam, tới ngày nay Hà Nội vẫn là đầu não chính trị - hành chính Quốc gia; là nơi giao thoa của những nền văn hóa lớn - trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế. Bên cạnh đó, Hà Nội là đầu mối giao thương bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường sông tỏa đi các vùng khác trong cả nước và quốc tế nên có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông và du lịch, đặc biệt là phát triển các hoạt động và dịch vụ KTĐ - vốn đã khá quen thuộc với các du khách quốc tế.

Ở Hà Nội, từ tháng 5 đến tháng 9 là mùa nóng và mưa, nhiệt độ trung bình 29,2°C. Từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau là mùa đông, thời tiết khô ráo, nhiệt độ trung bình 15,2°C. Giữa hai mùa đó lại có hai thời kỳ chuyển tiếp (tháng 4 và tháng 10). Hà Nội có đủ bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Bốn mùa thay đổi như vậy đã làm cho khí hậu Hà Nội thêm phong phú, đa dạng, tạo nét hấp dẫn cho các du khách đến từ miền Trung, đặc biệt là miền Nam nơi chỉ có hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa cũng như các du khách quốc tế, đến từ những quốc gia có mùa hè rất ngắn và chủ yếu là mùa đông lạnh giá.

Hà Nội có cảnh quan thiên nhiên rất đa dạng, phong phú như: Hương Tích là “Nam thiên đệ nhất động” và nhiều thắng cảnh quanh chân núi Ba Vì, tạo nên các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng có thương hiệu như Ao Vua, Vua Bà, Khoang Xanh, Suối Tiên, Thác Đa, Thác Ngà, vườn quốc gia Ba Vì, cạnh đó, Hà Nội có hàng loạt hồ tự nhiên như Hồ Tây, Hoàn Kiếm, Đồng Mô, Suối Hai, Quan Sơn, Tiên Sa... sở hữu không gian xanh thoáng mát, hệ sinh thái đa dạng cùng với những phong cảnh

tuyệt đẹp có vẻ đẹp thơ mộng vào ban ngày và vẻ đẹp lung linh vào ban đêm tạo sức hút du khách đến ngắm cảnh và chụp hình vào mọi thời điểm trong ngày.

2.1.1.2. Về điều kiện tài nguyên nhân văn và xã hội

a. Tài nguyên nhân văn

Tài nguyên nhân văn bao gồm tài nguyên nhân văn vật thể và tài nguyên nhân văn phi vật thể. Trong đó, tài nguyên nhân văn vật thể gồm các di tích lịch sử, công trình văn hóa, văn nghệ, kiến trúc,... Còn tài nguyên nhân văn phi vật thể gồm các truyền thống lịch sử của các dân tộc, loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống, phong tục và tập quán,... Hệ thống tài nguyên nhân văn vật thể và phi vật thể của Hà Nội phong phú, đa dạng và mang đậm bản sắc văn hoá, con người Việt Nam. Tài nguyên nhân văn vật thể ở Hà Nội có thể được miêu tả qua một số khía cạnh như:

Di tích lịch sử, văn hóa

Hà Nội có bề dày lịch sử nghìn năm văn hiến với hơn 5000 di tích lịch sử đã được xếp hạng, trong đó có một số di tích được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Có một nền văn hóa nghệ thuật, di sản văn hoá phi vật thể và hơn 1000 làng nghề truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa của vùng đồng bằng sông Hồng. Có nhiều món ẩm thực nổi tiếng. Hà Nội có một không gian đô thị xanh, có nhiều hồ nước, có những khu phố cổ mang đậm bản sắc văn hóa Á - Âu, được thiên nhiên ưu đãi của một vùng khí hậu nhiệt đới. Nhiều di tích văn hoá, lịch nổi tiếng tại Hà Nội có sức hút cao đối với du khách là Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu, thành Cổ Loa, chùa Một Cột, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, làng cổ Đường Lâm, chùa Quốc Tử Giám, thành cổ Hương, chùa Tây Phương, chùa Thầy, chùa Đậu, chùa Mía,...

Công trình văn hoá, kiến trúc

Từ năm 1902, nơi đây được mệnh danh là “Tiểu Paris Phương Đông”, đến ngày nay, Hà Nội vẫn giữ trong mình sự bí ẩn và quyến rũ bởi những di tích lịch sử, những dấu ấn về con người qua truyền thuyết huyền thoại, những khu phố, tường thành xưa, đường phố cũ, ngôi nhà cổ,...

Đến với Hà Nội, du khách có dịp khám phá nhiều công trình kiến trúc văn hóa - nghệ thuật được xây dựng qua nhiều thế hệ trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Tại thủ đô Hà Nội cũng có những công trình kiến trúc tiêu biểu không chỉ là tiêu biểu của Hà Nội mà có những công trình một thời được xem là tiêu biểu của đất nước, là những công trình đẹp và vẫn còn giữ được nét kiến trúc nguyên bản, độc đáo như Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu- Quốc Tử Giám, Tháp Rùa- Đền Ngọc Sơn, chùa Một Cột, Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh, thành Cổ Loa, chùa Hương... Du khách

cũng sẽ rất thích thú khi được dạo quanh khu phố cổ sầm uất hay những ngõ phố nhỏ cổ kính trầm mặc bằng xích lô hay xe điện.

Hiện nay, Hà Nội là nơi đặt trụ sở trung ương các hội văn học - nghệ thuật, các hội khoa học - kỹ thuật, các xưởng phim, nhà hát quốc gia của rất nhiều bộ môn nghệ thuật. Hà Nội đứng hàng đầu cả nước về số lượng nhà bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp hát, chiếu bóng, hiệu sách,... di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc và cách mạng. Hà Nội có khoảng 20 bảo tàng nổi tiếng với số lượng hiện vật và cổ vật khổng lồ như bảo tàng Hà Nội, bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Bảo Tàng Lịch Sử Quốc Gia, Bảo Tàng Lịch Sử Quân Sự Việt Nam..., là nơi hấp dẫn du khách đến tìm hiểu, khám phá một cách nhanh nhất những giá trị văn hóa, lịch sử, nghệ thuật của mảnh đất nghìn năm văn hiến.

Bên cạnh các tài nguyên nhân văn vật thể, các tài nguyên nhân văn phi vật thể ở Hà Nội có thể được miêu tả qua một số khía cạnh như:

Các truyền thống lịch sử của các dân tộc

Các lễ hội thể hiện văn hóa của người Hà Nội phải kể đến như lễ hội chùa Hương, lễ hội đền Hai Bà Trưng – Mê Linh, lễ hội Đống Đa, lễ hội Bình Đà, lễ hội Võng La và lễ hội thả diều truyền thống Bá Giang,... Trên toàn thành phố có hơn 1.000 lễ hội với các chủ đề và quy mô và hình thức khác nhau thường tập trung vào dịp mùa xuân. Một số lễ hội nổi bật có thể kể đến như:

Lễ hội Đống Đa hay còn gọi là hội gò Đống Đa được mở ra để kỷ niệm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, tưởng nhớ chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung - Nguyễn Huệ. Đây là một trong những lễ hội lớn của Hà Nội đã có từ hơn 200 năm trước, tổ chức với quy mô thành phố. Lễ hội diễn ra thường niên vào ngày mùng 5 Tết Nguyên Đán tại phường Quang Trung, Đống Đa. Đến với lễ hội Đống Đa, du khách sẽ được chiêm ngưỡng một đám rước hoành tráng với nhiều sắc màu rực rỡ kéo dài từ đình làng Khương Thượng ra đến gò Đống Đa. Ngoài ra còn rất nhiều các trò chơi thể hiện tinh thần thượng võ thú vị.

Lễ hội Cổ Loa thường diễn ra từ mùng 6 đến ngày 16 tháng giêng âm lịch, nhằm mục đích tưởng nhớ An Dương Vương Thục Phán - vị anh hùng thời xưa của Việt Nam. Thành Cổ Loa đã chứng kiến một câu chuyện buồn khi đất nước rơi vào tay giặc nhưng đối với người Việt Nam thì đây luôn là di tích lịch sử đáng tự hào. Lễ hội đền Cổ Loa được chia thành phần lễ và phần hội. Về phần lễ, người dân làm lễ tưởng niệm vị anh hùng An Dương Vương. Tiếp đó là phần hội, du khách sẽ được trải nghiệm nhiều trò chơi dân gian hấp dẫn như đốt pháo hoa, hát ca trù, hát tuồng

và nhiều hoạt động thú vị như đánh đu, đấu vật, kéo co, thổi cơm thi, lễ chùa đầu năm,...

Lễ hội chùa Hương là một trong những lễ hội lớn ở Hà Nội, là lễ hội kéo dài nhất cả nước (3 tháng từ mùng 6 tháng Tết Nguyên Đán). Chính vì vậy, cứ mỗi dịp diễn ra lễ hội, du khách thập phương ghé đến xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức để hoà vào dòng người đi trải hội. Đến với lễ hội chùa Hương, ai cũng sẽ cảm thấy sự yên bình khi ngắm cảnh chùa hay ngồi thư giãn trên thuyền trôi ngắm cảnh trên suối Yến. Tham gia lễ hội chùa Hương, du khách thập phương cũng có thể hoà mình vào các hoạt động hấp dẫn khác như bơi thuyền, leo núi, nghe hát dân ca truyền thống.

Lễ hội đền Hai Bà Trưng - Mê Linh diễn ra vào ngày mùng 6 tháng tưởng nhớ hai vị nữ anh hùng tại thôn Hạ Lôi, Mê Linh. Lễ hội đặc sắc nhất nằm ở phần rước kiệu. Đầu tiên là kiệu bà Trưng Trắc đi trước sau đó đến đường kéo quân thì kiệu Trưng Nhị lên dẫn đầu. Ngoài ra, lễ hội còn diễn ra các hoạt động dân gian truyền thống, các phần diễn xướng để người dân tưởng nhớ về chiến tích năm xưa cũng là để du khách thập phương hiểu rõ hơn về nét đẹp văn hoá của lễ hội đền Hai Bà Trưng.

Lễ hội Võng La nhằm suy tôn Ngũ vị Tôn Thần là: Quốc Công Đại Vương và Lã Nương phu nhân Đại Vương cùng ba người con là Linh Khổng (Đệ Nhất Linh Tổ Đại Vương), Minh Chiêu (Đệ Nhị Linh Tổ Đại Vương) và Cung Mục (Đệ Tam Linh Tổ Đại Vương). Lễ hội Võng La trong năm có 2 kỳ hội: hội chính diễn ra vào tháng Giêng và kỳ hội thứ 2 được tổ chức vào tháng Tám âm lịch tại đình Đại Độ, làng Đại Độ, xã Võng La, huyện Đông Anh. Hàng loạt những hoạt động hấp dẫn được diễn ra trong lễ hội như: thi cờ tướng, đu tre, hát quan họ, múa sư tử, múa sênh tiền,...

Lễ hội làng Bát Tràng diễn ra từ ngày 14 đến hết ngày 16/2 âm lịch hằng năm tại làng nghề gốm truyền thống Bát Tràng, huyện Gia Lâm. Lễ hội làng Bát Tràng rất nổi tiếng, thường thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước. Lễ hội được tổ chức với ý nghĩa tôn vinh nghề gốm truyền thống, hướng về cội nguồn và cũng là dịp để người dân nơi đây cầu cho một năm nhiều may mắn, bình an. Các hoạt động như lễ rước nước, tắm bài vị, rước bài vị ra đình trong phần lễ được chuẩn bị chu đáo. Tiếp đó đến phần hội với các hoạt động độc đáo, đó là chơi cờ người và hát thờ.

Như vậy, có thể thấy tiềm năng phát triển các hoạt động KTĐ là rất lớn trong nhiều ngày, chẳng hạn lễ hội chùa Hương kéo dài tới 3 tháng. Do đó, các du khách tham đến tham dự không chỉ tham gia các hoạt động phần lễ diễn ra ban ngày mà nếu tổ chức khéo léo phần hội vào buổi đêm có thể thu hút và giữ chân được du khách thập phương dài ngày.

Phong tục tập quán

Hà Nội gắn liền với những tục lệ mang đậm chất văn hóa truyền thống với phong tục tập quán đặc sắc và độc đáo của văn hóa Hà Nội. Một trong những phong tục nổi bật nhất của Hà Nội chính là các tục lệ ăn tết âm như Tết Hàn Thực, Tết Đoan Ngọ, Lễ Vu Lan, tết Nguyên Đán... Các phong tục tập quán ngày nay vẫn được người Hà Nội duy trì và tổ chức long trọng nhằm gìn giữ bản sắc dân tộc và thu hút du khách đặc biệt là các du khách nước ngoài tham quan và đắm mình vào không khí lễ hội tại Thủ đô trong những dịp này. Du khách có thể đi chợ hoa du xuân ngày Tết hay thức đêm đón giao thừa cùng người dân Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng.

b. Tài nguyên xã hội

Hà Nội là địa phương đứng thứ nhì về dân số với khoảng 8,5 triệu người (năm 2024), tuy nhiên, nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của thành phố là gần 10 triệu người. Năm 2024, mật độ dân số của Hà Nội vào khoảng 2.585 người/km², mật độ giao thông là 105,2 xe/km mật đường. Hiện nay, Hà Nội là một đô thị loại đặc biệt của Việt Nam.

Trên địa bàn Thành phố Hà Nội có trên 100 trường Đại học, cao đẳng, gần 300 cơ sở dạy nghề; nơi hội tụ nhiều nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành của cả nước trên tất cả các lĩnh vực. Có số lượng lao động trẻ ở độ tuổi vàng (chiếm trên 60% lực lượng lao động) và tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 30%, cao nhất trong cả nước và gấp hơn 2 lần số với mức trung bình chung của cả nước. Nguồn nhân lực chất lượng cao giúp các doanh nghiệp dễ dàng tuyển dụng với năng suất lao động ngày càng tăng. Các tài nguyên con người (tài nguyên xã hội) là một dạng tài nguyên tái tạo đặc biệt, thể hiện bởi sức lao động chân tay và trí óc, khả năng tổ chức và chế độ xã hội của các cộng đồng. Tại Hà Nội, tài nguyên xã hội có thể được mô tả qua các khía cạnh sau:

Sự kiện xã hội

Hà Nội vinh dự là một trong 19 ứng cử viên hạng mục “Điểm đến thành phố hàng đầu thế giới 2019” (World’s Leading City Destination) để bình chọn tại giải thưởng World Travel Awards-giải thưởng có uy tín nhất của tổ chức Du lịch Thế giới, được ví như “Giải Oscar của ngành công nghiệp du lịch”. Đây chính là cơ hội để thủ đô Hà Nội quảng bá hình ảnh về lịch sử và con người Hà Nội – Việt Nam, Thủ đô có lịch sử hơn 1.000 năm tuổi, Thành phố vì hòa bình đến với toàn thế giới. Con người Hà Thành có tiếng thanh lịch, văn minh, cần cù, chăm chỉ, thân thiện, yêu lao động, có tình yêu nồng nàn với cuộc sống cũng là những nét đẹp giúp thu hút du khách đến thăm.

Năm 2022, Hà Nội đã tổ chức thành công chương trình du lịch Hà Nội chào 2022 - Get on Hanoi 2022, lần đầu tổ chức lễ hội khinh khí cầu tại Hà Nội... đã quảng bá hình ảnh du lịch Thủ đô và thu hút đông đảo khách du lịch đến với Thủ đô. Hà Nội triển khai kế hoạch nâng cấp chất lượng sản phẩm du lịch, điểm đến du lịch gắn với di sản - di tích, làng nghề tại các quận, huyện, thị xã; chú trọng nâng cấp, phát triển sản phẩm du lịch tại 4 tuyến chính từ trung tâm Thành phố đến Làng nghề gốm sứ Bát Tràng (Gia Lâm), Hương Sơn (Mỹ Đức), Thạch Thất - Quốc Oai và Sơn Tây - Ba Vì; khuyến khích các khách sạn, khu nghỉ dưỡng trong khu vực nội, ngoại thành xây dựng, nâng cao chất lượng sản phẩm, các dịch vụ trải nghiệm, ẩm thực phục vụ thị hiếu của khách du lịch quốc tế.

Sự kiện văn hoá

Là trung tâm văn hóa của cả miền Bắc từ nhiều thế kỷ, tại Hà Nội có thể tìm thấy và thưởng thức những món ăn của nhiều vùng đất khác, nhưng ẩm thực nơi đây cũng có những nét riêng biệt. Đến với Hà Nội, du khách không thể bỏ qua cơ hội thưởng thức những món ăn đặc trưng như cơm làng Vòng, phở Hà Nội, bún chả, bún thang, bánh tôm Hồ Tây.

Bên cạnh đó, Hà Nội có nhiều món ăn đặc sản như chả cá Lã Vọng, bánh cuốn Thanh Trì, bánh dày Quán Gánh; giò, chả, nem chua Ước Lễ; nem chạo Phùng; chè lam Hương Ngải, Canh Nậu, ... Hà Nội còn đơm thắm sắc hoa và cây cảnh với các làng hoa trước đây như Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Nghi Tàm, làng quất Tứ Liên, làng đào Nhật Tân, Phú Thượng và các làng hoa mới Tây Tựu, Xuân Đình, Mai Dịch, Nam Hồng, Tiên Dương, Vân Trì cùng các làng hoa gần đây mới hình thành ở Mê Linh, Tiền Phong, Thường Tín,...

Các du khách khi nhắc đến Hà Nội, trong tâm trí sẽ hiện lên những hình ảnh rất thân thuộc về quán hàng nước và cốc trà đá vào ban sáng, những ly cafe vào ban trưa hay những cốc bia vào mỗi buổi tối. Những hàng nước, quán cafe hay quán bia, nhà hàng, đông đúc đến những khu dân cư thưa thớt, từ khu phố cổ đến những khu phố hiện diện khắp phố phường, từ những khu dân cư mới hình thành, từ những trường học đến những ngõ nhỏ thân quen... Tại quán trà đá ở góc phố nhỏ Hàng Giầy, vào mỗi sáng thường có một nhóm cụ già tập trung tới uống nước, nói chuyện và tán dóc về chuyện đời. Hay trên góc phố Hàng Vải, hàng nước mía bán cả trà xanh, thuốc lá, thuốc Lào. Một cốc trà xanh, một vài điệu thuốc tạo thành những câu chuyện nơi đây. Khắp các con phố, ngõ nhỏ, chỗ nào cũng có thể bắt gặp cảnh nhóm người ngồi uống những cốc trà đá.

Sự kiện kinh tế

Đất Hà Thành còn nổi tiếng với những làng nghề truyền thống, những sản phẩm thủ công đầy tinh xảo như gốm Bát Tràng, lụa Vạn Phúc, sơn mài Hạ Thái, làng đúc đồng Ngũ Xã, làng vàng quỳ Kiều Ky, làng mộc chạm Vân Hà... cùng những làng hoa, cây cảnh nổi tiếng như Nhật Tân, Quảng Bá, Nghi Tàm. Là vùng đất trăm nghề, bên cạnh các làng nghề truyền thống, ngày nay Hà Nội có thêm các làng nghề hiện đại như làng thêu ren Quất Động, khám trai Chuyên Mỹ, làng tiện gỗ Nhị Khê, làng quạt giấy Vác, làng mây tre đan Phú Vinh, Ninh Sở,...

Các làng nghề truyền thống hiện đang là điểm đến cho du khách trong nước và quốc tế để du khách có dịp được tham gia, trải nghiệm và thưởng thức, mua sắm những sản vật của làng nghề. Những nét văn hóa độc đáo của Hà Nội vẫn luôn được giữ gìn, đồng thời cũng được tiếp cận một cách sáng tạo, đổi mới để thu hút du khách và góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch đêm tại thủ đô.

Các phân tích trên đã chỉ rõ tiềm năng to lớn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cũng như giá trị nhân văn và xã hội của Hà Nội trong việc phát triển các hoạt động KTD. Tuy nhiên, dù có những lợi thế rõ rệt, việc khai thác và phát huy các tiềm năng này để thúc đẩy sự phát triển của các hoạt động KTD vẫn đang phải đối mặt với không ít thách thức lớn đối với Thủ đô.

2.1.1.3 Về điều kiện môi trường

a. Môi trường không khí

Hà Nội thường xuyên nằm ở top đầu các thành phố ô nhiễm, thậm chí nhiều ngày trong năm là thành phố ô nhiễm không khí nhất thế giới, với chỉ số bụi mịn ở mức nguy hiểm cho sức khỏe con người. Theo các báo cáo về chất lượng không khí năm 2024, nồng độ bụi mịn PM2.5 trung bình hàng năm tại Hà Nội được ghi nhận là khoảng 45,4 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. Mức này cao gấp hơn 9 lần so với mức khuyến cáo hàng năm của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) là 5 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ (theo cập nhật năm 2021). Con số này cho thấy chất lượng không khí tại Hà Nội vẫn đang đối mặt với những thách thức đáng kể liên quan đến ô nhiễm bụi mịn.

Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam thì Hà Nội là thành phố ô nhiễm không khí nhất với số ngày chất lượng không khí lên mức kém, xấu, nguy hại chiếm tỷ lệ cao. Hiện nay, Hà Nội đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm không khí trầm trọng, nhất là vào dịp Đông Xuân. Nguyên nhân là do thời tiết dịp này thường có mây mù dày đặc dẫn đến lớp bụi bẩn không thể khuếch tán được nên có thể thấy ô nhiễm không khí là một bài toán nan giải mà Hà Nội đang phải giải

quyết lúc này. Hàng ngày, các ứng dụng đo chất lượng không khí cho thấy chất lượng không khí ở Hà Nội cho thấy nhiều điểm ở mức đỏ (có hại), một số điểm lên mức tím (rất có hại cho sức khỏe), thậm chí có điểm ở mức nâu (nguy hiểm - tất cả mọi người có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe).

b. Môi trường tiếng ồn

Hà Nội với mức độ đô thị hoá cao, mật độ xe cộ tham gia giao thông luôn ở mức dày đặc, tiếng ồn đến từ còi xe, nẹt bô... là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường bởi tiếng ồn. Theo Kết quả nghiên cứu và đánh giá của Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường tại 12 đường và nút giao thông chính tại các đô thị như Hà Nội, tiếng ồn trung bình vào ban ngày là 77,8 đến 78,1 deciben(dB), vượt tiêu chuẩn cho phép từ 7,8 đến 8,1 dB. Tiếng ồn tương đương trung bình vào ban đêm là 65,3-75,7 dB (vượt tiêu chuẩn từ 10-20 dB). Tại các khu công nghiệp, người lao động ở mọi ngành nghề đều phải tiếp xúc với tiếng ồn với khoảng 20-25% lao động phải tiếp xúc với tiếng ồn cao hơn mức quy định. Việc chịu đựng tiếng ồn có từ cường độ 50 dB trở lên trong thời gian dài có thể khiến con người giảm hiệu suất làm việc, nhất là lao động trí óc; tiếng ồn 70 dB có thể làm tăng nhịp thở, nhịp tim, huyết áp, ảnh hưởng đến dạ dày và giảm hứng thú lao động; tiếng ồn 90dB sẽ gây mệt mỏi, mất ngủ, tổn thương chức năng thính giác, mất thăng bằng cơ thể và suy nhược thần kinh.

2.1.1.4. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế đêm

Sau hơn 30 năm đổi mới, Hà Nội đã đúc rút ra nhiều những bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường nên trong nhiều năm vừa qua Hà Nội luôn có mức tăng trưởng kinh tế cao, liên tục. Hà Nội đã trở thành trung tâm lớn về kinh tế, giao dịch quốc tế ở tầm khu vực, là thị trường sôi động với - mô dân số lớn, là đầu mối trung chuyển nhiều hàng hóa của miền Bắc Việt Nam, nằm trong hành lang kinh tế các tiểu vùng sông Mê Kông. Hà Nội là địa điểm rất thuận lợi để kinh doanh phân phối, có một hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ và phát triển, hạ tầng các khu công nghiệp tại Hà Nội và các thành phố vệ tinh như Bắc Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Bắc Giang,...tương đối hoàn thiện.

Sân bay quốc tế Nội Bài chỉ cách Thành phố 40km, cảng Hải Phòng và cảng Cái Lân là hai hải cảng container được đầu tư phục vụ xuất nhập/nhập khẩu hàng hóa chỉ cách Hà Nội từ 120-200km. Hệ thống giao thông đường thủy tại Hà Nội có ba tuyến chính gồm tuyến sông Hồng, tuyến sông Đà và một số sông khác như sông Đáy, sông Cầu, sông Đuống. Tuyến sông Hồng có tổng chiều dài 1183km, xuất phát từ Vân Nam (Trung Quốc), đoạn sông Hồng qua Hà Nội dài 163km chiếm 1/3 chiều dài tổng con sông trên Việt Nam. Tuyến sông Đà là phụ lưu lớn nhất của sông Hồng

dài 910km, S=52.900km², cung cấp 31% lượng nước cho sông Hồng. Tại Hà Nội, hệ thống cảng như cảng Hà Nội, cảng Khuyến Lương, cảng Phù Đổng, cảng Chèm... cũng là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên nền tảng vững mạnh và lâu dài góp phần không nhỏ cho sự phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường thủy. Tuy nhiên, các cảng này chủ yếu là các cảng hàng hoá, với rất ít cảng hành khách nên mức độ đóng góp cho sự phát triển KTĐ tại Hà Nội rất hạn chế. Hoạt động vận tải hành khách đường thủy chủ yếu phục vụ cho tuyến du lịch sinh thái dọc sông Hồng, tuyến Bát Tràng và tuyến Sơn Tây, đón tổng cộng 596.000 lượt khách vào năm 2010 và đón 972.000 lượt khách vào năm 2020.

Hà Nội là đầu mối giao thông của miền Bắc, có hệ thống đường sắt đô thị đóng vai trò chính trong hệ thống giao thông vận tải cộng đồng, tốc độ cao, khối lượng lớn, có chức năng gắn kết với các khu đô thị, khu CN, các trung tâm thương mại dịch vụ, du lịch, trường học. Hà Nội là đầu mút của đường sắt Thống Nhất Bắc – Nam với chiều dài 1.726 km, nằm trong tổng chiều dài 2.600 km của hệ thống đường sắt VN, chủ yếu do Pháp xây dựng. Hà Nội còn có các tuyến đường sắt nối các tỉnh phía bắc và đi ra cảng Hải Phòng. Bên cạnh đó, tuyến đường sắt đô thị 2A (đường sắt Cát Linh - Hà Đông) dài gần 14 km được hoàn thành sau gần 10 năm khởi công, với 6 đoàn tàu, phục vụ 215 lượt/ngày, và tuyến Nhổn – Cầu Giấy dài 8.5km được hoàn thành sau 15 năm, đã trở thành 2 điểm đến của du khách khi đến Hà Nội.

Bên cạnh đó, Hà Nội là đầu mối trung tâm kinh tế chính trị, được xây dựng giao thông trong đó khoảng 20% là trục đường chính, 7 trục hướng tâm và 3 tuyến vành đai. Tuy nhiên, hiện nay tại Hà Nội mới chỉ có khoảng 636 km đường cao tốc, 200km đường quốc lộ đạt tiêu chuẩn cấp 1 đồng bằng, đường quốc lộ cấp 3 chiếm 78%, còn lại hầu hết là đường quy mô nhỏ. Một số tuyến giao thông trọng yếu kết nối Hà Nội – Hải Phòng và Nội Bài – Hạ Long có vai trò kết nối tam giác kinh tế, tạo thành hạt nhân tăng trưởng cho sự phát triển chung của cả nước; Trục liên kết Đông – Tây (cao tốc Hà Nội – Việt Trì); Trục liên kết Bắc Nam (Móng Cái – Hạ Long – Hà Nội, Lạng Sơn – Hà Nội...)

Nhìn chung, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông Hà Nội chưa đáp ứng sự phát triển của nền KTĐ do hệ thống giao thông công cộng hiện nay chủ yếu là xe bus, với sự góp mặt rất hạn chế của 2 tuyến đường sắt đô thị Cát Linh – Hà Đông và Nhổn – Cầu Giấy hầu như không hoạt động vào đêm khuya. Cụ thể, hầu hết các tuyến xe bus dừng hoạt động lúc 21h và tàu đường sắt Cát Linh – Hà Đông dừng hoạt động lúc 22h, lúc mà các hoạt động về đêm đang diễn ra nhộn nhịp; chỉ có một số chuyến xe bus được hoạt động đến 10h30 nhưng vẫn chưa đáp ứng hết nhu cầu của du khách và

người tham gia. Phát triển KTD không thể thiếu sự linh hoạt của hệ thống vận tải, không chỉ xe bus mà còn taxi, xe ôm thậm chí là dịch vụ cho thuê xe đạp, xe máy. Tuy nhiên khả năng tiếp cận được với các dịch vụ đó vào đêm khuya vẫn tương đối khó khăn đối với những du khách không sử dụng phương tiện cá nhân.

Hệ thống bãi đỗ xe là yếu tố quan trọng cho phát triển KTD nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của người tham gia hoạt động KTD với rất ít các bãi đỗ xe phục vụ ban đêm. Hà Nội là nơi đất chật người đông, diện tích đất dành cho nhà ở, xây dựng các doanh nghiệp, công ty, hộ kinh doanh đã chiếm diện tích lớn của thành phố, nhiều quán hàng bị hạn chế nơi đỗ xe dẫn đến tình trạng lấn chiếm vỉa hè, mất cấp... ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng, mỹ quan đô thị và phương tiện đi lại trên đường.

Thành phố bố trí 78 điểm đỗ trông giữ xe ô tô, xe đạp, xe máy, gần phố đi bộ ở quanh hồ Hoàn Kiếm trong đó có 21 điểm trông giữ ô tô; 57 điểm trông giữ xe đạp xe máy, với diện tích trên 17.000 m² với sức chứa 87 xe du lịch, xe chở khách; 581 xe ô tô con; 2.751 xe đạp, xe máy. Số lượng chỗ để xe như vậy là rất ít so với nhu cầu tham quan phố đi bộ của người dân và du khách. Tình trạng này không chỉ diễn ra duy nhất tại phố đi bộ quanh khu vực Hồ Gươm cũng diễn ra tại các điểm kinh doanh ban đêm tại khu vực Hồ Tây. Điều này cũng được phản ánh qua kết quả phỏng vấn trực tiếp của nghiên cứu sinh:

Hộp 2.1: Cơ sở hạ tầng công cộng tại các điểm kinh doanh ban đêm

Cô Tạ Thị Hiền - khách du lịch thể hiện cảm nhận: “Tôi cảm thấy cơ sở hạ tầng vẫn còn nhiều hạn chế như thiếu các bãi đỗ xe, tôi thường sử dụng phương tiện cá nhân đến Hồ Tây vào ban đêm những ngày cuối tuần nhưng bãi xe quá đông hoặc cách xa, chưa kể đến vấn đề quản lý an ninh ở đó còn lỏng lẻo, mong địa phương có giải pháp kịp thời”.

(Nguồn: Tổng hợp của NCS)

Có hệ thống bãi đỗ xe và an ninh tốt, du khách có thể di chuyển dễ dàng giữa các địa điểm gần kề giúp phát triển chuỗi các hoạt động đêm, không gây ách tắc giao thông vì tập trung đông người tới vui chơi, giải trí. Cơ sở hạ tầng tốt thì hoạt động kinh doanh mới dễ dàng, mọi dịch vụ công cộng đầy đủ sẽ đáp ứng không chỉ nhu cầu vui chơi giải trí mà các nhu cầu cơ bản của mọi người.

Bên cạnh những khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu về cơ sở hạ tầng công cộng của người dân và du khách thì cơ sở hạ tầng công nghệ của Hà Nội đã có bước đầu cải thiện. Từ ngày 1/9/2016, một số điểm phát wifi miễn phí được cung cấp tại

các điểm hoạt động và cung cấp dịch vụ kinh doanh ban đêm quy mô lớn như quanh khu vực phố đi bộ Hồ Gươm.



Hình 2.1: Bản đồ phố đi bộ, điểm trông giữ xe, điểm phát wifi quanh hồ Hoàn Kiếm
(Nguồn: Báo điện tử VTV)

Từ tháng 8/2017 đến nay, Hà Nội đã triển khai thêm hệ thống wifi cộng đồng miễn phí theo hình thức xã hội hóa tại một số địa điểm như: khu di tích Hoàng thành Thăng Long; khu danh lam, thắng cảnh chùa Hương; làng gốm sứ Bát Tràng... Từ tháng 8/2020, Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT) Hà Nội đã có văn bản gửi cơ quan, đơn vị có liên quan và đề nghị VNPT Hà Nội triển khai lắp đặt wifi cộng đồng miễn phí tại các điểm du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử trên địa bàn TP. Hà Nội.

Nhìn chung, hệ thống đường xá, thông tin ở các khu vực kinh doanh ban đêm tại Hà Nội ở mức khá. Điểm cần cải thiện để gia tăng tiềm năng thu hút khách tiêu

dùng sản phẩm đêm tại Hà Nội có lẽ là bổ sung thêm giờ hoạt động cho các phương tiện giao thông công cộng vào ban đêm và bố trí thêm các đỗ xe ban đêm hoặc xây thêm các bãi đỗ xe thông minh với nhiều tầng để tiết kiệm diện tích tại đô thị.

2.1.2 Thực trạng một số mô hình hoạt động kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội

Mô hình KTĐ đã được hình thành ở thành phố Hà Nội, đặc biệt tập loại hình như: Các không gian đi bộ khu phố cổ, không gian đi bộ hồ tập trung ở quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Tây Hồ từ nhiều năm nay diễn ra dưới các loại hình như:

2.1.2.1 Mô hình không gian đi bộ

UBND Hà Nội đã có các báo cáo, đánh giá kết quả thí điểm mở rộng thời gian kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải trí đến 2 giờ sáng tại một số quận trung tâm như Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Tây Hồ... Công tác tổ chức thí điểm đã tạo thêm không gian vui chơi, thu hút du khách khi đến với Thủ đô; đáp ứng nhu cầu giải trí, giao lưu, tìm hiểu cuộc sống ban đêm của du khách đặc biệt là du khách quốc tế, tăng thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu của du khách. Kết quả báo cáo tại quận Hoàn Kiếm, doanh thu khoán bình quân một tháng trong năm 2017 của các cơ sở tham gia thí điểm tăng 55% so với năm 2016, năm 2018 tăng 30% so với năm 2017, năm 2019 tăng 10% so với năm 2018.

Tuyến phố đi bộ Bitexco ở quận Hoàng Mai tại khu đô thị mới Nam đường Vành đai 3, thí điểm hoạt động vào cuối năm 2022. Đề án này đã UBND TP Hà Nội chấp thuận về nguyên tắc thành lập tuyến phố đi bộ tại Khu đô thị mới Nam đường Vành đai 3. Thời gian hoạt động của tuyến phố đi bộ là 3 ngày cuối tuần. Trong đó, giờ hoạt động mùa hè là từ 19 giờ thứ sáu đến 24 giờ chủ nhật; giờ hoạt động mùa đông là từ 18 giờ thứ sáu đến 24 giờ chủ nhật. Tuyến phố đi bộ thực hiện hoạt động thí điểm trong 2 năm (2022 và 2023), sau đó đi vào hoạt động chính thức từ ngày 1-1-2024. Theo đó, tuyến phố đi bộ được phân thành 4 khu vực chính. Khu vực ẩm thực: Tổ chức các hoạt động ẩm thực bao gồm cả ẩm thực đường phố, khu trải nghiệm các nền ẩm thực nổi tiếng thế giới và Việt Nam, giới thiệu các sản phẩm ẩm thực đa dạng màu sắc vùng miền...

Tuyến phố đi bộ Hồ Trúc Bạch khai trương tối ngày 23/12/2022. Không gian phố ẩm thực đêm kết hợp đi bộ Đảo Ngọc - Ngũ Xã gồm 7 khu phố: Ngũ Xã, Trần Tế Xương, Nguyễn Khắc Hiếu, Mạc Đĩnh Chi, Nam Tràng, Lạc Chính và Trần Vũ. Trong đó, trung tâm đảo là phố Ngũ Xã và phố Nguyễn Khắc Hiếu. Các tuyến phố trên được định hướng phát triển hoạt động kinh doanh hiện có đã được nhiều người

biết và tìm đến thưởng thức như phở cuốn, đồ nướng, lẩu... cùng những quán cà phê có khung cảnh đẹp nhìn ra mặt hồ Trúc Bạch. Ban quản lý cũng cho biết sẽ tổ chức chợ hàng hóa, sản phẩm OCOP của các địa phương cùng hoạt động văn hóa, văn nghệ vào cuối tuần và dịp lễ hội. Trong giai đoạn đầu, phố đi bộ kết hợp ẩm thực này sẽ mở cửa từ 19h đến 24h các ngày thứ Sáu, thứ Bảy và Chủ Nhật. Sau giai đoạn thí điểm sẽ xem xét đón du khách hàng ngày, từ 19h đến 5h sáng hôm sau.

Tuyến phố đi bộ hồ Ngọc Khánh quận Ba Đình đã chính thức khai trương vào tối ngày 10 tháng 10 năm 2024. Sự kiện này diễn ra nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô Hà Nội (10/10/1954 - 10/10/2024). Thời gian hoạt động thí điểm được ghi nhận từ 19:00 thứ Sáu đến 24:00 Chủ Nhật, tuy nhiên, du khách nên kiểm tra lại lịch trình cụ thể. Nơi đây quy tụ những quán cà phê, giải khát có tầm nhìn hướng ra hồ, cùng với chợ hàng hóa và các sản phẩm OCOP đặc trưng. Phố đi bộ còn mang đến không gian văn hóa, văn nghệ đường phố và tái hiện một phần ký ức về Giảng Võ Đường xưa. Mặc dù ghi nhận tình trạng vắng khách hơn kỳ vọng gần đây, chính quyền địa phương đang nỗ lực triển khai các hoạt động mới nhằm tăng cường sức hấp dẫn cho điểm đến này.

Tuyến phố đi bộ ở thành cổ Sơn Tây được khai trương 30 tháng 4 năm 2022. Quanh Thành cổ Sơn Tây. Phạm vi hoạt động của tuyến phố đi bộ gồm các tuyến phố Phó Đức Chính - Phan Chu Trinh - Nguyễn Thái Học, với điểm Nguyễn Thái Học (cầu của Tiên). Phố đi bộ có tổng chiều dài khoảng 820m đầu là công cũ UBND thị xã Sơn Tây và điểm cuối là ngã ba Quang Trung - với tổng diện tích khoảng 34.550m². Thời gian hoạt động vào thứ bảy và chủ nhật hằng tuần.

Phố đi bộ Trịnh Công Sơn dài 900 m nằm giữa khu đầm sen, Công viên nước Hồ Tây và một phần ngõ 431 Âu Cơ, ngõ 612 Lạc Long Quân. Đây là tuyến phố đi bộ thứ hai của Hà Nội, khai trương ngày 11/5/2018. Sau 4 năm hoạt động cầm chừng, tuyến phố hoạt động trở lại vào 7/5/2022 thời gian 17h- 23h, riêng chủ nhật 8h-23h hàng tuần. Không gian đi bộ phố Trịnh Công Sơn sẽ diễn ra các buổi biểu diễn nghệ thuật tại sân khấu chính vào tối thứ Bảy. Ngoài ra còn có các hoạt động biểu diễn nghệ thuật đường phố như Ca trù, nhạc trẻ, hòa tấu nhạc nhẹ, hòa tấu nhạc dân tộc, nhạc Trịnh; các nhóm nhảy hiện đại, sân chơi thanh niên...

Không gian đi bộ phố Trần Nhân Tông và khu vực hồ Thiền Quang, quận Hai Bà Trưng đã khai trương vào tối 30/12/2022. Việc tổ chức không gian đi bộ khu vực hồ Thiền Quang theo hướng kết nối toàn bộ các khu vực vui chơi giải trí xung quanh hồ gắn với Công viên Thống Nhất tạo thành một chỉnh thể để bổ trợ chức năng, cộng

hưởng giá trị, tạo sự gắn kết giữa hai không gian sẽ đáp ứng nhu cầu của người dân và du khách đến tham quan, thưởng ngoạn, du lịch văn hóa và mua sắm, ẩm thực... phát huy tiềm năng giá trị văn hóa lịch sử của khu vực, kích cầu phát triển kinh tế, trong đó có phát triển mô hình KTĐ.

Việc mở thêm các tuyến phố đi bộ vào buổi tối nằm trong lộ trình phát triển KTĐ, thúc đẩy du lịch của thành phố và được kỳ vọng sẽ thu hút khách du lịch, tạo thêm việc làm thông qua hoạt động thương mại, dịch vụ. Hiện tại, các quận, huyện đang khẩn trương hoàn thiện các hạng mục hạ tầng để sớm đưa các tuyến phố đi bộ vào hoạt động.

2.1.2.2 Mô hình không gian ẩm thực đêm

Hà Nội vốn nổi danh không chỉ là đất kinh kỳ mà còn là điểm đến hấp dẫn cho những tín đồ mê ẩm thực. Không chỉ những món ăn phổ biến như phở hay bún chả, nhiều món ăn độc lạ được người dân Thủ đô sáng tạo, chế biến hấp dẫn tạo nên thứ ẩm thực rất riêng. Nhiều năm gần đây, tour đêm khám phá ẩm thực Hà Nội được nhiều thực khách thích thú thực hiện, khám phá một nền văn hoá ẩm thực đêm phong phú, đa dạng và mang đậm nét phong cách thanh lịch Thủ đô.

Không gian ẩm thực tại Chợ đêm Đồng Xuân: Được triển khai từ năm 2003 tại khu vực bên cạnh chợ Đồng Xuân (phố Hàng Khoai) vào thời gian từ 18h00 (mùa đông là 19h00) đến 24h00 vào các ngày trong tuần với 11 gian hàng ẩm thực ăn uống đêm. Tại thời điểm triển khai đã thu hút rất đông sự quan tâm của du khách, thậm chí có thời điểm để được thưởng thức các món ăn tại chợ đêm Đồng Xuân, khách hàng cần phải đặt trước hoặc xếp hàng.

Không gian ẩm thực tại tuyến phố Tống Duy Tân - ngõ Hàng Bông: bắt đầu tổ chức từ năm 2003. Đến 01/3/2018, UBND quận đã xây dựng và triển khai Đề án số 34 về xây dựng mô hình “tuyến phố ATTP có kiểm soát văn minh thương mại Tống Duy Tân - Ngõ Hàng Bông (Cắm Chì)” với mục tiêu xây dựng tuyến phố kinh doanh ẩm thực đảm bảo an toàn thực phẩm có kiểm soát và văn minh thương mại, là tuyến phố ẩm thực đặc trưng của quận, là điểm đến ấn tượng phục vụ tốt du khách trong và ngoài nước. Qua triển khai, chất lượng an toàn thực phẩm của các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (54 cơ sở, gồm: 08 nhà hàng, khách sạn, 31 cửa hàng và 15 cơ sở thức ăn đường phố) trên tuyến phố được nâng cao, thu hút khách du lịch nhất là thời điểm sau 18h00 hàng ngày.

Tiếp theo đó, phải nhắc đến khu phố ẩm thực đêm kết hợp phố đi bộ Đảo Ngọc - Ngũ Xã (P.Trúc Bạch, Q.Ba Đình) chính thức khai trương từ ngày 23/12/2022 và

trở thành khu phố ẩm thực đêm thứ hai ở Hà Nội (sau phố Tống Duy Tân - Cẩm Chi). Sau khi chính thức mở cửa, cứ mỗi tối thứ 6 đến tối chủ nhật hàng tuần lại có hàng nghìn người dân, khách du lịch có mặt tại khu phố này để tham quan, chụp ảnh, ăn uống. Đồng nhất là khu vực bán đồ ăn, các món ăn truyền thống như: ngan cháy tỏi, phở cuốn, chả cá lăng, bún thái hải sản...

Không gian khu phố ẩm thực đêm kết hợp đi bộ Đảo Ngọc - Ngũ Xã tổ chức tại 2 tuyến phố giao cắt trung tâm đảo gồm Ngũ Xã và Nguyễn Khắc Hiếu, dài khoảng 120m, tạo sự lan tỏa toàn bộ Đảo Ngọc - Ngũ Xã, phường Trúc Bạch. Các hoạt động của không gian khu phố ẩm thực đêm kết hợp đi bộ Đảo Ngọc - Ngũ Xã sẽ tập trung vào phát triển các hoạt động kinh doanh hiện có tại đây, kết hợp chợ hàng hóa, sản phẩm OCOP, trưng bày giới thiệu nghề truyền thống đúc đồng Ngũ Xã tại Bảo tàng nghề đúc đồng, kết hợp với hoạt động văn hóa, văn nghệ đường phố vào ngày cuối tuần.

Khu phố ẩm thực được mở tất cả các ngày trong tuần, riêng các ngày cuối tuần, từ 18h thứ Sáu đến 24h Chủ nhật sẽ cấm các phương tiện giao thông cơ giới tại 2 tuyến phố Ngũ Xã và Nguyễn Khắc Hiếu để dành không gian cho khách đi bộ thưởng thức ẩm thực. Khu phố ẩm thực được hình thành cũng góp phần xây dựng hình ảnh du lịch Thủ đô Hà Nội là điểm đến “An toàn-Thân thiện-Chất lượng-Hấp dẫn” đóng góp vào sự phát triển kinh tế đô thị, du lịch Thủ đô nói chung và quận Ba Đình nói riêng.

Thực khách địa phương hay du khách đến Đảo Ngọc Ngũ Xã đều dễ dàng tìm thấy những món ngon vào ban đêm. Dạo một vòng quanh các tuyến đường chính, đường phụ của Đảo ngọc Ngũ Xã, mọi người sẽ không thể bỏ qua những món ăn hấp dẫn dành cho mọi đối tượng. Đến đường chính Ngũ Xã, thực khách sẽ chìm đắm trong hương thơm ngào ngạt của món Phở cuốn truyền thống, trong đó có vị phở cuốn ngan và phở cuốn bò, ngan cháy tỏi đầu tiên tại Ngũ Xã cũng là một món truyền thống không thể thiếu của Hà Nội. Vị ngọt của ngan lẫn với hương thơm của tỏi, cộng thêm chút cay nhẹ cho mùa đông thêm nồng nàn, rồi tất cả chấm với nước chấm xì dầu tỏi ớt ngọt ngọt, cay cay sẽ là một sự kết hợp tuyệt vời. Tạt vào khu Nguyễn Khắc Hiếu, quán phở bò, quán cháo lòng, quán bún mọc dọc mừng..., những món ăn mang đậm phong cách người Tràng An mà du khách thập phương nhiều người biết đến.

Không gian ẩm thực tại Mai Hắc Đế, Triệu Việt Vương tập trung nhiều hàng ăn với các món ăn ngon đặc trưng cho ẩm thực xứ Bắc đến vậy. Ở đây có mặt từ các món bình dân đến các món cao cấp, ngoài ra còn có các món ăn nhập ngoại. Có không dưới 20 món ăn ngon đặc sắc hiện diện ở đây. Có thể kể đến bún chả nem cua bể số 38; xôi trứng thịt số 75; Bún chả chan số 53; Bánh đa cua số 32; Gà tần số 81B; Bún chân gà rút xương số 45A và không thể không nhắc đến món phở tái gầu ở số 36B...

Phố ẩm thực Nguyễn Văn Tuyết, dự kiến khai trương vào ngày 18 tháng 1 năm 2025 tại quận Đống Đa, hứa hẹn trở thành điểm đến hấp dẫn cho người yêu ẩm thực Hà Nội. Tuyến phố này tập trung đa dạng các món ăn đặc sắc, từ truyền thống đến hiện đại, trong không gian sôi động và hấp dẫn. Kỳ vọng đây sẽ là nơi người dân và du khách có thể thưởng thức văn hóa ẩm thực phong phú của Thủ đô, đồng thời góp phần phát triển KTĐ của thành phố.

2.1.2.3 Tổ chức các không gian bảo tàng cho du lịch ban đêm

Tour “Đêm thiêng liêng” tại nhà tù Hỏa Lò

Di tích Nhà tù Hỏa Lò mở cửa buổi tối từ trung tuần tháng 7/2020 nhân kỷ niệm tháng tri ân các anh hùng liệt sĩ. Khi mở cửa ban đêm nhằm thu hút cầu nội địa, Ban Quản lý di tích Nhà tù Hỏa Lò hy vọng sẽ có thêm nhiều người dân được biết đến di tích Nhà tù Hỏa Lò, một chứng tích chiến tranh giữa lòng Thủ đô, đồng thời mỗi người cảm nhận rõ hơn về giá trị cuộc sống khi là một công dân của đất nước tự do, không còn bị xiềng xích nô lệ.

Bên cạnh việc tham gia các hoạt động được tổ chức ngoài phố Hỏa Lò, trong khuôn viên di tích, du khách sẽ có những trải nghiệm ấn tượng với những hình ảnh, hiện vật, sản phẩm đặc thù, gắn với những câu chuyện về ý chí kiên cường, bất khuất của những chiến sĩ cách mạng nơi “địa ngục trần gian”.

Không chỉ tính toán xây dựng tour, Ban Quản lý di tích Nhà tù Hỏa Lò cũng lên kế hoạch chuẩn bị cho các hoạt động tuyên truyền và sẽ thực hiện ngay trong các buổi tối cuối tuần tại khu vực phố đi bộ. Ban Quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò đã thực hiện chương trình “Đưa Di tích lịch sử Nhà tù Hỏa Lò đến gần hơn với công chúng” tại Trung tâm Thông tin Triển lãm, số 93 Đinh Tiên Hoàng trong các ngày cuối tuần.

Để góp phần làm phong phú thêm những hoạt động tại phố đi bộ, đơn vị còn cho lắp màn hình chiếu đoạn phim giới thiệu về Di tích Hỏa Lò. Với những khung hình sinh động, du khách sẽ trải nghiệm chuyến tham quan ngắn tại Di tích Hỏa Lò thông qua màn ảnh nhỏ. Cũng tại đây, các gói combo trải nghiệm hấp dẫn cũng được đưa ra giới thiệu với người dân như: mua vé được tặng sách giới thiệu, mua vé tặng thêm trải nghiệm thuyết minh tự động bằng 6 ngôn ngữ hay cơ hội mua những sản phẩm lưu niệm đặc trưng về Di tích Nhà tù Hỏa Lò với giá ưu đãi nhất.

Chương trình tham quan Nhà tù Hỏa Lò về đêm dự kiến sẽ mở cửa vào các tối thứ 6, 7 và Chủ nhật hằng tuần và chỉ dành cho du khách trên 16 tuổi. Tour khám phá “Đêm thiêng liêng – Sáng ngời tinh thần Việt” là hành động hưởng ứng chủ trương của Thành ủy, UBND thành phố Hà Nội nhằm thực hiện chương trình Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam”.

Tour đêm mô hình “giải mã Hoàng thành Thăng Long”

Hà Nội đã tổ chức tour đêm mô hình “Giải mã Hoàng Thành Thăng Long” kéo dài 1,5h vào dịp cuối tuần. Đến với tour đêm “Giải mã Hoàng Thành Thăng Long” du khách sẽ có những trải nghiệm đặc biệt, lạc vào không gian hoàng cung huyền bí, giao lưu với cung nữ, lính canh trong trang phục xưa, thưởng thức trà sen, mút sen cung đình, thưởng thức những điệu múa hoàng cung ngay trên những dấu tích khảo cổ học độc đáo. Tất cả những điều này đã giúp du khách trải nghiệm cảm giác được sống trong không gian hoàng cung lộng lẫy, xa hoa của thời xa xưa - một trong những nét độc đáo, khác biệt so với các địa điểm du lịch khác của Thủ đô Hà Nội.

Hộp 2.2: Không gian biểu diễn các sản phẩm văn hoá vào ban đêm

Theo TS Lê Viết Chức - nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa giáo dục, thanh thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội bày tỏ: “Tôi đã đi trải nghiệm một số sản phẩm du lịch đêm Hà Nội. Điều tôi thấy mừng nhất là đến các chương trình này không bị nhầm đang đi tour đêm ở Ninh Bình hay ở TP Hồ Chí Minh mà đúng là ở Hà Nội ngàn năm văn hiến. Vì các sản phẩm không chỉ đa dạng mà còn tổ chức trên chất liệu văn hóa của riêng Hà Nội, đó là: câu chuyện gươm thần gắn với truyền thuyết Hồ Gươm, là không gian cung đình ở Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội, là câu chuyện đạo học ở nơi được coi là ngôi trường đại học đầu tiên ở Việt Nam - Văn Miếu Quốc Tử Giám...”.

Nguồn: <https://kinhtedothi.vn/ban-sac-van-hoa-ha-noi-tao-suc-bat-cho-kinh-te-dem.html>

Tour đêm tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám chính thức đón khách từ đầu tháng 11/2023. Chương trình áp dụng công nghệ 3D Mapping, tận dụng không gian của khu tham quan để kể lại câu chuyện về lịch sử Đạo học.

Tour đêm du lịch văn học “Chữ Tâm Chữ Tài” tại Bảo tàng Văn học Việt Nam cũng lựa chọn hình thức kịch nói để dựng lại trích đoạn truyện ngắn “Chí Phèo”, thêm vào đó là phần nghe bài hát phổ nhạc từ thơ và kết thúc hành trình là trò chơi giải mã văn tự.

2.1.2.4 Mô hình tổ chức biểu diễn nghệ thuật đêm

Với sự nhanh nhạy vốn có, Hà Nội từ lâu đã đưa nghệ thuật trở thành một phần trong các tour du lịch. Nhà hát Chèo Hà Nội, Nhà hát Cải lương Hà Nội, Nhà hát Múa rối Thăng Long, thậm chí cả Nhà hát Kịch Hà Nội đều từng có riêng phục vụ du khách. Nhà hát Cải lương Hà Nội còn áp dụng cả mô hình sân khấu song ngữ, chuyển dịch nhiều trích đoạn cải lương sang tiếng Anh... Với mô hình sân khấu trong nhà,

Hà Nội từng có một số show diễn gây , tiếng vang như: “Ionah” với sự kết hợp hài hòa giữa các loại hình nghệ thuật xiếc, múa, kịch... trên nền sân khấu có hiệu ứng bắt mắt, diễn ra tại nhà hát Galaxy Láng Hạ; vở xiếc “Làng tôi” ở Nhà hát Lớn.

Với mô hình sân khấu thực cảnh, vở “Tình hoa Bắc Bộ” cũng tạo được tiếng vang lớn với nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế, thu hút sự quan tâm của đông đảo khán giả. Ở góc độ nào đó, các chương trình đã đưa ra được một số chất liệu văn hóa của Hà Nội, hiện đại có, truyền thống có, ở trung tâm có, ở vùng ven có... nhưng nhìn chung chưa đáp ứng được một cách tốt nhất nhu cầu thưởng thức của du khách”.

Từ ngày 09/3/2024-10/3/2024 (Thứ bảy - Chủ nhật), tại không gian văn hóa sáng tạo Tây Hồ (phố đi bộ Trịnh Công Sơn), quận Tây Hồ, Hà Nội, Sở Du lịch Hà Nội phối hợp với quận Tây Hồ tổ chức Chương trình “Du lịch Hà Nội chào 2024-Geton Hanoi 2024” và công bố Quyết định công nhận khu du lịch Nhật Tân, quận Tây Hồ với chủ đề “Geton Hanoi 2024 - Sắc hương Tây Hồ”. Đây là chương trình nằm trong chùm hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2024).

Sự kiện khai mở cho trên 50 chuỗi các hoạt động văn hoá, lễ hội, du lịch 2024 của Hà Nội như: Lễ hội du lịch Hà Nội 2024; Lễ hội quà tặng du lịch Hà Nội 2024; Festival Thu Hà Nội; Lễ hội ẩm thực và du lịch làng nghề; Lễ hội Áo dài Hà Nội 2024... góp phần quảng bá hình ảnh thủ đô Hà Nội đến với bạn bè trong nước và quốc tế, thúc đẩy du lịch hướng tới mục tiêu nhằm hướng đến hoàn thành mục tiêu đón 27 triệu lượt khách du lịch đến với Hà Nội trong năm 2024, trong đó có 5,5 triệu lượt khách quốc tế; tổng thu từ khách du lịch đạt 103,74 nghìn tỷ đồng, tăng 11,1% so với năm 2023. Chương trình được tổ chức tại phố đi bộ Trịnh Công Sơn, quận Tây Hồ - một trong những “trung tâm văn hoá, du lịch” của Thủ đô nơi ẩn chứa nhiều làng nghề truyền thống, hội tụ trầm tích lịch sử.

Chương trình khai mạc “Du lịch Hà Nội chào 2024-Geton Hanoi 2024” và công bố Quyết định công nhận khu du lịch Nhật Tân, quận Tây Hồ đã được tổ chức trực tiếp, không gian ngoài trời; Phát trực tiếp cho cộng đồng thông qua các nền tảng mạng xã hội: Fanpage, Youtube của Sở Du lịch Hà Nội và Fanpage của Quận Tây Hồ.

Đến với Geton Hanoi 2024 - chủ đề “Sắc hương Tây Hồ” chương trình mang đến cho du khách những trải nghiệm vô cùng mới mẻ, sự kết hợp giữa hiện đại và sử thi qua chương trình nghệ thuật bán thực cảnh và màn trình diễn ánh sáng công nghệ laser mapping.

Đặc biệt màn trình diễn ánh sáng với hàng trăm chiếc máy bay không người lái cất cánh trên bầu trời đêm hồ Tây mang đến một trải nghiệm vô cùng thú vị và

cảm xúc đối với khán giả. Đây là tác phẩm ánh sáng nghệ thuật độc đáo, đưa du khách khám phá những điểm đến du lịch nổi bật đặc trưng của Du lịch Hà Nội 2024, mà khởi đầu là các điểm đến của Tây Hồ đậm đà Sắc và Hương.

Cùng với không gian trải nghiệm ẩm thực đa dạng cùng các gian hàng trưng bày sản phẩm du lịch, tham quan chụp ảnh với các tiểu cảnh trang trí, tham gia các trò chơi dân gian truyền thống... và cùng chiêm ngưỡng những bức ảnh tuyệt đẹp đạt giải trong cuộc thi ảnh du lịch “Thủ đô Hà Nội chào đón bạn-Welcome Hanoi City”.

2.2 Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.2.1 Thực trạng xây dựng các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Căn cứ vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 được Đại hội XIII của Đảng thông qua, đã xác định một số chủ trương lớn về “Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị”. Phát triển kinh tế khu vực đô thị là một trong những định hướng quan trọng trong thời gian gần đây. Dựa trên đó, TP Hà Nội cũng đã xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện hệ thống các văn bản quản lý về KTĐ. Trong thời gian qua, theo thẩm quyền, UBND Thành phố đã ban hành một số văn bản quản lý về các lĩnh vực liên quan đến KTĐ để quản lý các chủ thể tham gia hoạt động KTĐ của thành phố, có thể kể đến một số văn bản như:

Bảng 2.1: Các văn bản quản lý của TP Hà Nội liên quan đến QLNN về KTĐ

STT	Tên văn bản	Nội dung quản lý
1	Quyết định số 3195/QĐ-UBND, ngày 13/06/2023	Phê duyệt đề án “Phát triển kinh tế đô thị TP Hà Nội”
2	Quyết định số 1138/QĐ-UBND, ngày 04/04/2022	Giao cơ quan lập quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
3	Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND, ngày 24/06/2022	Quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội
4	Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018	Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội
5	Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016	Ban hành giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn Thành phố Hà Nội
6	Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 23/02/2017	Phát triển du lịch Hà Nội năm 2017

STT	Tên văn bản	Nội dung quản lý
7	Kế hoạch 79/KH-UBND ngày 10/03/2023	Phát triển du lịch Hà Nội năm 2023
8	Kế hoạch 101/KH-UBND Hà Nội 02/04/2024	Kế hoạch tổ chức Lễ hội Du lịch Hà Nội năm 2024
9	Kế hoạch số 43/KH-UBND, ngày 10 tháng 02 năm 2022	Kế hoạch phục hồi, phát triển hoạt động du lịch Thủ đô thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 năm 2022-2023
10	Kế hoạch 96/KH-UBND ngày 08/04/2021	Tuyên truyền quảng bá điểm đến du lịch Hà Nội năm 2021.
11	Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 12/10/2021	Kế hoạch phát triển, quản lý chợ trên địa bàn TP Hà Nội giai đoạn 2021-2025
12	Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/9/2020	Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hà Nội.
13	Quyết định 4597/QĐ-UBND, ngày 16/10/2012	Quy hoạch phát triển du lịch Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
14	Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021	Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025

(Nguồn: website Chính phủ)

Thực trạng ban hành văn bản QLNN về KTĐ trên địa bàn TP Hà Nội hiện nay cho thấy đặc trưng bởi tính chất lồng ghép và vận dụng từ các văn bản quản lý lĩnh vực có liên quan, thay vì một khung pháp lý chuyên biệt.

Trong đó, Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 13/06/2023 của UBND TP Hà Nội đã đưa ra đánh giá mô hình KTĐ: Những năm gần đây, kinh tế ban đêm phát triển tại Hà Nội. Với lợi thế sẵn có cũng như đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, phát triển kinh tế ban đêm sẽ là xu hướng tất yếu của Thủ đô. Trên thực tế, kinh tế ban đêm đã xuất hiện từ lâu ở Hà Nội. Nhiều hoạt động kinh doanh diễn ra trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 24 giờ, chủ yếu là các dịch vụ ăn uống, dịch vụ mua sắm, dịch vụ vui chơi, giải trí... Hiện nay, quận Hoàn Kiếm là một trong những quận đi đầu của Thành phố triển khai Đề án “Phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn quận Hoàn Kiếm”. Việc triển khai Đề án góp phần cụ thể hóa định hướng về phát triển kinh tế đêm và xác định những kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể để thực hiện, với một số hoạt động đặc trưng

nếu: Không gian ẩm thực tại Chợ đêm Đồng Xuân, tổ chức Không gian đi bộ hồ Hoàn Kiếm và các vùng phụ cận, tổ chức các Không gian đi bộ trong khu phố cổ. Bên cạnh đó, còn một số hoạt động kinh tế đêm diễn ra ở một số khu vực khác như phố đi bộ Trịnh Công Sơn, quận Tây Hồ; phố đi bộ xung quanh hồ Thành cổ Sơn Tây; Không gian đi bộ khu vực hồ Thiền Quang; chợ ẩm thực Ngọc Lâm, quận Long Biên; các khu mua sắm cho sinh viên ở quận Cầu Giấy...

Về quản lý theo ngành dọc và không gian cụ thể, các văn bản quản lý có nội dung tập trung vào kiểm soát các hoạt động thương mại truyền thống và không gian công cộng về đêm. Các văn bản như Quyết định số 2818/QĐ-UBND (quản lý chợ), Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND (sử dụng diện tích bán hàng tại chợ) và các quyết định liên quan đến an toàn thực phẩm (Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND) là công cụ trực tiếp để quản lý các khu vực KTĐ hiện hữu. Sự phân công, phân cấp quản lý theo không gian và chức năng này tạo điều kiện cho các cấp cơ sở kiểm soát trật tự, an toàn, nhưng đồng thời làm phân tán thẩm quyền và gây khó khăn trong việc xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành thống nhất.

Ngoài ra, TP đã thể hiện tính kịp thời thông qua việc ban hành các văn bản thể hiện kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch và phục hồi kinh tế. Các văn bản như Kế hoạch số 79/KH-UBND (phát triển du lịch TP), Kế hoạch số 43/KH-UBND (phục hồi sau COVID-19) và Kế hoạch số 101/KH-UBND (tổ chức lễ hội du lịch Hà Nội 2024) cho thấy QLNN đã chủ động xây dựng lộ trình và ưu tiên đầu tư cho KTĐ thông qua các sự kiện văn hóa, du lịch.

Có thể thấy, ngoại trừ hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí ban đêm, cả 03 lĩnh vực hoạt động còn lại (dịch vụ ăn uống, dịch vụ mua sắm và du lịch) đều không có sự phân biệt về quản lý và điều chỉnh hoạt động kinh tế giữa ban ngày và ban đêm. Qua quá trình triển khai thực hiện, kết quả đạt được là hệ thống chính trị và cộng đồng xã hội của thành phố tiếp tục có sự đổi mới tư duy về KTĐ theo quy luật kinh tế thị trường, bảo đảm nhất quán từ quan điểm, mục tiêu, chương trình hành động và đang triển khai các nhiệm vụ về công tác quản lý, đầu tư và xây dựng cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu phát triển KTĐ trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, để tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển KTĐ, thành ủy cũng chỉ đạo UBND thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Thành phố ban hành và chỉ đạo triển khai kế hoạch KTĐ để thực hiện công tác quản lý, thúc đẩy KTĐ, trong đó trọng tâm là triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện các mục tiêu của Quyết định 1129/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính

phủ ngày 27/07/2020: Phê duyệt đề án phát triển KTĐ ở Việt Nam; chỉ đạo các sở, ban, ngành, các địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp tham mưu triển khai thực hiện, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước thành các chương trình, kế hoạch, đề án của địa phương, đơn vị với các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để thu hút đầu tư KTĐ; tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các tiềm năng du lịch; nâng cao hiệu quả QLNN; đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực đầu tư KTĐ đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực làm việc trong các lĩnh vực kinh doanh của KTĐ. Việc tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chính sách KTĐ của TP Hà Nội được các doanh nghiệp và người dân địa phương đánh giá tương đối tốt.

Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Chinh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025” đã xác định nhiều nhiệm vụ quan trọng đối với chính quyền Thành phố nhằm khai thác tối đa lợi thế đô thị để phát triển kinh tế đô thị. Việc xây dựng và triển khai Đề án “Phát triển kinh tế đô thị thành phố Hà Nội” nhằm xác định các trọng tâm phát triển về kinh tế đô thị phù hợp với đặc điểm, nét đặc thù của Thủ đô và định hướng chung phát triển kinh tế Thành phố theo hướng “nhanh, hiệu quả và bền vững” trong giai đoạn tới là hết sức cần thiết.

Bảng 2.2: Kết quả khảo sát nội dung “Xây dựng các văn bản quản lý nhà nước về KTĐ”

Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Các văn bản QLNN về KTĐ của thành phố được xây dựng đầy đủ, kịp thời	3,27	0,67835
Các văn bản QLNN về KTĐ phù hợp với mục tiêu chiến lược, quy hoạch và thực tiễn của thành phố	4,01	0,66687
Các văn bản QLNN về KTĐ của thành phố có tính khả thi cao	4,03	0,6483
Tổng hợp đánh giá nội dung “Xây dựng các văn bản quản lý nhà nước về KTĐ”	3,77	0,39231

(Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS)

Qua khảo sát dữ liệu thể hiện mức độ đánh giá của cán bộ quản lý, và lãnh đạo doanh nghiệp trong nội dung xây dựng và ban hành văn bản QLNN về KTĐ trên địa

bản thành phố Hà Nội. Kết quả các nội dung được đánh giá dao động từ 3,27 đến 4,03 phản ánh các nhà lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá công tác xây dựng và ban hành văn bản QLNN về KTĐ hiện nay ở phù hợp và kịp thời. Giá trị trung bình tổng hợp là 3,77 với độ lệch chuẩn thấp (0,39231), cho thấy nhìn chung cán bộ quản lý và lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá tích cực đối với hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, đồng thời mức độ phân tán quan điểm không quá lớn, thể hiện sự đồng thuận tương đối giữa các đối tượng khảo sát.

Cụ thể, các văn bản QLNN về KTĐ của thành phố được xây dựng và ban hành đầy đủ, kịp thời với điểm trung bình 3,27 và độ lệch chuẩn 0,67835 cho thấy mức độ đánh giá thấp nhất trong ba chỉ số thành phần. Điều này phản ánh rằng cán bộ quản lý, lãnh đạo doanh nghiệp cho rằng việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch của thành phố Hà Nội về KTĐ còn thiếu tính đầy đủ và chưa thực sự kịp thời. Quan sát từ thực tiễn, đến nay Hà Nội vẫn chưa có các văn bản quản lý được xác lập như một văn bản chuyên biệt. Dù đã có các hoạt động thử nghiệm như mở rộng thời gian hoạt động về đêm ở các tuyến phố đi bộ (như khu vực Hồ Gươm), các chợ đêm, không gian văn hóa nghệ thuật phố Tràng Tiền, nhưng nhìn chung, các hoạt động này chủ yếu nằm trong kế hoạch ngắn hạn, thiếu tầm nhìn dài hạn.

Trong khi đó, hai chỉ số còn lại là các văn bản QLNN về KTĐ phù hợp với quy hoạch và thực tiễn của thành phố và các văn bản QLNN về KTĐ có tính khả thi cao có giá trị trung bình lần lượt là (4,01) và (4,03) có điểm trung bình cao hơn, thể hiện nhận định tích cực về sự phù hợp giữa các chỉ đạo cấp thành phố và thực tiễn chu trương của quốc gia về quản lý và phát triển KTĐ. Điều này có thể lý giải từ việc Hà Nội đã bám sát các định hướng lớn của Đề án phát triển kinh tế ban đêm do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1129/QĐ-TTg năm 2020. Đặc biệt, một số hoạt động đã được cụ thể hóa như xây dựng “Kế hoạch phát triển du lịch đêm giai đoạn 2021–2025” do Sở Du lịch Hà Nội triển khai. Sở Văn hóa và Thể thao cùng Sở Công Thương cũng đã phối hợp thí điểm mô hình không gian nghệ thuật đêm tại phố Phùng Hưng, tổ chức các lễ hội đường phố về đêm tại khu vực hồ Hoàn Kiếm... Những bước đi này góp phần hiện thực hóa quy hoạch cấp quốc gia trong bối cảnh đặc thù của Hà Nội – nơi có nền văn hóa đô thị đa tầng và lượng khách du lịch quốc tế lớn.

Tổng thể, điểm trung bình tổng hợp 3,77 cho thấy công tác xây dựng văn bản về quy hoạch và kế hoạch về KTĐ của thành phố Hà Nội bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực, đặc biệt là trong việc gắn kết giữa định hướng trung ương và điều kiện thực tế địa phương. Tuy nhiên, khoảng cách giữa các chỉ số cũng phản ánh vẫn

đề về tốc độ triển khai và mức độ cụ thể của các quy hoạch còn bất cập. Điều này cho thấy cần thiết có một chiến lược tổng thể, có lộ trình và tích hợp các yếu tố như hạ tầng, an ninh, văn hóa, giao thông... để đảm bảo việc phát triển KTĐ không chỉ mang tính phong trào mà thật sự đi vào chiều sâu.

Thực trạng trên cho thấy một khoảng trống pháp lý trọng yếu, đó là chính quyền TP Hà Nội vẫn chưa ban hành một văn bản chuyên biệt, toàn diện quy định về QLNN đối với KTĐ theo tinh thần Quyết định 1129/QĐ-TTg của Chính phủ. Việc thiếu một văn bản làm hạt nhân dẫn đến sự thiếu đồng bộ, phức tạp trong quy trình cấp phép cho các mô hình kinh doanh KTĐ mới (ví dụ: kéo dài giờ hoạt động), và làm gia tăng thách thức trong việc giải quyết các vấn đề liên ngành như quản lý tiếng ồn và an ninh trật tự tại các khu vực nhạy cảm.

Thời gian tới, để khai thác KTĐ một cách hiệu quả, mang lại sức bật lớn cho Thủ đô, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND Thành phố việc ban hành Đề án phát triển KTĐ, trong đó chỉ rõ nhiệm vụ, giải pháp về: Nâng cao nhận thức về lợi ích và rủi ro khi phát triển KTĐ; xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tạo điều kiện phát triển KTĐ và kiểm soát rủi ro; các giải pháp quản lý nhà nước (về bộ máy và tổ chức triển khai) đối với KTĐ; các mô hình KTĐ cụ thể tại các địa phương đảm bảo phù hợp với đặc điểm yêu cầu về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, có tính khả thi. Ngoài ra, đề án cần có giải pháp về phát triển các loại hình dịch vụ KTĐ thông qua các loại hình dịch vụ văn hóa, vui chơi, giải trí... đòi hỏi tính sáng tạo dựa trên nguồn văn hóa truyền thống sẵn có, khả năng tổ chức và triển khai của từng địa bàn; công tác quy hoạch phục vụ phát triển KTĐ; các hoạt động xúc tiến du lịch, quảng bá các hoạt động KTĐ.

2.2.2 Thực trạng tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.2.2.1 Về xây dựng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Bộ máy QLNN về KTĐ tại TP Hà Nội được cấu thành từ hai cấp độ: cơ quan chủ trì (tỉnh/thành phố) và cơ chế phối hợp liên ngành (các Sở, ngành chuyên môn).

UBND TP Hà Nội là cơ quan chịu trách nhiệm cao nhất về QLNN đối với KTĐ trên địa bàn. Các nhiệm vụ chính của UBND TP bao gồm:

Xây dựng Chiến lược và Quy hoạch: Chủ động nghiên cứu và xây dựng mô hình phát triển KTĐ phù hợp với lợi thế và điều kiện thực tiễn của TP. Đồng thời, trong quá trình xây dựng Quy hoạch TP thời kỳ mới, phải chủ động nghiên cứu quy hoạch những khu vực, địa điểm có khả năng phát triển KTĐ với khung thời gian hoạt động cụ thể để đảm bảo an toàn xã hội.

Thiết lập Cơ chế Chính sách: Chủ động rà soát, nghiên cứu, xây dựng, điều chỉnh cơ chế chính sách, khung pháp lý phù hợp nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư cho sản phẩm KTĐ, chú trọng tăng cường năng lực quản lý nguồn tài nguyên, tri thức, tài chính, ứng dụng công nghệ. Đặc biệt là thu hút và xây dựng quan hệ đối tác lành mạnh với các doanh nghiệp uy tín.

Phân bổ Nguồn lực và Đào tạo: Phân bổ nguồn lực (nhân lực, ngân sách) phù hợp cho quản lý, kiểm tra, giám sát công tác an ninh, trật tự xã hội, y tế, môi trường tại khu vực phát triển KTĐ. Đồng thời, định kỳ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức viên chức ngành dịch vụ, thương mại, văn hóa - du lịch, môi trường, an ninh, quản lý thị trường.

Phối hợp và Học tập: Phối hợp với các Sở, bộ chuyên ngành đánh giá các loại hình dịch vụ, phát triển thêm các sản phẩm mang đậm bản sắc văn hóa. TP cũng cần chủ động nghiên cứu, đánh giá các mô hình KTĐ thành công của các thành phố, quốc gia tương đồng để học tập và thí điểm triển khai.

Cùng với UBND thành phố Hà Nội, các Sở chuyên ngành cũng phối hợp tham gia QLNN về KTĐ trên cơ sở các nhiệm vụ đã được phân công.

Bảng 2.3: Các Sở chuyên ngành tham gia quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn TP Hà Nội

Cơ quan quản lý	Trách nhiệm quản lý (Chức năng tương ứng)
Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tổng hợp, xem xét các đề xuất kinh phí, theo dõi việc lồng ghép các nội dung phát triển KTĐ vào quy hoạch TP, và tăng cường năng lực thông tin, thống kê số liệu về KTĐ.
Sở Tài chính	Nghiên cứu các chính sách, biện pháp ưu đãi thuế đối với hoạt động KTĐ và tạo nguồn cho các chi phí phát sinh liên quan tới quản lý.
Sở Công Thương	Xây dựng chính sách thương mại và dịch vụ phù hợp, quản lý thị trường, quy định về tiêu chuẩn sản phẩm, và đảm bảo cung cấp nguồn điện ổn định ở những khu vực trọng điểm.
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghiên cứu, đề xuất mô hình và sản phẩm du lịch đêm phù hợp với đặc điểm tình hình và nhu cầu thị hiếu của khách du lịch.
Công an Thành phố	Chủ trì đảm bảo an ninh, trật tự phục vụ KTĐ phát triển, hạn chế những ảnh hưởng, tác hại đối với an toàn xã hội.
Sở Giao thông Vận tải	Lập kế hoạch và triển khai cải thiện hệ thống giao thông kết nối thuận tiện, nghiên cứu mở rộng và kéo dài thời gian hoạt động của các phương tiện giao thông công cộng ban đêm.
Sở Xây dựng	Triển khai cải thiện hệ thống đô thị, chú trọng hệ thống chiếu sáng nơi công cộng, hệ thống toilet công cộng ở những địa điểm trọng điểm.
Sở Tài nguyên và Môi trường	Đảm bảo vệ sinh môi trường, giảm thiểu tác động do chất thải và tiếng ồn từ hoạt động KTĐ ảnh hưởng đến người dân địa phương.
Sở Y tế	Tăng cường nhân lực quản lý và phối hợp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách về lao động, việc làm nhằm đảm bảo môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động làm việc về đêm.

(Nguồn: Tổng hợp của NCS)

Có thể thấy, sự phối hợp của các cơ quan trong QLNN về KTĐ trên địa bàn TP Hà Nội được đặc trưng bởi cơ chế phối hợp liên ngành đa chức năng và điều chỉnh linh hoạt, chứ không phải sự lãnh đạo của một cơ quan chuyên trách duy nhất. Thực trạng này được thể hiện rõ nét thông qua sự hợp tác giữa các Sở, ngành để tạo ra sản phẩm và quản lý rủi ro. Cụ thể, trong việc xây dựng sản phẩm, Sở Du lịch và Sở Văn hóa & Thể thao thường chủ trì nghiên cứu và đề xuất các mô hình du lịch đêm như tour đêm Hoàng Thành Thăng Long, nhà tù Hoả Lò, trong khi Sở Công Thương tham gia quản lý, cấp phép dịch vụ và đảm bảo nguồn điện, còn UBND các quận/huyện là đơn vị trực tiếp thực hiện quản lý trật tự đô thị. Cơ chế này cho phép TP nhanh chóng tạo ra các sản phẩm mới sau đại dịch, nhưng thường gặp vướng mắc về tính đồng bộ khi áp dụng quy chuẩn chung cho các không gian khác nhau.

Trong lĩnh vực quản lý rủi ro, sự vận hành mang tính chức năng chuyên môn cao, với Công an thành phố và công an xã nhằm tăng cường lực lượng tuần tra, giám sát an ninh trật tự tại các khu vực nhạy cảm như Tạ Hiện, trong khi Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm xử lý các vi phạm về tiếng ồn và Sở Y tế kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm. Tuy nhiên, do thiếu một đầu mối chuyên trách, việc xử lý dứt điểm các vi phạm kéo dài thường bị chậm trễ và đòi hỏi sự phối hợp phức tạp giữa các bên. Tương tự, Sở Giao thông Vận tải và Sở Xây dựng phối hợp lập kế hoạch kéo dài thời gian hoạt động của xe buýt và cải thiện hệ thống chiếu sáng công cộng, nhưng các hoạt động này thường được triển khai theo từng dự án riêng lẻ, chưa đạt được tính toàn diện trên toàn TP.

Tóm lại, sự vận hành của bộ máy QLNN về KTĐ tại Hà Nội là một cơ chế phản ứng và điều chỉnh dựa trên các quy định hiện hành, với hiệu quả cao trong việc phát động phong trào, nhưng còn tồn tại hạn chế về tính chuyên trách, đồng bộ và tốc độ giải quyết các xung đột do phải vận dụng nhiều văn bản pháp lý khác nhau.

2.2.2.2 Về đầu tư phát triển kinh tế đêm

a. Đầu tư thông qua hỗ trợ tín dụng

Thành phố Hà Nội đã sử dụng các chính sách tài chính của trung ương để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh tế đêm đặc biệt là hoạt động du lịch:

Chính quyền cho vay với lãi suất ưu đãi đối với các dự án ưu tiên; cho phép kinh doanh du lịch quốc tế hưởng chế độ ưu đãi của ngành hàng xuất khẩu, có chính sách thuế phù hợp, đặc biệt về thuế đất đối với các khu du lịch, nhập khẩu trang thiết bị, phương tiện vận chuyển cao cấp phục vụ du lịch; rà soát, điều chỉnh phương pháp tính thuế, phí, lệ phí; áp dụng thống nhất chính sách một giá. Thành phố Hà Nội có

thẩm quyền ban hành quy định về ưu đãi tiền thuê đất đối với một số lĩnh vực, đối tượng xã hội hóa trên địa bàn. Ví dụ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định về chính sách ưu đãi tiền thuê đất trong các lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Quy định này đưa ra các mức miễn, giảm tiền thuê đất (30%, 60%, 100%) tùy thuộc vào lĩnh vực (bao gồm văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, môi trường, giám định tư pháp) và địa điểm thực hiện dự án. Các dự án đầu tư vào khu du lịch có thể được xem xét áp dụng các ưu đãi này nếu thuộc danh mục và tiêu chí quy định. Tuy nhiên, đây là chính sách chung cho các lĩnh vực xã hội hóa, không phải chỉ dành riêng cho "khu du lịch kinh tế đêm".

Bảng 2.4: Mức ưu đãi tiền thuê đất theo lĩnh vực xã hội hóa tại Hà Nội
(Theo Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND)

Lĩnh vực áp dụng	Địa điểm thực hiện dự án	Mức miễn, giảm tiền thuê đất	Ghi chú cho KTĐ
Văn hóa, Thể thao, Giáo dục, Y tế...	Các huyện ngoại thành, khu vực khó khăn	100%	Tiềm năng cho các khu nghỉ dưỡng, công viên chủ đề đêm.
Văn hóa, Thể thao	Các quận nội thành (tùy vị trí)	30% - 60%	Áp dụng cho rạp hát, tổ hợp thể thao hoạt động về đêm.
Du lịch chuyên biệt	Theo danh mục ưu tiên cụ thể	Xét duyệt theo dự án	Chưa áp dụng riêng cho "Khu KTĐ".

(Nguồn: Tổng hợp của NCS)

Có thể thấy, thành phố Hà Nội triển khai các chính sách thu hút đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên trên địa bàn, có thể bao gồm các dự án du lịch, dịch vụ quy mô lớn (trong đó có hoạt động về đêm). Tuy nhiên, không có văn bản cụ thể nào của UBND Hà Nội công bố chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi chỉ dành riêng cho các dự án KTĐ với các con số về lãi suất hay số vốn đã vay được bóc tách. Các gói vay ưu đãi được tìm thấy thường là của các ngân hàng thương mại dựa trên chính sách của họ. Việc thiếu một danh mục riêng biệt cho 'Đầu tư kinh tế đêm' khiến các nhà đầu tư khó tiếp cận các gói tín dụng chuyên biệt."

b. Đầu tư phát triển đa dạng sản phẩm cho kinh tế đêm

UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 79/KH-UBND về phát triển du lịch năm 2023. Theo đó, mục đích của Kế hoạch nhằm thu hút đông đảo nhân dân, khách

du lịch quốc tế và nội địa đến tham quan, trải nghiệm tại Hà Nội; tạo bước tăng trưởng, phát triển toàn diện du lịch Thủ đô đạt cả về quy mô và chất lượng dịch vụ, số lượng và cơ cấu khách du lịch đảm bảo tính bền vững. Cùng đó, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn Thành phố, giữ vững vai trò Hà Nội là trung tâm du lịch lớn của cả nước. Tiếp tục xây dựng hình ảnh du lịch Thủ đô Hà Nội là điểm đến “An toàn - Thân thiện - Chất lượng - Hấp dẫn” đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới, khẳng định là điểm đến du lịch thành phố hàng đầu thế giới. Hà Nội tiến hành xây dựng thành công 6 tour du lịch đi bộ khám phá phố cổ Hà Nội miễn phí 24/24, gồm: Không gian đi bộ hồ Hoàn Kiếm và phụ cận; khu phố cổ Hà Nội (Hàng Đào - Đồng Xuân, khu bảo tồn cấp 1 phố cổ Hà Nội, khu vực mở rộng phía Nam khu phố cổ Hà Nội); không gian đi bộ Thành cổ Sơn Tây; không gian đi bộ phố Trần Nhân Tông và phụ cận; không gian khu phố ẩm thực kết hợp phố đi bộ Đào Ngọc - Ngũ Xã; phố đi bộ Trịnh Công Sơn và tour Cảm xúc Hà Nội nhằm mang đến những trải nghiệm cho khách khi tham quan di sản và khám phá cuộc sống thường nhật cả ngày lẫn đêm của người dân Thủ đô....

Các sản phẩm thành công như tour đêm tại Nhà tù Hỏa Lò, Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu... được thực hiện theo mô hình "xã hội hóa" và tự chủ. Nghĩa là các đơn vị quản lý di tích (là đơn vị sự nghiệp công lập) sẽ tự cân đối từ nguồn thu của mình và/hoặc hợp tác với các công ty tư nhân (về công nghệ, sự kiện, truyền thông) để cùng thực hiện. Chi phí cụ thể của sự hợp tác này là thỏa thuận giữa các bên và không công bố. Đối với các mô hình do nhà nước đầu tư trực tiếp như các phố đi bộ, kinh phí thường được lồng ghép trong các dự án lớn hơn về "chỉnh trang đô thị", "cải tạo hạ tầng kỹ thuật" của các xã/phường. Ví dụ, chi phí để hình thành phố đi bộ Trần Nhân Tông nằm trong tổng thể dự án cải tạo Công viên Thống Nhất và hồ Thiền Quang, do đó rất khó để tách riêng con số chính xác cho hạng mục "phố đi bộ".

c. Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế đêm

Năm 2016, Thành ủy Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU năm 2016 về phát triển du lịch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020 trong đó xác định mục tiêu cơ bản: Tạo bước đột phá phát triển toàn diện du lịch Thủ đô Hà Nội cả về quy mô và chất lượng dịch vụ, đảm bảo tính bền vững; sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh; mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, thân thiện với môi trường; đưa Hà Nội trở thành điểm đến hấp dẫn, có đẳng cấp và xứng đáng là trung tâm du lịch của khu vực và cả nước. Thực hiện chủ trương này, Hà Nội đưa ra định hướng khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư hình thành các khu dịch vụ du

lich phức hợp, dự án dịch vụ quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí hoạt động 24/24 chất lượng cao. Thành phố đặc biệt quan tâm chỉ đạo xúc tiến đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thực hiện các dự án đầu tư phát triển du lịch đồng thời lập danh mục các dự án để tập trung chỉ đạo thực hiện đầu tư phục vụ phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo. Từ 2020 đến nay, Thành phố đã triển khai nhiều dự án phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, sản phẩm du lịch như triển khai quy hoạch, đầu tư dự án bảo tồn, phát huy giá trị làng nghề gốm sứ Bát Tràng và dệt lụa Vạn Phúc thành điểm du lịch đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia tại huyện Đông Anh, Công viên văn hóa, du lịch, vui chơi Kim Quy; Trung tâm thương mại Aeon Mall Hà Đông;... Thành phố đồng thời cũng phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cải tạo các tuyến đường kết nối hạ tầng kỹ thuật ở các quận Nam Từ Liêm, Thanh Xuân, các dự án xây dựng mới các trụ nước chữa cháy và hồ thu nước trên địa bàn thành phố để đảm bảo mỹ quan, sự an toàn cho người dân và thu hút du khách trong và ngoài nước tham gia vào các hoạt động về đêm. Hiện tại, các cơ sở vui chơi giải trí, thể thao, các dự án đang xây dựng và sắp hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ làm phong phú thêm cho hệ thống sản phẩm du lịch đêm của Hà Nội nói riêng và ngành du lịch nói chung góp phần phát triển kinh tế ban đêm nói riêng và toàn ngành kinh tế nói chung một cách bền vững.

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Thành ủy, HĐND Thành phố về việc tăng cường công tác phát triển và quản lý chợ trên địa bàn Thành phố, UBND TP Hà Nội ra Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội ban hành giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn Thành phố Hà Nội làm căn cứ lên Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 12/10/2021 về phát triển, quản lý chợ trên địa bàn TP Hà Nội với mục tiêu nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chợ, từng bước hoàn thiện mạng lưới chợ trên địa bàn Thành phố, khắc phục kịp thời tình trạng xuống cấp và đầu tư, cải tạo, nâng cấp hạ tầng, cơ sở vật chất các chợ đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, văn minh thương mại, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phục vụ tốt nhu cầu dân sinh và góp phần phát triển sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu bền vững cho các địa phương và Thành phố. Giai đoạn 2021-2025, Hà Nội tập trung cải tạo hệ thống chợ để phục vụ giao thương và du lịch đêm: Xây dựng mới/Cải tạo: Mục tiêu xây mới 65 chợ, cải tạo sửa chữa. Kinh phí: Ước tính tổng nhu cầu vốn cho phát triển mạng lưới chợ toàn

thành phố giai đoạn này là hơn 3.000 tỷ đồng (chủ yếu huy động vốn xã hội hóa từ các hộ kinh doanh và doanh nghiệp quản lý chợ).

Bên cạnh việc tăng nguồn kinh phí chương trình xúc tiến du lịch đêm nói riêng và các hoạt động kinh tế đêm nói chung, thành phố Hà Nội bố trí tập trung ngân sách ưu tiên cho dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế xã hội như dự án phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, đầu tư tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị các tài nguyên du lịch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu của nhân dân và khách du lịch đến tham quan Hà Nội. Cụ thể, Hà Nội xác định hai công trình trọng điểm là dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu vực Thành Cổ Loa (thời gian thực hiện 2018 – 2025) với tổng mức đầu tư 7.400 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách và xã hội hóa; dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa lịch sử khu di tích Hoàng thành Thăng Long (thời gian thực hiện 2017 – 2022) với tổng mức đầu tư 3.000 tỷ đồng cũng từ nguồn vốn ngân sách và xã hội hóa. Hà Nội khuyến khích thu hút đa dạng hóa các loại hình đầu tư phát triển du lịch đêm nói riêng và toàn ngành kinh tế đêm nói chung với sự tham gia xã hội hóa của nhiều đơn vị, nhiều thành phần kinh tế. Có hơn 50 dự án đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú du lịch cao cấp giai đoạn 2017 – 2020 đã được triển khai, trong đó 20 dự án xây dựng khách sạn 4 – 5 sao, quy mô khoảng 20.000 buồng phòng. Các dự án này khi đi vào vận hành sẽ nâng cao chất lượng và quỹ buồng phòng lưu trú phục vụ khách du lịch, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng cao về lượng khách trong thời gian tới, đặc biệt góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển hoạt động KTĐ của Thủ đô.

Hệ thống lưu trú cao cấp là điều kiện cần để khách du lịch chi tiêu ban đêm. Cơ sở lưu trú: Tính đến hết năm 2024, Hà Nội đã phát triển hệ thống gồm hơn 3.700 cơ sở lưu trú. Trong đó, số lượng khách sạn 4-5 sao tăng mạnh để đáp ứng mục tiêu 20.000 buồng phòng cao cấp (vốn đầu tư từ khu vực tư nhân ước tính hàng chục nghìn tỷ đồng). Trung tâm thương mại kết hợp khách sạn, Lotte Mall West Lake Hanoi (2023): Tổng vốn đầu tư khoảng 600 triệu USD (~15.000 tỷ VNĐ). Đây là tổ hợp giải trí - mua sắm đêm lớn nhất khu vực Tây Hồ. Dự án Grand World (Ocean City): Dù nằm giáp ranh, đây là tụ điểm kinh tế đêm cực lớn hỗ trợ cho Hà Nội với dòng vốn tư nhân khổng lồ.

Đầu tư cải thiện hệ thống chiếu sáng công cộng của thành phố.

Chiếu sáng công cộng là yếu tố hạ tầng thiết yếu cho KTĐ, đảm bảo an ninh, an toàn và tạo mỹ quan đô thị vào ban đêm. Hà Nội đã và đang đầu tư nâng cấp hệ thống chiếu sáng tại các khu vực trung tâm, các tuyến phố chính và đặc biệt là các

không gian công cộng, điểm du lịch hoạt động về đêm. Việc áp dụng công nghệ chiếu sáng hiện đại, tiết kiệm năng lượng cũng được chú trọng.

Ngày 7/3/2023 của UBND Thành phố Hà Nội Kế hoạch số 72/KH-UBND về nâng cao chất lượng, hiệu quả hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2023-2025, cụ thể:

Bảng 2.5: Đầu tư hạ tầng phát triển kinh tế đêm giai đoạn 2021-2025

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung đầu tư	Số tiền
1	Hệ thống chiếu sáng công cộng	45
2	Điều khiển/giám sát điểm đèn khu vực trung tâm	20
3	Xây dựng, nâng cấp hệ thống chiếu sáng tại các huyện, thị xã	300
4	Lắp đặt bổ sung chiếu sáng ngõ, xóm	500
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng hiện có kết hợp chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật	350
6	Thay thế đèn truyền thống bằng đèn LED	560
7	Thí điểm cột đa năng (khu vực trung tâm)	145
8	Chiếu sáng kiến trúc cầu qua sông Hồng, di tích lịch sử, kiến trúc nổi bật	145
9	Chiếu sáng cảnh quan	50
10	Chi phí vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng	180

(Nguồn: UBND thành phố Hà Nội)

Hiệu quả tiết kiệm năng lượng từ đầu tư chiếu sáng hiện đại: Việc sử dụng đèn LED và hệ thống điều khiển trung tâm đã giúp tiết kiệm đáng kể chi phí điện năng. Giai đoạn 2021-2022, giá trị điện năng tiết kiệm được khoảng 26,7 tỷ đồng. Các giải pháp vận hành tiết kiệm điện cũng giúp giảm lượng điện tiêu thụ hàng ngày.

Các số liệu trên cho thấy Thành phố Hà Nội đang đầu tư một khoản ngân sách đáng kể vào việc hiện đại hóa và mở rộng hệ thống chiếu sáng công cộng trên toàn địa bàn, với mục tiêu nâng cao chất lượng chiếu sáng, đảm bảo an toàn, tiết kiệm năng lượng và tạo mỹ quan đô thị. Việc đầu tư này không chỉ phục vụ nhu cầu đi lại, an sinh xã hội thông thường mà còn trực tiếp hỗ trợ cho các hoạt động của KTĐ, giúp các khu vực trung tâm, phố đi bộ, điểm du lịch trở nên hấp dẫn và sống động hơn vào ban đêm.

Thành phố Hà Nội đầu tư phát triển hạ tầng giao thông kết nối như một yếu tố quan trọng phục vụ KTĐ, bởi mạng lưới giao thông hiệu quả giúp người dân và du khách di chuyển thuận lợi đến các khu vực hoạt động đêm. Các khoản đầu tư này

thường nằm trong các kế hoạch phát triển giao thông vận tải tổng thể của Thành phố. Dưới đây là một số số liệu cụ thể và nguồn tài liệu tham khảo liên quan:

Quyết định số 519/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Văn bản quy hoạch này đặt ra định hướng phát triển toàn diện mạng lưới giao thông của Hà Nội, bao gồm đường bộ, đường sắt đô thị, giao thông công cộng, v.v. Việc triển khai quy hoạch này tạo cơ sở hạ tầng vật chất cho phép các hoạt động kinh tế diễn ra liên tục, bao gồm cả vào ban đêm.

- *Đầu tư vào các tuyến đường Vành đai*: Các tuyến đường vành đai có vai trò quan trọng trong việc kết nối các khu vực của Thành phố và vùng phụ cận, giảm tải cho giao thông nội đô và tạo điều kiện di chuyển nhanh chóng, kể cả vào ban đêm.

Dự án Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô: Tổng mức đầu tư dự kiến là hơn 85.813 tỷ đồng.

Các dự án đầu tư, mở rộng các đoạn tuyến của Vành đai 1, Vành đai 2 cũng đang được triển khai với kinh phí lớn (ví dụ như đoạn Vành đai 1 Hoàng Cầu - Voi Phục).

- *Đầu tư phát triển hệ thống đường sắt đô thị*: Đây là loại hình vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các khu vực xa trung tâm và giảm ùn tắc. Mặc dù thời gian hoạt động hiện tại chủ yếu đến khoảng 22h đêm, việc phát triển mạng lưới này về lâu dài sẽ hỗ trợ cho KTD nếu thời gian hoạt động được mở rộng.

Tại Đề án tổng thể đầu tư hệ thống đường sắt đô thị Thủ đô, UBND TP. Hà Nội cho biết là có 14 tuyến đường sắt đô thị được đề cập trong Quy hoạch GTVT Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch 519) và theo Kết luận số 174-KL/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về Đề án tổng thể đầu tư xây dựng hệ thống đường sắt đô thị Thủ đô. Các tuyến đường sắt đô thị này có tổng chiều dài 397,8 km, gồm:

Bảng 2.6: Tổng mức đầu tư các tuyến đường sắt của thành phố Hà Nội

STT	Tên tuyến đường sắt	Lộ trình của tuyến đường sắt	Tổng mức đầu tư (tỷ USD)
1	Tuyến đường sắt đô thị số 1	Ngọc Hồi - Yên Viên - Như Quỳnh	2,895
2	Tuyến đường sắt đô thị số 2	Nội Bài - Thượng Đình - Bưởi	5,735
3	Tuyến đường sắt đô thị số 2A	Cát Linh - Hà Đông - Xuân Mai	1,777

STT	Tên tuyến đường sắt	Lộ trình của tuyến đường sắt	Tổng mức đầu tư (tỷ USD)
4	Tuyến đường sắt đô thị số 3	Trôi - Nhổn - ga Yên Sở	6,106
5	Tuyến đường sắt đô thị số 4	Mê Linh – Sài Đồng – Liên Hà	4,957
6	Tuyến đường sắt đô thị số 5	Văn Cao – Hoà Lạc	4,957
7	Tuyến đường sắt đô thị số 6	Nội Bài – Ngọc Hồi	2,408
8	Tuyến đường sắt đô thị số 7	Mê Linh – Hà Đông	2,408
9	Tuyến đường sắt đô thị số 8	Sơn Đồng – Mai Dịch – Vành đai 3 – Lĩnh Nam – Dương Xá	5,944
10	Tuyến đường sắt đô thị 1 A	Ngọc Hồi – Sân bay thứ 2 phía Nam	2,365
11	Tuyến đường sắt đô thị số 9	Mê Linh – Cổ Loa – Dương Xá	3,84
12	Tuyến đường sắt đô thị số 10	Cát Linh – Láng Hạ - Lê Văn Lương – Yên Nghĩa	1,32
13	Tuyến đường sắt đô thị số 11	Vành đai 2 – Trục phía Nam – Sân bay thứ 2 phía Nam	4,17
14	Tuyến đường sắt đô thị số 12	Xuân Mai – Phú Xuyên	3,87

(Nguồn: Báo đầu tư)

Trên thực tế vận hành hiện nay, không có tuyến đường sắt đô thị nào tại TP Hà Nội có khung giờ hoạt động thường lệ từ 18h tối hôm trước đến 6h sáng hôm sau (khung giờ đêm liên tục).

Các tuyến đường sắt đô thị đang hoặc sắp vận hành tại Hà Nội áp dụng khung giờ hoạt động thường lệ kết thúc vào khoảng 22h00 đến 23h00 đêm và bắt đầu lại vào 5h00 hoặc 5h30 sáng. Điều này có nghĩa là, theo lịch chạy tàu thông thường, các tuyến đường sắt ngừng hoạt động vào khoảng thời gian cốt lõi của KTĐ (22h00/23h00 đến 5h00/5h30 sáng hôm sau).

Việc kéo dài thời gian hoạt động chỉ xảy ra trong các dịp đặc biệt (như Lễ, Tết, sự kiện lớn). Trong các dịp này, các tuyến có thể được điều chỉnh kéo dài hoạt động đến 24h00 đêm (tức là 0h00 sáng hôm sau), tăng thêm khoảng 1-2 giờ so với thường lệ.

Để hỗ trợ KTĐ, việc phát triển mạng lưới đường sắt đô thị sẽ là lợi thế, nhưng việc kéo dài thời gian hoạt động qua 22h đêm hiện tại vẫn là một thách thức lớn đối với QLNN và cần có chính sách đặc thù cho các tuyến này.

- *Phát triển hệ thống xe buýt công cộng*: Quyết định số 6004/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 phê duyệt Đề án phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng bằng xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh trong đó đặc biệt là các tuyến có hoạt động vào buổi tối hoặc đêm (xe buýt đêm), phục vụ nhu cầu đi lại của người dân và du khách tham gia các hoạt động KTĐ.

Kế hoạch phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đến năm 2025, 2030: Theo Kế hoạch 201/KH-UBND ngày 16/10/2020, thành phố đặt mục tiêu số lượng xe buýt đạt 4.000 - 4.500 xe vào năm 2025 và 6.700 - 6.800 xe vào năm 2030.



Hình 2.2: Số lượng tuyến xe bus của thành phố Hà Nội

(Nguồn: *Sở Du Lịch*)

Các số liệu và các chỉ đạo trong văn bản trên thể hiện định hướng và nỗ lực đầu tư lớn của Hà Nội vào hạ tầng giao thông, tạo nền tảng kết nối và di chuyển thuận lợi, gián tiếp hỗ trợ cho sự phát triển của KTĐ. Tuy nhiên, các số liệu này là cho toàn bộ hệ thống giao thông, không bóc tách riêng cho các hoạt động diễn ra vào ban đêm.

2.2.2.3 Công nhận khu, điểm và cấp phép kinh doanh cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế đêm

Về cấp phép cho các cơ sở kinh doanh đêm thì nhìn chung, các quy định về kinh doanh ban ngày cũng được áp dụng cho các cơ sở kinh doanh đêm. Trong đó, UBND TP Hà Nội đã ban hành văn bản gửi Sở Văn hóa và Thể thao, UBND các quận, huyện, thị xã về việc tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính “Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường” trên địa bàn thành phố. Theo đó, để việc triển khai thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn TP Hà Nội đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, UBND TP Hà Nội giao UBND các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố chỉ đạo việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính “Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke”, “Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke”. Để làm được điều này, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 867/QĐ- UBND ngày 09/3/2022 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội; Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc phê duyệt các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa, thể thao và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố. UBND TP giao Sở Văn hóa và Thể thao hướng dẫn, tập huấn, thống nhất nghiệp vụ cấp, điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cho UBND các quận, huyện, thị xã. Theo dõi, kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với việc giải quyết các thủ tục hành chính nêu trên (Việt An, 2023).

Hiện tại, có một chương trình thí điểm cho phép kéo dài thời gian hoạt động của một số cơ sở kinh doanh dịch vụ đến 6 giờ sáng tại một số khu du lịch hấp dẫn và dễ quản lý. Sự thành công của chương trình này có thể ảnh hưởng đến các quy định trong tương lai về giờ hoạt động cho các cơ sở kinh doanh đêm. Điều này đòi hỏi cần xem xét và điều chỉnh các quy định hiện hành để phù hợp hơn với thực tế của KTĐ. Một cuộc rà soát toàn diện với sự tham gia của các bên liên quan là cần thiết để xác định các lĩnh vực cần cải thiện trong khung pháp lý.

Về công nhận khu, điểm tổ chức các hoạt động KTĐ, hiện nay trên địa bàn Hà Nội có 35 điểm du lịch, khu du lịch được công nhận cấp thành phố.

Bảng 2.7: Điểm du lịch, khu du lịch được công nhận cấp thành phố

STT	Tên điểm du lịch, khu du lịch được công nhận cấp thành phố
1	Khu vực hồ Hoàn Kiếm - phụ cận và khu phố cổ Hà Nội
2	Khu du lịch Nhật Tân
3	Cụm di tích đình - chùa Huỳnh Cung
4	Đình thờ danh nhân Chu Văn An
5	Làng làm bánh chưng Tranh Khúc (Duyên Hà)
6	Lễ hội làng Lệ Mật
7	Di tích quốc gia đặc biệt quần thể Hương Sơn (Chùa Hương)
8	Khu du lịch Hồng Vân
9	Điểm du lịch Di tích quốc gia đặc biệt Đền Quán Thánh
10	Điểm du lịch Cụm di tích Quốc gia đặc biệt đền - chùa - đình Hai Bà Trưng
11	Điểm du lịch Làng nghề sinh vật cảnh Hồng Vân
12	Điểm du lịch Thiên Đường Bảo Sơn
13	Điểm du lịch Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám
14	Điểm du lịch Đền Voi Phục
15	Điểm du lịch Đảo Ngọc - Trúc Bạch
16	Điểm du lịch Kim Lan
17	Điểm du lịch Làng nghề gốm sứ Bát Tràng
18	Điểm du lịch Thành Cổ Loa
19	Điểm du lịch Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch
20	Điểm du lịch Bảo tàng Hồ Chí Minh
21	Điểm du lịch Hoàng thành Thăng Long
22	Điểm du lịch Văn Miếu - Quốc Tử Giám (công nhận là Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học)
23	Điểm du lịch Công viên Thống Nhất
24	Điểm du lịch Vườn thú Hà Nội
25	Điểm du lịch Làng cổ Đường Lâm

STT	Tên điểm du lịch, khu du lịch được công nhận cấp thành phố
26	Điểm du lịch Khu du lịch sinh thái Đồng Mô
27	Điểm du lịch Làng nghề mây tre đan Phú Vinh
28	Điểm du lịch Chùa Tây Phương
29	Điểm du lịch Khu di tích Văn hóa Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc
30	Điểm du lịch Khu du lịch sinh thái Hồ Quan Sơn
31	Điểm du lịch Khu du lịch Ao Vua
32	Điểm du lịch Khu du lịch Khoang Xanh - Suối Tiên
33	Điểm du lịch Làng nghề điêu khắc gỗ mỹ nghệ Sơn Đồng
34	Điểm du lịch Khu du lịch Tản Đà Spa Resort
35	Điểm du lịch Làng nghề trồng hoa Tây Tựu

(Nguồn: Sở Du lịch Hà Nội)

Tại các điểm du lịch được công nhận, một số sản phẩm du lịch đêm được ra mắt chính là nỗ lực của chính quyền thành phố và các Sở ban ngành nhằm thúc đẩy phát triển sản phẩm du lịch đêm của Thủ đô, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường thu hút khách, tăng chi tiêu và kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch...

Tối 24/11/2023 tại Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật 22 Hàng Buồm, Sở Du lịch Hà Nội phối hợp với UBND quận Hoàn Kiếm tổ chức Lễ ra mắt sản phẩm du lịch “Đêm Hà Nội - Điểm chạm của những xúc cảm” và công bố Quyết định công nhận khu du lịch cấp Thành phố Khu vực hồ Hoàn Kiếm – phụ cận và khu phố cổ Hà Nội. Theo đó, đã có 15 sản phẩm du lịch đêm tại Hà Nội được lựa chọn giới thiệu đến công chúng.

Bảng 2.8: 15 sản phẩm du lịch đêm tại Hà Nội

STT	Sản phẩm du lịch đêm	Địa phương
1	Show diễn thực cảnh “Tinh hoa Bắc Bộ”	Huyện Quốc Oai
2	Tour thăm quan Di tích nhà tù Hỏa Lò	Quận Hoàn Kiếm
3	Không gian đi bộ	Nhiều địa phương
4	Rời nước Thăng Long, Hàng Trống	Quận Hoàn Kiếm
5	Tour đêm “Giải mã Hoàng Thành”	Quận Ba Đình
6	Tour đêm “Chữ Tâm Chữ Tài” tại Bảo tàng Văn học Việt Nam.	Quận Tây Hồ

STT	Sản phẩm du lịch đêm	Địa phương
7	Tour ẩm thực Tống Duy Tân - Tạ Hiện - Chợ đêm Đồng Xuân	Quận Hoàn Kiếm
8	Bus 2 tầng City Tour vào buổi đêm	Quận Hoàn Kiếm
9	Tuyến xe điện Đồng Xuân	Quận Hoàn Kiếm
10	Dịch vụ dạo phố bằng xích lô	Quận Hoàn Kiếm
11	Lễ hạ cờ 21h tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.	Quận Ba Đình
12	Phố Sách Hà Nội.	Quận Hoàn Kiếm
13	Chương trình nghệ thuật Huyền thoại tuổi thanh xuân - Sống một đời đáng sống tại Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam.	Quận Hoàn Kiếm
14	Tour xe đạp: Đêm Thăng Long - Hà Nội	Nhiều địa phương
15	Tour đêm Văn Miếu - Quốc Tử Giám: Tinh hoa Đạo học	Quận Đống Đa

(Nguồn: Sở Du lịch Hà Nội)

Lễ ra mắt sản phẩm du lịch đêm Hà Nội là sự kiện thuộc chuỗi hoạt động định hướng phát triển sản phẩm du lịch đêm trên địa bàn Thành phố, nhằm phát huy lợi thế các dịch vụ ban đêm để phát triển sản phẩm du lịch đêm Hà Nội đa dạng, đặc sắc, bền vững, có chất lượng và giá trị gia tăng cao, đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội chung của Thành phố. Tạo cơ hội để các bên trong chuỗi cung ứng sản phẩm du lịch đêm tăng cường kết nối, quảng bá sản phẩm, xây dựng tour tuyến nhằm thúc đẩy phát triển sản phẩm du lịch đêm của Thủ đô Hà Nội, góp phần gia tăng trải nghiệm cho khách du lịch. Đồng thời tôn vinh và bảo tồn di sản văn hóa của Hà Nội, mang đến cho du khách và người dân Thủ đô một trải nghiệm độc đáo và mới mẻ thông qua sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại với không gian văn hóa, lịch sử của Hà Nội trong đêm.

Nhiều doanh nghiệp lữ hành chia sẻ, lễ ra mắt 15 sản phẩm du lịch đêm mang đến tín hiệu vui cho du lịch Thủ đô. Trong đó, có nhiều sản phẩm hiện đang được khai thác, đã giới thiệu tới du khách và có những sản phẩm được xây dựng mới, lần đầu được giới thiệu. Theo Báo cáo tổng kết năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Sở Du lịch Hà Nội, phần đầu năm 2025 Hà Nội thu hút khoảng 31 triệu lượt khách, tăng 21.57% so với năm 2024, trong đó gồm: 7,5 triệu lượt khách quốc tế và 23.5 triệu lượt khách nội địa. Tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 130 nghìn tỷ đồng.

2.2.2.4 Tổ chức tuyên truyền và xúc tiến quảng bá kinh tế đêm

a. Thực trạng tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách về kinh tế đêm

Công tác quản lý nhà nước trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách phát triển KTĐ tại Hà Nội được triển khai dựa trên một nền tảng pháp lý tương đối rõ ràng, với các văn bản chỉ đạo mang tính định hướng như Kế hoạch số 189/KH-UBND về việc thí điểm phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, Kế hoạch số 237/KH-UBND phát triển các không gian văn hóa sáng tạo trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở này, chính quyền thành phố đã chủ động sử dụng các cơ quan truyền thông, báo chí địa phương và cổng thông tin điện tử của các Sở, ngành để phổ biến rộng rãi các quy hoạch, kế hoạch và cơ chế liên quan từ đó có được sự đồng thuận xã hội và cung cấp hành lang pháp lý cho các chủ thể kinh tế tham gia.

Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai, quá trình tuyên truyền này bộc lộ một số hạn chế. Hiệu quả lan tỏa của thông tin chủ chương, chính sách chưa đồng đều, chủ yếu tập trung mạnh mẽ ở các quận trung tâm trong khi khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ở khu vực ngoại vi còn nhiều khó khăn. Mô hình truyền thông vẫn còn mang nặng tính một chiều từ trên xuống, thiếu vắng các diễn đàn đối thoại chính thức, thường xuyên để cơ quan quản lý có thể lắng nghe, giải đáp thắc mắc và tiếp nhận phản hồi từ cộng đồng. Điều này dẫn đến một khoảng cách nhất định giữa chủ trương được ban hành và sự thấu hiểu, áp dụng trong thực tiễn của các chủ thể tham gia các hoạt động KTĐ, đặc biệt là các đơn vị kinh doanh quy mô nhỏ.

b. Thực trạng xúc tiến, quảng bá kinh tế đêm

Trái ngược với những hạn chế trong công tác tuyên truyền chính sách, hoạt động xúc tiến và quảng bá KTĐ lại là lĩnh vực ghi nhận những thành tựu nổi bật và mang lại hiệu quả rõ rệt nhất. Điểm sáng nhất trong chiến lược của thành phố là việc xây dựng thành công chuỗi sản phẩm du lịch đêm đặc thù, giàu hàm lượng văn hóa và có sức hấp dẫn cao. Bằng cách chuyển hóa giá trị di sản thành động lực kinh tế, các tour đêm sáng tạo như "Giải mã Hoàng thành Thăng Long", "Tinh hoa Đạo học" tại Văn Miếu, hay "Đêm thiêng liêng" tại Nhà tù Hỏa Lò đã nhanh chóng trở thành những thương hiệu du lịch độc đáo. Việc các sản phẩm này liên tục thu hút hàng chục nghìn lượt khách mỗi năm là minh chứng thuyết phục cho khả năng tạo ra các giá trị kinh tế mới dựa trên nền tảng văn hóa, lịch sử.

Hộp 2.3: Xúc tiến, quảng bá sản phẩm du lịch đêm tại Hà Nội

Giám đốc Trung tâm Hoạt động Văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám Lê Xuân Kiêu, đơn vị tổ chức tour đêm “Tinh hoa đạo học” cho biết điểm khác biệt của tour trải nghiệm đêm Văn Miếu - Quốc Tử Giám là ở chỗ sử dụng công nghệ và ánh sáng, không dùng hình thức sân khấu hóa. Từ cổng chính tới nhà Thái Học, mỗi khu vực đều có câu chuyện gắn với đạo học Việt Nam. Điểm nhấn của tour nằm ở phần sân Thái Học khi du khách được xem trình diễn 3D Mapping (kỹ thuật dùng ánh sáng để tạo hiệu ứng 3D) về những câu chuyện liên quan đến trường đại học lâu đời nhất của Việt Nam khi thể hiện các chủ đề: Trường thi, các sĩ tử ngày xưa, liên quan đến ý chí, ước mơ đỗ đạt... Bằng việc kể câu chuyện về di sản Văn Miếu - Quốc Tử Giám, câu chuyện đạo học của người Việt bằng công nghệ hiện đại, tour du lịch đêm Tinh hoa đạo học tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám gây ấn tượng mạnh mẽ với khách tham quan.

Nguồn: Vân Anh (2024)

Song song đó, Hà Nội đã phát huy rất hiệu quả vai trò của các không gian công cộng trong việc tổ chức các sự kiện, lễ hội quy mô lớn nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa và kích cầu. Các không gian đi bộ, đặc biệt là khu vực Hồ Gươm, đã trở thành sân khấu cho hàng loạt lễ hội thường niên, các chương trình biểu diễn nghệ thuật và sự kiện điểm nhấn, thu hút hàng vạn người dân và du khách. Hiệu ứng cộng hưởng từ các sản phẩm du lịch chất lượng cao và không gian lễ hội sôi động đã đóng góp trực tiếp vào sự tăng trưởng ấn tượng của ngành du lịch Thủ đô, thể hiện qua các số liệu về lượt khách và tổng doanh thu.

Bảng 2.9: Tổng thu từ khách du lịch tại thành phố Hà Nội

STT	Danh mục	Đơn vị	2020	2021	2022	2023	2024
1	Số lượng khách du lịch quốc tế	Triệu người	762	174	1.227	3.337	6.350
2	Số lượng khách du lịch nội địa	Triệu người	3.7	4.0	17.2	20.7	21.51
3	Tổng thu từ khách du lịch	Nghìn tỷ đồng	16.639	35.9	25.200	87.650	110.520

(Nguồn: Sở Du lịch Hà Nội)

Dù vậy, để các hoạt động xúc tiến này phát huy tối đa hiệu quả và mang tính bền vững, công tác quản lý cần giải quyết các thách thức mang tính hệ thống. Hiện vẫn thiếu một chiến lược quảng bá đồng bộ, hợp nhất với một thông điệp chủ đạo cho toàn bộ KTĐ. Quan trọng hơn, "lỗ hổng" về dữ liệu, tức sự thiếu vắng một cơ chế giám sát và đánh giá định lượng hiệu quả các chiến dịch, đang cản trở việc hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng. Cuối cùng, sự phát triển chưa đồng đều trong công tác quảng bá, khi nguồn lực vẫn tập trung chủ yếu vào khu vực trung tâm, đặt ra vấn đề về việc khai thác và phát huy tiềm năng KTĐ trên toàn địa bàn thành phố.

Bảng 2.10: Kết quả khảo sát nội dung quản lý: “Tổ chức QLNN về KTĐ”

Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tổ chức bộ máy QLNN về KTĐ	2,98	0,68077
Phát triển cơ sở hạ tầng, huy động vốn đầu tư phát triển KTĐ	2,10	0,64346
Công nhận khu, điểm và cấp phép kinh doanh cho các chủ thể tham gia KTĐ	4,16	0,60377
Phát triển nguồn nhân lực phục vụ QLNN về KTĐ	2,45	0,65466
Ứng dụng KH-CN trong QLNN về KTĐ	2,48	0,67669
Tổng hợp đánh giá nội dung: “Tổ chức QLNN về KTĐ”	2,80	0,31523

(Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS)

Kết quả khảo sát phản ánh mức độ đánh giá của các chuyên viên cơ quan quản lý nhà nước và lãnh đạo doanh nghiệp du lịch tại Hà Nội về thực trạng tổ chức triển khai các hoạt động quản lý nhà nước (QLNN) đối với kinh tế đêm (KTĐ) còn rất nhiều hạn chế (mức điểm trung bình dao động từ (điểm trung bình đạt 2,80) . Điều này đặt ra vấn đề đáng quan tâm về hiệu lực và hiệu quả quản lý thực tiễn trong triển khai các chính sách KTĐ tại Hà Nội – một đô thị có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế đêm nhờ kết cấu hạ tầng du lịch, mật độ dân cư cao và hệ sinh thái dịch vụ phong phú.

Kết quả khảo sát cho thấy mức trung bình chung đối với tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTĐ tại Hà Nội đạt 2,98, cho thấy đánh giá chỉ ở mức trung bình, chưa thực sự nổi bật. Kết quả khảo sát cho thấy, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTĐ tại Hà Nội vẫn còn nhiều bất cập, khi điểm trung bình tổng hợp chỉ ở mức trung bình khá. Điều này phản ánh sự thiếu nhất quán trong thiết kế thể chế, thiếu chuyên môn hóa và chưa có đơn vị đầu mối rõ ràng phụ trách lĩnh vực KTĐ – vốn đòi hỏi phải hoạt động ngoài giờ hành chính và gắn với nhiều ngành, lĩnh vực. Trên thực tế,

Hà Nội chưa xây dựng mô hình bộ phận chuyên trách hoặc ban điều phối liên ngành về KTĐ, khiến việc xử lý các tình huống phát sinh thường chậm và thiếu linh hoạt. Việc phân công nhiệm vụ giữa các Sở ban ngành còn chồng chéo, trong khi năng lực nguồn lực – cả con người và tài chính – lại chưa được đầu tư đúng mức. Điều này làm giảm hiệu quả điều hành và gây cản trở cho doanh nghiệp hoạt động ban đêm.

Hoạt động Phát triển cơ sở hạ tầng, huy động vốn đầu tư phát triển KTĐ) có điểm số thấp nhất (2,10), phản ánh rào cản nghiêm trọng hiện nay trong việc tổ chức triển khai KTĐ. Trên thực tế, Hà Nội hiện mới chỉ tập trung đầu tư vào một số tuyến phố đi bộ như Hồ Gươm, Trịnh Công Sơn hoặc không gian nghệ thuật Phùng Hưng, còn lại phần lớn các quận huyện chưa có hạ tầng đặc thù phục vụ KTĐ. Việc huy động nguồn vốn đầu tư cho KTĐ chưa có cơ chế riêng, dẫn đến phụ thuộc vào ngân sách hoặc nguồn xã hội hóa không ổn định. Bên cạnh đó, hệ thống chiếu sáng, nhà vệ sinh công cộng, điểm đỗ xe hay an ninh vào ban đêm vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đồng bộ để đáp ứng hoạt động dịch vụ đêm.

Hoạt động Phát triển nguồn nhân lực phục vụ QLNN về KTĐ, có điểm trung bình 2,45 và hoạt động Ứng dụng khoa học – công nghệ trong QLNN về KTĐ có điểm trung bình 2,48 thể hiện những hạn chế nghiêm trọng trong công tác quản trị nhà nước hiện đại. Trong khi yêu cầu về nhân lực chuyên trách cho lĩnh vực KTĐ là rất lớn – bao gồm cán bộ quản lý đô thị, công an, y tế, an toàn thực phẩm, du lịch – thì hiện nay vẫn chưa có kế hoạch đào tạo hoặc bố trí lực lượng theo khung giờ hoạt động ban đêm. Tương tự, việc ứng dụng công nghệ trong quản lý (camera an ninh, nền tảng số hỗ trợ quản lý hoạt động kinh doanh đêm, bản đồ số KTĐ...) còn ở mức sơ khai. Điều này khiến cho quản lý KTĐ chủ yếu vẫn theo lối truyền thống, thiếu tính linh hoạt và kém hiệu quả.

Trong các tiêu chí đánh giá chỉ có tiêu chí Công nhận khu, điểm và cấp phép kinh doanh cho các chủ thể tham gia KTĐ lại đạt điểm rất cao (4,16) với độ lệch chuẩn thấp nhất trong bảng (0,60377), phản ánh rằng quy trình hành chính liên quan đến cấp phép, công nhận khu vực hoạt động KTĐ đang được đánh giá cao. Trên thực tế, UBND TP. Hà Nội và các sở ngành như Sở Văn hóa - Thể thao, Sở Du lịch, Sở Công Thương đã có bước tiến trong việc thí điểm công nhận các khu vực tổ chức hoạt động KTĐ như không gian phố đi bộ mở rộng, các lễ hội đêm, tour du lịch tâm linh về đêm tại Hoàng thành Thăng Long và Nhà tù Hỏa Lò. Thủ tục hành chính cũng được số hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận và vận hành.

Như vậy, dữ liệu khảo sát thể hiện khá rõ thực tế khá hoạt động quản lý nhà nước đối với KTĐ tại Hà Nội đang thiên về hình thức cấp phép hành chính, trong khi các yếu tố nền tảng như hạ tầng, nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ vẫn còn yếu kém. Nếu không khắc phục triệt để các điểm nghẽn này, KTĐ khó có thể trở thành động lực phát triển đô thị như kỳ vọng trong các chính sách trung ương và địa phương.

2.2.3 Thực trạng kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

2.2.3.1 Về công tác kiểm tra, giám sát

a. Về kiểm tra an toàn thực phẩm

UBND TP Hà Nội ban hành Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 11 tháng 04 năm 2024 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành công tác an toàn thực phẩm trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2024.

Theo đó, các đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra công tác chỉ đạo, triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2024 tại 30 quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, đặc biệt chú trọng nguồn gốc và chất lượng sản phẩm thực phẩm, nông sản thực phẩm.

Bên cạnh đó, các đoàn kiểm tra liên ngành sẽ xử lý, kiến nghị xử lý hoặc chuyển xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật. Tổng hợp kết quả kiểm tra, các đề xuất, kiến nghị báo cáo về Sở Y tế (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo an toàn vệ sinh thực phẩm thành phố) theo tiến độ.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn thành phố đã thành lập 669 đoàn kiểm tra liên ngành và chuyên ngành. Qua kiểm tra hơn 31.000 cơ sở, cơ quan chức năng đã tiến hành xử lý vi phạm hành chính hơn 1.000 cơ sở với số tiền xử phạt hơn 3 tỷ đồng.

Riêng trong "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2024 (diễn ra từ 15/4 - 15/5/2024), toàn thành phố Hà Nội đã thành lập 706 đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành và chuyên ngành từ cấp thành phố đến xã, phường. Qua đó, đã tiến hành xử phạt gần 1.700 cơ sở có vi phạm về an toàn thực phẩm.

Các lỗi vi phạm chủ yếu là bếp ăn chưa bố trí hợp lý theo quy định một chiều khép kín; người tham gia chế biến chưa đáp ứng đầy đủ các quy trình an toàn thực phẩm; một số cơ sở chưa tuân thủ các điều kiện về bảo đảm an toàn thực phẩm; nguồn gốc thực phẩm đưa vào chế biến chưa chứng minh được nguồn gốc, xuất xứ...

Bảng 2.11: Công tác kiểm tra ATTP trên địa bàn TP Hà Nội 2022-2024

Tiêu chí	Đơn vị	2022	2023	2024
Số đoàn kiểm tra	Đoàn	1.000	900	706
Số lượng cơ sở kinh doanh bị kiểm tra	Cơ sở	57.653	71.557	35.146
Số lượng cơ sở kinh doanh vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm	Cơ sở	1.400	9.157	3.234
Số tiền xử phạt thu được	triệu VNĐ	24.800	18.247,3	14.100

Nguồn: Báo cáo của Ban Chỉ đạo liên ngành về An toàn thực phẩm Thành phố Hà Nội

Ngoài ra, UBND TP Hà Nội ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND về triển khai thực hiện Đề án Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong chợ trên địa bàn TP. Hà Nội trong năm 2023. Kế hoạch này, nhằm hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong chợ hoàn thiện các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và quy định tại Đề án để được cấp biển nhận diện theo chỉ tiêu đề ra.

Thành phố cũng cho đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, bố trí khu vực sản xuất kinh doanh tại các chợ trên địa bàn thành phố đáp ứng các yêu cầu, quy định về an toàn thực phẩm của pháp luật và thành phố. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong chợ và xử lý nghiêm các vi phạm.

Tại cấp xã có 01 cán bộ y tế kiêm nhiệm nhiệm vụ giúp UBND về an toàn thực phẩm. UBND xã, phường có Ban Chỉ đạo vệ sinh ATTP do Phó Chủ tịch UBND, xã phường làm Trưởng Ban, Phó Ban là Trạm trưởng Trạm y tế; các thành viên khác gồm cán bộ công an, tư pháp, văn hóa xã hội, tài chính, an ninh trật tự... Tuy nhiên, việc quản lý về ATTP ở cấp xã, phường lại gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân là cán bộ làm công tác này đều kiêm nhiệm trong khi hoạt động mua, bán thực phẩm phần lớn diễn ra cuối buổi chiều, buổi tối và ban đêm nên rất khó để tổ chức đoàn đi kiểm tra. Bên cạnh đó, hầu hết cán bộ xã phường không có trình độ chuyên môn, thiếu dụng cụ phân tích, kiểm nghiệm.

b. Về kiểm tra, giám sát tình hình an ninh, trật tự đô thị

Theo đại diện Công an TP Hà Nội, việc thành phố thí điểm cho "mở" một số loại hình KTĐ đã tạo cơ hội và động lực mới cho phát triển kinh tế. Song, với đặc thù là hoạt động kinh tế diễn ra vào ban đêm nên đã và đang tiềm ẩn những nguy cơ,

thách thức đối với công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trong đó nổi lên là công tác phòng, chống tội phạm, các tệ nạn xã hội, nạn đua xe, phòng, chống cháy nổ.... Đây là những thách thức đòi hỏi cơ quan chức năng phải có những giải pháp hiệu quả; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn từ xa, từ sớm, từ cơ sở.

Thực tế thời gian vừa qua, trên địa bàn TP Hà Nội đã liên tục xảy ra các vụ việc gây mất an ninh trật tự, điển hình là những vụ trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, đua xe, chống người thi hành công vụ... xảy ra vào ban đêm. Mục tiêu các đối tượng hướng đến là những người dân, khách du lịch đi chợ đêm và các cửa hàng tiện lợi.

Hộp 2.4: Vấn đề an ninh, trật tự đô thị liên quan đến KTĐ

Cuối tháng 2-2022, Công an quận Hoàn Kiếm tiếp nhận đơn trình báo của chị Nguyễn Thị T.T, trú tại quận Hoàng Mai, Hà Nội bị "móc túi" gây thiệt hại nhiều tài sản. Buổi tối cách đó mấy hôm, chị T. cùng anh S. (quốc tịch Mỹ) đi bộ trên vỉa hè phố Đinh Tiên Hoàng. Khi đi đến khu vực nhà vệ sinh Bờ Hồ thì bỗng "va" vào hai phụ nữ khác. Chỉ trong khoảnh khắc, hai đối tượng đã móc mất chiếc điện thoại Iphone trị giá hàng chục triệu đồng của anh S. Chưa hết, đối tượng còn truy cập vào tài khoản ngân hàng lưu trên điện thoại và lấy đi hơn ba mươi triệu đồng. Công an quận Hoàn Kiếm đang khẩn trương điều tra.

Rạng sáng 2-3, nữ nhân viên tên H. của cửa hàng Circle K (khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông) tiến hành kiểm đếm ở khu vực thu ngân. Bất ngờ xuất hiện vị khách trong bộ đồng phục "xe ôm" công nghệ lẳng lẳng tiến vào. Quan sát nhanh xung quanh, gã bất ngờ rút con dao loại chọc tiết lộn chĩa về nữ nhân viên buộc chị H. phải lấy trong quầy số tiền 1 triệu đồng đưa cho tên cướp. Sự việc diễn ra được camera an ninh ghi lại trong chưa đầy 3 phút.

Chỉ sau hơn một tuần tổ chức điều tra, Công an quận Hà Đông phối hợp Phòng CSHS Công an TP Hà Nội đã bắt giữ đối tượng gây án là Lê Văn Thường (sinh năm 1990, trú tại phường Ý La, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang). Chính Thường là kẻ đã vào cửa hàng tiện ích Circle K tại Khu đô thị Văn Phú đêm hôm trước dùng dao đe dọa, uy hiếp nhân viên bán hàng, cướp 1 triệu đồng.

Trước đó, ngày 26-2-2022 tại cửa hàng Circle K thuộc phường Hàng Mã (quận Hoàn Kiếm) cũng xảy ra vụ cướp. Đối tượng dùng dao uy hiếp nữ nhân viên để lấy tiền trong két thu ngân. Tuy nhiên đối tượng không cướp được gì và bỏ đi.

Khoảng 22 giờ ngày 3-3-2022 cửa hàng Vinmart (phố Thụy Khuê, quận Tây Hồ) nam đối tượng dùng dao đe dọa chị V.T.T (trú tại Bình Lục, Hà Nam) cướp số tiền 6 triệu đồng và một chiếc điện thoại Iphone. Chỉ sau một ngày điều tra, Công

an quận Tây Hồ phối hợp với Công an huyện Thanh Trì và Phòng CSHS đã tìm ra thủ phạm là Nguyễn Xuân Trường (sinh năm 1994, thường trú tại Ia Grai, Gia Lai). Trước đó, Trường cũng gây ra một vụ cướp tài sản tại cửa hàng Vinmart trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Nguồn: Tổng hợp của NCS

Liên tiếp trong các ngày 26/2; 2/3 và 3/3/2022 tại một số cửa hàng thuộc chuỗi cửa hàng tiện lợi Circle K, Vinmart... đã xảy ra các vụ cướp tài sản nhằm vào nhân viên cửa hàng. Những vụ cướp này đều nhằm vào phụ nữ, xảy ra vào thời điểm đêm muộn và rạng sáng, gây hoang mang dư luận.

Trước tình trạng trên, Công an TP Hà Nội cũng đã có các kế hoạch, phương án nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các sở, ban, ngành, các lực lượng liên quan trong công tác bảo đảm ANTT góp phần phát triển KTĐ, trong đó lực lượng Công an làm nòng cốt.

Công an TP Hà Nội giao các đơn vị nghiệp vụ cùng công an các quận huyện chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ an ninh trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, trật tự văn minh đô thị, bảo vệ an toàn cho các hoạt động KTĐ trên địa bàn. Xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật tại các địa bàn, khu vực có hoạt động KTĐ.

Thường xuyên tổ chức cao điểm tấn công, truy quét các băng, nhóm tội phạm, đối tượng hình sự trên địa bàn, khu vực có hoạt động KTĐ. Tập trung phát hiện, đấu tranh với các tội phạm hoạt động có tổ chức, "tín dụng đen", bảo kê, tội phạm chống người thi hành công vụ, trộm cướp, phá hoại tài sản; triệt xóa các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, đánh bạc, cá độ, mại dâm bảo đảm môi trường an toàn, lành mạnh tại địa bàn, khu vực có hoạt động KTĐ...

2.2.3.2 Về phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại trong hoạt động kinh doanh các hàng hoá, dịch vụ đêm

Theo báo cáo của Ban Chỉ đạo 389 TP. Hà Nội, các lực lượng chức năng trong Ban Chỉ đạo 389 thành phố đã kiểm tra và xử lý hành chính các vụ vi phạm buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại. Tiền phạt thu nộp ngân sách nhà nước, trong đó bao gồm tiền phạt hành chính, truy thu thuế, tiền bán hàng thanh lý. Tổng hợp kết quả công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong 3 năm gần đây, các số liệu này phản ánh nỗ lực chung của Thành phố trong công tác này và bao gồm cả các vi phạm có thể xảy ra trong các hoạt động KTĐ.

Bảng 2.12: Tổng hợp kết quả công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tại Hà Nội (2022-2024)

Tiêu chí	2022	2023	2024
Tổng số vụ kiểm tra/phát hiện/xử lý vi phạm	28.585	28.888	24.907
Tổng số vụ xử lý hành chính	26.063	26.535	23.093
Số vụ khởi tố	130	163	176
Số đối tượng khởi tố	190	192	285
Tổng số thu nộp ngân sách nhà nước (tỷ VNĐ)	3.720.601	4.307.744	6.316.000

Nguồn: Báo cáo của Ban Chỉ đạo 389 TP. Hà Nội

Lực lượng Quản lý thị trường đã làm tốt vai trò Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 389 thành phố, tham mưu cho Ban Chỉ đạo 389 thành phố triển khai các văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 389 quốc gia, UBND thành phố; theo dõi, đôn đốc các sở, ngành thành viên và Ban Chỉ đạo 389 quận, huyện, thị xã thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả theo chức năng, lĩnh vực và địa bàn được giao.

Ban hành các kế hoạch về triển khai thực hiện công tác đấu tranh, phòng chống hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; đấu tranh chống buôn lậu, kinh doanh hàng cấm, hàng hóa nhập lậu, vi phạm an toàn thực phẩm, chất lượng hàng hóa và gian lận thương mại, vi phạm trong lĩnh vực thương mại điện tử và các văn bản chỉ đạo các Đội Quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, kiểm soát các mặt hàng do Ngành Công Thương quản lý, các mặt hàng trọng điểm.

Công an TP. Hà Nội tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua cảng hàng không quốc tế Nội Bài; chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, Công an các quận, huyện, thị xã triển khai các biện pháp nghiệp vụ, xây dựng kế hoạch, xác lập chuyên án đấu tranh nhằm phát hiện nhiều vụ việc vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; kịp thời phát hiện, bắt giữ, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm.

Kết quả các mặt công tác góp phần phòng ngừa, kiềm chế tội phạm buôn lậu, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm, hàng giả, chống thất thu thuế và bình ổn thị trường.

Cục Hải quan thành phố triển khai các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát các địa bàn hải quan quản lý; chủ trì phối hợp với các lực lượng chức năng bắt giữ nhiều vụ buôn lậu, tang vật vi phạm gồm: Điện thoại, sừng tê giác, ngà voi, vảy tê tê, mật gấu, xương hổ, tân dược, phụ kiện súng, tiền tệ... Đặc biệt, đã chủ trì, phối hợp đấu tranh

thành công nhiều chuyên án liên quan đến buôn bán, vận chuyển trái phép ma túy với tang vật lớn.

Sở Công Thương ban hành các kế hoạch kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các doanh nghiệp kinh doanh, doanh nghiệp vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm; Đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp...

Thường xuyên theo dõi, đánh giá nguồn cung, nhu cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu, những mặt hàng có nhu cầu cao hoặc có biến động tăng giá cao trên địa bàn thành phố để chủ động có phương án hoặc đề xuất với các cơ quan chức năng biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định thị trường, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến...

Để làm tốt hơn nữa công tác chống gian lận thương mại, hàng giả trong thời gian tới, đặc biệt là trong dịp cuối năm, Ban Chỉ đạo 389 Hà Nội tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 03/KH-BCĐ389/TP của Ban Chỉ đạo 389 Hà Nội về công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2023 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 09/KH-BCĐ389 của Ban Chỉ đạo 389 Hà Nội về tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua cảng hàng không quốc tế Nội Bài...

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tại các tuyến, địa bàn, mặt hàng trọng điểm; chú trọng các kho hàng, bến bãi tập kết hàng hóa như Hoàng Mai, Hai Bà Trưng, Thanh Trì...; các điểm trung chuyển hàng hóa như: Ninh Hiệp, ga Yên Viên, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài; các điểm giao nhận chuyển phát hàng hóa, các tuyến đường có địa bàn giáp ranh với các tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hòa Bình...; qua đó, lập kế hoạch, chuyên đề đấu tranh có trọng tâm, trọng điểm.

Ban Chỉ đạo 389 thành phố yêu cầu các Sở, ngành thành viên và Ban Chỉ đạo 389 xã, phường các lực lượng chức năng chủ động nắm tình hình, xác định tuyến, địa bàn, mặt hàng, lĩnh vực trọng điểm; làm tốt công tác nghiệp vụ; nhận diện phương thức, thủ đoạn hoạt động mới, nhất là hoạt động thương mại điện tử. Đồng thời, đề cao, gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ; chấn chỉnh, xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tiếp tay, bảo kê, bao che cho đối tượng có hành vi buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả và gian lận thương mại.

Việc kiểm tra sẽ có trọng tâm, trọng điểm, theo chuyên đề (ví dụ nhu cầu rượu, bia, đồ uống, bánh kẹo dịp Tết tăng cao thì buôn lậu, hàng giả nhóm sản phẩm này cũng tăng theo), xác định địa bàn "nóng" như đầu mối giao thông, tuyến quốc lộ, chợ đầu mối, kho tập kết hàng hóa, tuyến phố chuyên kinh doanh mặt hàng có nhu cầu

lớn dịp cuối năm... Đồng thời, các lực lượng chuyên trách sẽ tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp kiểm tra, điều tra. trong đó tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tại các tuyến, địa bàn, mặt hàng trọng điểm.

Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trao đổi kinh nghiệm trong công tác đấu tranh, phát hiện và xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại giữa các lực lượng chức năng. Trong đó chú trọng tới những thông tin về hoạt động buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép qua Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng giả trong thị trường nội địa, hoạt động thương mại điện tử.

Ngoài ra, chính quyền thành phố cũng tăng cường công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp và người tiêu dùng cùng chung tay, chủ động báo cáo cơ quan chức năng khi phát hiện sản phẩm của mình bị làm giả, làm nhái trên thị trường; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng để đấu tranh, triệt phá cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng giả. Người tiêu dùng góp sức bằng cách "nói không" với hàng giả, hàng lậu; phản ánh với cơ quan chức năng đối tượng, cơ sở có dấu hiệu kinh doanh hàng lậu, hàng giả, nhất là trên môi trường internet.

Bảng 2.13: Kết quả khảo sát nội dung quản lý “Kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm”

Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Các hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước đã được thực hiện một cách thường xuyên và bao phủ rộng rãi các loại hình kinh doanh KTĐ trên địa bàn.	2,99	0,6413
Các khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động KTĐ được giải quyết một cách nhanh chóng và theo đúng quy trình.	3,10	0,68962
Các biện pháp xử lý vi phạm hiện hành có đủ sức răn đe đối với các chủ thể tham gia hoạt động KTĐ	3,13	0,67425
Tổng hợp hoạt động “Kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm”	3,07	0,38475

(Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS)

Bảng khảo sát đánh giá hoạt động quản lý nhà nước của các chuyên viên cơ quan quản lý và lãnh đạo doanh nghiệp du lịch về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực KTĐ với điểm trung bình tổng hợp đạt 3,07, cho thấy mức độ đánh giá ở mức trung bình – tức là các hoạt động kiểm tra, giám sát đã được thực hiện nhưng chưa thực sự nổi bật về tính hiệu quả hoặc sự đồng

bộ. Độ lệch chuẩn thấp (0,38475) phản ánh sự đồng thuận tương đối giữa các đối tượng được khảo sát, cho thấy đây là một nhận định phổ biến và đáng tin cậy từ thực tiễn quản lý tại địa phương.

Nội dung hình thức tổ chức kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm của thành phố phù hợp có mức điểm đạt 2,99, phản ánh mức độ phù hợp chưa cao. Trên thực tế, các hoạt động KTĐ hiện nay đang chịu sự giám sát bởi nhiều đơn vị chức năng như lực lượng công an, thanh tra văn hóa – du lịch, quản lý thị trường, an toàn thực phẩm... Tuy nhiên, các cuộc kiểm tra thường thiếu sự chuyên biệt hóa cho lĩnh vực KTĐ, vẫn dựa vào khung pháp lý và lực lượng quản lý theo thời gian làm việc ban ngày, dẫn đến tình trạng chưa bám sát thực tế hoạt động kinh doanh diễn ra sau 22h. Chưa có quy trình kiểm tra riêng biệt nào được thiết kế cho các hoạt động ban đêm.

Nội dung Các hình thức xử lý vi phạm có tính răn đe cao có điểm trung bình 3,10 thể hiện đánh giá tương đối tích cực. Trên thực tế, thành phố Hà Nội đã ban hành một số văn bản quy định xử phạt hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường ban đêm, nhất là đối với các cơ sở kinh doanh bar, pub, nhà hàng mở muộn không đảm bảo quy chuẩn. Tuy nhiên, do thiếu kiểm tra thường xuyên và lực lượng chuyên trách hoạt động về đêm, nên hiệu quả thực thi pháp luật vẫn còn hạn chế. Các doanh nghiệp vi phạm thường bị xử lý hành chính ở mức phạt tiền mà chưa có các chế tài mang tính răn đe mạnh như tước giấy phép hoặc công khai vi phạm để tạo áp lực từ cộng đồng.

Nội dung Có xu hướng giảm các khiếu nại, tố cáo trong hoạt động KTĐ” có giá trị cao nhất (3,13 điểm), cho thấy ghi nhận tích cực về mặt trật tự và điều hành. Tuy nhiên, điều này cần được hiểu thận trọng: việc giảm khiếu nại tố cáo không hoàn toàn phản ánh tình hình tốt lên, mà còn có thể do người dân và doanh nghiệp không biết cách tiếp cận kênh phản ánh hoặc mất niềm tin vào khả năng xử lý của chính quyền. Thực tế, chưa có đường dây nóng hay nền tảng phản ánh trực tuyến nào được thiết kế riêng cho các hoạt động về đêm, trong khi đặc thù hoạt động KTĐ đòi hỏi phản ứng nhanh, xử lý linh hoạt – điều mà bộ máy hành chính ban ngày chưa đáp ứng được.

Tổng hợp các phân tích cho thấy hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với KTĐ ở Hà Nội tuy đã được triển khai nhưng vẫn thiếu sự đồng bộ, linh hoạt và chuyên môn hóa theo đặc thù của nền kinh tế hoạt động ngoài giờ hành chính. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng quy trình kiểm tra riêng cho KTĐ, nâng cao tính chủ động, công khai hóa thông tin xử lý vi phạm và thiết lập các kênh tiếp nhận phản ánh đặc thù cho hoạt động KTĐ.

2.3 Kết quả khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.3.1 Kiểm định thang đo

Hệ số Cronbach's Alpha khẳng định độ tin cậy của thang đo nếu có giá trị lớn hơn 0,6 (Hair và cộng sự, 2010). Hệ số tương quan biến-tổng lớn hơn 0,3 sẽ được giữ lại (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Phân tích kết quả của NCS cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của cả 10 nhân tố đều lớn hơn 0,8 và nằm trong khoảng 0,815 - 0,925. Mặt khác, hệ số tương quan biến tổng của tất cả các thang đo đều lớn hơn 0,3 và Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến đều nhỏ hơn giá trị hệ số Cronbach's Alpha biến tổng. Do đó 40 biến quan sát trong mô hình đều đảm bảo độ tin cậy.

Bảng 2.14: Kết quả tổng hợp các thang đo

TT	Thang đo	Biến quan sát	Hệ số CA	Kết quả
1	DP	Không	0.812	Chất lượng tốt
2	TDNL	Không	0.841	Chất lượng tốt
3	QDCT	Không	0.852	Chất lượng tốt
4	DKTN	Không	0.820	Chất lượng tốt
5	DKKT	Không	0.835	Chất lượng tốt
6	CSHT	Không	0.863	Chất lượng tốt
7	LP	Không	0.848	Chất lượng tốt
8	VHXXH	Không	0.873	Chất lượng tốt
9	KHCN	Không	0.864	Chất lượng tốt
10	YTTN	Không	0.859	Chất lượng tốt
11	QLNN	Không	0.649	Chất lượng

Nguồn: NCS xử lý trên SPSS 20.0

2.3.2 Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố khám phá biến phụ thuộc

Kết quả phân tích nhân tố khám phá biến phụ thuộc có hệ số KMO bằng 0.727 > 0.5, cho thấy mức độ thích hợp của mẫu dữ liệu để thực hiện EFA ở mức tốt, và hệ số sig. của kiểm định Bartlett's bằng 0.000 < 0.05 cho thấy các biến quan sát có tương quan đáng kể đủ để thực hiện kiểm định phân tích nhân tố.

Bảng 1.15: Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's của biến phụ thuộc
KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.727
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	409.248
	df	3
	Sig.	.000

Kết quả phân tích nhân tố khám phá của biến phụ thuộc cũng cho thấy với hệ số Eigenvalues lớn hơn 1, dữ liệu trích được 1 nhân tố, do đó có thể khẳng định các biến quan sát đo lường biến phụ thuộc đã hội tụ tốt.

Bảng 2.16: Phương sai trích và hệ số Eigenvalue của biến phụ thuộc
Total Variance Explained

Factor	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	2.269	75.634	75.634	1.904	63.474	63.474
2	.383	12.779	88.412			
3	.348	11.588	100.000			

Extraction Method: Principal Axis Factoring.

Phân tích nhân tố khám phá của các biến độc lập

Kết quả phân tích nhân tố khám phá của các biến độc lập cũng cho kết quả KMO bằng $.769 > 0.5$, cho thấy mức độ thích hợp của mẫu dữ liệu để thực hiện EFA ở mức tốt, và hệ số sig. của kiểm định Bartlett's bằng $0.000 < 0.05$ cho thấy các biến quan sát có tương quan đáng kể đủ để thực hiện kiểm định phân tích nhân tố.

Bảng 2.17: Hệ số KMO và Bartlett's của biến độc lập
KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.769
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	10508.414
	df	946
	Sig.	0.000

Bảng ma trận xoay cho thấy có 11 nhân tố đã được trích ra từ bộ dữ liệu, với hệ số factorloading của các biến quan sát phần lớn đều lớn hơn 0.5, chứng tỏ các biến quan sát này đã hội tụ tốt về các nhân tố tương ứng. Chỉ có 2 biến quan sát TDNL1 và DP1 là có hệ số factor loadings nhỏ hơn 0.5, do đó tác giả loại 2 biến quan sát này trong thang đo. Kết quả kiểm định cũng cho thấy không có hiện tượng tải chéo của các biến quan sát về các nhân tố khác. Ngoài ra, kết quả KMO thì kết quả kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa sig.=0.000 nhỏ hơn 0.05, phương sai trích lớn hơn 50% và giá trị Eigenvalue lớn hơn 1. Theo Hair và cộng sự (2006), với các điều kiện đó bộ dữ liệu đủ điều kiện để đưa vào kiểm định giả thuyết thống kê.

Bảng 2.18: Tổng hợp kết quả EFA

Biến quan sát	Nhân tố										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
VHXX 2	.820										
VHXX3	.795										
VHXX 1	.775										
VHXX 4	.766										
YTTN 2		.780									
YTTN 1		.723									
YTTN 3		.653									
YTTN 4		.622									
CSHT 3			.806								
CSHT2			.783								
CSHT 4			.771								
CSHT1			.691								
TDNL3				.796							
TDNL2				.690							
TDNL4				.680							
TDNL1				.469							
DKTN3					.789						
DKTN2					.734						
DKTN4					.659						
DKTN1					.598						

Biến quan sát	Nhân tố										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
QDCT3						.773					
QDCT1						.742					
QDCT4						.716					
QDCT2						.713					
DKKT3							.675				
DKKT2							.648				
DKKT4							.627				
DKKT1							.611				
LP4								.731			
LP2								.712			
LP1								.676			
LP3								.656			
DP4									.828		
DP2									.699		
DP3									.657		
DP1									.352		
KHCN 1										.700	
KHCN 3										.676	
KHCN 2										.633	
KHCN 4										.530	
QLNN1											.817
QLNN2											.793
QLNN3											.780

Nguồn: NCS xử lý trên phần mềm SPSS

2.3.3 Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính

Từ những nhân tố được trích ra qua phân tích nhân tố khám phá, tác giả đã thực hiện kiểm định tương quan và kiểm định giả thuyết thống kê bằng mô hình hồi quy tuyến tính, kết quả được thể hiện trong bảng sau

- Kiểm định ý nghĩa hệ số hồi quy

Bảng 2.19: Kết quả kiểm định giả thuyết

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	-.610	.084		-7.287	.000		
	DP	.108	.018	.134	6.145	.000	.748	1.337
	TDNL	.050	.020	.067	2.467	.014	.536	1.864
	QDCT	.098	.019	.133	5.140	.000	.533	1.875
	DKTN	.019	.021	.025	.909	.364	.474	2.109
	DKKT	.115	.022	.146	5.179	.000	.464	2.156
	CSHT	.045	.023	.062	2.002	.046	.357	2.805
	LP	.116	.015	.155	7.499	.000	.835	1.198
	VHXX	.061	.027	.089	2.269	.024	.234	4.281
	KHCN	.130	.019	.195	6.938	.000	.457	2.187
	YTTN	.167	.029	.237	5.769	.000	.213	4.700
a. Dependent Variable: QLNN								

Nguồn: NCS thu thập và xử lý trên SPSS 20.0

Kết quả bảng trên cho thấy 10/11 nhân tố, gồm: DP, TDNL, QDCT, DKKT, CSHT, LP, VHXX, KHCN, YTTN đều có Sig. ≤ 0.05 nên 10 biến này đều có ảnh hưởng tích cực tới biến phụ thuộc với độ tin cậy $\geq 95\%$. Trong khi đó, biến DKTN có Sig. = .364 ≥ 0.05 . Như vậy, biến độc lập này không có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê tới biến phụ thuộc.

- *Mức độ giải thích của mô hình*

Bảng 2.20: Mức độ giải thích biến phụ thuộc bởi các biến độc lập trong mô hình

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.938 ^a	.881	.877	.1539	2.124

a. Predictors: (Constant), TB YTTN, TB QDCT, TB LP, TB TDNL, TBDP, TB QD, TB KHCN, TB DKKT, TB DKTN, TB CSHT, TB VHXX

b. Dependent Variable: TB QLNN

Nguồn: NCS thu thập và xử lý trên SPSS 20.0

Hệ số R^2 điều chỉnh = .881, cho thấy mô hình giải thích rất tốt sự biến thiên của biến phụ thuộc, nói cách khác, có tới 88,1% sự thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình.

- *Mức độ phù hợp của mô hình*

Bảng 2.21: Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình
ANOVA^a

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	58.226	11	5.293	223.535	.000 ^b
	Residual	7.885	333	.024		
	Total	66.111	344			

a. Dependent Variable: TB QLNN_new

b. Predictors: (Constant), TB YTTN, TB QDCT, TB LP, TB TDNL, TBDP, TB QD, TB KHCN, TB DKKT, TB DKTN, TB CSHT, TB VHXX

Nguồn: NCS thu thập và xử lý trên SPSS 20.0

Kết quả phân tích ANOVA cho thấy mô hình hồi quy có Sig. = 0.000 <= 0.05. Như vậy, về tổng thể các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến QLNN nên mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp với dữ liệu thực tế. Mô hình có giá trị thống kê ($1 < \text{Durbin} - \text{Watson} = 2.164 < 3$) nằm giữa trị số thống kê dưới và thống kê trên nên không có hiện tượng tự tương quan và các VIF đều nhỏ hơn 10 nên mô hình không có hiện tượng cộng tuyến. Ngoài ra, mô hình cũng không có hiện tượng phương sai phân dư thay đổi nên dựa vào hệ số hồi quy (B) chưa chuẩn hóa ở bảng 2, mô hình được viết dưới dạng:

$$\text{QLNN} = -0.610 + 0.108 \cdot \text{DP} + 0.050 \cdot \text{TDNL} + 0.098 \cdot \text{QDCT} + 0.115 \cdot \text{DKKT} + 0.045 \cdot \text{CSHT} + 0.116 \cdot \text{LP} + 0.061 \cdot \text{VHXX} + 0.130 \cdot \text{KHCN} + 0.167 \cdot \text{YTTN}$$

Về mức độ ảnh hưởng mạnh yếu, chỉ số β chuẩn hóa cho thấy ảnh hưởng của YTTN là mạnh nhất ($\beta = .237$); tiếp theo là KHCN ($\beta = 0.195$); LP ($\beta = .155$); DKKT ($\beta = .146$); DP ($\beta = .134$); QDCT ($\beta = .133$); VHXX ($\beta = 0.089$); TDNL ($\beta = 0.067$); và thấp nhất là biến CSHT ($\beta = 0.066$).

Kết quả kiểm định giả thuyết: Các biến DP, TDNL, QDCT, DKKT, CSHT, LP, VHXX, KHCN, YTTN đều có sig. nhỏ hơn 0.05 do đó các giả thuyết H1, H2, H3, H5, H6, H7, H8, H9, H10 được chấp nhận. Còn sig. của biến DKTN có sig. = 0.364 lớn hơn 0.05 nên giả thuyết H4 bị bác bỏ.

Kết quả hồi quy cho thấy 9/10 nhân tố tác động tích cực đến quản trị kinh tế đêm tại Hà Nội, trong đó Ý thức trách nhiệm cơ sở kinh doanh ($\beta=0.237$) và Khoa học công nghệ ($\beta=0.195$) giữ vai trò then chốt. Điều này tương đồng với nghiên cứu của Seijas (2018) về chuyển đổi số nhưng khác biệt ở sự bác bỏ biến Điều kiện tự nhiên ($\beta=0.364$), cho thấy lợi thế địa lý chưa được chuyển hóa thành hiệu quả quản lý thực tế. Hạn chế lớn nhất nằm ở Cơ sở hạ tầng ($\beta=0.045$) và Năng lực cán bộ ($\beta=0.050$) do mức tác động thấp, phản ánh sự thiếu hụt nguồn lực đầu tư và kỹ năng chuyên môn trong việc giải quyết các đặc thù của không gian đêm.

2.4 Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.4.1 Những thành công đạt được

Trong thời gian qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn song QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội đã đạt được một số thành công như:

Thứ nhất, về xây dựng các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Chính quyền thành phố đã cho thấy sự chủ động, kịp thời trong việc nhận diện tiềm năng và ban hành các kế hoạch, đề án chuyên đề (như Kế hoạch số 189/KH-UBND về thí điểm phát triển kinh tế đêm quận Hoàn Kiếm và các kế hoạch phát triển du lịch hàng năm).

Những văn bản này đã góp phần định hướng cho các hoạt động KTĐ phát triển, phù hợp với chủ trương chung của Trung ương và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Qua đó, đã khuyến khích sự hình thành một số mô hình kinh tế đêm, không gian đi bộ, và sản phẩm du lịch đêm đặc thù, đồng thời xác định trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong công tác quản lý, làm cơ sở cho việc triển khai và thu hút đầu tư.

Thứ hai, về tổ chức QLNN về KTĐ

Thành phố đã tổ chức triển khai nhiều hoạt động QLNN nhằm tạo không gian và điều kiện cho KTĐ phát triển, thể hiện tính năng động và đổi mới trong công tác điều hành.

Việc hình thành và duy trì hoạt động của các không gian đi bộ (như khu vực Hồ Hoàn Kiếm và phụ cận, Phố cổ, Trịnh Công Sơn, Thành cổ Sơn Tây, Đảo Ngọc Ngũ Xã, Trần Nhân Tông, Trúc Bạch - Ngõ Phất Lộc) là thành công nổi bật trong việc tạo ra các điểm nhấn và không gian công cộng phục vụ KTĐ. Các không gian này được quản lý về thời gian hoạt động và các loại hình dịch vụ, văn hóa, giải trí được phép tổ chức.

Đầu tư vào cơ sở hạ tầng hỗ trợ KTĐ đã được chú trọng, bao gồm cải tạo chỉnh trang đô thị, nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng và chiếu sáng mỹ thuật tại các khu vực hoạt động đêm (Kế hoạch số 72/KH-UBND năm 2023 về chiếu sáng, dự kiến vốn đầu tư hàng trăm tỷ đồng cho nhiều hạng mục).

Công tác phát triển sản phẩm du lịch đêm đã đạt kết quả tích cực với sự ra đời của các tour đêm đặc sắc tại các di tích lịch sử, văn hóa (Hoàng Thành Thăng Long, Nhà tù Hỏa Lò, Văn Miếu - Quốc Tử Giám), thu hút đông đảo du khách và người dân tham gia.

Các cơ quan QLNN đã tăng cường phối hợp liên ngành (Công an, Cục Quản lý thị trường, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Du lịch, Sở Công Thương...) trong việc quản lý các hoạt động diễn ra vào ban đêm, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn và môi trường.

Những hoạt động này cho thấy sự chủ động của Thành phố trong việc tạo lập và quản lý các không gian, sản phẩm đặc thù của KTĐ, bước đầu khai thác được tiềm năng và thu hút sự quan gia của người dân và du khách.

Thứ ba, về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm là câu phần quan trọng đảm bảo KTĐ phát triển trong khuôn khổ pháp luật, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và môi trường kinh doanh lành mạnh.

Các lực lượng chức năng (Công an, Quản lý thị trường, các đội kiểm tra chuyên ngành...) đã tăng cường kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh vào ban đêm và tại các khu vực tập trung KTĐ, tập trung vào các vấn đề như an toàn thực phẩm, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm về tiếng ồn và trật tự đô thị.

Số liệu về công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và chống buôn lậu, gian lận thương mại (do Ban Chỉ đạo 389 TP. Hà Nội thực hiện) trong những năm gần đây cho thấy quy mô và hiệu quả của công tác này.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến các hoạt động KTĐ cũng được triển khai theo quy định pháp luật.

Những kết quả này cho thấy sự quyết liệt của Thành phố trong việc kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm trong các hoạt động kinh tế, góp phần chấn chỉnh thị trường, bảo vệ người tiêu dùng và duy trì môi trường thuận lợi cho KTĐ phát triển trong khuôn khổ pháp luật.

Có thể thấy, thành phố Hà Nội đã đạt được những thành công đáng ghi nhận trong việc xây dựng nền tảng quy hoạch, kế hoạch, tổ chức triển khai các hoạt động QLNN một cách chủ động và tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý vi phạm, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của KTĐ Thủ đô.

2.4.2 Những hạn chế tồn tại

QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội, bên cạnh những thành công đạt được vẫn còn một số hạn chế tồn tại chủ yếu sau:

Thứ nhất, về xây dựng các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Một là, các văn bản quản lý cụ thể hướng tới phát triển KTĐ còn chưa nhiều. Thành phố mới chỉ cụ thể hóa Đề án, Kế hoạch phát triển KTĐ trên địa bàn vào năm 2023, tức là năm thứ ba kể từ khi Quyết định số 1129/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được ban hành, cho thấy sự chậm trễ trong việc thể chế hóa chủ trương. Các kiến nghị còn hạn chế tồn tại và chậm được cụ thể hóa thành các chính sách cụ thể.

Hai là, hạn chế về quy hoạch, đầu tư phát triển KTĐ trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Mặc dù đã có những thành tựu trong công tác quy hoạch đô thị, vẫn còn một số bất cập như chính sách và hệ thống cơ sở pháp lý còn chồng chéo, nhiều văn bản quy phạm pháp luật chưa thống nhất ở một số nội dung liên quan đến quản lý xây dựng và các lĩnh vực khác. Vấn đề phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực quản lý xây dựng có lúc chưa thường xuyên, kịp thời. Các tài liệu quy hoạch đô thị và quy hoạch ngành do nhiều tổ chức khác nhau thực hiện, và dù Luật Quy hoạch đã quy định về nguyên tắc phối hợp, việc phối hợp trên thực tiễn còn gặp nhiều khó khăn do chưa rõ cơ chế phối hợp.

Ba là, ở Hà Nội, việc quy hoạch và triển khai quy hoạch nhằm khai thác tối đa lợi thế về một Thủ đô ngàn năm văn hiến để phát triển kinh tế đô thị, KTĐ chưa được thực hiện hiệu quả. Khu vực trung tâm Thành phố còn rất thiếu những không gian công cộng, những khu đất, tuyến phố đi bộ dành cho các loại hình kinh tế khai thác lợi thế văn hóa, lịch sử đặc biệt của Thủ đô.

Bốn là, hệ thống số liệu thông tin, thống kê liên quan đến KTĐ còn thiếu hệ thống, thiếu đầy đủ và cập nhật, qua đó ảnh hưởng đến việc đánh giá tác động kinh tế của mô hình KTĐ, cũng như đánh giá tác động của các văn bản quản lý về nội dung KTĐ. Do thiếu hướng dẫn, nên thành phố chưa có căn cứ và phương pháp đánh giá các kết quả triển khai thực hiện chính xác thống kê KTĐ, chưa cụ thể hóa mô hình, phạm vi và các nội dung liên quan đến quản lý KTĐ.

Thứ hai, về tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế đêm

Một là, một số dự án đầu tư phát triển KTĐ có chất lượng và hiệu quả chưa tốt, trên địa bàn Thành phố còn dễ xảy ra nhiều hiện tượng vi phạm trong phát triển KTĐ như các dự án chậm tiến độ, dừng tiến độ, xây dựng và hoạt động trái phép. Công tác quản lý thu hút đầu tư phát triển KTĐ của Thành phố chưa hiệu quả.

Hai là, công tác công nhận khu, điểm và cấp phép cho các hoạt động kinh tế đêm tại Hà Nội vẫn tồn tại những hạn chế. Nổi bật là hệ thống văn bản pháp lý và hướng dẫn chuyên biệt còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp thực tiễn phát triển đa dạng của lĩnh vực này. Điều này dẫn đến quy trình xem xét có thể còn phức tạp, kéo dài, trong khi các tiêu chí công nhận khu, điểm kinh tế đêm chưa thực sự rõ ràng, minh bạch, gây khó khăn trong áp dụng thống nhất.

Ba là, hoạt động thông tin, tuyên truyền, xúc tiến quảng bá các sản phẩm KTĐ còn chưa được quan tâm đúng mức; các kênh quảng bá, xúc tiến còn hạn chế; nội dung thông tin trên các kênh truyền thông còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Thứ ba, về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

Hoạt động kiểm tra đôi khi còn hình thức, tần suất và thời điểm chưa thực sự phù hợp với đặc thù hoạt động về đêm, trong khi năng lực chuyên môn và trang thiết bị của lực lượng kiểm tra đối với các loại hình kinh tế đêm còn hạn chế. Quy trình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tiếng ồn, an ninh trật tự còn chậm trễ, thiếu cơ chế phản hồi minh bạch.

Cùng với đó, hiệu quả của việc xử lý vi phạm chưa cao do chế tài chưa đủ sức răn đe, việc thực thi thiếu nhất quán và công tác hậu kiểm sau xử phạt còn yếu dẫn đến nguy cơ tái phạm.

2.4.3 Nguyên nhân của những hạn chế tồn tại

2.4.3.1 Nguyên nhân khách quan

Một là, các chủ trương, quyết định từ cấp Trung ương (Quyết định số 1129/QĐ-TTg) tuy có định hướng, nhưng còn ở tầm vĩ mô, thiếu các hướng dẫn cụ thể và cơ chế khuyến khích đồng bộ để địa phương dễ dàng triển khai. Việc xác định phạm vi cũng như giới hạn các lĩnh vực KTĐ hiện nay có sự khác nhau giữa các quốc gia. Đây cũng chính là trở ngại trong việc ban hành chính sách, quản lý các đô thị và khu vực trung tâm vào ban đêm ở Việt Nam thời gian qua do chưa xác định được phạm vi KTĐ ở Việt Nam.

Hai là, bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước trong giai đoạn 2020-2024 có nhiều khó khăn, bất lợi (dịch bệnh Covid-19, gián đoạn chuỗi cung ứng và hoạt động du lịch của khách nước ngoài...), ảnh hưởng đến mức độ quan tâm, mức độ ưu tiên và hiệu quả triển khai các nhiệm vụ được giao trong Quyết định số 1129/QĐ-TTg, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển KT-XH và phát triển KTĐ của thành phố, dẫn đến sự đình trệ trong nhiều hoạt động kinh tế và quản lý, do vậy, ảnh hưởng đến QLNN về của thành phố.

Ba là, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển KTĐ của thành phố Hà Nội: Cơ sở hạ tầng giao thông (thiếu giao thông công cộng hoạt động sau 22h), hạ tầng kỹ thuật tại nhiều khu vực (chiếu sáng chưa đồng bộ, nhà vệ sinh công cộng, điểm đỗ xe đêm còn thừa thớt) là những tồn tại khách quan, ảnh hưởng đến khả năng tổ chức hoạt động đêm quy mô lớn và tính kết nối không gian.

Bốn là, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến KTĐ còn tồn tại sự thiếu rõ ràng, khó áp dụng và chưa đồng bộ. Chưa có bộ quy định pháp lý riêng cho KTĐ; các hoạt động bị điều chỉnh bởi các luật ngành rời rạc. Khung pháp lý chưa đủ vững chắc cho quản lý và chưa thực sự tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp tham gia

Năm là, về nhận thức vai trò của cộng đồng trong phát triển và QLNN về KTĐ: Luật Quy hoạch Thủ đô quy định không rõ ràng về vai trò của cộng đồng trong hoạt động quy hoạch, không chỉ rõ quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong quy hoạch đô thị. Một dự án quy hoạch đô thị thường các chủ thể liên quan là nhà nước, tổ chức tư vấn và cộng đồng cư dân, việc quy định không rõ ràng vấn đề tham gia của cộng đồng cũng như trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi và quyền hạn của các bên liên quan có thể gây ra các hậu quả là sự tham gia của cộng đồng sẽ chỉ dừng lại ở mức độ hình thức, không hiệu quả, từ đó cộng đồng không có niềm tin cũng như sự đồng thuận đối với việc thực hiện dự án. Đối với nội dung quy hoạch về khu vực không gian KTĐ, do mức độ ảnh hưởng đến cộng đồng (cả tích cực và tiêu cực) là rất rõ nét, nên việc tham gia của cộng đồng là hết sức cần thiết. Tuy nhiên theo kết quả khảo sát, mức độ ý thức trách nhiệm xã hội và môi trường của nhiều cơ sở kinh doanh còn hạn chế. Sự hiểu biết, hỗ trợ thực tế của cộng đồng dân cư đối với việc phát triển KTĐ còn yếu, và sự đồng thuận của cư dân khi KTĐ mở rộng vào không gian sinh sống chưa cao, tạo ra những rào cản xã hội khách quan cho công tác quản lý.

2.4.3.2 Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, năng lực thể chế hóa chủ trương và tốc độ phản ứng chính sách của bộ máy quản lý còn chậm, thể hiện qua việc chậm trễ ban hành các văn bản cụ thể hướng tới phát triển KTĐ so với định hướng của Chính phủ.

Thứ hai, tư duy quy hoạch thiếu tính chiến lược và tính đồng bộ, dẫn đến sự chồng chéo trong hệ thống pháp lý giữa các ngành và sự lỏng lẻo trong cơ chế phối hợp liên ngành, làm cản trở khả năng khai thác tối đa lợi thế văn hóa - lịch sử đặc thù của Thủ đô.

Thứ ba, trình độ quản trị dữ liệu và phương pháp luận thống kê về mô hình kinh tế mới chưa được xây dựng một cách khoa học, gây thiếu hụt căn cứ thực tiễn để đánh giá chính xác tác động kinh tế và hiệu lực của các quyết định quản lý.

Thứ tư, công tác tổ chức thực hiện và quản lý đầu tư còn thiếu tính chuyên nghiệp, khi các tiêu chí công nhận, cấp phép chưa minh bạch và quy trình hành chính còn phức tạp, làm giảm hiệu quả thu hút đầu tư cũng như chất lượng các sản phẩm KTĐ.

Thứ năm, năng lực thực thi và giám sát của lực lượng chức năng chưa đáp ứng được yêu cầu đặc thù của hoạt động về đêm; đồng thời, việc thiếu nhất quán trong xử lý vi phạm và công tác hậu kiểm yếu đã làm suy giảm tính răn đe của pháp luật.

Thứ sáu, hệ thống số liệu thông tin, thông kê liên quan đến KTĐ còn thiếu hệ thống, thiếu đầy đủ và cập nhật, qua đó ảnh hưởng đến việc đánh giá tác động kinh tế của KTĐ, cũng như đánh giá tác động của các văn bản quy phạm pháp luật về nội dung KTĐ. UBND TP Hà Nội còn thiếu các văn bản hướng dẫn, nên các địa phương trong thành phố chưa có căn cứ và phương pháp đánh giá các kết quả triển khai thực hiện chính xác thông kê KTĐ, chưa cụ thể hóa mô hình, phạm vi và các nội dung liên quan đến quản lý KTĐ.

Tiểu kết chương 2

Nội dung chương đã tập trung phân tích thực trạng QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội, dựa trên cơ sở dữ liệu thứ cấp và kết quả khảo sát thực tiễn. Qua phân tích, luận án đã đưa ra một phân tích đa chiều về hoạt động KTĐ với những mô hình đặc trưng, đồng thời đi sâu vào đánh giá công tác quản lý nhà nước trên cả ba phương diện: xây dựng và ban hành văn bản quản lý, tổ chức thực thi, và kiểm tra, giám sát.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra những thành công bước đầu của chính quyền Thành phố trong QLNN về KTĐ, nổi bật là việc ban hành các chủ trương, quy hoạch và kế hoạch bước đầu hình thành một số sản phẩm du lịch đêm đặc sắc, tạo dấu ấn tích cực. Tuy nhiên, phân tích cũng chỉ ra những hạn chế tồn tại mang tính hệ thống: Sự thiếu đồng bộ, thiếu liên kết trong tổ chức thực thi chính sách giữa các Sở ban ngành và các cấp chính quyền là rào cản lớn nhất; Công tác quy hoạch không gian còn manh mún, hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm chưa đảm bảo tính răn đe và thống nhất. Những hạn chế này xuất phát từ cả nguyên nhân thuộc về chính quyền địa phương và bên ngoài chính quyền địa phương.

Thực trạng với những thành công và các hạn chế tồn tại đã được luận giải trong chương này là cơ sở thực tiễn để luận án đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội ở chương tiếp theo.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ ĐÊM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030

3.1.1 Bối cảnh quốc tế

Thế giới đã bước qua giai đoạn đại dịch COVID-19 nhưng tiếp tục đối mặt với những biến động phức tạp từ các xung đột địa chính trị, đứt gãy chuỗi cung ứng và áp lực lạm phát kéo dài. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình phục hồi và phát triển bền vững của Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng chậm lại; đặc biệt, sự sụt giảm nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường đối tác chiến lược như EU, Mỹ và Trung Quốc đã tác động mạnh đến dòng vốn đầu tư cũng như kim ngạch xuất khẩu, gây áp lực không nhỏ lên mục tiêu tăng trưởng GDP trong nước.

Trong bối cảnh đó, việc chuyển hướng tập trung vào nội lực và khai thác thị trường nội địa trở thành chiến lược sống còn. Các mô hình kinh tế mới, tiêu biểu là kinh tế chia sẻ và kinh tế đêm (KTĐ), không còn là xu hướng thử nghiệm mà đã trở thành động lực tăng trưởng thực tế. Kinh nghiệm từ Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á cho thấy, việc quyết liệt triển khai các đề án phát triển kinh tế sau 18 giờ đã giúp kích cầu tiêu dùng nội địa mạnh mẽ, bù đắp cho sự sụt giảm của các mảng kinh tế truyền thống. Trước sức ép cạnh tranh gay gắt giữa các điểm đến trong khu vực, nếu chậm trễ trong việc hoàn thiện khung pháp lý và đổi mới mô hình quản lý KTĐ, Việt Nam sẽ bỏ lỡ "cơ hội vàng" để tối ưu hóa nguồn lực, làm suy giảm năng lực cạnh tranh quốc gia và hạn chế khả năng bứt phá trong giai đoạn phát triển tới.

Công nghệ cũng đang thay đổi mạnh mẽ bản chất hoạt động của kinh tế - xã hội trên toàn thế giới và là mục tiêu của tất cả các hoạt động nghiên cứu, phát triển trong thời gian tới. Sự phát triển chóng mặt của công nghệ đang tạo ra hàng loạt xu thế phát triển kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ. Việc đẩy mạnh CMCN 4.0 dựa trên số hóa và kết nối đang hứa hẹn tạo ra nhiều cơ hội cho Việt Nam trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo ra sự thay đổi lớn về hình thái kinh doanh dịch vụ, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh ngành giải trí, sáng tạo. Điều này cũng tạo thêm cơ hội cho phát triển KTĐ ở Việt Nam thời gian tới.

Ngành du lịch thế giới được cho là vẫn có cơ hội phát triển mạnh mẽ. Các nguyên nhân có tính nền tảng là do tầng lớp trung lưu với khả năng chi tiêu ngày càng cao ở các thị trường mới nổi, cùng với khả năng kết nối thuận tiện, mức giá du lịch cùng ngày càng phù hợp và sự đổi mới sáng tạo không ngừng của các công ty cung

cấp dịch vụ du lịch. Theo báo cáo của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) Sự phục hồi của du lịch toàn cầu sau đại dịch COVID-19 đã củng cố xu hướng gia tăng thị phần của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APAC), dù chậm hơn so với châu Âu. Các số liệu cập nhật đến đầu năm 2025 cho thấy, mặc dù Châu Âu đã phục hồi và vượt qua mức tiền đại dịch (101% so với 2019 vào cuối 2024), APAC vẫn đang ở mức 87%. Tuy nhiên, APAC lại là khu vực có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong nửa đầu năm 2025 (11% so với cùng kỳ 2024), khẳng định triển vọng tăng trưởng du lịch lớn trong những năm tới. Sự phục hồi này tạo ra những thuận lợi đáng kể cho Việt Nam nói chung và việc phát triển Kinh tế Đêm nói riêng.

3.1.2 Bối cảnh trong nước

Bối cảnh trong nước cũng cho thấy những điều kiện thuận lợi trong phát triển KTĐ.

Thứ nhất, Việt Nam tiếp tục được đánh giá là một trong những thị trường Châu Á năng động. Bên cạnh đó, Việt Nam đã và vẫn trở thành điểm đến hấp dẫn và thân thiện đối với du khách trong và ngoài nước. Hiệp hội du lịch Châu Á-Thái Bình Dương (PATA) đã đưa ra dự báo, du lịch Việt Nam sẽ dẫn đầu khu vực Châu Á-Thái Bình Dương với tốc độ tăng trưởng ngang bằng với mức phục hồi toàn cầu (99%) và vượt xa mức phục hồi trung bình của APAC (87%). Tính đến nửa đầu năm 2025, Việt Nam đã đón hơn 10 triệu lượt khách, cho thấy khả năng vượt qua con số 2019 là rất cao. Sự phục hồi nhanh chóng và vượt trội so với mức trung bình khu vực này đã minh chứng rằng tiềm năng dẫn đầu khu vực mà PATA dự báo vẫn là một xu hướng có cơ sở vững chắc, đặc biệt là khi các chính sách thị thực được nới lỏng và các sản phẩm du lịch ngày và đêm được thúc đẩy.

Thứ hai, quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế ở Việt Nam đã và vẫn đang được đẩy mạnh trong thời gian tới. Quá trình này sẽ đem lại thuận lợi trong trong phát triển KTĐĐ nói riêng và phát triển kinh tế- xã hội của đất nước nói chung. Thời gian qua, Chính phủ luôn quan tâm và tìm kiếm nhiều mô hình kinh tế mới như: kinh tế chia sẻ, KTĐĐ,... nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa Việt Nam và các nước phát triển trên thế giới. Gần đây, các địa phương/đô thị lớn cũng đã nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của phát triển KTĐĐ và có động thái tích cực, chủ động xây dựng Chương trình/kế hoạch phát triển KTĐĐ ở địa phương.

Thứ ba, nhận thức của Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương đã có sự cải thiện, theo hướng nhìn nhận phát triển KTĐĐ ở Việt Nam là hết sức cần thiết nhằm tận dụng những ưu thế của một quốc gia có nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, với đường bờ biển trải dài, nền ẩm thực đa dạng, phong phú, cùng môi trường an ninh trật tự được duy trì tốt, rất thuận tiện để thúc đẩy các hoạt động du lịch và kinh tế dịch vụ.

Thành phố Hà Nội cho thấy sự hội tụ của nhiều điều kiện thuận lợi, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với công tác QLNN nhằm thúc đẩy KTĐ phát triển bền vững. Cụ thể:

Thứ nhất, Hà Nội đang đứng trước vận hội lớn từ sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường du lịch khu vực. Trong bối cảnh ngành du lịch thế giới đang phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APAC) ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất trong nửa đầu năm 2025 với mức tăng 11%. Là Thủ đô của một quốc gia được dự báo dẫn đầu khu vực về tốc độ phục hồi du lịch, Hà Nội đã chứng minh thực lực qua việc đón lượng lớn du khách quốc tế trong năm 2025, Việt Nam lập kỷ lục đón hơn 21 triệu lượt khách quốc tế (ước tính khoảng 21,2 - 21,5 triệu), tăng trưởng ấn tượng hơn 20% so với 2024, đánh dấu lần đầu tiên vượt mốc 20 triệu khách. Vị thế là điểm đến "An toàn - Thân thiện" cùng môi trường an ninh trật tự được duy trì tốt là "đòn bẩy" quan trọng để Thành phố phát triển các dịch vụ về đêm, đáp ứng nhu cầu chi tiêu ngày càng cao của tầng lớp trung lưu mới nổi.

Thứ hai, sự bùng nổ của Cách mạng Công nghiệp 4.0 tạo tiền đề thay đổi diện mạo kinh tế đô thị và quản trị nhà nước. Công nghệ đang thay đổi mạnh mẽ bản chất hoạt động kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ, giải trí và sáng tạo. Đối với Hà Nội, việc đẩy mạnh số hóa và kết nối không chỉ tạo ra các hình thái kinh doanh dịch vụ đêm mới mẻ, hấp dẫn mà còn là công cụ hỗ trợ đắc lực cho công tác QLNN. Hệ thống dữ liệu số giúp chính quyền quản lý hiệu quả hơn các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận khách hàng tiềm năng một cách chính xác, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô.

Thứ ba, áp lực từ những biến động kinh tế toàn cầu thúc đẩy yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng tại chỗ. Trong bối cảnh rủi ro suy giảm kinh tế toàn cầu và căng thẳng thương mại ảnh hưởng đến các đối tác lớn của Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật Bản và Trung Quốc, Hà Nội cần tìm kiếm các động lực tăng trưởng mới để tự chủ hơn. Việc phát triển KTĐ được nhìn nhận là giải pháp tất yếu nhằm tận dụng tối đa tiềm năng nội tại, kích cầu tiêu dùng và nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm du lịch - dịch vụ. Điều này phù hợp với xu hướng của các đô thị lớn trên thế giới khi chuyển hướng tập trung vào các mô hình kinh tế mới để đối phó với sự giảm tốc của tăng trưởng kinh tế truyền thống.

Cuối cùng, sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và thể chế đang tạo hành lang thuận lợi cho KTĐ. Chính phủ và các địa phương, trong đó có Hà Nội, đã nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng của việc phát triển KTĐ nhằm khai thác kho tàng di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và nền ẩm thực phong phú. Sự chủ động của Thành phố trong việc xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển KTĐ riêng biệt

thể hiện quyết tâm chính trị nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực. Bối cảnh này đòi hỏi công tác QLNN tại Hà Nội phải đổi mới tư duy theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sáng tạo, đồng thời hoàn thiện các quy định pháp lý để đảm bảo KTĐ phát triển trong trật tự và bền vững.

3.2 Quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội

Từ những phân tích về thực trạng quản lý nhà nước đối với KTĐ tại Hà Nội và trên cơ sở các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố tới năm 2030, nghiên cứu sinh đưa ra quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước về KTĐ trên địa bàn thành phố như sau:

Thứ nhất, QLNN về KTĐ phải nhằm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố

Đây là quan điểm mang tính bao quát và định hướng vĩ mô. Thông qua việc ban hành các quy định mang tính định hướng, chỉ đạo xuyên suốt từ cấp Thành phố đến cơ sở, và đảm bảo tính đồng bộ giữa quy hoạch đô thị và các quy hoạch các ngành nghề, lĩnh vực liên quan tới KTĐ, chủ thể quản lý nhà nước ở cấp cao nhất của Thành phố, trực tiếp là UBND Thành phố Hà Nội cùng các cơ quan tham mưu chiến lược như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, cần nhận thức rõ ràng KTĐ không phải là một hoạt động độc lập mà là một bộ phận cấu thành hữu cơ của nền kinh tế đô thị hiện đại. Việc hoàn thiện QLNN về KTĐ cần dựa trên cơ sở thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố tới năm 2030 tầm nhìn 2050. Quan điểm này đòi hỏi các kế hoạch và chính sách quản lý KTĐ phải được lồng ghép, tích hợp một cách khéo léo và linh hoạt vào các chiến lược, quy hoạch chung của Thủ đô. Điều này đảm bảo sự phát triển của KTĐ đóng góp tích cực, đồng bộ và hiệu quả vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển tổng thể của Thành phố, tránh sự phát triển tự phát, ngẫu hứng gây phá vỡ cấu trúc kinh tế - xã hội và không gian đô thị đã được định hình.

Thứ hai, QLNN về KTĐ hướng tới đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững

Đây là quan điểm thể hiện trách nhiệm xã hội và môi trường của quản lý nhà nước, vượt qua mục tiêu tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Các chủ thể quản lý ở mọi cấp, đặc biệt là các cơ quan môi trường, công an, y tế, lao động và chính quyền địa phương, cần nhận thức rằng sự phát triển KTĐ phải cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan: người kinh doanh, người lao động, du khách và cộng đồng dân cư địa phương. Quan điểm bền vững yêu cầu quản lý phải chú trọng giảm thiểu các ngoại tác tiêu cực như ô nhiễm tiếng ồn, rác thải, nguy cơ mất an ninh trật tự, tệ nạn xã hội. Đồng thời, cần đảm bảo gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa Thủ đô, bảo vệ môi trường sinh

thái, và tạo điều kiện làm việc an toàn, công bằng cho người lao động trong môi trường đặc thù của KTĐ. Cách tiếp cận quản lý phải dựa trên nguyên tắc cân đối cung - cầu, quy hoạch không gian hợp lý để tách biệt hoặc giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến khu dân cư, và xây dựng cơ chế giải quyết xung đột, khiếu nại, tố cáo một cách hiệu quả hướng tới mục tiêu xây dựng một môi trường KTĐ không chỉ sôi động mà còn an toàn, văn minh, thân thiện và thực sự nâng cao chất lượng sống cho người dân

Thứ ba, QLNN về KTĐ trên cơ sở tối đa hoá các nguồn lực

Quan điểm này nhấn mạnh vào việc khai thác những đặc trưng riêng có và tiềm năng vượt trội của Hà Nội để phát triển KTĐ. Các chủ thể quản lý nhà nước, đặc biệt là các cơ quan phụ trách xúc tiến đầu tư, du lịch, văn hóa và các cấp chính quyền địa phương, cần xem xét quản lý như một đòn bẩy để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đa dạng: tài nguyên văn hóa, lịch sử phong phú; vị trí địa lý thuận lợi; cơ sở hạ tầng ngày càng phát triển; nguồn nhân lực dồi dào; và tiềm năng thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Như vậy QLNN về KTĐ không chỉ dừng lại ở việc cấp phép hay kiểm tra, mà phải chủ động tạo môi trường thuận lợi, xây dựng cơ chế chính sách hấp dẫn, khuyến khích sự tham gia của mọi thành phần kinh tế và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả hoạt động KTĐ và quản lý hoạt động KTĐ nhằm biến các lợi thế tiềm năng thành những sản phẩm, dịch vụ KTĐ độc đáo, có sức cạnh tranh cao, gia tăng giá trị và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GRDP của Thành phố.

Thứ tư, cần liên tục đổi mới tư duy và nâng cao năng lực QLNN về KTĐ

Quan điểm này nhấn mạnh sự cần thiết của một bộ máy quản lý nhà nước năng động, thích ứng và chuyên nghiệp. Các chủ thể quản lý ở mọi cấp cần vượt qua rào cản tư duy cũ, đặc biệt là tâm lý e ngại "không quản được thì cấm", để hướng tới một cách tiếp cận mở, dựa trên việc kiểm soát rủi ro bằng các biện pháp thông minh và hiệu quả. Điều này đòi hỏi sự thay đổi nhận thức sâu sắc trong đội ngũ cán bộ, sự hoàn thiện về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương, và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi khâu quản lý, đảm bảo tính minh bạch, hiệu lực, hiệu quả và tạo được sự đồng thuận cao trong xã hội.

3.3 Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030

3.3.1 Hoàn thiện công tác xây dựng các văn bản quản lý kinh tế đêm

Hoàn thiện công tác xây dựng chiến lược cho QLNN về KTĐ tại Hà Nội là bước đi tiên quyết, định hình toàn bộ tiến trình phát triển của lĩnh vực đặc thù này. Yêu cầu cốt lõi đặt ra là sự tích hợp một cách hữu cơ và chiến lược sự phát triển của KTĐ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quan điểm này vượt ra khỏi việc xem KTĐ như một

tập hợp ngẫu nhiên các hoạt động đơn lẻ, mà đặt nó vào vị trí một cấu phần chiến lược trong tổng thể nền kinh tế đô thị hiện đại. Sự tích hợp "hữu cơ" hàm ý rằng KTĐ không chỉ được thêm vào một cách hình thức, mà các mục tiêu, định hướng của nó phải được đan xen, tương hỗ và phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cao hơn của Thủ đô (như tăng trưởng GRDP, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm chất lượng cao, nâng cao sức cạnh tranh đô thị). Điều này đòi hỏi trong các văn kiện chiến lược cấp Thành phố, vị trí, vai trò, các mục tiêu định lượng và định tính, cùng các chỉ tiêu đánh giá cụ thể về đóng góp của KTĐ cần được xác định rõ ràng, tránh sự chung chung, khó lượng hóa và theo dõi.

Bên cạnh đó, việc đảm bảo sự đồng bộ và hỗ trợ lẫn nhau giữa chiến lược phát triển KTĐ và chiến lược phát triển du lịch của Thành phố là đặc biệt quan trọng. Với vai trò động lực của du lịch đối với KTĐ, và ngược lại, khả năng kéo dài thời gian lưu trú, tăng chi tiêu của du khách nhờ các sản phẩm đêm, hai chiến lược này phải được xây dựng song hành và có tính tương tác cao. Sự đồng bộ này giúp tạo ra "sức mạnh tổng hợp" trong việc quảng bá điểm đến, phát triển sản phẩm, nâng cấp hạ tầng và thu hút đầu tư. Quan điểm quản lý cần nhận thấy và thúc đẩy mối liên kết chặt chẽ này ở cấp chiến lược, tránh tình trạng các hoạt động phát triển diễn ra độc lập, thậm chí cạnh tranh không lành mạnh giữa hai lĩnh vực vốn có mối quan hệ cộng sinh.

Việc xây dựng một Đề án/Chiến lược riêng về phát triển KTĐ cho Hà Nội được xem là một giải pháp chiến lược cụ thể. Đề án/Chiến lược chuyên biệt này sẽ cung cấp một tầm nhìn dài hạn, xác định rõ các trụ cột phát triển, các lĩnh vực ưu tiên (văn hóa, ẩm thực, mua sắm, giải trí...), các khu vực địa lý trọng điểm (phố cổ, Hồ Tây, các khu đô thị mới...), và định hướng các chính sách, giải pháp quản lý, đầu tư, xúc tiến thương mại du lịch phù hợp. Quan điểm xây dựng một chiến lược riêng thể hiện sự công nhận chính thức về vai trò và tiềm năng của KTĐ, tạo cơ sở vững chắc để phân bổ nguồn lực, phân công trách nhiệm và tổ chức triển khai một cách bài bản, có trọng tâm. Đây là khung khổ định hướng thiết yếu để chuyển hóa các quan điểm chung thành hành động cụ thể, đảm bảo công tác quản lý nhà nước có định hướng rõ ràng và hiệu quả trong dài hạn.

Về công tác lập Quy hoạch phát triển KTĐ thời kỳ 2021-2030, thành phố Hà Nội cần đảm bảo việc lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các cụm/khu vực trọng điểm, riêng biệt phát triển KTĐ gắn chặt với quy hoạch phát triển du lịch và các hoạt động dịch vụ, ăn uống, mua sắm; tạo cơ sở để chính quyền các cấp hỗ trợ, triển khai thực hiện khi hội đủ các điều kiện phát triển cho phép.

Phát triển KTĐ đồng nghĩa với phát triển du lịch của thành phố; do đó cần bám sát với quan điểm, mục tiêu và giải pháp đã được Thành ủy xác định tại Nghị

quyết số 12-NQ/TU ngày 18/5/2022 về phát triển du lịch thành phố Thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; thông qua đó tạo sự gắn kết và hỗ trợ Đề án Phát triển kinh tế ban đêm thành phố Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để các cấp, ngành, địa phương đồng loạt triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả.

Các văn bản về quy hoạch phải được chú trọng thực hiện một cách hiệu quả. Việc lập quy hoạch phải là một nhiệm vụ được ưu tiên thực hiện trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội cũng như trong nhiệm vụ kế hoạch hàng năm của ngành, của trung ương và của địa phương. Đối với các địa phương đã có hoạt động KTĐ, đây là thời điểm cần rà soát, đánh giá quá trình phát triển để xây dựng, bổ sung quy hoạch về KTĐ của địa phương. Đối với các địa phương chưa có hoặc KTĐ chưa phát triển, thì cần có quy hoạch để phát triển KTĐ bền vững.

Chú trọng tính đồng bộ trong việc lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch giữa quy hoạch đô thị với các quy hoạch chuyên ngành trên cùng một địa bàn. Cơ quan, tổ chức lập quy hoạch đô thị chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân có liên quan và tổ chức tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan theo đúng quy định của Luật quy hoạch đô thị; chú trọng việc lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan đến quản lý và sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Nghiên cứu quy hoạch và phát triển loại hình, số lượng, tăng tuyến đối với các phương tiện vận tải công cộng, đặc biệt trên một số tuyến giao thông quan trọng kéo dài thời gian hoạt động về đêm nhằm tăng cường kết nối các trung tâm đô thị về đêm, nhất là vào dịp cuối tuần. Đối với các thành phố lớn như Thành phố Hà Nội cần đẩy nhanh tốc độ hoàn thành hệ thống đường sắt nội đô, tàu điện ngầm, đưa vào vận hành để tạo cơ sở hạ tầng giao thông thuận tiện cho hoạt động KTĐ. Tăng thời gian hoạt động của các tuyến chính của hệ thống giao thông công cộng (ngày thường đến 0 giờ, cuối tuần đến 2 giờ sáng hôm sau) để phục vụ người dân và khách du lịch.

Các văn bản với nội dung quy hoạch cần thể hiện thêm các hình thức giải trí mang tính văn hóa, truyền thống bản sắc của địa phương tại những địa điểm công cộng để giới thiệu đến du khách. Đầu tư quy hoạch tốt hệ thống ánh sáng, nhất là các khu vực nổi bật để thu hút khách du lịch. Quy hoạch phát triển hệ thống hỗ trợ khách du lịch, người dân tham gia du lịch nói chung và KTĐ nói riêng như hệ thống nhà vệ sinh công cộng, các điểm hướng dẫn, hỗ trợ xử lý sự cố v.v....

Thí điểm phát triển các khu vực “hạt nhân” của KTĐ được quy hoạch theo vùng kinh tế, đánh giá hiệu quả hoạt động KTĐ và công tác quản lý hoạt động KTĐ ở những nơi đã lựa chọn thí điểm để xây dựng hoàn thiện mô hình hoạt động KTĐ.

Cần xây dựng các tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động KTĐ của các ngành, lĩnh vực thí điểm bao gồm các tiêu chí về tài chính, tiêu chí về xã hội, môi trường nhằm phát triển KTĐ bền vững.

Tăng cường thu thập và chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác nghiên cứu lập quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, đồng thời các dữ liệu phải được cập nhật thường xuyên như: bản đồ, kinh tế - xã hội, dân số - lao động, sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, quản lý phát triển đô thị, sự biến thiên của dân số, giao thông công cộng đô thị, lưu lượng và mật độ xe trên các tuyến đường, lưu lượng từng loại rác thải...

Thực hiện việc công bố, công khai, cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư trong quá trình lập quy hoạch đô thị theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị. Việc công bố, công khai quy hoạch đã được duyệt vừa thể hiện tính dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước vừa là điều kiện để quảng bá, giới thiệu quy hoạch thu hút đầu tư để dân biết, dân làm, dân kiểm tra giám sát thực hiện quy hoạch.

Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cần đảm bảo tính khả thi và hiệu quả. Việc lập kế hoạch cần bám sát chiến lược và quy hoạch đã được phê duyệt, cụ thể hóa các mục tiêu thành các nhiệm vụ, dự án, và nguồn lực cần thiết cho từng giai đoạn ngắn hạn (hàng năm) và trung hạn. Cần ưu tiên lồng ghép các nhiệm vụ phát triển KTĐ vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương. Kế hoạch cần xác định rõ trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai. Đồng thời, cần xây dựng các tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch một cách khách quan, khoa học, đặc biệt đối với các mô hình thí điểm, để kịp thời điều chỉnh và nhân rộng các mô hình KTĐ thành công.

Ngoài ra, cần nghiên cứu, hoàn thiện khung pháp lý về KTĐ theo hướng chuyên biệt và phân cấp quản lý:

Chuyên biệt hóa khung pháp lý: Xây dựng các quy định, hướng dẫn cụ thể hơn về các loại hình kinh tế ưu tiên phát triển ban đêm, khu vực quy hoạch rõ ràng (ví dụ: các tuyến phố được phép kéo dài thời gian hoạt động), thời gian hoạt động, giấy phép hoạt động và tiêu chuẩn kinh doanh riêng biệt cho các chủ thể tham gia KTĐ. Đặc biệt, cần ban hành quy chế đặc thù đối với các loại hình kinh doanh nhạy cảm như quán bar, nhà hàng, cơ sở giải trí và các lĩnh vực vui chơi văn hóa, ca nhạc nhằm phát triển phù hợp với bản sắc văn hóa Thủ đô và tránh vi phạm pháp luật.

Phân cấp quản lý: Thực hiện phân quyền quản lý hoạt động KTĐ mạnh mẽ tới các cấp chính quyền địa phương (UBND cấp xã, phường). Đồng thời, kiến nghị

UBND TP xem xét khả năng bổ nhiệm chức vụ quản lý chủ chốt hoặc thành lập Ban Quản lý KTĐ chuyên trách cấp TP và cấp quận. Chức vụ quản lý này cần được tách biệt hoàn toàn với chức vụ quản lý các hoạt động kinh tế ban ngày, đảm bảo tính chuyên nghiệp và trách nhiệm trong việc điều hành các hoạt động diễn ra từ 18h tối hôm trước đến 6h sáng hôm sau.

Xây dựng cơ chế xử lý và giám sát: Ban hành quy định cụ thể về thời gian hoạt động, địa bàn hoạt động, các mặt hàng được phép kinh doanh và cơ chế xử lý minh bạch để các cơ quan chức năng, chính quyền các cấp quản lý, đồng thời quy định các điều kiện riêng đối với hoạt động kinh doanh về đêm để đảm bảo an ninh, trật tự và giảm thiểu tiếng ồn.

3.3.2 Hoàn thiện tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế đêm

3.3.2.1 Tăng cường hiệu quả bộ máy tổ chức quản lý kinh tế đêm

Để nâng cao hiệu quả QLNN về KTĐ, TP Hà Nội cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiến tạo không gian, hoàn thiện quy hoạch, tối ưu hóa nguồn lực và hiện đại hóa công tác quản lý thông qua sự phân công cụ thể giữa UBND TP và các Sở, ngành.

UBND TP Hà Nội đóng vai trò điều hành chiến lược, chỉ đạo các Sở, ngành nghiên cứu, tham mưu các mô hình chính quyền đô thị phù hợp, đảm bảo phát huy tốt nhất các nguồn lực. UBND TP phê duyệt các quy hoạch quan trọng, đặc biệt là quy hoạch đô thị vệ tinh để giãn dân cư và hình thành các cực tăng trưởng kinh tế mới, trong đó KTĐ là một thành phần thiết yếu.

Các Sở, ngành cần tập trung vào các giải pháp chuyên môn như sau:

- *Kiến tạo Không gian và Hạ tầng Đô thị*

Sở Quy hoạch - Kiến trúc cần đẩy nhanh việc phê duyệt các quy hoạch phân khu còn lại và tăng cường lập quy hoạch chi tiết cho các khu chức năng du lịch, y tế, đại học tập trung làm cơ sở thu hút đầu tư.

Sở Xây dựng chủ trì cải tạo, chỉnh trang đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công trình hai bên đường, và các công trình kiến trúc có giá trị, tập trung vào khu vực nội đô lịch sử để biến cả khu vực thành không gian đi bộ và khai thác kinh tế đô thị hiệu quả. Đồng thời, Sở cần tham mưu cải tạo các dòng sông (Tô Lịch, Nhuệ, Kim Ngưu...) nhằm trả lại giá trị văn hóa và khai thác dịch vụ đa mục đích.

- *Phát triển và quản lý sản phẩm đêm:*

Sở Du lịch chủ trì nghiên cứu, đề xuất các mô hình KTĐ du lịch chuyên biệt (ví dụ: phố ẩm thực đêm, trung tâm mua sắm 24/7) và phát triển các sản phẩm du lịch đêm mới, độc đáo, mang tính cạnh tranh quốc tế, làm nền tảng cho sự tăng trưởng của KTĐ.

Sở Văn hóa Thể thao đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị, góp phần tạo môi trường xã hội thuận lợi cho KTĐ.

- Phát triển giao thông, công nghệ và quản lý tài nguyên

Sở Giao thông vận tải tập trung đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng khung, các trục giao thông liên kết vùng và hệ thống giao thông công cộng theo định hướng TOD. Sở phải tiếp tục nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu ùn tắc và phát triển giao thông xanh, thông minh, đặc biệt lưu ý đến kéo dài thời gian hoạt động của giao thông công cộng về đêm.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng hạ tầng số, Chuyển đổi số theo Quyết định 4098/QĐ-UBND nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN, tạo nền tảng cho KTĐ thông minh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, kiểm soát chặt chẽ quy trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Sở cần hoàn thành việc di dời các cơ sở sản xuất không phù hợp trong nội đô và nghiên cứu chuyển đổi một số cơ sở công nghiệp cũ thành không gian văn hóa, phục vụ KTĐ.

- Tối ưu hóa tài chính và hỗ trợ doanh nghiệp

Sở Tài chính tham mưu công khai, minh bạch thông tin quy hoạch và kêu gọi đầu tư đồng thời tham mưu các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm nâng cao năng lực tài chính - ngân sách cho phát triển thành phố.

Sở Công thương chủ động yêu cầu các đơn vị điện lực thực hiện các giải pháp khôi phục cấp điện trong mọi tình huống, đảm bảo cung cấp điện tin cậy cho các hoạt động sản xuất, sinh hoạt và KTĐ trên địa bàn.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ giúp TP Hà Nội xây dựng một bộ máy quản lý hiệu quả, tạo ra một môi trường đô thị văn minh, sáng tạo, làm nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của KTĐ.

3.3.2.2. Tăng cường hoạt động đầu tư phát triển kinh tế đêm

UBND Thành phố và các cấp chính quyền cần ưu tiên dành nguồn lực đầu tư công để đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư và hoàn thiện các hạng mục hạ tầng thiết yếu tại các khu vực/dự án được quy hoạch phát triển KTĐ, bao gồm hạ tầng giao thông (đường, bãi đỗ xe), điện, nước, môi trường (thu gom/xử lý chất thải, nhà vệ sinh công cộng), và hạ tầng công nghệ thông tin (thông tin liên lạc, wifi công cộng, camera giám sát) tại các khu vực tập trung đông du khách và người dân về đêm; triển khai lắp các trạm phát sóng di động nguy trang. Chính quyền Thành phố cũng cần lập quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình tạo điểm nhấn về đêm tại các quảng trường, công viên trung tâm, cảnh quan hai bên bờ sông Hồng, tăng cường các không gian ngầm,

như tuyến đường ánh sáng nghệ thuật nhằm tạo ra sự khác biệt, sức hấp dẫn để thu hút người dân và du khách, cải tạo công trình công cộng, di tích lịch sử đi kèm giải pháp chiếu sáng. Trước mắt tổ chức một số vị trí phù hợp trên các tuyến đường: Khu phố cổ, Trịnh Công Sơn, khu vực quanh Hồ Hoàn Kiếm, thành cổ Sơn Tây, khu Hoàng Thành Thăng Long; sau đó mở rộng thêm tuyến đường và khu phố đi bộ Ngọc Khánh, khu Bitexco Hoàng Mai, Hồ Hale quận Hai Bà Trưng.

Để huy động nguồn vốn, Thành phố cần tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư toàn bộ hay tham gia đầu tư dưới nhiều hình thức như PPP, thu hút vốn FDI, ODA, vốn trong dân. Khuyến khích doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư hệ thống điện chiếu sáng đặc sắc, mang tính biểu tượng tại các tòa nhà cao tầng; nhà hàng; khu ẩm thực; cửa hàng mua sắm... Hạ tầng các khu biểu diễn văn hóa; nghệ thuật, âm nhạc, show diễn, vũ trường...và các hoạt động đầu tư mang lợi nhuận cho doanh nghiệp. Ưu tiên thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư dự án hạ tầng thương mại để cho thuê địa điểm, kinh doanh các dịch vụ ban đêm. Các cơ quan quản lý cần thực hiện khảo sát nhu cầu nhà đầu tư và cập nhật, công bố danh sách dự án ưu tiên, lồng ghép vào danh mục các dự án thu hút đầu tư trọng điểm. Các ngân hàng cần mở rộng các hoạt động tín dụng, cho doanh nghiệp vay vốn ưu đãi. Cùng với đó, thành phố cần cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính trong cấp phép đầu tư và kinh doanh nhằm cắt giảm thời gian và chi phí.

3.3.2.3 Đổi mới thủ tục hành chính trong công nhận khu, điểm và cấp phép kinh doanh cho các chủ thể tham gia kinh tế đêm

Chính quyền thành phố và các cơ quan liên quan cần đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác quản lý thị trường và tuân thủ các quy định kinh doanh cho các chủ thể tham gia KTĐ. Điều này bao gồm việc đảm bảo quy định về tiêu chuẩn, quy cách, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm được tuân thủ. Sở Công thương và Sở Du lịch cần xây dựng các quy định chi tiết về tiêu chuẩn, quy cách, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm dịch vụ KTĐ, áp dụng công nghệ QR code hoặc Blockchain để đảm bảo chất lượng, tạo niềm tin cho du khách quốc tế cũng như xây dựng quy định, hành lang pháp lý về ngành nghề, lĩnh vực hoạt động tại từng khu vực cụ thể, đảm bảo hoạt động KTĐ đáp ứng yêu cầu pháp luật về văn hóa - nghệ thuật. Đồng thời, cần bảo đảm các di tích lịch sử, công trình công cộng không bị xâm hại bởi các hoạt động KTĐ. Các cơ quan liên quan có thể đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định thí điểm kéo dài thời gian hoạt động của một số cơ sở kinh doanh văn hóa công cộng để tạo cơ sở pháp lý cho phát triển loại hình giải trí về đêm.

Đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phép TP Hà Nội quy định thí điểm kéo dài thời gian hoạt động của một số cơ sở kinh doanh văn hóa công cộng,

đồng thời cấp Giấy phép Kinh doanh Đêm (Night Business License - NBL). Giấy phép này sẽ tích hợp các yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường, an ninh và phòng cháy chữa cháy chỉ trong một thủ tục hành chính, thay vì phải xin nhiều loại giấy phép khác nhau.

Triển khai lắp đặt hệ thống cảm biến đo lường tiếng ồn và chất lượng không khí tại các khu vực KTD trọng điểm (như Tạ Hiện, Hồ Tây) và liên kết dữ liệu trực tiếp với cơ quan quản lý (Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an). Điều này cho phép cơ quan chức năng giám sát và xử lý vi phạm tức thời và khách quan, giảm thiểu sự can thiệp hành chính tốn kém.

3.3.2.4 Tăng cường tuyên truyền, xúc tiến quảng bá các sản phẩm kinh tế đêm

Chủ trọng đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch, thương mại và các hoạt động kinh tế ban đêm song hành cùng hoạt động quảng bá du lịch, để thu hút khách lưu trú, sử dụng các hoạt động ban đêm. Đồng thời, phát triển hệ thống cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch ngày càng hiện đại, tổ hợp các quần thể khách sạn, resort với mua sắm, giải trí, ăn uống, tham quan... để kéo dài thời gian lưu trú đồng thời với đó là gia tăng sử dụng các dịch vụ sản phẩm kinh tế ban đêm. Đẩy mạnh xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch; tích hợp và cung cấp cho khách hàng nhiều tiện ích, thông tin, kích thích nhu cầu du lịch, sử dụng các dịch vụ kinh tế ban đêm.

Xây dựng các chiến dịch truyền thông, quảng bá phát triển KTD với khu phố cổ, quanh Hồ Hoàn Kiếm, các quận trung tâm và một số địa điểm như Sơn Tây và dọc sông Hồng cùng nét thân thiện, mến khách của người dân; đồng thời gắn với hình ảnh “thành phố xanh” “thành phố Hòa Bình”, thương hiệu “Đêm Hà Nội - Hanoi” với đặc trưng là các hoạt động đa dạng năng động, an toàn, văn minh, đồng thời bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng Hà Nội thành điểm đến du lịch, dịch vụ hàng đầu, tầm khu vực, thành phố sự kiện, trung tâm hội nghị quốc tế. Truyền tải thông điệp một cách hiệu quả đến người dân và du khách để định vị hình ảnh du lịch của thành phố. Đối với chủ đề mỗi năm sẽ được xây dựng với các hoạt động chính diễn ra trong năm, ví dụ như “Giải mã Hoàng Thành Thăng Long”, đêm nghệ thuật "Có những con đường" ở phố Trịnh Công Sơn.

Nghiên cứu về thị hiếu, nhu cầu của người dân và khách du lịch để có hình thức quảng bá các sản phẩm phù hợp với từng thị trường một cách hiệu quả thông qua khảo sát tiềm năng phát triển KTD tại một số xã, phường; trên cơ sở đó, lựa chọn, xây dựng sản phẩm du lịch đêm phù hợp với lợi thế và điều kiện thực tiễn tại từng địa bàn. Hà Nội sẽ tập trung vào những tài nguyên mà có thể khai thác ngay được như hoạt động của các di tích, các loại hình nghệ thuật, ẩm thực.

Xây dựng phóng sự, các bài viết quảng bá, video, chuyên mục về KTĐ và các hoạt động, dịch vụ về đêm tại Hà Nội trên các kênh truyền thông, mạng xã hội của thành phố, quốc gia và quốc tế; xây dựng video quảng bá “Khám phá du lịch Hà Nội về đêm” bằng nhiều ngôn ngữ...

Tổ chức các cuộc thi như viết câu slogan, thiết kế biểu tượng về KTĐ tại Hà Nội hoặc khách du lịch chia sẻ trải nghiệm, làm phim về các hoạt động/dịch vụ ban đêm tại Hà Nội. Tổ chức cuộc thi sáng tạo sản phẩm du lịch ban đêm độc đáo, mang thương hiệu “chỉ Hà Nội mới có” để gia tăng tính cạnh tranh, thu hút khách du lịch từ các tỉnh lân cận vào ban đêm.

Lồng ghép nội dung quảng bá kinh tế ban đêm vào các chương trình xúc tiến du lịch, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, ngoại giao của thành phố; chương trình hợp tác liên kết với các địa phương để quảng bá kinh tế ban đêm.

Tận dụng nguồn lực của cộng đồng doanh nghiệp cho các hoạt động quảng bá sản phẩm du lịch Hà Nội trên cơ sở đề nghị các đơn vị kinh doanh lễ hành, lưu trú, khu, điểm du lịch, dẫn viên du lịch tăng cường giới thiệu quảng bá các sản phẩm, dịch vụ ban đêm trong chương trình, hoạt động phục vụ du khách và phát bản đồ các điểm hoạt động kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố.

Tăng cường đầu tư hệ thống công nghệ 4.0 trong sử dụng kết nối cơ sở dữ liệu sâu rộng và cập nhật về các sản phẩm dịch vụ hoạt động vui chơi giải trí ban đêm để tuyên truyền, quảng bá cho du khách dễ tiếp cận.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch, triển khai đề án chuyển đổi số trong du lịch và ngành du lịch. Ứng dụng du lịch thông minh trong quảng bá điểm đến, giới thiệu sản phẩm du lịch và hướng dẫn du lịch trên các thiết bị di động. Phát triển thương hiệu điểm đến du lịch Hà Nội dựa trên thế mạnh về nguồn lực du lịch và các lợi thế khác; tập trung xây dựng thương hiệu điểm đến điển hình của một số địa phương của Thành phố; hình thành hệ thống doanh nghiệp du lịch Hà Nội có thương hiệu mạnh; đảm bảo lợi thế cạnh tranh so với các điểm đến khác trong nước và khu vực.

3.3.3 Tăng cường kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

Trong QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội, việc tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đóng vai trò thiết yếu nhằm duy trì trật tự, kỷ cương và đảm bảo sự phát triển lành mạnh của các hoạt động KTĐ trên địa bàn thành phố. Các cơ quan có thẩm quyền (có chức năng kiểm tra, giám sát), bao gồm cả Thanh tra thành phố Hà Nội và lực lượng thanh tra Công an (dưới sự hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Công an), cần coi trọng và tăng cường công tác kiểm tra trong thực hiện pháp luật về QLNN về KTĐ. Việc này được

thực hiện bằng cách tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện các hành vi và quyết định có vi phạm pháp luật, đồng thời kiến nghị và yêu cầu các đối tượng vi phạm thực hiện khắc phục cũng như xử lý vi phạm theo quy định.

Công an TP Hà Nội giao các đơn vị nghiệp vụ cùng công an các xã phường chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ an ninh trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, trật tự văn minh đô thị, bảo vệ an toàn cho các hoạt động KTĐ trên địa bàn. Xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật tại các địa bàn, khu vực có hoạt động KTĐ.

Thường xuyên tổ chức cao điểm tấn công, truy quét các băng, nhóm tội phạm, đối tượng hình sự trên địa bàn, khu vực có hoạt động KTĐ. Tập trung phát hiện, đấu tranh với các tội phạm hoạt động có tổ chức, "tín dụng đen", bảo kê, tội phạm chống người thi hành công vụ, trộm cướp, phá hoại tài sản; triệt xóa các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, đánh bạc, cá độ, mại dâm bảo đảm môi trường an toàn, lành mạnh tại địa bàn, khu vực có hoạt động KTĐ...

Xây dựng và tuyên truyền bộ quy tắc về các tiêu chí đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng dịch vụ đối với các đơn vị hoạt động KTĐ và cấp chứng nhận đối với các đơn vị đáp ứng đủ các điều kiện, đồng thời hỗ trợ công tác tuyên truyền quảng bá... đối với các đơn vị này.

Thông qua công tác này, các cơ quan kiểm tra cũng kịp thời phát hiện những nguyên nhân dẫn đến vi phạm để kiến nghị hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật. Cần giám sát và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển của các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực được phân công và báo cáo cho UBND thành phố và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Để nâng cao hiệu quả, cần thực hiện nghiêm các quy định về thực hiện kết luận kiểm tra và thường xuyên đôn đốc, rà soát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau kiểm tra.

Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, các cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo (Thanh tra thành phố Hà Nội, UBND các cấp, cơ quan Công An các cấp) cần chủ động nắm bắt tình hình để phát hiện sớm các vấn đề có thể dẫn đến khiếu nại, tố cáo phức tạp. Đồng thời, cần tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật liên quan đến các lĩnh vực QLNN về KTĐ cho người dân bằng nhiều hình thức khác nhau để người dân hiểu và thực hiện tốt quyền của mình.

Thành phố Hà Nội cũng cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và triển khai phần mềm và hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nghiên cứu thành lập bộ phận hoặc trung tâm hỗ trợ du khách (có số hotline riêng) nhằm thực thi các nhiệm vụ hướng dẫn người dân và du khách; kiểm tra, giám sát, giải quyết nhanh các tình huống phát sinh đảm bảo an ninh,

an toàn cho mọi thành phần tham gia các hoạt động KTĐ hướng đến việc nghiên cứu đề xuất mô hình thí điểm thành lập lực lượng cảnh sát du lịch tại thành phố Hà Nội ở giai đoạn phù hợp;

Ngoài ra, cần triển khai kiểm tra công vụ đối với các đơn vị không nghiêm túc chấp hành chỉ đạo của UBND Thành phố trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Công tác này còn bao gồm việc giải quyết các mâu thuẫn có thể nảy sinh giữa các bộ phận dân cư trong cộng đồng địa phương do hoạt động KTĐ, đặc biệt tại các khu vực KTĐ xen lẫn khu dân cư.

Việc hoàn thiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong quản lý nhà nước về KTĐ đòi hỏi sự chủ động, tăng cường năng lực thực thi và ứng dụng công nghệ của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, nhằm kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm, giải quyết mâu thuẫn và đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, an toàn cho các hoạt động về đêm..

3.3.4 Một số giải pháp khác

Các giải pháp này nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tính minh bạch và sự tương tác giữa chính quyền TP Hà Nội, doanh nghiệp và cộng đồng.

a. Nâng cao nhận thức và tư duy quản lý

Tiếp tục nâng cao nhận thức và tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và người dân đối với phát triển KTĐ. Việc này cần được triển khai thông qua các mô hình và hoạt động cụ thể, sáng tạo, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, đảm bảo đội ngũ TP và các xã, phường thực hiện đúng quy định của pháp luật.

b. Hoàn thiện hệ thống thông tin, thống kê địa phương

Hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê các cấp (cấp TP xã, phường) có tính kết nối, liên thông, đặc biệt là quy định, hướng dẫn cụ thể hơn các chỉ tiêu chủ yếu đánh giá kết quả phát triển KTĐ tại Hà Nội. Mục tiêu là xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ, hướng trực tiếp tới phục vụ đánh giá tác động của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến KTĐ và việc ra quyết định quản lý của TP.

c. Tăng cường nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm

Tăng cường năng lực nghiên cứu, đánh giá, dự báo xu hướng phát triển của các mô hình KTĐ ở Việt Nam, mức độ tương tác giữa KTĐ và các mô hình kinh tế mới khác trên địa bàn TP.

Đánh giá một số mô hình, cách thức quản lý, phát triển kinh tế ban đêm tại một số thành phố, quốc gia có quy mô, bản sắc văn hóa tương đồng để nghiên cứu, áp dụng thí điểm triển khai trên địa bàn. Xây dựng “Cẩm nang hướng dẫn về phát triển kinh tế ban đêm” để hướng dẫn doanh nghiệp, hiệp hội và các tổ chức, cá nhân

có liên quan tham gia phát triển kinh tế ban đêm và các mô hình, hoạt động kinh tế mới/hiện đại khác (như kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử,...) để có những giải pháp đủ toàn diện, đồng bộ và lồng ghép các giải pháp này vào Chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của TP Hà Nội.

3.4 Một số kiến nghị

3.4.1 Về hoàn thiện thể chế và cơ chế thí điểm đặc thù

Kiến nghị Chính phủ cần sớm hiện thực hóa các định hướng từ Đề án 1129 bằng việc ban hành Nghị định chuyên biệt về kinh tế đêm nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất, tháo gỡ các vướng mắc trong công tác quy hoạch, quản lý đô thị và điều kiện kinh doanh ngành nghề đặc thù. Đồng thời, Chính phủ cần xem xét cho phép thành phố Hà Nội thực hiện thí điểm cơ chế "đặc khu kinh tế đêm" tại các địa bàn trọng điểm, cho phép kéo dài thời gian hoạt động dịch vụ đến 06 giờ sáng hôm sau thay vì các quy định giới hạn hiện hành. Trên cơ sở kết quả thí điểm, Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan đánh giá hiệu quả và khả năng quản lý rủi ro trước khi ban hành các quy định nhân rộng mô hình này trên toàn quốc.

3.4.2 Về đổi mới quy hoạch và hạ tầng

Kiến nghị Bộ Xây dựng chủ trì rà soát, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về quy hoạch khu vực KTĐ, bao gồm cả khu vực lõi và vùng phụ cận để đảm bảo tính kết nối hạ tầng đồng bộ. Bộ Tài chính cần hướng dẫn việc tích hợp quy hoạch phát triển KTĐ vào trong quy hoạch tổng thể của địa phương và quy hoạch ngành quốc gia. Ngoài ra, các cơ quan này cần phối hợp để ưu tiên thẩm định và hỗ trợ nguồn vốn cho các dự án giao thông công cộng mang tính kết nối liên vùng như xe buýt, xe điện, phục vụ nhu cầu di chuyển xuyên đêm của nhân dân và du khách.

3.4.3 Về chính sách tài khóa và tín dụng ưu đãi

Kiến nghị Bộ Tài chính chính nghiên cứu sửa đổi các quy định pháp luật về thuế theo hướng giảm thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các sản phẩm, dịch vụ phát sinh trong khung giờ từ 18 giờ tối đến 06 giờ sáng hôm sau. Đồng thời, Bộ cần tham mưu Chính phủ cơ chế sử dụng ngân sách Nhà nước làm "vốn môi" để hỗ trợ chi phí chiếu sáng, quảng bá sản phẩm cho cộng đồng cư dân tại các khu vực KTĐ. Đối với Ngân hàng Nhà nước, cần xây dựng cơ chế bù lãi suất và chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai các gói cho vay ưu đãi đối với các cá nhân, tổ chức khởi nghiệp trong lĩnh vực KTĐ.

3.4.4 Về quản lý lao động và ngành nghề đặc thù

Kiến nghị Bộ Nội vụ cần sớm bổ sung các quy định pháp luật điều chỉnh quan hệ lao động đặc thù của hoạt động KTĐ, theo đó thay đổi cách tiếp cận "làm đêm"

hiện hành đối với những người làm ca đêm nhưng nghỉ ngày để đảm bảo quyền lợi và mức hỗ trợ hợp lý cho người lao động. Đối với Bộ Công an, kiến nghị phối hợp xây dựng lộ trình nới lỏng các rào cản gia nhập thị trường đối với những ngành nghề vốn được coi là "nhạy cảm", thực hiện quản lý theo nguyên tắc “được làm những gì luật không cấm” và triển khai thí điểm tại các khu vực có nhu cầu cao dưới sự giám sát chặt chẽ.

3.4.5 Về xúc tiến du lịch và phát triển sản phẩm đêm

Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cụ thể hóa các cơ chế ưu đãi nhằm phát triển đa dạng sản phẩm du lịch đêm, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc hỗ trợ doanh nghiệp lữ hành kết nối và triển khai các tour tuyến ban đêm. Bộ cần phối hợp với các cơ quan Trung ương để gỡ bỏ quy định về giờ đóng cửa khất khe, tạo điều kiện cho các sản phẩm du lịch sáng tạo được vận hành 24/24 giờ. Đồng thời, đẩy mạnh các chiến dịch xúc tiến quảng bá quốc tế dành riêng cho các sản phẩm KTĐ để khẳng định vị thế du lịch Thủ đô trên bản đồ thế giới.

Kiến nghị với Chính phủ về việc thay đổi quy định về giờ giấc, giờ làm việc và giờ đóng cửa các dịch vụ kinh doanh ban đêm, cụ thể là kéo dài thời gian hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ đêm từ 18h tối hôm trước đến 6h sáng hôm sau. Quy định này khuyến khích người dân tham gia cùng với du khách vào các hoạt động ban đêm khuya hơn.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở kết quả phân tích lý luận ở chương 1 và đánh giá thực trạng tại chương 2, nội dung chương 3 đã đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các giải pháp này được xây dựng dựa trên những quan điểm chỉ đạo rõ ràng, bám sát mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô đến năm 2030.

Nội dung cốt lõi của chương là ba nhóm giải pháp trọng tâm, tác động trực tiếp vào việc khắc phục các hạn chế đã được chỉ ra, bao gồm: hoàn thiện công tác xây dựng và ban hành văn bản pháp lý; nâng cao năng lực và hiệu quả tổ chức thực thi chính sách; và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu lực trong thực tiễn, chương cũng đã đưa ra những kiến nghị cụ thể, phân định rõ vai trò, trách nhiệm của Chính phủ và các Sở, ban, ngành liên quan của Thành phố.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và Việt Nam đang chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của KTĐ như một động lực tăng trưởng mới, việc nhận diện, khai thác và quản lý hiệu quả các hoạt động KTĐ trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với các đô thị lớn, trong đó có Thủ đô Hà Nội. Đặc biệt, sau giai đoạn ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, KTĐ được kỳ vọng sẽ đóng góp quan trọng vào quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ. Vấn đề này đã được Thành ủy, UBND thành phố Hà Nội quan tâm thể hiện qua việc ban hành các chủ trương, kế hoạch và triển khai một số mô hình KTĐ bước đầu, thu hút sự quan tâm của xã hội và cộng đồng doanh nghiệp. Kết quả triển khai cho thấy những tín hiệu tích cực, góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tinh thần của người dân, tạo thêm sản phẩm du lịch hấp dẫn và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

Về phía công tác QLNN của chính quyền thành phố Hà Nội về KTĐ, thời gian qua đã đạt được những thành tựu nhất định, góp phần hình thành và duy trì một số hoạt động KTĐ, tạo tiền đề cho sự phát triển của lĩnh vực này. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những hạn chế cần khắc phục: (1) Việc xây dựng và ban hành hệ thống văn bản QLNN của chính quyền thành phố chuyên biệt cho KTĐ còn chưa đầy đủ, đồng bộ; (2) Công tác tổ chức thực hiện các hoạt động QLNN, đặc biệt là sự phối hợp liên ngành (giữa Sở Du lịch, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Sở Giao thông, Cơ quan Công an...) trong quản lý, cấp phép, hỗ trợ phát triển sản phẩm KTĐ còn nhiều vướng mắc, chưa thực sự hiệu quả; (3) Hoạt động đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng (giao thông, chiếu sáng, vệ sinh, an ninh) phục vụ KTĐ chưa theo kịp nhu cầu; (4) Công tác tuyên truyền, quảng bá, xây dựng thương hiệu cho KTĐ Hà Nội còn hạn chế, chưa tạo được dấu ấn mạnh mẽ; (6) Công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong các hoạt động KTĐ (tiếng ồn, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự, giờ giấc hoạt động) còn chưa triệt để, hiệu quả chưa cao, gây ảnh hưởng đến đời sống người dân và môi trường kinh doanh.

Sau quá trình nghiên cứu, luận án đã đạt được các mục tiêu nghiên cứu đề ra. Cụ thể:

Một là, luận án hệ thống các vấn đề lý luận về QLNN đối với KTĐ trên địa bàn tỉnh/thành phố. Trong đó, đã xây dựng được khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, làm rõ các nội dung QLNN về KTĐ (bao gồm: Xây dựng và ban hành văn bản quản lý; tổ chức các hoạt động QLNN về KTĐ (công nhận khu, điểm và cấp phép; đầu tư

phát triển sản phẩm; tuyên truyền quảng bá sản phẩm của KTĐ); Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, môi trường; kiểm tra, xử lý vi phạm). Đồng thời, luận án cũng xác định các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về KTĐ và rút ra bài học từ kinh nghiệm của một số địa phương trong và ngoài nước cho thành phố Hà Nội.

Hai là, luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng công tác QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Số liệu được sử dụng trong quá trình phân tích bao gồm cả số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp có được từ phương pháp phỏng vấn chuyên gia, cán bộ QLNN về KTĐ, và khảo sát thực tế với đối tượng là các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có các hoạt động kinh doanh vào ban đêm. Từ đó, luận án đã chỉ ra được những thành công, những hạn chế tồn tại và lý giải các nguyên nhân của những hạn chế đó trong QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ba là, luận án đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô đến năm 2030, trong đó tập trung vào 03 nhóm giải pháp lớn và các kiến nghị cụ thể đối với Chính phủ và các Sở, ban, ngành của Thành phố.

Tuy nhiên do những hạn chế nhất định về thời gian, phương pháp, trình độ nghiên cứu của NCS nên luận án vẫn còn có những hạn chế nhất định. NCS kính mong nhận được sự chia sẻ và ý kiến đóng góp quý báu, gợi ý chỉnh sửa của quý Thầy Cô, các nhà khoa học, đồng nghiệp, bạn bè để NCS có thể hoàn thiện thêm luận án của mình tốt hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. TIẾNG VIỆT

1. Việt An (2023), Hà Nội sẽ cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, <https://kinhtedothi.vn/ha-noi-se-cap-giay-phep-du-dieu-kien-kinh-doanh-dich-vu-karaoke.html>
2. Vân Anh (2024), Hà Nội: Nghiên cứu, phát triển các mô hình kinh tế đêm, <https://daibieunhandan.vn/ha-noi-nghien-cuu-phat-trien-cac-mo-hinh-kinh-te-dem-10342433.html>
3. Nguyễn Đức Bảo, Trần Đức Hiệp (2021), Kinh nghiệm phát triển kinh tế ban đêm tại một số quốc gia, Tạp chí Tài chính, 748(1).
4. Phạm Minh Chính, Vương Quân Hoàng (2009), Kinh tế Việt Nam: Thăng trầm và đột phá, Nxb Chính trị Quốc gia.
5. Nguyễn Bay (2019). Thu hút đầu tư năm 2019 là tiền đề rất tốt cho 2020 và những năm tiếp theo. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Bình Định.
6. Nguyễn Đức Dũng (2020), Kinh tế đêm & phi chính thức [Night & Informal Economy], Nxb Thế giới
7. Tô Hà (2021). "Thấp sáng" KTĐ, truy cập từ <https://nhandan.com.vn/nhandinh/-thap-sang-kinh-te-ban-dem-630605/>
8. Vũ Văn Hà, Lê Thị Thu Hương, (2023), Giải pháp phát triển KTĐ ở Việt Nam, <https://tapchinganhang.gov.vn/giai-phap-phat-trien-kinh-te-ban-dem-o-viet-nam.htm>
9. Trần Vũ Hải (2022), Hoàn thiện chính sách và pháp luật về KTĐ ở Việt Nam, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ
10. Trần Vũ Hải - Hoàng Quỳnh Hoa. Kinh tế ban đêm và khung pháp lý về kinh tế ban đêm tại Việt Nam hiện nay. Tạp chí Luật học, số 6, 2022, tr. 92 - 105.
11. Đoàn Đình Hậu (2006), “Sắc màu Sài Gòn đêm”, Tạp chí Du lịch TP. Hồ Chí Minh (số 10).
12. Đỗ Hiền Hòa (2015). Phát triển hoạt động du lịch đêm tại thành phố Hồ Chí Minh. Luận văn thạc sĩ du lịch, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- Lưu Thanh Tâm (2020). Phát triển KTĐ tại các thành phố của Việt Nam. Tạp chí công thương.
13. Đức Hùng, Tình hình phát triển " KTĐ" tại châu Âu và cơ hội cho Việt Nam (11.09.2019) <https://bnews.vn/tinh-hinh-phat-trien-kinh-te-ban-dem-tai-chau-au-va-co-hoi-cho-viet-nam/133441.html>

14. Lê Mạnh Hùng (2021), Phát triển KTĐ ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức đặt ra, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo* số 8, tháng 3/2021
15. Song Hy, Chính sách KTĐ của Trung Quốc hoạt động như thế nào? (20.07.2019) <https://vtc.vn/chinh-sach-kinh-te-ban-dem-cua-trung-quoc-hoat-dong-nhu-the-nao-d487960.html>
16. Đăng Khôi (2019), KTĐ - Những con số hấp dẫn và thách thức chờ đợi, <https://baodautu.vn/kinh-te-ban-dem---nhung-con-so-hap-dan-va-thach-thuc-cho-doi-d106874.html>. Truy cập 27/12/2020
17. Bùi Thị Liên (2020). Bài 3: Phát triển KTĐ ở Việt Nam - cần trọng những góc tối, truy cập từ <http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Bai-3-Phat-trien-kinh-te-ban-dem-o-Viet-Nam-can-trong-nhung-goc-toi/409465.vgp>
18. Phạm Đình Long - Nguyễn Huỳnh Mai Trâm. Phát triển mô hình du lịch kinh tế đêm ở An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu*, số 1, 2021, tr. 81 - 89
19. Các Mác – Phăng ghen Toàn tập, tập 23, trang 342, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, 1995
20. CIEM (2019), “Báo cáo đề án kinh tế chia sẻ”, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
21. Hoàng Văn Minh (2019), Đà Nẵng phát triển KTĐ để giữ chân khách du lịch, <https://dulich.laodong.vn/san-pham/da-nang-phat-trien-kinh-te-dem-de-giu-chan-khach-du-lich-763098.html>, Truy cập 25/12/2020
22. Phan Thị Hằng Nga, Nguyễn Thị Cảnh (2023), Factors affecting the development of night-time economy in Mekong Delta provinces, *Tạp chí Nghiên cứu tài chính-Marketing*, số 87.
23. Nguyễn Thị Ngân (2010), Khóa luận Xây dựng sản phẩm du lịch đêm Hà Nội dành cho khách nước ngoài trong dịp đại lễ 100 năm Thăng Long – Hà Nội, ĐH Văn hóa Hà Nội.
24. Nguyễn Phương (2006), “Lời thì thầm đêm phố cổ Hội An”, *Tạp chí Du lịch TP. Hồ Chí Minh*, (số 7).
25. Bùi Nhật Quỳnh, Thân Trọng Thủy (2017). Đánh giá sự phát triển các sản phẩm du lịch đêm tại thành phố Hà Nội. *Tạp chí khoa học, Trường Đại học phạm thành phố Hồ Chí Minh*, số 5, trang 103-11
26. Minh Sơn (2019). KTĐ – Sức hút khó cưỡng với Việt Nam, <https://vnexpress.net/kinh-te-ban-dem-suc-hut-kho-cuong-voi-viet-nam-3959294.html>, xem ngày 7/8/2020.

27. Nguyễn Hồng Sơn (2019) Chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr.3
28. Nguyễn Ngọc Sơn (2022), Phát triển KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước.
29. Lưu Thanh Tâm (2020), Phát triển kinh tế ban đêm tại các thành phố của Việt Nam, truy cập từ <https://tapchicongthuong.com.vn/bai-viet/phat-trien-kinh-te-ban-dem-tai-cac-thanh-pho-cua-viet-nam-68978.htm>.
30. Phương Thảo, “Thấy gì từ những con số “siêu khủng” của KTĐ?” (30.08.2019) <http://vneconomy.vn/thay-gi-tu-nhung-con-so-sieu-khung-cua-kinh-te-ban-dem-20190830120407344.htm>
31. Phương Thảo (2019), KTĐ: Hãy mạnh dạn thay đổi tư duy và tiến bước, <https://enternews.vn/kinh-te-ban-dem-hay-manh-dan-thay-doi-tu-duy-va-tien-buoc-158125.html>, Truy cập 27/12/2020.
32. Trần Quốc Thái (2006), “Thư giãn, giải trí hàng đêm phục vụ du khách quốc tế”, Tạp chí Du lịch TP. Hồ Chí Minh (số 10).
33. Vũ Đức Thanh (2006), “Phố Tây - nửa đêm về sáng”, Tạp chí Du lịch TP. Hồ Chí Minh (số 4).
34. Nguyễn Phú Thịnh, Huỳnh Trường Huy (2014), Đánh giá thực trạng hoạt động của mô hình chợ đêm trên địa bàn quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Tạp chí Khoa học trường ĐH Cần Thơ.
35. Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bưu (2005), Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Lao động – xã hội
36. Quyết định số 495/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/4/2015 về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.
37. Báo cáo kết quả điều tra sự hài lòng của khách du lịch đối với điểm đến Bình Định năm 2018 của Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định.
38. Thủ tướng Chính phủ (2020). Quyết định số 1129/QĐ-TTg, ngày 27/7/2020 phê duyệt Đề án phát triển KTĐ ở Việt Nam
39. Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030.

40. Quyết định số 1511/QĐ-UBND-HC ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt Đề cương Đề án quản lý nhà nước về KTĐ góp phần tạo dựng hình ảnh tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.
41. Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 9/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
42. Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt “Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”.
43. Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 02/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đề cương “Đề án quản lý nhà nước về KTĐ cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.
44. UBND Tỉnh Cà Mau. Đề án phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, ngày 10/5/2022

II. TIẾNG ANH

1. Amador, C. et al. (2011). Tourism, Nightlife and Violence: A Cross Cultural Analysis and Prevention Recommendations. © IREFREA
2. Eldridge, A. (2019). Strangers in the Night: Nightlife Studies and New Urban Tourism. Journal of Policy Research in Tourism, Leisure and Events 11 (3): 422–35. DOI: <https://doi.org/10.1080/19407963.2019.1583666>
3. Andreina Seijas (2018). A guide to managing your night time economy. Sound Diplomacy, London.
4. Các Mác, 1867, Das Kapital. Kritik der politischen Oekonomie, Band I, Verlag von Otto Meisner
5. Comedia (1991). A Study of Economic, Social and Cultural Life in Twelve Town Centres in the UK. Open University Press, Buckingham.
6. Chatterton, P. and Hollands, R. (2001). Changing our "Toon": youth, nightlife and urban change in Newcastle. Newcastle upon Tyne: University of Newcastle upon Tyne.
7. Culture & the Night-Time Economy Supplementary Planning Guidance (SPG) (04.2017) https://www.london.gov.uk/sites/default/files/ntc_spg_2017_a4_public_consultation_report_fa_0.pdf
8. Franco Bianchini, Night Cultures, night economies, Planning Practice and Research, Vol.10, No.2,1995

9. Giancarlo Fedeli (2017). Understanding and measurement of Glasgow's Night Time Economy. <https://www.researchgate.net/publication/>
10. Guo Qin, Lin Meizhen, Meng Jin-hua, Zhao Jun-lei. (2011). The development of urban night tourism based on the nightscape lighting projects-a Case Study of Guangzhou. *Energy Procedia*, 5(2011), 477–481
11. GLA Economics (2018), London at night: An evidence base for a 24-hour city, ISBN 978-1-84781-710-5
12. Hobbs, D., Hadfield, P., Lister, S. and Winlow, S. (2003). *Bouncers: Violence and Governance in the Night-time Economy*. Oxford: Oxford University Press.
13. Hobbs, D., Lister, S., Hadfield, P., Winlow, S. and Hall, S. (2000). Receiving shadows: governance and liminality in the night-time economy. *British Journal of Sociology* 51(4), pp. 701-717.
14. Hobbs, D., O'Brien, K. and Westmarland, L. (2007). Connecting the gendered door: women, violence and doorwork. *The British Journal of Sociology* 58(1), pp. 21-38.
15. Heath, T. (1997). The twenty-four hour city concept - A review of initiatives in British cities. *Journal of Urban Design* 2(2), pp. 193-204.
16. Helms, G., Atkinson, R. and MacLeod, G. (2007). Editorial: Securing the city: urban renaissance, policing and social regulation. *European Urban and Regional Studies* 14(4), pp. 267-276.
17. Hollands, Roberts Chatterton, Paul (2003). Producing Nightlife in the New Urban Entertainment Economy: Corporatization, Branding and Market Segmentation, *International Journal of Urban and Regional Research* 27(2): 361-85.
18. Huyan Fu, Zhenfeng Shao, Peng Fu, Qimin Cheng, 2017, Thy dynamic analysis between Urban Nighttime economy and Urbanization Using the DMSP/OLS Nighttime Light Data in China from 1992 to 2012.
19. Ingenium Research Pty Ltd, 2018, Measuring the Australian Night Time Economy 2016-17
20. James Farrer (2018) *Nightlife and Night-Time Economy in Urban China*
21. James Farrer (2018). "Nightlife and Night-time Economy in Urban China"
22. Jessop, B. (1998). The narrative of enterprise and the enterprise of narrative: place marketing and the entrepreneurial city. *The entrepreneurial city*. Wiley, pp. 77-99.
23. Lili, Zhou Haixiang (2021), "Chinese night-time economy shines with vitality", People's Daily Online, <http://en.people.cn/n3/2021/0910/c90000-9894649-2.html>, Sep 9th 2021

24. London Assembly (2018), Rewrite the night: the future of London's nighttime economy, https://www.london.gov.uk/sites/default/files/rewrite_the_night_final.pdf
25. London at night: An evidence base for a 24-hour city, GLA economics publications (11.2018) <https://www.london.gov.uk/sites/default/files/london-at-night-full-final.pdf>
26. Matthew M. Chew, Research on Chinese Nightlife Cultures and Night-Time Economies, *Chinese Sociology and Anthropology*, vol. 42, no. 2, Winter 2009–10, pp. 3–21.
27. Mayor of London (2020), Developing a night time strategy (Part 1): Guidance on process, published by Greater London Authority, www.london.gov.uk

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA NGHIÊN CỨU SINH

1. Đặng Hoàng Anh (2023), Quản lý nhà nước về kinh tế đêm: Kinh nghiệm quốc tế và bài học rút ra cho thành phố Hà Nội, tạp chí Kinh tế dự báo, số 20, tháng 10/2024, tr 199-203
2. Đặng Hoàng Anh (2024), Quy hoạch phát triển kinh tế du lịch đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội, tạp chí Tài Chính, số kỳ 2 tháng 4/2024, tr182-186
3. Đặng Hoàng Anh (2024), Chính sách phát triển kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội, tạp chí Tài Chính, số kỳ 2 tháng 10/2024, tr 194-198

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN CHUYÊN GIA, LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THAM GIA PHÒNG VẤN

STT	GIỚI TÍNH	HỌC HÀM, HỌC VỊ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
1	Nam	TS	Giảng viên, Trường Đại học Thương mại
2	Nam	TS	Giảng viên, Trường Đại học Thương mại
3	Nam	PGS.TS	Chuyên gia kinh tế độc lập
4	Nam	PGS.TS	Giảng viên, Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
5	Nữ	TS	Giảng viên, Trường Đại học Thương mại
6	Nữ	ThS	Chuyên viên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
7	Nữ	TS	Chuyên viên, Bộ Công Thương
8	Nam	ThS	Giám đốc Công ty Du lịch Tiên Phong (Tiên Phong Travel)
9	Nữ	ThS	Chuyên viên Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch Hà Nội
10	Nam	ThS	Sở Du lịch thành phố Hà Nội (lãnh đạo phòng kế hoạch và phát triển tài nguyên du lịch)

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÂU HỎI PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA, LÃNH ĐẠO
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Ông/ Bà khái quát tình hình phát triển KTĐ những năm gần đây?
2. Ông/Bà hãy cho ý kiến đánh giá về QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội về các nội dung như: Xây dựng các văn bản quản lý về quy hoạch, kế hoạch phát triển KTĐ; Tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về KTĐ; Kiểm tra, xử lý vi phạm?
3. Theo Ông/Bà các nhân tố ảnh nào có thể ảnh hưởng đến QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội?
4. Ông/bà đánh giá QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội đã đạt được những thành công nào? Nguyên nhân của những thành công đó?
5. Hạn chế trong công tác QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Ông/Bà là gì? Nguyên nhân của những hạn chế đó là gì?
6. Ông/Bà vui lòng cho biết quan điểm, mục tiêu phát triển KTĐ đến năm 2030?
7. Để hoàn thiện công tác QLNN về KTĐ, theo Ông/Bà, thành phố Hà Nội cần có những giải pháp nào?
8. Ông/Bà có kiến nghị, đề xuất gì đối với Chính phủ, các bộ, ban, ngành hữu quan để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội?

PHỤ LỤC 3
MẪU PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KINH TẾ
ĐÊM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Đối tượng: Doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội)

Kính chào Anh/Chị!

Tôi là Đặng Hoàng Anh, nghiên cứu sinh của Trường Đại học Thương Mại, hiện nay tôi đang thực hiện đề tài “***Quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội***” với mục đích nhằm nắm bắt thực trạng quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Cấu trúc bảng hỏi: Bảng hỏi được thiết kế gồm 02 phần:

Phần 1: Thông tin chung của người trả lời

Phần 2: Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Cách thức trả lời: Anh/Chị trả lời bằng cách đánh dấu X vào ô thích hợp.

Cam kết bảo mật thông tin: Các thông tin mà Anh/Chị cung cấp sẽ được giữ bí mật tuyệt đối và chỉ sử dụng duy nhất cho mục đích nghiên cứu của đề tài.

Phần 1:

THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên:.....
2. Cơ quan công tác:.....
3. Chức danh:
4. Nhiệm vụ đảm nhiệm:
5. Thâm niên công tác:
6. Trình độ chuyên môn:

Phần 2:
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ ĐÊM
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Anh/Chị vui lòng đánh giá những nhận định được viết dưới dạng câu trần thuật dưới đây và lựa chọn phương án trả lời phù hợp nhất với thực tế ở tỉnh Ninh Bình. Các ý kiến đều có giá trị trong nghiên cứu như nhau và chỉ nhằm mục đích thống kê.

Mức đánh giá có giá trị từ 1 đến 5, trong đó: 1 = Rất không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Trung lập; 4 = Đồng ý; 5 = Rất đồng ý.

Các nội dung như sau:

1. Đánh giá nội dung của quản lý nhà nước về kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1. Xây dựng các văn bản QLNN về KTĐ						
	Các văn bản QLNN về KTĐ của thành phố được xây dựng đầy đủ, kịp thời					
	Các văn bản QLNN về KTĐ phù hợp với mục tiêu chiến lược, quy hoạch và thực tiễn của thành phố					
	Các văn bản QLNN về KTĐ của thành phố có tính khả thi cao					
2. Tổ chức QLNN về KTĐ						
	Tổ chức bộ máy quản lý KTĐ được thiết kế hợp lý, rõ ràng và hiệu quả.					
	Các cơ quan quản lý nhà nước về KTĐ có đủ nguồn nhân lực để thực hiện các nhiệm vụ được giao.					
	Bộ máy quản lý nhà nước về KTĐ có sự phân công, phân cấp rõ ràng và hợp lý giữa các cấp quản lý.					

	Bộ máy quản lý nhà nước về KTĐ có khả năng xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.					
	Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng và huy động vốn được thực hiện một cách đồng bộ và có quy hoạch rõ ràng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của KTĐ.					
	Công nhận khu, điểm và cấp phép kinh doanh rõ ràng giúp QLNN kiểm soát chặt chẽ và tạo thuận lợi cho các chủ thể tham gia KTĐ					
	Hoạt động đầu tư phát triển kinh tế đêm của TP là yếu tố quyết định đến khả năng thu hút vốn tư nhân và mở rộng quy mô của KTĐ					
	Tổ chức tuyên truyền và xúc tiến quảng bá KTĐ một cách bài bản giúp QLNN nâng cao hình ảnh, thương hiệu và khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch đêm của TP.					
3. Kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm						
	Các hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước đã được thực hiện một cách thường xuyên và bao phủ rộng rãi các loại hình kinh doanh KTĐ trên địa bàn.					
	Các khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động KTĐ được giải quyết một cách nhanh chóng và theo đúng quy trình.					
	Các biện pháp xử lý vi phạm hiện hành có đủ sức răn đe đối với các chủ thể tham gia hoạt động KTĐ					

2. Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về KTĐ ở Hà Nội

Mã hoá	Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
Yếu tố thuộc về chính quyền địa phương						
1. Mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương						
	Các chủ trương phát triển KTĐ của Thành phố Hà Nội rõ ràng và dễ hiểu					
	Chủ trương phát triển KTĐ của thành phố phù hợp với nhu cầu và đặc thù của Hà Nội					
	Các chủ trương phát triển KTĐ được công khai, minh bạch và có sự tham gia của các bên liên quan.					
	Các chủ trương phát triển KTĐ có tính khả thi và bền vững.					
2. Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế đêm của Thành phố Hà Nội						
	Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp với các nhiệm vụ quản lý KTĐ.					
	Cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về KTĐ và các vấn đề liên quan.					
	Cán bộ quản lý có khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý KTĐ.					
	Đội ngũ cán bộ quản lý có tinh thần trách nhiệm và cam kết cao trong quản lý KTĐ.					
Yếu tố bên ngoài chính quyền địa phương						
1. Quan điểm, chủ trương của Nhà nước về phát triển kinh tế đêm						
	Các chủ trương phát triển KTĐ từ Đảng và Nhà nước phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương					

	Các văn bản chỉ đạo từ Đảng và Nhà nước về phát triển KTĐ được ban hành một cách rõ ràng và dễ hiểu.					
	Chính quyền địa phương cảm thấy yên tâm và có thể xây dựng kế hoạch dài hạn dựa trên các chủ trương, đường lối từ Trung ương.					
	Các mục tiêu và giải pháp được đề ra từ Trung ương có tính khả thi cao khi triển khai tại địa phương.					
2. Điều kiện tự nhiên						
	Vị trí địa lý của thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung, ưu tiên nguồn lực để phát triển và kiểm soát các khu vực KTĐ					
	Việc KTĐ chủ yếu tập trung khai thác các công trình văn hoá, di tích lịch sử của TP (Văn Miếu, Hoả Lò,...) tạo áp lực lên QLNN trong việc giới hạn công suất và bảo tồn giá trị cốt lõi					
	Cảnh quan sông, hồ là lợi thế để phát triển KTĐ nhưng đồng thời yêu cầu cơ quan QLNN phải ban hành các quy định đặc thù về an toàn mặt nước và kiểm soát ô nhiễm về đêm.					
	Các di tích lịch sử, công trình văn hóa của địa phương có tiềm năng lớn để tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật về đêm, nhưng khiến QLNN phải đối mặt với thách thức lớn trong việc giảm thiểu xung đột tiếng ồn và quản lý giao thông về đêm.					
3. Điều kiện kinh tế						
	Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của TP Hà Nội ảnh hưởng trực tiếp đến khả					

	năng phân bổ ngân sách công cho phát triển hạ tầng và QLNN về KTĐ					
	Mức sống cao của người dân Hà Nội tạo ra nhu cầu đa dạng và phức tạp về dịch vụ KTĐ buộc cơ quan QLNN phải mở rộng phạm vi và loại hình quản lý (không chỉ tập trung vào du lịch)					
	Các chính sách hỗ trợ về thuế và cải cách thủ tục hành chính là công cụ QLNN có tác động mạnh mẽ trong việc khuyến khích doanh nghiệp tham gia và đầu tư vào KTĐ					
4. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế đêm của thành phố Hà Nội						
	Cơ sở hạ tầng giao thông của Hà Nội đáp ứng tốt cho các hoạt động KTĐ.					
	Thành phố có đủ các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho các dịch vụ KTĐ (chiếu sáng, an ninh, cơ sở vật chất công cộng).					
	Các khu vực KTĐ được đầu tư về cơ sở hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ (giao thông, vệ sinh, an ninh).					
	Hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông của thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu phát triển KTĐ.					
5. Luật pháp						
	Các văn bản pháp lý về KTĐ của Hà Nội rõ ràng và dễ áp dụng.					
	Luật pháp hiện hành tạo ra khung pháp lý vững chắc cho việc quản lý KTĐ.					
	Các quy định pháp lý liên quan đến KTĐ được thực thi một cách công bằng và hiệu quả.					

	Luật pháp hiện hành đã thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp vào các hoạt động KTĐ.					
6. Văn hoá - Xã hội						
	Các yếu tố văn hóa – xã hội của Hà Nội có ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển KTĐ.					
	Người dân thành phố Hà Nội có sự chấp nhận và được khuyến khích tham gia các hoạt động KTĐ.					
	Các hoạt động KTĐ của thành phố được xây dựng và tổ chức phù hợp với các giá trị văn hóa truyền thống.					
	Môi trường văn hóa tại các khu vực phát triển KTĐ được duy trì tốt và không ảnh hưởng đến an ninh trật tự.					
7. Khoa học – Công nghệ						
	Các cơ quan quản lý nhà nước đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào các quy trình quản lý KTĐ (ví dụ: cấp phép trực tuyến, cổng thông tin KTĐ) giúp nâng cao hiệu suất và tính minh bạch trong quản lý KTĐ					
	Công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc giúp cơ quan QLNN có thể giám sát và quản lý các hoạt động KTĐ diễn ra ngoài không gian vật lý (thanh toán điện tử, an ninh mạng)					
	Các công nghệ mới (ví dụ: thực tế ảo, thực tế tăng cường, trí tuệ nhân tạo) đã được các doanh nghiệp KTĐ trên địa bàn ứng dụng để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ độc đáo, thu hút khách hàng, điều này đòi hỏi QLNN phải liên tục cập nhật khung pháp lý và tiêu					

	chuẩn kỹ thuật để quản lý các mô hình kinh doanh mới.					
	Chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý và hạ tầng để thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và kinh doanh KTĐ.					
8. Ý thức trách nhiệm của cơ sở kinh doanh và cộng đồng dân cư						
	Các cơ sở kinh doanh có ý thức cao về trách nhiệm xã hội và môi trường khi tham gia vào hoạt động KTĐ làm giảm được gánh nặng kiểm tra và xử phạt các vi phạm.					
	Cộng đồng cư dân Hà Nội có thái độ tích cực đối với các hoạt động KTĐ là yếu tố then chốt giúp QLNN về KTĐ giảm thiểu xung đột, khiếu nại về tiếng ồn, trật tự.					
	Cộng đồng cư dân có sự hiểu biết và hỗ trợ trong việc phát triển KTĐ của thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho QLNN triển khai các chính sách và quy hoạch KTĐ một cách hiệu quả hơn					
	Các cơ sở kinh doanh đóng góp vào việc duy trì an ninh trật tự tại các khu vực phát triển KTĐ giúp QLNN tập trung nguồn lực cho các vấn đề quản lý phức tạp hơn.					

3. Các anh/chị có đề xuất gì để hoàn thiện hơn nữa hoạt động QLNN về KTĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội?

.....

.....

.....

Xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Anh/Chị!